

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1033/QĐ-ĐHTT ngày 08 tháng 09 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)*

<b>Tên chương trình:</b>	Giáo dục Mầm non (Early childhood education)
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Giáo dục Mầm non
<b>Mã số:</b>	<b>52140201</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy

### 1. Yêu cầu về kiến thức

Có kiến thức về nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức khoa học về tự nhiên, xã hội, nhân văn, môi trường và có thể vận dụng vào hoạt động giáo dục ở các trường mầm non, vận dụng vào việc đánh giá, phân tích các tình huống xã hội trong chuyên môn;

Có kiến thức cơ sở về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục Mầm non, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, Ngôn ngữ, Văn học, Tiếng việt, Mỹ thuật, Âm nhạc, Môi trường và con người, Hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non và có thể vận dụng vào triển khai các hoạt động giáo dục trong việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ mầm non;

Có kiến thức về Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non và Giáo dục gia đình; có khả năng vận dụng kiến thức trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non;

### 2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

#### 2.1. Yêu cầu về kiến thức

##### 2.1.1. Kiến thức chung

Nắm được các kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn giáo dục mầm non và hệ thống kiến thức khoa học giáo dục mầm non ở trình độ đại học để thực hiện tốt công tác chuyên môn.

Có kiến thức về phương pháp giáo dục mầm non, có những hiểu biết về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục và sự phát triển của trẻ mầm non.

Hiểu các kiến thức khoa học về giáo dục trẻ mầm non với các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

### **2.1.2. Kiến thức chuyên ngành**

Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; về tổ chức các hoạt động âm nhạc, các hoạt động tạo hình trong trường mầm non, trên cơ sở có kiến thức về kỹ thuật thanh nhạc, kiến thức về các loại hình vẽ, nặn, xé - dán, trang trí, làm đồ dùng đồ chơi. Có kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

Có kiến thức về quản lý lớp học có hiệu quả theo nhóm, lớp; quản lý hồ sơ, sổ sách; sắp xếp bảo quản đồ dùng, đồ chơi.

Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ. Nghiên cứu khoa học các vấn đề thuộc lĩnh vực ngành giáo dục mầm non.

Làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập trong mọi môi trường, hoàn cảnh.

Áp dụng kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, đánh giá về sự phát triển của trẻ theo độ tuổi trong giao tiếp, ứng xử với trẻ và chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non (vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ), trong giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non trên tất cả các lĩnh vực (phát triển ngôn ngữ, làm quen văn học, hình thành biểu tượng toán, phát triển tư duy toán học, giáo dục thể chất, khám phá khoa học về môi trường xung quanh, kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng dạy học, đồ chơi).

Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

Có chứng nhận Kỹ thuật chế biến món ăn.

### **2.1.3. Kiến thức bổ trợ**

Tin học: Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin);

Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.

## **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng cứng**

Biết giao tiếp với trẻ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của trẻ; biết quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ của trẻ.

Biết lập kế hoạch định hướng sự phát triển và thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và phù hợp với điều kiện thực tế.

Biết thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ.

Biết đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; biết quản lý nhóm, lớp; biết phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động.

Có kỹ năng làm việc nhóm; có kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ và cập nhật thông tin về giáo dục mầm non; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, sử dụng tài liệu giáo dục mầm non; có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non và định hướng phát triển cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi và từng cá thể trẻ.

Có kỹ năng tổ chức cuộc sống; nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển thể chất cho trẻ.

Có kỹ năng tổ chức hoạt động nhiều mặt: học tập, vui chơi, sinh hoạt và các hoạt động khác nhằm đảm bảo một cách đồng bộ, hài hoà việc phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và các quan hệ xã hội cho trẻ theo mục tiêu giáo dục của ngành Mầm non.

Có kỹ năng đánh giá hiệu quả chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường Mầm non.

Bước đầu biết lựa chọn, xây dựng đề cương, tiến hành nghiên cứu một đề tài nghiên cứu khoa học Giáo dục Mầm non ở mức độ đơn giản, giải quyết một vấn đề nào đó do thực tiễn Giáo dục Mầm non đặt ra.

### **2.3. Yêu cầu về thái độ**

Biết vận dụng kiến thức thuộc các môn Lý luận chính trị, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, giải thích và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn; hiểu được và ủng hộ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Có phẩm chất nghề nghiệp: Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng, có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ; có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực, nêu gương tốt cho trẻ.

Có thái độ cởi mở, thân thiện với phụ huynh và đồng nghiệp, có ý thức vượt khó, vươn lên trong học tập, công tác, có khả năng thích ứng với môi trường công tác.

Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, quan hệ tốt với cộng đồng, phụ huynh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

### **2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Học xong chương trình này, người học có khả năng: Giảng dạy các hệ cao đẳng mầm non, trung cấp mầm non, các lớp bồi dưỡng giáo viên Mầm non tại các cơ sở đào tạo, hoặc làm cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu giáo dục;

Làm giáo viên ở các trường Mầm non công lập, dân lập, tư thục, các nhóm trẻ gia đình tại các vùng, miền;

Chăm sóc sức khoẻ người già yếu, bệnh tật và trẻ em tại các trung tâm hoặc gia đình; công việc nội trợ trong các gia đình;

Làm việc tại các cơ quan chữ thập đỏ, Bảo vệ bà mẹ trẻ em, các cơ quan nhà nước; tham gia các dự án phát triển vùng (phi chính phủ); công tác thiếu niên nhi đồng của các tổ chức chính trị xã hội.

Làm công tác quản lý ở các trường Mầm non.

### 2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghề nghiệp. Có thể tiếp tục học tập Cao học hoặc nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Giáo dục Mầm non, Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục.

### 3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN		
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	VL	HT		
		R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	SK	NC	
<b>1. Kiến thức Giáo dục đại cương</b>																			
LL2.1.001.2	Những NLCB của CN MLN 1	2	2	2	2	2	2	3	2	3	3				2	2	2	2	
LL2.1.002.3	Những NLCB của CN MLN 2	2	2	2	2	2	2	2		2	2				2	2	2	2	
LL2.1.004.3	ĐLCM của Đảng CSVN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	3	2	
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	3	2	
XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	2	2	2	2	3	2	3	3				2	2	3	2	
TN2.1.404.3	Môi trường và	3	2	3	3	3	2	3	3	2	2				2	2	3	2	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
	con người																	
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	3	2	
TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH giáo dục	2	2	3	2	3	3	3	2	3	3			2	2	3	2	
XH2.1.049.2	Tiếng Việt thực hành 1	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2			2	2	3	2	
TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm	2	3	3	3	3	2	2	2	2				2	2	3	2	
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	3	2	
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	3	2	
XH2.1.050.3	Văn học dân gian Việt Nam 1	3	2	2	3	2	2	3	3					2	2	3	2	
TN2.1.401.2	Sinh lý học trẻ em	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2			2	2	3	2	
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	2	2	2	3	3	3	3	2				2	2	2	2	
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	3	2	
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			3	2	3	2	
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	3	2	
TN2.1.106.2	Toán cơ sở	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2	2	2	2	
TN2.1.107.2	Xác suất thống	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			3	2	3	3	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
	kê B																	
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2				2	2	3	3
<b>2. Giáo dục thể chất</b>																		
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2					3	2	3	2
TC2.1.002.3	Giáo dục TC 2 (Bóng đá 1)	2	2	2	2	2	2	2	2	3					3	2	3	2
TC2.1.003.3	Giáo dục TC 2 (Bóng bàn 1)	2	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	2	2
TC2.1.004.3	GDTC 2 (Bóng chuyền 1)	2	2	2	2	2	2	2	2						3	2	2	2
TC2.1.005.3	GDTC 2 (Cầu lông 1)	2	2	2	2	2	2	2							3	2	3	2
TC2.1.006.3	GDTC 2 (Võ thuật 1)	2	2	2	2	2	3	3	3	3					2	3	3	2
TC2.1.007.3	GDTC 2 (Điện kinh 1)	2	2	2	2	2	2	2	2						3	2	3	2
TC2.1.008.2	GDTC 3 (Bóng đá 2)	2	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	3	3
TC2.1.009.2	GDTC 3 (Bóng bàn 2)	2	2	2	2	2	2	2	3	3					3	2	3	3
TC2.1.010.2	GDTC 3 (Bóng chuyền 2)	2	2	2	2	2	2	2	3	3					3	2	3	3
TC2.1.011.2	GDTC 3 (Cầu lông 2)	2	2	2	2	2	2	2	3	3					3	2	3	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
TC2.1.012.2	GDTC 3 (Võ thuật 2)	2	2	2	2	2	2	2	2	2					2	3	3	2
TC2.1.013.2	GDTC 3 (Điện kinh 2)	2	2	3	2	2	3	2	2	3					3	2	3	2
<b>3. Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>																		
TC2.1.014.3	GDQP – An ninh	2	2	2	2	2	2	2	2	3					2	3	3	3
TC2.1.015.2	GDQP – An ninh	2	2	2	2	2	2	2	2	2					2	3	3	2
TC2.1.016.3	GDQP – An ninh	2	2	2	2	2	2	2	2	3					3	2	3	3
<b>4. Kiến thức cơ sở ngành</b>																		
MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3				2	2	3	3
MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3				2	2	3	3
MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	2	2	2	3	2	3	2	2	2	2				2	3	3	3
MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	3	3	3	2	2	2	3	2	3	2				3	2	3	3
MN2.1.005.3	Vệ sinh trẻ em	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3				3	3	3	3
	Dinh dưỡng trẻ em	2	3	2	3	2	2	3	2	3	3				3	2	3	2
MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3				3	2	3	2
NT2.1.022.2	Múa cơ bản	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3				2	2	3	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
XH2.1.052.2	Văn học trẻ em	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2				3	2	3	3
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	2	3	2		2	2	2	2					3	2	3	3
<b>5. Kiến thức ngành</b>																		
MN2.1.008.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	3	2	3	2	2	2	3	3	3					3	2	3	2
MN2.1.009.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	2	3	3	3	3	3	3	3	3					2	3	3	2
MN2.1.010.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	2	3	3	2	3	2	2	2	2				2	2	3	3
MN2.1.011.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	3	2	2	2	2	2	2						2	2	3	2
MN2.1.012.2	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2				3	2	3	3



Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CĐ Đ R 8	CĐ Đ R 9	CĐ Đ R 10	CĐ Đ R 11	CĐ Đ R 12	CĐ Đ R 13	CĐ Đ R 14	CĐ Đ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
MN2.1.013.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	2	3	3	3	3	3	3	3	3					2	2	3	3
MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	2	2	2	2	2	2	2	3	3					3	2	3	2
TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong GD mầm non	3	2	3	3	2	2	2	2					2	2	3	3	
MN2.1.016.2	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	2	2	2	2	2	2	2					3	2	3	2	
NT2.1.023.2	Phương pháp biên đạo múa	2	2	2	2	2	2	2	2					2	2	3	3	
MN2.1.018.3	Phát triển và tổ chức thực hiện ch.trình GDMN	3	3	3	3	3	3	3	3	3				3	2	3	3	
MN2.1.019.2	Quản lý trong GDMN	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2			3	2	3	2	
MN2.1.020.2	Đánh giá trong GDMN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3		3	3	3	3	
NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Oóc gan	2	2	3	2	3	3	2	2	3	2			3	2	3	3	
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2			3	2	2	3	
NT2.1.009.3	Âm nhạc cơ	2	2	3	2	3	3	2	2	3				3	2	3	3	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
	bản																	
XH2.1.053.2	PP đọc, kể diễn cảm	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				2	2	3	3
MN2.1.021.2	Chương trình GDMN	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2			3	2	3	2
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	3	2	3	3	2	3	2	3	3					2	2	3	3
MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3				3	2	3	3
MN2.1.024.2	Phương pháp hình thành KNKX vận động cho trẻ mầm non	2	2	2	2	2	2	3	3	3					3	2	2	3
MN2.1.025.2	Giao tiếp, ứng xử sự phạm của GVMN	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	3			2	2	3	2
MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ MN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			3	2	3	3
MN2.1.027.2	Đồ chơi trẻ em	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3				3	2	2	2
MN2.1.030.3	Thực tập sự phạm 1	2	2	2	2	3	2	3	3	3					3	2	2	2
MN2.1.031.4	Thực tập sự phạm 2	2	2	2	2	3	2	3	3	3					2	3	2	2
<b>7. Học phần thay thế tốt</b>																		

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kĩ năng						Thái độ		VT	KN	
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17
<b>nghệ</b>																		
MN2.1.028.2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			3	2	3	3
XH2.1.051.2	Tiếng Việt và Văn học	3	2	3	3	2	2	2	3	3	2			2	2	3	3	
MN2.1.029.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp	2	2	2	2	3	3	3	3	3	2			3	2	3	3	

(Ghi chú: 0 – Không đóng góp; 1 – Có đóng góp; 2 – Đóng góp nhiều)

#### 4. Thời gian đào tạo: 4 năm

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 132 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất 07 tín chỉ và Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 8 tín chỉ), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 46 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ, trong đó:
  - + Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ
  - + Kiến thức ngành Mầm non: 40 tín chỉ
  - + Kiến thức bổ trợ: 6 tín chỉ
  - + Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ
  - + Thực tập chuyên ngành: 7 tín chỉ
  - + Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 7 tín chỉ

#### 6. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc, có đủ yêu cầu:

- + Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
- + Đảm bảo sức khỏe để học tập và công tác lâu dài.
- Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (*ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-ĐHTT, ngày 16/06/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào*).

## 8. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (*ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào*);

## 9. Nội dung chương trình

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
<b>9.1. Kiến thức Giáo dục đại cương : 46 tín chỉ</b> ( <i>Chưa kể các học phần GDTC và GDQP</i> )							
<b>9.1.1. Lý luận chính trị</b>		<b>10</b>					
LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản 1	2	21	9		2	
LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản 2	3	31	14		3	
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		2	
LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	31	14		3	
<b>9.1.2. Khoa học xã hội</b>		<b>22</b>					
LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GDĐT	2	25	5		2	

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	25	4		2	
TN2.1.404.3	Môi trường và con người	3	22	11	10	3	
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	30	9		2	
TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH giáo dục	2	17	13		2	
XH2.1.049.2	Tiếng Việt thực hành 1	2	29			2	
TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm	2	30	15		2	
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	30	14		2	
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	30	14		2	
XH2.1.050.3	Văn học dân gian Việt Nam 1	3	40	4		3	
<b>9.1.3 Ngoại ngữ</b>		<b>7</b>					
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	30	12		3	
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	12	16		2	
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	15	13		2	
<b>9.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>		<b>7</b>					
TN2.1.106.2	Toán cơ sở	3	29	16		3	
TN2.1.107.2	Xác suất thống kê B	2	18	12		2	
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		2	
<b>9.1.5. Giáo dục thể chất</b>		<b>7</b>					
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	2		27	2	
	Giáo dục thể chất 2	3*					
TC2.1.002.3	Bóng đá 1	3*	4		41		
TC2.1.003.3	Bóng bàn 1	3*	4		41		
TC2.1.004.3	Bóng chày 1	3*	4		41		

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
TC2.1.005.3	Cầu lông 1	3*	3		42		
TC2.1.006.3	Võ thuật 1	3*	2		43		
TC2.1.007.3	Điền kinh 1	3*	4		41		
	Giáo dục thể chất 3	2*					
TC2.1.008.2	Bóng đá 2	2*	2		28		
TC2.1.009.2	Bóng bàn 2	2*	2		28		
TC2.1.010.2	Bóng chày 2	2*			30		
TC2.1.011.2	Cầu lông 2	2*	2		28		
TC2.1.012.2	Võ thuật 2	2*	2		28		
TC2.1.013.2	Điền kinh 2	2*	2		28		
<b>9.1.6. Giáo dục quốc phòng - An ninh</b>							
	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	90		30	8	
TC2.1.014.3	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45				
TC2.1.015.2	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	30				
TC2.1.016.3	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45				
<b>9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ</b>							
<b>9.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>20</b>					
MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	2	30	6		2	
MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	2	30	6		2	
MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	3	43	2		3	
MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	2	24	6		2	

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
MN2.1.005.3	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	3	39	6		3	
MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	6		2	
NT2.1.022.2	Múa cơ bản	2	2		28	2	
XH2.1.052.2	Văn học trẻ em	2	29			2	
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	29			2	
<b>9.2.2. Kiến thức ngành</b>							
<b><i>a. Kiến thức bắt buộc: 40</i></b>							
MN2.1.008.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	3	45		9	3	
MN2.1.009.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	3	45		15	3	
MN2.1.010.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	38		7	3	
MN2.1.011.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	38		7	3	
MN2.1.012.2	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	2	24		6	2	
MN2.1.013.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	3	27		17	3	
MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	2	30		8	2	
TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong GD mầm non	2	12		18	2	
MN2.1.016.2	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	30		5	2	

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
NT2.1.023.2	Phương pháp biên đạo múa	2	15		15	2	
MN2.1.018.3	Phát triển và tổ chức thực hiện ch.trình GDMN	3	20	25		3	
MN2.1.019.2	Quản lý trong GDMN	2	30	8		2	
MN2.1.020.2	Đánh giá trong GDMN	2	19	10		2	
NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Oóc gan	2	4		26	2	
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	3	17		28	3	
NT2.1.009.3	Âm nhạc cơ bản	3	24	21		3	
<b><i>b. Kiến thức tự chọn</i></b>		<b>6</b>					
XH2.1.053.2	PP đọc, kể diễn cảm	2*	15	15			2*
MN2.1.021.2	Chương trình GDMN	2*	30	6			2*
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	2*	30	15			2*
MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2*	30	9			2*
MN2.1.024.2	Phương pháp hình thành KNKX vận động cho trẻ mầm non	2*	30	7			2*
<b><i>c. Kiến thức bổ trợ:</i></b>		<b>6</b>					
MN2.1.025.2	Giao tiếp, ứng xử sự phạm của GVMN	2	30	7		2	
MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ MN	2	25		5	2	
MN2.1.027.2	Đồ chơi trẻ em	2	12		18	2	
<b>9.2.4. Thực hành, thực tập sự phạm</b>		<b>7</b>					
MN2.1.030..3	Thực tập 1	3	10		35	3	



Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
			LT	BT	TH	BB	TC
MN2.1.031.4	Thực tập 2	4	12		48	4	
<b>9.3. Khóa luận tốt nghiệp (Hoặc học phần thay thế): 7 Tín chỉ</b>							
<b>Học và thi các học phần thay thế</b>							
MN2.1.028.2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	2	28	2			2
XH2.1.051.2	Tiếng Việt và Văn học	2	14	15			3
MN2.1.029.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp	3	45	10			3
<b>Tổng:</b>		<b>132</b>					

### 10. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Điều kiện		Số tín chỉ	Học kỳ									
			Tiên quyết	Song hành		1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1			2	2									
		Giáo dục thể chất 2			3*										
2	TC2.1.002.3	Bóng đá 1			3*		3*								
3	TC2.1.003.3	Bóng bàn 1			3*		3*								
4	TC2.1.004.3	Bóng chuyền 1			3*		3*								
5	TC2.1.005.3	Cầu lông 1			3*		3*								
6	TC2.1.006.3	Võ thuật 1			3*		3*								
7	TC2.1.007.3	Điền kinh 1			3*		3								

							*							
Giáo dục thể chất 3					2*									
8	TC2.1.008.2	Bóng đá 2			2*			2*						
9	TC2.1.009.2	Bóng bàn 2			2*			2*						
10	TC2.1.010.2	Bóng chuyền 2			2*			2*						
11	TC2.1.011.2	Cầu lông 2			2*			2*						
12	TC2.1.012.2	Võ thuật 2			2*			2*						
13	TC2.1.013.2	Điền kinh 2			2*			2*						
Giáo dục quốc phòng - An ninh					8*									
14	TC2.1.014.3	GDQP – AN			3									
15	TC2.1.015.2	GDQP – AN			2									
16	TC2.1.016.3	GDQP – AN			3									
17	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lê Nin 1			2	2								
18	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2	2								
19	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	TL2.1.001.2		2	2								
20	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	3								
21	TN2.1.106.2	Toán học cơ sở			3	3								
22	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em			2	2								

23	NT2.1.009.2	Âm nhạc cơ bản			3	3								
24	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản...2	LL2.1.001.2		3		3							
25	TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm			2		2							
26	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		2		2							
27	MN2.1.001.2	Tâm lý học trẻ em 1	TL2.1.001.2		2		2							
28	MN2.1.003.3	Giáo dục học mầm non 1	TL2.1.004.2		3		3							
29	NT2.1.022.2	Múa cơ bản			2		2							
30	NT2.1.010.2	Đàn phím điện tử - Oóc gan	NT2.1.009.2		2		2							
31	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3		2		2							
32	XH2.1.002.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam			2		2							
33	XH2.1.050.3	Văn học dân gian Việt Nam 1			3		3							
34	NN2.1.003.2	Tiếng Anh cơ bản 3	NN2.1.002.2		2		2							
35	TN2.1.404.3	Môi trường và con người			3		3							
36	MN2.1.002.2	Tâm lý học trẻ em 2	TL2.1.001.2 MN2.1.001.2		2		2							
37	MN2.1.004.2	Giáo dục học mầm non 2	TL2.1.004.2		2		2							

			MN2.1.003.3										
38	LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CSVN	LL2.1.003.2		3				3				
39	TN2.1.501.2	Tin học đại cương			2				2				
40	TN2.1.107.2	Xác suất thống kê B			2				2				
41	MN2.1.009.3	Lý luận và Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em	TN2.1.106.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3				3				
42	MN2.1.010.3	Lý luận và Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.	XH2.1.002.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3				3				
43	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản			3				3				
44	XH2.1.049.2	Tiếng Việt thực hành 1			2				2				

45	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương			2					2			
46	MN2.1.006.2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	TN2.1.403.2		2					2			
47	MN2.1.008.3	Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	TC2.1.001.1 TC2.1.001.2 TC2.1.001.3 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3					3			
48	MN2.1.011.3	Lý luận và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	XH2.1.043.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		3					3			
49	MN2.1.013.3	Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	NT2.1.009.2 MN2.1.001.2		3					3			

		cho trẻ em	MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2										
50	XH2.1.052.2	Văn học trẻ em			2					2			
51	LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD			2					2			
52	TL2.1.005.2	Phương pháp NCKH GDĐT			2					2			
53	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	TL2.1.001.2 TL2.1.004.2		2					2			
54	MN2.1.012.2	Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em.	NT2.1.011.3 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		2					2			
55	MN2.1.016.2	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	XH2.1.042.2 MN2.1.001.2 MN2.1.002.2 MN2.1.		2					2			

			003.3 MN2.1. 004.2										
56	NT2.1.023.2	Phương pháp biên đạo múa	NT2.1.022.2		2						2		
57	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	MN2.1.009.3		2*						2		
58	MN2.1.030.3	Thực tập 1	MN2.1.009.3 MN2.1.010.3 MN2.1.008.3 MN2.1.011.3 MN2.1.013.3 MN2.1.012.2 MN2.1.016.2		3						3		
59	MN2.1.005.3	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	TN2.1.403.2		3							3	
60	TN2.1.504.2	ƯDCNTT trong Giáo dục mầm non	TN2.1.501.2		2							2	
61	MN2.1.018.3	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	MN2.1.003.3 MN2.1.		3							3	

			004.2											
62	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học			2*								2	
63	MN2.1.024.2	Phương pháp hình thành KNKX vận động cho trẻ mầm non	MN2.1.008.3		2*								2	
64	MN2.1.025.2	Giao tiếp, ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	TL2.1.003.2 MN2.1.001.3 MN2.1.002.2		2								2	
65	MN2.1.027.2	Đồ chơi trẻ em	NT2.1.011.3 MN2.1.012.2		2								2	
66	MN2.1.019.2	Quản lý trong GDMN	MN2.1.003.3 MN2.1.004.2		2								2	
67	MN2.1.020.2	Đánh giá trong GDMN	MN2.1.001.2 MN2.1.002.2		2								2	
68	MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	TN2.1.404.3		2								2	
69	MN2.1.031.4	Thực tập 2	MN2.1.009.3 MN2.1.		4								4	



			010.3 MN2.1. 008.3 MN2.1. 011.3 MN2.1. 013.3 MN2.1. 012.2 MN2.1. 016.2										
<b>Khóa luận tốt nghiệp (HP thay thế)</b>													
70	MN2.1.02 8.2	GD hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non	MN2.1. 003.3 MN2.1. 004.2		2								2
71	XH2.1.051 .2	Tiếng Việt và Văn học	XH2.1. 043.2 XH2.1. 044.2		2								2
72	MN2.1.02 9.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp	MN2.1. 003.3 MN2.1. 004.2 MN2.1. 018.3		3								3
<b>Tổng</b>					<b>132</b>	17	16	16	16	17	17	16	17

## 11. Mô tả văn tắt học phần

### 11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin 1.

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu nội dung cơ bản trong hệ thống lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề: Thế giới quan và phương pháp luận; học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội.

*(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*

### **11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2. 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1.

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

*(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*

### **11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2.

Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin.

*(Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành)*

### **11.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

*(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*

### **11.5. Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành giáo dục. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên có nhận thức tổng quát về quản lý hành chính Nhà nước, quản lý ngành Giáo dục và đào tạo để khi trở thành công chức có thể hoàn

thành tốt nhiệm vụ, chức trách của người cán bộ ngành giáo dục và đào tạo. Học phần giúp cho việc xét và tuyển dụng của ngành Giáo dục.

#### **11.6. Cơ sở văn hoá Việt Nam.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa, không gian văn hóa Việt Nam, các loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc; vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó, sinh viên có một cái nhìn tổng quát và thái độ đúng đắn về tiến trình văn hóa Việt Nam, vị trí quan trọng của văn hóa trong cuộc sống hiện tại, biết các sử dụng hữu hiệu kiến thức văn hóa đã học hỗ trợ việc tìm hiểu các môn học có liên quan như: Tiếng Việt, Văn hoá, Lịch sử, Hán Nôm...

#### **11.7. Môi trường và con người.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu về các nguyên lý cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường, Dân số và sự phát triển dân số, Nhu cầu và các hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người. Khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường. Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường

#### **11.8. Pháp luật đại cương.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên không chuyên luật có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; những khái niệm chung, khái quát về nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật Việt Nam; đồng thời biết được một số nội dung pháp luật cụ thể làm nền tảng cho việc học, việc thực hiện pháp luật.

#### **11.9. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.**

**2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục: quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, logic tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục; đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục

#### **11.10. Tiếng Việt thực hành 1**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu và rèn cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kể

chuyên, xây dựng các văn bản nói.

### **11.11. Giao tiếp sư phạm.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản: khái niệm, mục đích, nội dung, nguyên tắc, phong cách, phương tiện... giao tiếp sư phạm; phát triển ở người học các kỹ năng giao tiếp sư phạm.

### **11.12. Tâm lý học đại cương.**

**2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học : tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các hoạt động tâm lý cơ bản

### **11.13. Giáo dục học đại cương.**

**2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về giáo dục học đại cương, bao gồm: các khái niệm, các phạm trù, phương pháp của giáo dục học; mục đích, mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân.

### **11.14. Văn học dân gian Việt Nam.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về văn học dân gian: đặc trưng của văn học dân gian, các thể loại truyện cổ dân gian (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn), văn vần dân gian (câu đố, ca dao, đồng dao, hát ru).

### **11.15 Tiếng Anh 1.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

### **11.16. Tiếng Anh 2.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng anh 1

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA*; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

**11.17. Tiếng Anh 3.****2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng anh 2

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Rèn luyện cách phát âm chính xác theo IPA; tích lũy khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

**11.18. Toán cơ sở.****3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic mệnh đề, số tự nhiên và các khái niệm về hình học để sinh viên có thể vận dụng vào quá trình học tập và dạy học ở bậc học Mầm non.

**11.19. Xác suất thống kê B****2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Xác suất: Hoán vị, tổ hợp; định nghĩa xác suất cổ điển; dãy phép thử; đại lượng ngẫu nhiên; hàm phân bố; các số đặc trưng. Thống kê: lý thuyết mẫu; ước lượng; bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; hồi quy và tương quan.

**11.20. Tin học đại cương****2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

**11.21. Giáo dục thể chất.****3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về GDTC như: Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc phát triển các tố chất thể lực và nắm được một số kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông và bóng chuyền; thông qua môn học, sinh viên nắm được một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Từ đó học sinh nâng cao ý thức rèn luyện sức khoẻ nâng cao phẩm chất đạo đức và tính kỷ luật.

**11.22 Tâm lý học trẻ em 1.****2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non từ 0-3 tuổi

### **11.23. Tâm lý học trẻ em 2 .**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương; Tâm lý học trẻ em 1.

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo từ 3 - 6 tuổi

### **11.24. Giáo dục học mầm non 1.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về giáo dục mầm non như: xu hướng giáo dục mầm non hiện nay; các nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục mầm non; nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục mầm non.

### **11.25. Giáo dục học mầm non 2.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non 1.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề: chế độ sinh hoạt hàng ngày; hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi; hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo; hoạt động học tập; ngày hội, ngày lễ và công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

### **11.26. Vệ sinh và Dinh dưỡng trẻ em.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em

Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản vệ sinh và dinh dưỡng cho trẻ em như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em; vệ sinh học và việc tổ chức vệ sinh, giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non. Các nhóm lương thực, thực phẩm. Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo và một số bệnh thường gặp ở trẻ em do dinh dưỡng không hợp lý. Cung cấp một số kiến thức về việc ăn uống trong điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non.

### **11.27. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về việc phòng bệnh cho trẻ mầm non gồm: các bệnh, tật và các tai nạn thường gặp ở trẻ em. Cách sử dụng thuốc cho trẻ và việc giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

### **11.28. Múa cơ bản.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- a) Khái quát chung về nghệ thuật múa.
- b) Hệ thống các động tác múa cơ bản.
- c) Ứng dụng các động tác cơ bản để thực hành dàn dựng bài múa.

**11.29. Văn học trẻ em.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Hệ thống hóa kiến thức về văn học trẻ em Việt Nam và thế giới; giới thiệu những tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

**11.30. Sinh lý học trẻ em.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh trưởng và phát triển, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, hệ vận động, các tuyến nội tiết, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, hệ bài tiết, quá trình trao đổi chất, hoạt động hệ thần kinh cấp cao và đặc điểm phát triển cơ thể của trẻ mầm non.

**11.31. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục thể chất; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về lý luận giáo dục thể chất. Nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức, các phương tiện trong công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

**11.32. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em:**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần: Toán cơ sở; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Lí luận của PP hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non. Nội dung và phương pháp hình thành những biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non. Các thiết bị dạy học và lập kế hoạch việc hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

**11.33. Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen MTXQ. 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản về những vấn đề lý luận chung của bộ môn. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, các hình thức, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ mầm non.

### **11.34. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho TE. 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Việt thực hành; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non; việc dạy trẻ nhận biết – tập nói trong ba năm đầu và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo. Chuẩn bị tiền đọc – viết cho trẻ mẫu giáo và lập kế hoạch quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN.

### **11.35. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho TE 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình. Phương pháp, hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non theo các thể loại. Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

### **11.36. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho TE 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2

Học phần cung cấp cho sinh viên một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non và phương pháp dạy học. Những vấn đề về đổi mới hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non.

### **11.37. Giáo dục hòa nhập. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Những vấn đề chung của giáo dục hòa nhập: khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập; giáo dục hòa nhập trên thế giới và Việt Nam. Các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập; nguyên tắc giáo dục hòa nhập; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

### **11.38. Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tin học đại cương;

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phần mềm đồ họa Paint, mạng Internet, PowerPoint. Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các phần mềm đã học và mạng Internet để soạn giáo án điện tử trong dạy học cho trẻ ở trường mầm non theo các chủ đề.

### **11.39. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: : Học xong học phần Văn học dân gian; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2 .



Học phần trình bày những vấn đề chung về việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ; giới thiệu chương trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và đề cập tới các thể loại bài cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

#### **11.40. Phương pháp biên đạo múa.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Múa cơ bản.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

- a) Nghệ thuật múa biên đạo
- b) Phương pháp biên dạy múa cho trẻ
- c) Biên soạn một số bài múa dạy trẻ

#### **11.41. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN. 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Chương trình giáo dục mầm non

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Cách xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục ở trường mầm non.

#### **11.42. Quản lý trong giáo dục mầm non.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần đề cập đến một số vấn đề cơ bản liên quan đến những vấn đề chung về quản lý giáo dục mầm non: hệ thống các nguyên tắc, các phương pháp quản lý giáo dục mầm non; nội dung công tác quản lý trường mầm non và các biện pháp chỉ đạo của người hiệu trưởng trường mầm non; công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.

#### **11.43. Đánh giá trong giáo dục mầm non.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá. Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

#### **11.44. Đàn phím điện tử - Oóc gan.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Gồm các kiến thức cơ bản về đàn Organ, kỹ thuật chạy gam, chuyển hợp âm, kỹ thuật luyện ngón, phương pháp luyện tập và bài tập ứng dụng ở giọng Đô trưởng, La thứ.

**11.45. Mỹ thuật cơ bản.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về Luật xa gần, hình hoạ, màu sắc, bố cục, tỉ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh hoạ, kẻ chữ, tranh xé- cắt- dán, nặn, trang trí trường lớp mầm non.

**11.46. Âm nhạc cơ bản.**

**3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Bao gồm những kiến thức: Nhạc lí cơ bản: âm thanh- cao độ, độ dài và tiết tấu, cung, quãng, hợp âm, điệu thức- gam - giọng, dịch giọng. Kí - xướng âm: tập đọc giọng trưởng (dur), tập đọc giọng thứ (moll) .

**11.47. Phương pháp đọc kể diễn cảm.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giới thiệu, hướng dẫn và rèn luyện phương pháp đọc, kể các thể loại văn học (thơ, truyện, kịch...) cho sinh viên.

**11.48. Chương trình giáo dục mầm non.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 2

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về những vấn đề chung của chương trình giáo dục mầm non. Những nội dung cơ bản của chương trình giáo dục trẻ nhà trẻ 0-3 tuổi và trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi.

**11.49. Tâm bệnh học.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về tâm bệnh học, bao gồm: khái niệm, đối tượng của tâm bệnh học, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em, lịch sử hình thành, cách phân loại bệnh, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lí của trẻ em; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non; Cách phòng ngừa rối loạn tâm lí và cách can thiệp rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

**11.50. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.**

**2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian, phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian, tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.

**11.51 Phương pháp hình thành kỹ năng – kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em.

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Quá trình hình thành và phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

**11.52. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giao tiếp sư phạm; Tâm lý trẻ em 1; Tâm lý trẻ em 2.

Học phần đề cập đến những khái niệm chung về ứng xử và giao tiếp. Quá trình xã hội hóa và những đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ em. Vấn đề ứng xử và giao tiếp giữa cô giáo mầm non với trẻ.

**11.53. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Môi trường và con người

Học phần đề cập đến những vấn đề chung về môi trường và giáo dục môi trường. Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

**11.54. Đồ chơi trẻ em 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mỹ thuật cơ bản; Lý luận và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em.

Hướng dẫn sinh viên thiết kế, tạo dáng và thực hành làm một số đồ chơi có chủ đề gần gũi quen thuộc ở trường mầm non.

**11.55. Thực tập sư phạm 7 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần phương pháp bắt buộc.

Tham gia các hoạt động rèn luyện các kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lí và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp Mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lí và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

**11.56. Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế) 7 tín chỉ**

Sinh viên đạt điểm học tập theo quy định của nhà trường sẽ được làm khoá luận tốt nghiệp. Những sinh viên không đủ điểm làm khoá luận sẽ phải học 3 học phần, đó là:

**11.57. Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ Mầm non. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục mầm non 2.

Học phần đề cập đến một số vấn đề cơ bản về hành vi văn hoá của trẻ mầm non, quá trình giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non, giáo dục và đánh giá hành vi văn hoá cho trẻ mầm non.

**11.58. Tiếng Việt và Văn học. 2 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng Việt thực hành 1; Văn học trẻ em

Hệ thống hóa kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản, phong cách Tiếng Việt; kiến thức văn học Việt Nam các thời kì.

**11.59. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp . 3 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về giáo dục tích hợp và sự cần thiết phải giáo dục tích hợp. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non và sự cần thiết phải giáo dục tích hợp ở bậc học này. Việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.

**12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Mầm non được thiết kế theo hình thức tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và tuân thủ theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng trong nước hiện đang đào tạo ngành Mầm non.

- Chương trình đào tạo sẽ được đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần. Có thể tổ chức học tập thêm trong kì nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá 30 tiết/tuần, được chia thành các phần: Lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/tuần.

+ Mỗi tiết học là 50 phút

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Bá Đức**



+ Bắt buộc

+ Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 21 giờ

+ Thảo luận trên lớp: 9 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Lý luận chính trị.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin: Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; những nội dung cơ bản của lí luận nhận thức duy vật biện chứng; những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.

Vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Học phần Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và một số học phần thuộc kiến thức chuyên ngành khác.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Tóm tắt được sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin. Hiểu được Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành
CDR 2	So sánh được Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và lấy ví dụ về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Chứng minh được Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật
CDR 3	Tóm tắt được các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật. Lấy được ví dụ minh họa về các nguyên lý, quy luật và các cặp phạm trù của phép Biện chứng duy vật. Vận dụng những phương pháp luận khoa học của phép biện chứng duy vật trong hoạt động thực tiễn. Hiểu được con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

CDR 4	Hiểu được vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lấy được ví dụ về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Chứng minh được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu được vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp và quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 5	Có khả năng bảo vệ tính khoa học, tính đúng đắn của Chủ nghĩa Mác - Lênin.
CDR 6	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá một vấn đề mang tính quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong nhận thức chủ nghĩa Mác-Lênin; thực hiện tốt đường lối của Đảng, và chính sách, pháp luật của Nhà nước
CDR 9	Tăng cường bản lĩnh chính trị, xây dựng niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn
CDR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9	CDR 10
1. Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin	1				1	1	1	1	1	1
	Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên	2				1	1	1	1	1	1



	lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin”										
2. Chương I. Chủ nghĩa duy vật Biện chứng	Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng		2			1	2	1	1	1	1
	Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức		2			2	2	1	2	2	2
3. Chương II. Phép Biện chứng duy vật	Phép biện chứng duy vật			2		2	2	2	2	1	2
	Các nguyên lý cơ bản của Phép biện chứng duy vật			2		2	1	2	2	2	2
	Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật			2		1	1	1	2	2	1
	Các quy luật cơ bản của PBCDV			2		2	2	2	2	2	2
	Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			2		1	2	2	2	1	2
4. Chương III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất				2	2	2	1	2	2	1
	Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng				2	2	1	2	1	1	2
	Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội				2	2	2	2	2	2	2
	Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội				2	2	1	1	2	2	1

	đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp										
	Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân				1	2	1	1	2	1	1
	Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội				1	1	2	1	1	1	1
	Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân				2	1	2	1	2	1	2
Ghi chú:	0 - Không đóng góp	1 - Có đóng góp			2 - Đóng góp nhiều						

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 là phần Triết học Mác-Lênin. Cụ thể:

- Nhập môn những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Phép biện chứng duy vật
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử

## 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý</b>	<b>2</b>	* <i>Đọc:</i> Đề cương		

	<b>cơ bản của CN Mác-Lênin</b>		môn học. * Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn.		
<b>Lý thuyết</b>	<p>I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành</p> <p>2. Khái lược sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin”</p> <p>1. Đối tượng và mục đích của việc học tập, nghiên cứu</p> <p>2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu</p>		<p>- Đọc học liệu số [1] Chương mở đầu</p> <p>- Tham khảo liệu số [2] Chương IV và Học liệu số [6]</p>	Trên lớp	
<b>Tự học, tự nghiên cứu</b>	<p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>	<b>4</b>	<p>Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.</p>	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b>	<b>6</b>			
<b>Lý thuyết</b>	<p>I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</p>	4	<p>- Đọc học liệu [1] Chương 1</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương V</p>	Trên lớp	

	<p>II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>1. Phạm trù vật chất</p> <p>2. Phạm trù ý thức</p> <p>3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>a. Vai trò của vật chất đối với ý thức</p> <p>b. Vai trò của ý thức đối với vật chất</p> <p>c. Ý nghĩa phương pháp luận</p>		- Tham khảo học liệu [3] [4],[5];[6]		
<b>Thảo luận</b>	Giảng viên tự chọn chủ đề	<b>2</b>	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
<b>Tự học, tự nghiên cứu</b>	<p>I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</p> <p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>	<b>12</b>	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương II: Phép biện chứng duy vật</b>	<b>7</b>			
<b>Lý thuyết</b>	I. Phép biện chứng duy vật	<b>4</b>	- Đọc học liệu [1]	Trên lớp	

	<p>1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</p> <p>II. Các nguyên lý cơ bản của Phép biện chứng duy vật</p> <p>1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>2. Nguyên lý về sự phát triển</p> <p>III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>1. Cái chung và cái riêng</p> <p>2. Nguyên nhân và kết quả</p> <p>5. Nội dung và hình thức</p> <p>IV. Các quy luật cơ bản của PBCDV</p> <p>1. Quy luật từ những sự chuyển hóa về lượng thành những sự chuyển hóa về chất và ngược lại</p> <p>2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> <p>3. Quy luật phủ định của phủ định</p>		<p>Chương II</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương V</p> <p>- Tham khảo học liệu [4],[5];[6]</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VI</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VII</p>		
<b>Thảo luận</b>	Giảng viên chọn chủ đề	<b>3</b>	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
<b>Tự học,</b>	I. Phép biện chứng duy	<b>14</b>	Liên hệ vào thực	Thư viện,	

<b>tự nghiên cứu</b>	<p>vật</p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p>4. Bản chất và hiện tượng</p> <p>6. Khả năng và hiện thực</p> <p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>		<p>tiền sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.</p>	ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Tiếp Chương II</b>	<b>4</b>			
	<p>V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</p> <p>2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</p>	<b>3</b>	<p>- Đọc học liệu [1] Chương II</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương VIII</p> <p>- Tham khảo học liệu [5];[6]</p>	Trên lớp	
<b>Thảo luận</b>	Giảng viên chọn chủ đề	<b>1</b>	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
<b>Tự học, tự nghiên cứu</b>	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn	<b>8</b>	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần	Thư viện, ở nhà	

			giải đáp.		
	<b>Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b>	<b>11</b>			
<b>Lý thuyết</b>	<p>I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</p> <p>2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã</p>	8	<p>- Đọc học liệu [1]</p> <p>Chương III</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương IX</p> <p>- Tham khảo học liệu [5];[6]</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XIII</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương X</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XI</p> <p>- Tham khảo học liệu [2] Chương XIV</p>	Trên lớp	

	<p>hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>1. Con người và bản chất của con người</p>				
<b>Thảo luận</b>	Giảng viên chọn chủ đề	<b>3</b>	* Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
<b>Tự học, tự nghiên cứu</b>	<p>IV. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>1. Khái niệm, cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3. Giá trị khoa học của lí luận hình thái kinh tế - xã hội</p>	<b>22</b>	Liên hệ vào thực tiễn sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	



	<p>VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân</p> <p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ được các kiến thức sau bài giảng vào thực tiễn</p>			
--	--	--	--	--

## 8. Giáo trình, Học liệu

### 8.1. Tài liệu chính

[1] Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, (Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) Nxb. CTQG, 2009.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002.

[3] Bộ giáo dục và đào tạo, *Lịch sử triết học*, (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Giáo dục-1999

[4] Các tạp chí: Tạp chí Triết học, Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Cộng sản,...

[5] Các website

1. <http://www.cpv.org.vn>

2. <http://www.tapchicongsan.org.vn>

[6] Các tài liệu tham khảo khác có liên quan đến môn học

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2			0	2	2	6
2	2			0	2	2	6
3	2			0	2	2	6
4	0			2	2	2	6
5	2			0	2	2	6
6	2			0	2	2	6
7	0			2	2	2	6
8	0	1		1	2	2	6
9	2			0	2	2	6
10	1			1	2	2	6
11	2			0	2	2	6
12	2			0	2	2	6
13	2			0	2	2	6
14	1			1	2	2	6
15	0			2	2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	20	1		9	30	30	90

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8 do giảng viên tổ chức): 30%

- Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (5 điểm)	60 phút	10	
Vấn đáp	- Lý thuyết - Liên hệ			

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phan Thị Hồng Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 0912649289 Email: [phanhongnhungcdtq@gmail.com](mailto:phanhongnhungcdtq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hà Thị Thu Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0978413463 Email: [hathutrang.ht@gmail.com](mailto:hathutrang.ht@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2
- Mã học phần: LL2.1.002.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bất buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 31 giờ
  - + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 14 giờ
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được những nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lí luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội; người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội; phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện; có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ Chủ nghĩa Mác –Lênin; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Phân tích được những nội dung cơ bản của Học thuyết Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, quy luật giá trị; tóm tắt được sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản, sự chuyển hóa của thặng dư thành tư bản, tích lũy tư bản; So sánh nội dung học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.
CĐR 2	Hiểu được những nội dung cơ bản của Học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phân tích nguyên nhân và nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; tóm tắt những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; hiểu được nội dung của học thuyết Mác - Lênin chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 3	Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.
CĐR 4	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 5	Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 6	Có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ Chủ nghĩa Mác –Lênin, thực hiện nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước
CĐR 7	Củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

## 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1. Chương 4: Học thuyết giá trị	Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế sản xuất hàng hóa	2		2	2	2	2	2
	Hàng hóa	2		2	2	2	2	2
	Tiền tệ	2		2	2	2	2	2
	Quy luật giá trị	2		2	2	2	2	2
2. Chương 5: Học thuyết giá trị thặng dư	Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản	2		2	2	2	2	2
	Sự sản xuất ra giá trị thặng dư	2		2	2	2	2	2
	Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản	2		2	2	2	2	2
	Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư	2		2	2	2	2	2
3. Chương 6: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	Chủ nghĩa tư bản độc quyền	2		2	2	2	2	2
	Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	2		2	2	2	2	2
4. Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1	2	2	2	2	2	2
	Cách mạng xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2

chủ nghĩa	Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
5. Chương 8: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
	Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	1	2	2	2	2	2	2
	Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo	1	2	2	2	2	2	2
6. Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1	2	2	2	2	2	2
	Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó	1	2	2	2	2	2	2
Ghi chú:	0 - Không đóng góp	1 - Có đóng góp			2 - Đóng góp nhiều			

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin về: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; lí luận về chủ nghĩa xã hội.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1 và 2</b>		<b>30</b>			
	<b>Chương IV: Học thuyết giá trị</b>	<b>9</b>			
Lý thuyết	I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế sản xuất hàng hóa 1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa a. Phân công lao động xã hội b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động 2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất	6	- Đọc đề cương học phần.  - Đọc học liệu số 1: chương 4  - Đọc học liệu số 3: bài 3	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>hàng hóa</p> <p>a. Đặc trưng của sản xuất hàng hoá</p> <p>b. Ưu thế của sản xuất hàng hoá</p> <p>II. Hàng hóa</p> <p>1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa</p> <p>a. Khái niệm hàng hoá</p> <p>b. Hai thuộc tính của hàng hóa</p> <p>c. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa.</p> <p>2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa</p> <p>a. Lao động cụ thể</p> <p>b. Lao động trừu tượng</p> <p>3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa</p> <p>a. Thước đo lượng giá trị hàng hóa.</p> <p>b. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.</p> <p>III. Tiền tệ</p> <p>1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ</p> <p>a. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị</p> <p>b. Bản chất của tiền tệ</p> <p>IV. Quy luật giá trị</p> <p>1. Nội dung của quy luật giá trị</p> <p>2. Tác động của quy luật giá trị</p>				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	3	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>III. Tiền tệ</p> <p>2. Chức năng của tiền tệ</p> <p>a. Thước đo giá trị</p> <p>b. Phương tiện lưu thông</p> <p>c. Phương tiện thanh toán</p> <p>d. Phương tiện cất trữ</p> <p>e. Tiền tệ thế giới</p>	18	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương IV, trong đó nghiên cứu kỹ phần III. 2.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư</b>	<b>15</b>			



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>I. Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công thức chung của tư bản</li> <li>2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản</li> <li>3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hàng hóa sức lao động</li> <li>b. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</li> </ol> </li> </ol> <p>II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng trong chủ nghĩa tư bản</li> <li>b. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư</li> </ol> </li> <li>2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Khái niệm tư bản</li> <li>b. Tư bản bất biến và tư bản khả biến</li> </ol> </li> <li>3. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tuần hoàn của tư bản</li> <li>b. Chu chuyển của tư bản</li> <li>c. Tư bản cố định và tư bản lưu động</li> </ol> </li> </ol> <p>III. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản</li> <li>2. Tích tụ và tập trung tư bản</li> <li>3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</li> </ol> <p>IV. Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa</li> <li>b. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận</li> </ol> </li> <li>2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường.</li> <li>b. Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân</li> <li>c. Sự chuyển hóa của giá trị hàng</li> </ol> </li> </ol>	10	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 5</p> <p>- Đọc học liệu số 3: bài 5</p> <p>- Đọc học liệu số 3: bài 6</p>	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>hóa thành giá cả sản xuất</p> <p>3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản</p> <p>a. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp</p> <p>b. Tư bản cho vay và lợi tức</p>				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	5	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư</p> <p>4. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư</p> <p>a. Tỷ suất giá trị thặng dư</p> <p>b. Khối lượng giá trị thặng dư</p> <p>5. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch</p> <p>a. Sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối</p> <p>b. Sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối</p> <p>c. Giá trị thặng dư siêu ngạch</p> <p>6. Sản xuất ra giá trị thặng dư – Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản</p> <p>IV. Các hình thái biểu hiện của tư bản giá trị thặng dư</p> <p>3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản</p> <p>c. Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán</p> <p>d. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa</p>	30	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương V, trong đó nghiên cứu kỹ phần II.4; II.5; II.6 và IV.3.c' IV.3.d.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền</p>	4	- Đọc học liệu số 1: chương 6	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>a. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền</p> <p>b. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính</p> <p>c. Xuất khẩu tư bản</p> <p>d. Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền</p> <p>e. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc</p> <p>II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước</p> <p>a. Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước</p> <p>b. Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước</p> <p>c. Sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế</p>		- Đọc học liệu số 3: bài 7		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	2	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền</p> <p>a. Sự hoạt động của quy luật giá trị</p> <p>b. Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư</p> <p>III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội</p> <p>2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p>	12	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương V, trong đó nghiên cứu kỹ phần I.3 và III.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.</b>	<b>6</b>			
Lý Thuyết	<p>I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó</p> <p>a. Khái niệm giai cấp công nhân</p> <p>b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.</p> <p>a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa</p> <p>b. Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân</p> <p>3. Vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.</p> <p>a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân</p> <p>b. Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân</p> <p>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó</p> <p>a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>a. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã</p>	5	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 7</p> <p>- Đọc học liệu số 4, 5,.</p>	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	hội				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân</p> <p>b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.</p> <p>III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa</p> <p>b. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>c. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.</p>	12	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương VII, trong đó nghiên cứu kỹ phần II.3; III.1 và III.2.b, III.2.c.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương VIII: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm về dân chủ và nền dân chủ</p> <p>b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm “Nhà nước xã hội chủ nghĩa”</p> <p>b. Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>II. Xây dựng nền văn hoá xã hội</p>	5	<p>- Đọc học liệu số 1: chương 8</p> <p>- Đọc học liệu số 2.</p>		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>chủ nghĩa</p> <p>1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Khái niệm văn hoá, nền văn hoá và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>a. Nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo</p> <p>1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>a. Khái niệm dân tộc; hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc</p> <p>2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo</p> <p>a. Khái niệm tôn giáo và vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.</p>				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Tính tất yếu của việc xây dựng</p>	12	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương VIII, trong đó nghiên cứu kỹ phần I.1.c; I.2.c; II.1.c; II.2.b và II.2.c	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>II. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa – một trong những nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</p>				
	<b>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<p>I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực</p> <p>1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới</p> <p>a. Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)</p> <p>b. Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới</p> <p>2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó</p> <p>a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực</p> <p>II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó</p> <p>1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>a. Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xôviết</p> <p>b. Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp</p>	2	- Đọc học liệu số 1: chương 9		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do GV hướng dẫn	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			trước khi lên lớp. Thảo luận các vấn đề cụ thể tại lớp.		
Tự học, tự nghiên cứu	<p>III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người</p> <p>a. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn</p> <p>c. Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.</p>	6	Nghiên cứu và học tập nội dung kiến thức của chương IX, trong đó nghiên cứu kỹ phần III.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Harry Shutt (2002), *Chủ nghĩa Tư bản những bất ổn tiềm tàng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Phạm Văn Hùng – Nguyễn Văn Long (1998), *Hướng dẫn ôn tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Giáo dục.

[4] Phạm Văn Linh – Nguyễn Tiến Hoàng, *Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Vũ Hồng Tiến (1998), *Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Giáo dục.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	



Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	0			3	3	3	9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	1			2	6		9
8	0			3	3	3	9
9	2	1			6		9
10	1			2	3	3	9
11	3				6		9
12	2			1	6		9
13	3				6		9
14	2			1	3	3	9
15	2			1	3	3	9
<b>Tổng</b>	<b>31</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>69</b>	<b>21</b>	<b>135</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu, projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1. Điểm thành phần 1:** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2. Điểm thành phần 2:** Kiểm tra giữa kỳ: 30%

**11.3. Điểm thành phần 3:** Thi hết học phần: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (3 điểm)	90 phút	15

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**ThS. Vũ Thị Kiều Trang**

**ThS. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tư tưởng Hồ Chí Minh

### **1. Thông tin về giảng viên**

#### **1.1. Giảng viên thứ nhất**

- Họ tên: Hứa Đức Hội
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0973571284                      Email: [huaduchoi@gmail.com](mailto:huaduchoi@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục chính trị; Triết học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

#### **1.2. Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Chu Văn Liễu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận Chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0989833963                      Email: [lieuchuvan@gmail.com](mailto:lieuchuvan@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

### **2. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Mã học phần: LL2.1.003.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 21 giờ
  - + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 9 giờ.
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị.

### 3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh;
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin;
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta;
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Nắm rõ được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh;
CĐR 2	Hiểu rõ nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;
CĐR 3	Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh;
CĐR 4	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào giải thích, đánh giá thực tiễn.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b><i>Kỹ năng cứng</i></b>	
CĐR 5	Sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn;
<b><i>Kỹ năng mềm</i></b>	
CĐR 6	Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học;
CĐR 7	Hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người

	học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR8	Sau khi học xong môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn và có khả năng tuyên truyền cho người khác.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng	Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
<b>1. Chương mở đầu:</b> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	I. Đối tượng nghiên cứu	2	1	1	1	2	2	1	2	2	2
	II. Phương pháp nghiên cứu	2	1	1	1	2	2	1	2	2	2
	III. Ý nghĩa của việc học tập học phần với sinh viên	2	1	1	1	2	2	2	2	1	2
<b>2. Chương 1:</b> Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
	II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
	III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2
<b>3. Chương 2:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc	1	2	2	1	1	2	1	2	1	2

Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc	1	2	2	1	1	2	1	2	1	2
<b>4.Chương 3:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>5.Chương 4:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam	I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2
	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2
<b>6.Chương 5:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2
	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	1	1	2	1	1	2	1	2	2	2
<b>7.Chương 6:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ	1	2	2	1	1	2	2	2	1	2
	II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>8.Chương 7:</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá	I. Những quan niệm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2

Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ghi chú:	0 - Không đóng góp 1. Có đóng góp 2. Đóng góp nhiều										

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày cơ sở quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>1</b>			
Lý thuyết	<p>I. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của học phần tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3. Mối quan hệ với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể</p> <p>III. Ý nghĩa của việc học tập học phần với sinh viên</p> <p>1. Nâng cao năng lực tư duy</p>	1	<p>* Đọc tài liệu [1], chương mở đầu.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 1.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VII, IX và XI (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)).</p>	Trên lớp	

	<p>lí luận và phương pháp công tác</p> <p>2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	2	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<p>I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Cơ sở khách quan</p> <p>2. Nhân tố chủ quan</p> <p>II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Thời kỳ trước năm 1911: hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước</p> <p>2. Thời kỳ từ 1911-1920: tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc</p> <p>3. Thời kỳ từ 1921 – 1930: hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>4. Thời kỳ từ 1930 – 1945: vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng</p> <p>5. Thời kỳ từ 1945 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện</p> <p>III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới</p>	2	<p>* Đọc tài liệu [1], Chương 1</p> <p>* Đọc tài liệu [2], Chương 1.</p>	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo	Trên lớp.	



			luận trên lớp.		
	<b>Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vấn đề dân tộc thuộc địa</li> <li>Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp</li> </ol> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</li> <li>Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách vô sản</li> <li>Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</li> <li>Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</li> <li>Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</li> <li>Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</li> </ol>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 2.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 2.</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tính tất yếu của chủ nghĩa</li> </ol>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 3.</p> <p>* Đọc tài liệu</p>	Trên lớp	

	<p>xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội</p>		<p>[2], chương 3.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<p>I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>3. Bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>4. Quan niệm về Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền</p>	2	<p>* Đọc tài liệu. [1], chương 4</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 4.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>	Trên lớp	
Kiểm tra	<b>Câu hỏi kiểm tra</b>	1	Sinh viên nghiêm túc làm bài.	Trên lớp	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam (tiếp)</b>	<b>1</b>			

Lý thuyết	<p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh</p> <p>1. Xây dựng Đảng- quy luật tồn tại và phát triển của Đảng</p> <p>2. Nội dung công tác xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam</p>	1	<p>* Đọc tài liệu [1]; chương 4.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 4.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII</p>	T rên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc</p> <p>1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng</p> <p>2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc</p> <p>3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>1. Vai trò của đoàn kết quốc tế</p> <p>2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức</p> <p>3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p>	3	<p>* Đọc học liệu [1],, chương 5.</p> <p>* Đọc học liệu [2], chương 5 và chương 8.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p><b>I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ</b></p> <p>1. Quan niệm của Hồ Chí</p>	3	* Đọc học liệu [1], chương 6.	Trên lớp	

	<p>Minh về dân chủ</p> <p>2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội</p> <p>3. Thực hành dân chủ</p> <p><b>II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân</b></p> <p>1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ</p> <p>4. Xây dựng một Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả</p>		<p>* Đọc học liệu [2], chương 7.</p> <p>* Đọc tài liệu [6], Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XII.</p>		
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	1	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Những quan niệm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá</p> <p>1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa</p> <p>3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p>	3	<p>* Đọc tài liệu [1], chương 7.</p> <p>* Đọc tài liệu [2], chương 9, chương 10 và chương 11.</p> <p>* Đọc tài liệu [9]</p>	Trên lớp	

	<p>2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh</p> <p>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới</p> <p>1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”</p>				
Thảo luận	Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.	3	Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1 Tài liệu bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ giáo dục và đào tạo (2008), *Chương trình môn học tư tưởng Hồ Chí Minh*, Ban hành theo Quyết định 52/2008/QĐ – BGDDT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

[4] Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Tuyên Quang (2007), *Bác Hồ với Tuyên Quang*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Phan Ngọc Liên (Chủ biên - 2006), *Hướng dẫn học tập tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[6] Nguyễn Quốc Hùng (2005), *Hồ Chí Minh người chiến sỹ quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7] Hồ Chí Minh toàn tập (2002), *12 tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8] Viện Hồ Chí Minh – Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phủ Chủ tịch (2007), *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. <http://www.cpv.org.vn/cpv/> (Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), VII (1991), VIII (1996), IX (2001), X (2006), XI (2011) và lần thứ XII (2016).

[10]. <http://www.tapchicongsan.org.vn> (Tập chí cộng sản).

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2	0		0	2	2	6
2	1	0		1	2	2	6
3	2	0		0	2	2	6
4	1	0		1	2	2	6
5	2	0		0	2	2	6
6	1	0		1	2	2	6
7	2	0		0	2	2	6
8	1	1		0	2	2	6
9	2	0		0	2	2	6
10	1	0		1	2	2	6
11	2	0		0	2	2	6
12	1	0		1	2	2	6
13	1	0		1	2	2	6
14	1	0		1	2	2	6
15	1	0		1	2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>21</b>	<b>1</b>		<b>8</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phân lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết học phần: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Tự luận	<b>Câu 1:</b> Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (5 điểm) <b>Câu 2:</b> Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 (5 điểm)	60 phút	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thúy Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị
- Điện thoại: 0985771268                      - Email: vantran7785@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị học, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hoàng Thị Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận Chính trị.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979649481                      Email: hoangtrangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: LL2.1.004.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:



- + Học lý thuyết trên lớp: 31 giờ
- + Thảo luận, kiểm tra trên lớp: 14 giờ
- + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: + Bộ môn Lý luận chính trị

### 3. Mục tiêu học phần

Người học hiểu được cơ sở, quá trình hình thành, nội dung cơ bản của đường lối cách mạng do Đảng cộng sản Việt Nam đề ra.

Sau khi học xong học phần, người học phải hình thành được ý thức chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đề ra.

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được thói quen tìm hiểu, chấp hành, tuyên truyền, tham gia góp ý vào chủ trương, chính sách của Đảng.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Phân tích, chứng minh được tính tất yếu ra đời Đảng cộng sản Việt Nam.
CDR 2	Làm rõ được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CDR 3	Tóm tắt được nội dung cơ bản của đường lối. Đánh giá được kết quả thực hiện đường lối trong thực tiễn. Từ đó rút ra được những bài học trong quá trình xây dựng và phát triển lý luận của Đảng.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có khả năng đánh giá được nội dung, tính đúng đắn của đường lối Đảng đề ra.
CDR 5	Có kỹ năng phân tích, lý giải, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 6	Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Biết đúc kết giá trị của đường lối, bổ sung, đóng góp cho sự hoàn thiện đường lối.

<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.
CĐR 8	Ủng hộ con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đã lựa chọn.
CĐR 9	Tham gia phản biện, xây dựng một số chủ trương, chính sách liên quan đến bản thân.
CĐR 10	Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng tới quần chúng nhân dân và những người xung quanh.
CĐR 11	Đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng trước âm mưu xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù.
CĐR 12	Vận dụng những chủ trương, đường lối của Đảng vào công việc và cuộc sống.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

<b>NỘI DUNG HỌC PHẦN</b>		<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>										
<b>CHƯƠNG</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	<b>Kiến thức</b>			<b>Kỹ năng</b>			<b>Thái độ, năng lực tự chủ</b>				
					<b>Cứng</b>		<b>Mềm</b>					
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐR 6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11
Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2
Chương 1: Sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương	I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm					
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐR 6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11
lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	II. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3: Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược	I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954- 1975)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa	I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ				
					Cứng		Mềm					
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐR 6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11
	II. Đường lối Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN	2	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1
Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2
Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội	I. Quá trình nhận thức và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hóa	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	I. Quá trình nhận thức và chủ trương	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ					
					Cứng		Mềm						
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐR 6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	
	giải quyết các vấn đề xã hội												
Chương 8: Đường lối đối ngoại	I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước Đổi mới	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	
	II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp những nội dung cơ bản về: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối của Đảng trong từng lĩnh vực (công nghiệp hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại). Sau khi học xong học phần, người học sẽ hiểu được quá trình hình thành, bổ sung và hoàn thiện đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	<b>Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam</b>	1			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>2. Nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học</p> <p>1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học</p> <p>2. Ý nghĩa của việc học tập môn học</p>	1	- Đọc học liệu số [1]	Trên lớp	
Thảo luận	Không				
Tự học, tự nghiên cứu	<p>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</p> <p>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)</p>	2	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 1. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p>I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</p> <p>2. Hoàn cảnh trong nước</p> <p>II. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</p> <p>1. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên</p>	3	- Đọc học liệu số [1], [3], [5], [7]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	của Đảng.				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	8	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 1. Trong những năm 1930-1935 2. Trong những năm 1936-1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền	3	- Đọc học liệu số [1], [3], [5].	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	8	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm</p> <p>II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975)</p> <p>1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964</p> <p>2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975</p> <p>3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.</p>	5	Đọc học liệu số[1], [3], [5]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)</li> </ul>	12	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Đường lối kháng</b>	<b>1</b>			



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) (tiếp theo)</b>				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn (nếu có)	2	- Nghiên cứu tài liệu	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</li> </ul>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu</li> <li>- Tìm hiểu thực trạng tiến hành CNH - HĐH ở địa phương</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới</li> <li>2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới</li> </ol> <p>II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản</li> <li>2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</li> <li>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</li> </ol>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]</li> </ul>	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</li> </ul>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu</li> <li>- Tìm hiểu về sự phát triển kinh tế thị trường ở địa phương</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị</b>	2			
Lý thuyết	<p>I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954)</li> <li>Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954 – 1975)</li> <li>Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975 – 1985)</li> </ol> <p>II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị</li> </ol>	2	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Không				
Tự học, tự nghiên cứu	<p>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</p> <p>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</p>	4	<p>- Nghiên cứu tài liệu</p> <p>- Tìm hiểu về hệ thống chính trị ở cơ sở (địa phương)</p>	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị (tiếp theo)</b>	3			
Lý thuyết	<p>II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới</li> <li>Đánh giá sự thực hiện đường lối</li> </ol>	1	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu tham khảo</li> <li>- Tìm hiểu hệ thống chính trị ở cơ sở (địa phương)</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời kỳ trước đổi mới</li> <li>2. Trong thời kỳ đổi mới</li> </ol> <p>II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời kỳ trước đổi mới</li> <li>2. Trong thời kỳ đổi mới</li> </ol>	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>- Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</li> </ul>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu</li> <li>- Tìm hiểu về tình hình văn hóa và công tác giải quyết các vấn đề xã hội ở địa phương</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 8: Đường lối đối ngoại</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>I. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hoàn cảnh lịch sử</li> <li>Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng</li> <li>Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</li> </ol> <p>II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối</li> <li>Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế</li> <li>Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân</li> </ol>	4	- Đọc học liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;</li> <li>Liên hệ, sử dụng, vận dụng được các kiến thức sau khi nghe giảng và thảo luận trên lớp vào thực tiễn</li> </ul>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu tài liệu</li> <li>Tìm hiểu đường lối đối ngoại của Đảng CSVN trong giai đoạn hiện nay</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2012), *Tài liệu giảng dạy lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang*.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Giáo trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI*.

[5] Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Chặng đường qua hai thế kỷ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Đoàn Minh Huân, Doãn Hùng, Nguyễn Ngọc Hà (2007), *Đảng cộng sản Việt Nam - Những tìm tòi và đổi mới trên con đường lên chủ nghĩa xã hội (giai đoạn 1986-2006)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[7] Phạm Xuân Mỹ (2014), *Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (giai đoạn 1920-1930)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	2			1	6		9
3	2			1	6		9
4	3				6		9
5	2			1	6		9
6	2			1	6		9
7	2			1	6		9
8	2	1			6		9
9	2			1	6		9
10	2			1	6		9
11	1			2	6		9
12	3				6		9
13	1			2	6		9
14	3				6		9
15	1			2	6		9
<b>Tổng</b>	<b>31</b>	<b>1</b>		<b>13</b>	<b>90</b>		<b>135</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có đầy đủ bàn ghế, ánh sáng cho sinh viên, có máy chiếu projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phân thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết học phần: 60 %

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, 2 (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 3 (5 điểm)	90 phút	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 9 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**ThS. Vũ Thị Kiều Trang**

**ThS. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Mai Chinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01695076189 - Email: maichinh1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Hành chính học, Luật học, Chính sách công

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hoàng Thị Tuyết Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0987846958 - Email: maihoang.106@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý công, Hành chính học, Luật học

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo
- Mã học phần: LL2.1.005.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.



+ Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lenin 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp :14 tiết

+ Thảo luận, bài tập :15 giờ

+ Kiểm tra trên lớp :01 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu : 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; thực tiễn giáo dục địa phương.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Tóm tắt một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức
CDR 2	Phân tích được các đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về GD&ĐT
CDR 3	Hiểu được điều lệ, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT đối với giáo dục mầm non và phổ thông
CDR 4	Hiểu được thực tiễn giáo dục địa phương
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Vận dụng kiến thức để áp dụng vào hoạt động nghề nghiệp sau này
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	

CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 8	Có ý thức tôn trọng, tuân thủ các quy định của ngành giáo dục

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8
1. Chương 1 Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức	Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	1	1	1	2	2	2	2
	Quản lý hành chính nhà nước	2	1	1	1	2	2	2	2
	Công vụ, công chức, viên chức	2	1	1	1	2	2	2	2
	Tiêu chuẩn chức danh đối với một số ngạch viên chức cụ thể	2	2	2	1	2	2	2	2
2. Chương 2. Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo	Thực trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay	2	2	2	2	2	2	2	2
	Cả Quan điểm chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo c phương pháp quản lý	2	2	2	2	2	2	2	2
	Mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	2	2	2	2	2	2	2	2
3. Chương 3. Luật Giáo dục	Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2
	Nội dung cơ bản thể hiện trong Luật Giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2
4. Chương 4 Điều lệ, quy chế, quy định	Các điều lệ	2	2	2	2	1	2	2	2
	Các quy chế quy định về hoạt động giảng dạy ở các bậc học	2	2	2	2	2	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8
của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông	Các quy chế quy định về thanh tra, kiểm tra các bậc học	2	2	2	2	2	2	2	2
	Các quy chế công nhận các trường đạt chuẩn quốc gia	2	2	2	2	2	2	2	2
5. Chương 5. Thực tiễn giáo dục địa phương	Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục và đào tạo tại địa phương	2	2	2	2	2	2	2	2
	Quan điểm chỉ đạo về giáo dục và đào tạo của địa phương	2	2	2	2	1	2	2	2
	Quyết định quản lý	2	2	2	2	2	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục & đào tạo; Luật Giáo dục; điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; thực tiễn giáo dục địa phương.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức</b>	<b>9</b>			
Lý thuyết	I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1. Lí luận chung về nhà nước	8	* Đọc Đề cương môn học - Đọc học liệu số [1] - Tham khảo	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.1 Nguồn gốc của nhà nước 1.2 Bản chất của nhà nước 1.3 Đặc trưng của nhà nước 1.4 Chức năng của nhà nước 2. Nhà nước CHXHCN Việt Nam 2.1 Bản chất của nhà nước Việt Nam 2.2 Nhà nước trong hệ thống chính trị 2.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam II. Quản lý hành chính nhà nước 1. Khái niệm 2. Nội dung quản lý hành chính nhà nước 3. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước III. Công vụ, công chức, viên chức 1. Công vụ 2. Cán bộ, công chức 2.1. Khái niệm cán bộ, công chức 2.2 Nghĩa vụ và quyền của cán bộ, công chức 2.3 Những việc cán bộ, công chức không được làm 3. Viên chức 3.1. Khái niệm viên chức 3.2 Quyền, nghĩa vụ của viên chức IV. Tiêu chuẩn chức danh đối với một số ngạch viên chức cụ thể 1. Giáo viên mầm non 2. Giáo viên tiểu học 3. Giáo viên THCS 4. Giáo viên THPT 5. Giảng viên		học liệu số [2], [3], [4]		
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	18	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			cần giải đáp		
	<b>Chương II. Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo</b>	6			
Lý thuyết	<p>I. Thực trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>II. Quan điểm chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo</p> <p>1. Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.</p> <p>2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.</p> <p>3. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.</p> <p>4. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan.</p> <p>5. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hoá, hiện đại hoá giáo dục và đào tạo.</p> <p>6. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo.</p> <p>7. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.</p> <p>III. Mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>1. Mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu số [1]</li> <li>- Tham khảo học liệu số [2], [3], [4]</li> </ul>	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.1 Mục tiêu tổng quát 1.2. Mục tiêu cụ thể 2. Giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo				
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương III. Luật Giáo dục</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	I. Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục II. Nội dung cơ bản thể hiện trong Luật Giáo dục 1. Những quy định chung 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác 4. Nhà giáo 5. Người học 6. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	5	- Đọc học liệu số [4] - Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giáo viên chọn chủ đề	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương IV. Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	I. Các điều lệ 1. Điều lệ trường mầm non 2. Điều lệ trường tiểu học 3. Điều lệ trường phổ thông II. Các quy chế quy định về hoạt động giảng dạy ở các bậc học 1. Bậc mầm non 2. Bậc tiểu học 3. Bậc trung học	6	- Đọc học liệu số [4] - Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	III. Các quy chế quy định về thanh tra, kiểm tra các bậc học 1. Bậc mầm non 2. Bậc tiểu học 3. Bậc trung học IV. Các quy chế công nhận các trường đạt chuẩn quốc gia 1. Bậc mầm non 2. Bậc tiểu học 3. Bậc trung học				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V. Thực tiễn giáo dục địa phương</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	I. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục và đào tạo tại địa phương 1. Thành tựu 2. Hạn chế II. Quan điểm chỉ đạo về giáo dục và đào tạo của địa phương	1	- Đọc học liệu số [4] - Tham khảo học liệu số [1], [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận.	Giáo viên chọn chủ đề	2		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng; liên hệ các kiến thức của bài giảng để phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện Hành chính (2010), *Giáo trình Quản lý nhà nước về văn hóa – xã hội, giáo dục, y tế, an ninh – quốc phòng*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

[3] Nguyễn Hữu Hải (2012), *Giáo trình Hành chính nhà nước*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Các văn bản pháp luật hiện hành.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, Bài tập lớn	
1	2		0		4		6
2	1		1		4		6
3	2		0		4		6
4	1		1		4		6
5	1		1		4		6
6	1		1		4		6
7	0		2		4		6
8	0	1	1		4		6
9	2		0		4		6
10	0		2		4		6
11	1		1		4		6
12	2		0		4		6
13	0		2		4		6
14	1		1		4		6
15	0		2		4		6
<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>15</b>		<b>60</b>		<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%



- Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 ( 5 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2 ( 5 điểm)	60 phút	(Theo yêu cầu của Phòng Khảo thí)

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Cơ sở văn hóa Việt Nam

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089                      - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: văn học dân gian; văn học Việt Nam; văn học thế giới; văn hóa, văn học Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; phương pháp dạy học Ngữ văn.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01699085949                      - Email: maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: phương pháp dạy học Ngữ văn; tiếng Việt; lí luận văn học; văn hóa, văn học và ngôn ngữ Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; văn học Việt Nam.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Mã học phần: XH2.1.002.2
- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lí thuyết trên lớp: 25 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 04 tiết
  - + Kiểm tra trên lớp: 01 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Ngữ văn
  - + Khoa: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu khái niệm văn hoá; không gian văn hóa Việt Nam; loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc và vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; có kĩ năng tìm hiểu, phát hiện các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc; biết phân định rõ cái riêng, cái độc đáo của một nền văn hóa; biết nhận diện và vượt qua các rào cản của hủ tục, phong tục lạc hậu, các quan niệm lỗi thời để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; có kĩ năng ứng dụng kiến thức văn hoá vào các hoạt động giáo dục, hoạt động nghiệp vụ, các tình huống trong cuộc sống; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong các hoạt động nghiệp vụ, trong quá trình giáo dục, dạy học ở nhà trường và trong cuộc sống; có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo; có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu; có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>VỀ KIẾN THỨC</b>	
CDR 1	Hiểu khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hoá Việt Nam.
CDR 2	Hiểu các thành tố của văn hoá Việt Nam: Văn hoá nhận thức, văn hoá tổ

	chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội.
CĐR 3	Hiểu khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc và vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.
<b>Về kĩ năng</b>	
Kĩ năng cứng	
CĐR 4	Có kĩ năng tìm hiểu, phát hiện các giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc; biết phân định rõ cái riêng, cái độc đáo của một nền văn hóa;
CĐR 5	Biết phân tích, nhận diện và vượt qua các rào cản của hủ tục, phong tục lạc hậu, các quan niệm lỗi thời để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại
Kĩ năng mềm	
CĐR 6	Có kĩ năng ứng dụng kiến thức văn hoá vào các hoạt động giáo dục, hoạt động nghiệp vụ, các tình huống trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong các hoạt động nghiệp vụ, trong quá trình giáo dục, dạy học ở nhà trường và trong cuộc sống.
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kĩ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
Chương	Kiến thức				Cứng		Mềm				
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chương 1. Khái quát chung về văn hoá và loại hình văn hoá Việt Nam	Khái niệm văn hoá	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Chủ thể, thời gian, không gian văn hóa Việt Nam	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Đặc trưng loại hình văn hóa gốc nông nghiệp, văn hóa gốc du mục	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1

	Định vị loại hình văn hoá Việt Nam	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Tìm hiểu về sáu vùng văn hóa Việt Nam: Tây Bắc, Việt Bắc, Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây nguyên, Nam Bộ	2	1	1	2	2	2	2	1	1	1
Chương 2. Tiến trình văn hoá Việt Nam	Lớp văn hoá bản địa	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1
	Lớp văn hoá Việt Nam hội nhập với văn hoá khu vực	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1
	Lớp văn hoá Việt Nam hội nhập với văn hoá nhân loại	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 3. Văn hoá nhận thức	Triết lí Âm Dương và tính cách của người Việt		2		1	1	1	1	1	1	1
	Mô hình Tam Tài - Ngũ Hành		2		1	1	1	1	1	1	1
	Lịch Âm Dương, hệ Can Chi		2		1	1	1	1	1	1	1
Chương 4. Văn hoá tổ chức đời sống tập thể	Tổ chức nông thôn		2		2	2	1	2	1	1	1
	Tổ chức đô thị		2		2	2	1	2	1	1	1
	Tổ chức quốc gia		2		2	2	1	2	1	1	1
Chương 5. Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân	Tín ngưỡng và phong tục		2		2	2	1	2	1	1	1
	Văn hoá giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ		2		2	2	1	2	1	1	1
	Nghệ thuật thanh sắc và hình khối		2		2	2	1	2	1	1	1
Chương 6. Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên	Tận dụng môi trường tự nhiên: Âm thực		2		2	2	1	2	1	1	1
	Ứng phó với môi trường tự nhiên: Trang phục		2		2	2	1	2	1	1	1
	Ứng phó với môi trường tự nhiên: Nhà ở và giao thông		2		2	2	1	2	1	1	1
Chương 7. Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội	Giao lưu với Ấn Độ: Văn hóa Chăm		2		2	2	1	2	1	1	1
	Phật giáo và văn hóa VN		2		2	2	1	2	1	1	1
	Nho giáo và văn hóa VN		2		2	2	1	2	1	1	1
	Đạo giáo và văn hóa VN		2		2	1	1	2	1	1	1
	Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam		2		2	1	1	2	1	1	1
	Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội		2		2	2	1	2	1	1	1
Chương 8. Sinh viên với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc	Khái niệm bản sắc văn hoá dân tộc			2	2	2	2	2	1	1	1
	Bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam			2	2	2	2	2	1	1	1
	Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc			2	2	2	2	2	1	1	1

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc; vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Khái quát chung về văn hoá và loại hình văn hoá Việt Nam</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	1.1. Khái niệm văn hoá 1.2. Chủ thể, thời gian, không gian văn hóa Việt Nam 1.3. Đặc trưng loại hình văn hóa gốc nông nghiệp, văn hóa gốc du mục 1.4. Định vị loại hình văn hoá Việt Nam	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 4	Lớp học	
Bài tập	Tìm hiểu về sáu vùng văn hóa Việt Nam: Tây Bắc, Việt Bắc, Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây nguyên, Nam Bộ	1	Hiểu những nét đặc sắc của từng vùng văn hóa Việt Nam	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 4	6	Hiểu khái niệm văn hoá, loại hình văn hoá Việt Nam, những nét đặc sắc của các vùng văn hóa Việt Nam; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Tiến trình văn hoá Việt Nam</b>	<b>2</b>			
Lí thuyết	2.1. Lớp văn hoá bản địa 2.2. Lớp văn hoá Việt Nam hội nhập với văn hoá khu vực 2.3. Lớp văn hoá Việt Nam hội nhập với văn hoá nhân loại	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, 4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 4	4	Hiểu đặc điểm, thành tựu của các lớp văn hóa Việt Nam; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Văn hoá nhận thức</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	3.1. Triết lí Âm Dương và tính cách của người Việt 3.2. Mô hình Tam Tài - Ngũ Hành	3	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, số 4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.3. Lịch Âm Dương, hệ Can Chi				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 4	6	Hiểu kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức của người Việt; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Văn hoá tổ chức đời sống tập thể</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	4.1. Tổ chức nông thôn 4.2. Tổ chức quốc gia 4.3. Tổ chức đô thị	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, số 4.	Lớp học	
Bài tập	Tìm hiểu quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống	1	Hiểu quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 4	6	Hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa tổ chức đời sống tập thể của người Việt và nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	5.1. Tín ngưỡng và phong tục 5.2. Văn hoá giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 5.3. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	3	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2	6	Hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa tổ chức đời sống cá nhân của người Việt và nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Kiểm tra giữa kì</b>	<b>1</b>		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn lại nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên	2	Đọc lí thuyết, biết vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1 để làm bài kiểm tra	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 6. Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên</b>	<b>5</b>			
Lí thuyết	6.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: Âm thực 6.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Trang phục 6.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Nhà ở và giao thông	4	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2, 3, 4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập	Vì sao có thể khẳng định: văn hóa ẩm thực của người Việt mang đậm dấu ấn văn hóa nông nghiệp?	1	Hiểu những dấu ấn nông nghiệp trong văn hóa ẩm thực của người Việt	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4	10	Hiểu kiến thức cơ bản về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của người Việt; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7. Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội</b>	<b>8</b>			
Lí thuyết	7.1. Giao lưu với Ấn Độ: Văn hóa Chăm 7.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam 7.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam 7.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 7.5. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam 7.6. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.	7	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, số 4.	Lớp học	
Bài tập	Tính dung hợp trong văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của người Việt thể hiện như thế nào trong lĩnh vực quân sự, ngoại giao?	1	Hiểu tính dung hợp trong văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của người Việt thể hiện trong lĩnh vực quân sự, ngoại giao	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 4	16	Hiểu kiến thức cơ bản về văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của người Việt; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 8. Sinh viên với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc</b>	<b>2</b>			
Lí thuyết	8.1. Khái niệm bản sắc văn hoá dân tộc 8.2. Bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam 8.3. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, 4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 4	4	Hiểu vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; nêu được những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập



### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Ngọc Thêm (tái bản 2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội;

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh;

[3] Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh;

[4] Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (2003), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	2				2	2	6
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>01</b>	<b>04</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, có thể hoạt động nhóm.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các học liệu được giới thiệu trước khi đến lớp, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên; tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Tự luận	Câu 1 (nội dung thuộc tín chỉ 1): 4 điểm Câu 2 (nội dung thuộc tín chỉ 2): 6 điểm	60'	2

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Môi trường và con người

### **1. Thông tin về giảng viên**

#### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa KH Tự nhiên – KT và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - KT và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0912.978.102; Email: hainguyentq0495@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: PPDH Sinh học; Sinh thái học.

#### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Đoàn Thị Phương Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường ĐH Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
- Điện thoại, email: 0914400017; ly.pktdaihoctantrao@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học, môi trường.

### **2. Thông tin về môn học**

- Tên học phần: Môi trường và con người
- Mã học phần: TN2.1.404.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 22

- + Thảo luận trên lớp: 11
- + Thực tập thực tế: 10
- + Kiểm tra: 2
- + Tự học, tự nghiên cứu: 90

- Đơn vị phụ trách môn học:

- + Bộ môn: Sinh học
- + Khoa: KH Tự nhiên - KT & CN

### 3. Mục tiêu của môn học

Người học sẽ tiếp thu được những kiến thức cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường. Tìm hiểu một số vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam; phương hướng giải quyết và chương trình hành động bảo vệ môi trường trên quy mô toàn cầu và ở Việt Nam; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu các khái niệm về môi trường và tài nguyên: bảo vệ môi trường, sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, tiêu chuẩn môi trường; các chức năng cơ bản của môi trường.
CDR 2	Nắm rõ cơ sở sinh thái học của khoa học môi trường; các kiến thức về dân số học;
CDR 3	Hiểu và phân tích được các nhu cầu cơ bản của con người đã gây tác động lớn tới môi trường sống của họ.
CDR 4	Hiểu khái niệm, đánh giá được hiện trạng và tình hình khai thác quá mức các tài nguyên hiện nay; Phân tích được nguyên nhân và các chính sách bảo vệ các nguồn tài nguyên trên thế giới và đặc biệt ở VN.
CDR 5	Hiểu và phân tích được ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất; Phân tích nguyên nhân, hậu quả và đưa ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam.
CDR 6	- Hiểu những vấn đề cấp bách hiện nay trên toàn cầu phải bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sống của con người. Phân tích được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế

	với môi trường và vấn đề bảo vệ sức khỏe con người. - Nắm vững nội dung của chương trình hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng quốc tế hiện nay.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 7	Rèn luyện kỹ năng phân tích các mối liên hệ giữa ba yếu tố: môi trường, sinh vật và con người trong quá trình phát triển; các mối liên hệ về dân số tác động tới môi trường; các mối liên hệ về nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên trên thế giới cũng như ở VN
CĐR 8	Biết nhận xét, đánh giá, thu thập các số liệu liên quan đến ô nhiễm môi trường sống của địa phương.
CĐR 9	Rèn luyện các kỹ năng tổng hợp, phân tích các mối liên hệ về nguyên nhân làm ô nhiễm các môi trường sống hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 10	Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về thông tin về dân số và môi trường.
CĐR 11	Kỹ năng phân tích và kỹ năng hoạt động nhóm về nhu cầu và các hoạt động đáp ứng nhu cầu của con người, ảnh hưởng của các nhu cầu và hoạt động này đến môi trường sống.
CĐR 12	Biết liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của cá nhân và ở địa phương.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 13	Biết bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái.
CĐR 14	Có ý thức tuyên truyền thực hiện bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên ở các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất và đời sống.
CĐR 15	Có thái độ đúng đắn về chính sách phát triển kinh tế xã hội của nhà nước và địa phương.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng						Thái độ						
								Cứng			Mềm									
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C				
						Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ						
						R	R	R	R	R	R	R	R	R						
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>Chương 1: Những vấn</b>	1. Môi trường	1																		
	2. Khoa học môi trường	1																		

đề cơ bản về môi trường																
<b>Chương 2: Các nguyên lí sinh thái áp dụng trong khoa học môi trường</b>	1. Yếu tố môi trường, yếu tố sinh thái	1					1			1			1	1		
	2. Một số quy luật sinh thái học cơ bản	1					1	1		1			1	1	1	
	3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh đến sinh vật	1					1	1		1			1	1	1	
	4. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái hữu sinh đến sinh vật	1					1	1		1			1	1	1	
	5. Quần thể	1					1	1					1	1	1	
	6. Quần xã	1					1	1					1	1	1	
	7. Hệ sinh thái tự nhiên	1					1	1					1	1	1	1
<b>Chương 3: Dân số và môi trường</b>	1. Các thông số cơ bản của dân số học	1							1	1			1			1
	2. Cấu trúc dân số	1					1		1	1			1			1
	3. Lí thuyết dân số	1					1			1			1			1
	4. Biên trình tăng dân số thế giới và Việt Nam	1					1			1			1			1
	5. Mối quan hệ dân số, môi trường và phát triển	1					1			1			1	1		2
	6. Chính sách và chương trình dân số	1					1			1			1	1		2
<b>Chương 4 Tài nguyên thiên nhiên</b>	1. Khái niệm, phân loại					1							1	1		1
	2. Tài nguyên rừng					1			1	1			1	1	1	1
	3. Đa dạng sinh học					1			1	1			1	1	1	1
	4. Tài nguyên đất					1			1	1			1	1	1	1
	5. Tài nguyên nước					1			1	1			1	1	1	1
	6. Tài nguyên biển					1			1	1			1	1	1	1
	7. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng					1			1	1			1	1	1	1
<b>Chương 5:</b>	1. Nhu cầu lương thực, thực phẩm					1			1	1	1		1	1		1

<b>Các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người và hệ quả</b>	2. Nhu cầu nhà ở và tác động tới môi trường				1				1	1	1			1	1			1	1
	3. Du lịch và môi trường				1			1	1	1	1			1	1			1	1
	4. Công nghiệp hóa, đô thị hóa và môi trường				1			1	1	1	1			1	1			1	1
<b>Chương 6: Ô nhiễm môi trường</b>	1. Một số vấn đề chung	1					1		1	1	1							1	
	2. Ô nhiễm không khí						1		1	1	1							1	
	3. Ô nhiễm nước	1					1		1	1	1							1	
	4. Ô nhiễm đất	1					1		1	1	1							1	
<b>Chương 7: Những vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt nam</b>	1. Chất thải và ô nhiễm môi trường ở những nước đang phát triển						1	1	1	1	1			1	1			2	2
	2. Sự nóng dần lên của Trái đất và biến đổi khí hậu						1	1			1			1	1			2	2
	3. Suy thoái tầng ozon						1	1			1			1	1			2	2
	4. Hoang mạc hóa đất						1	1			1			1	1			1	1
	5. Ô nhiễm biển						1	1			1			1	1			2	1
	6. Lan truyền ô nhiễm qua biên giới						1	1			1			1	1			2	1
	7. Môi trường Việt Nam						1	1	1	1	1			1	1			2	2
<b>Chương 8: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</b>	1. Con người – công dân sinh thái							1	1	1							1	1	1
	2. Cách tiếp cận bảo vệ môi trường và tài nguyên							1	1	1							1	1	2
	3. Phát triển bền vững							1									1	2	2
	4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam							1			1						1	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về các nguyên lý sinh thái học được ứng dụng trong việc bảo vệ và quản lý môi trường. Các vấn đề về dân số, sự gia tăng dân số và những hậu quả của nó đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và chất lượng cuộc sống. Mối quan hệ giữa dân số với môi trường và hệ sinh thái, dân số với tài nguyên thiên nhiên. Các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững hệ

sinh thái. Các hoạt động của con người để giải quyết các nhu cầu cơ bản của mình. Hiện tượng suy thoái tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở quy mô toàn cầu và ở nước ta. Phương hướng và chương trình hành động về bảo vệ môi trường trên toàn cầu và ở Việt Nam

### 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
<b>Chương 1 Những vấn đề cơ bản về môi trường</b>		<b>02</b>			
Lý thuyết	1. Môi trường 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Thành phần của môi trường 1.3. Các chức năng chủ yếu của môi trường 1.4. Phân loại môi trường 2. Khoa học môi trường 2.1. Khái niệm 2.2. Đối tượng và nhiệm vụ	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các yếu tố môi trường.	04	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 2 Các nguyên lý sinh thái áp dụng trong khoa học môi trường</b>		<b>06</b>			
Lý thuyết	1. Yếu tố môi trường, yếu tố sinh thái 2. Một số quy luật sinh thái học cơ bản 3. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh đến sinh vật 4. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái hữu sinh đến sinh vật 5. Quần thể 6. Quần xã 7. Hệ sinh thái tự nhiên	03	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Thực hành, bài tập	1. Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sự nảy mầm của hạt (giảng viên giao cho các nhóm thực hiện từ tuần 1). Báo cáo thu hoạch trước lớp. 2. Bài tập về chuỗi và lưới thức ăn	03	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các yếu tố môi trường để thực hành và giải bài tập.	12	Tự đọc học liệu số [1] và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 3 Dân số và môi trường</b>		<b>04</b>			
Lý thuyết	1. Các thông số cơ bản của dân số học	02	Học học liệu	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2. Cấu trúc dân số 3. Lý thuyết dân số 4. Biến trình tăng dân số thế giới và Việt Nam 5. Mối quan hệ dân số, môi trường và phát triển 6. Chính sách và chương trình dân số		bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.		
Xemina, thảo luận	1. Tình hình và thực trạng dân số ở Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và giải pháp nhằm hạn chế sự gia tăng dân số. 2. Liên hệ với địa phương nơi đang sống và nêu trách nhiệm của bản thân về vấn đề dân số.	02	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa dân số và môi trường.	08	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4 Tài nguyên thiên nhiên</b>	<b>02</b>			
Lý thuyết	1. Khái niệm, phân loại 2. Tài nguyên rừng 3. Đa dạng sinh học 4. Tài nguyên đất	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa dân số và môi trường.	04	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Kiểm tra tín chỉ 1</b>	<b>01</b>			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để lý giải một số vấn đề đặt ra trong đề kiểm tra.	02	Sau khi nghe giảng lý thuyết và thảo luận chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 4 Tài nguyên thiên nhiên (Tiếp theo)</b>	<b>05</b>			
Lý thuyết	5. Tài nguyên nước 6. Tài nguyên biển 7. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Xemina,	1. Di dân tự do, thực trạng và những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, trật tự xã hội...Giải pháp khắc phục. 2. Bàn về những giải pháp để làm chậm	04	- Nắm vững lý thuyết các chương 1; 2; 3; 4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thảo luận	quá trình cạn kiệt tài nguyên hữu hạn. 3. Tìm hiểu một số khu dự trữ sinh quyển Thế giới tại miền Bắc Việt Nam-Hiểu biết về tầm quan trọng của các khu dự trữ sinh quyển.		- Vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân. - Trao đổi, thảo luận theo nhóm.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các loại tài nguyên thiên	14	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.		
	<b>Chương 5: Các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người và hệ quả</b>	<b>07</b>			
Lý thuyết	1. Nhu cầu lương thực, thực phẩm 2. Nhu cầu nhà ở và tác động tới môi trường 3. Du lịch và môi trường 4. Công nghiệp hóa, đô thị hóa và môi trường	04	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Xemina, thảo luận	Những nhu cầu nhằm thỏa mãn cho con người đều ảnh hưởng tới môi trường. Vậy con người cần có những nguyên tắc và đưa ra những biện pháp gì nhằm giảm thiểu nguy hại đến môi trường trong hiện tại và trong tương lai để bảo vệ môi trường sống của chính mình.	03	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các loại tài nguyên thiên	14	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 6 Ô nhiễm môi trường</b>	<b>03</b>			
Lý thuyết	1. Một số vấn đề chung 2. Ô nhiễm không khí 3. Ô nhiễm nước	03	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các loại tài nguyên thiên	06	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 6 Ô nhiễm môi trường (Tiếp theo)</b>	<b>05</b>			
Lý thuyết	4. Ô nhiễm đất	01	Học học liệu bắt buộc số	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú								
			[1] và tham khảo học liệu khác.										
Thực hành	<p>Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường tại 1 trong những nơi (nơi sản xuất, quanh nơi ở, chuồng trại chăn nuôi, kho cất giữ thuốc bảo vệ thực vật, ao, hồ....) điều tra theo mẫu bảng sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>Tác nhân gây ô nhiễm</td> <td>Mức độ ô nhiễm</td> <td>Nguyên nhân gây ô nhiễm</td> <td>Đề xuất biện pháp khắc phục</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Tác nhân gây ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Đề xuất biện pháp khắc phục					04		Đến các cơ sở này để điều tra theo các nội dung yêu cầu của giảng viên.	
Tác nhân gây ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Đề xuất biện pháp khắc phục										
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về các dạng ô nhiễm môi trường.	10	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà									
	<b>Chương 7</b> <b>Những vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt nam</b>	<b>03</b>											
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất thải và ô nhiễm môi trường ở những nước đang phát triển</li> <li>2. Sự nóng dần lên của Trái đất và biến đổi khí hậu</li> <li>3. Suy thoái tầng ozon</li> <li>4. Hoang mạc hóa đất</li> <li>5. Ô nhiễm biển</li> <li>6. Lan truyền ô nhiễm qua biên giới</li> <li>7. Môi trường Việt Nam</li> </ol>	01	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học									
Xemina, Thảo luận	Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam	02	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học									
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về sự ô nhiễm môi trường.	06	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà									
	<b>Chương 8</b> <b>Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</b>	<b>06</b>											
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Con người - công dân sinh thái</li> <li>2. Cách tiếp cận bảo vệ môi trường và tài nguyên</li> <li>3. Phát triển bền vững</li> <li>4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam</li> </ol>	02	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học									

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với SV	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Thảo luận	<p>1. Nhận thức của người Việt Nam về biến đổi khí hậu? Các giải pháp Việt Nam đang làm để ứng phó với biến đổi khí hậu? Vai trò của thanh niên, sinh viên trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu?</p> <p>2. Các vấn đề ô nhiễm môi trường do lạm dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong nông nghiệp ở Việt Nam.</p> <p>3. Vấn đề ô nhiễm rác thải sinh hoạt ở Việt Nam</p> <p>4. Những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường ở Việt Nam.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững lí thuyết các chương 5; 6; 7</li> <li>- Tăng cường kiến thức về môi trường qua các phương tiện truyền thông và qua thực tế</li> <li>- Tích cực nêu vấn đề để trao đổi, thảo luận.</li> </ul>	Lớp học	
Thực tập, thực tế	Tham quan, khảo sát tại một số địa bàn cụ thể (trong nhà máy, ngoài đồng ruộng, nông thôn và đô thị...) nơi có các vấn đề suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, qua đó sinh viên có thể lựa chọn, phân tích vấn đề thực tế và đề xuất những giải pháp khả thi để giải quyết.	02	Nắm vững lí thuyết, trang bị các kỹ năng cơ bản để đánh giá các vấn đề và tham gia bảo vệ môi trường	Tại thực địa	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	12	Tự đọc học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Kiểm tra tín chỉ 2</b>	<b>01</b>			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để lý giải một số vấn đề đặt ra trong đề kiểm tra.	02	Sau khi nghe giảng lý thuyết và thảo luận chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Môi trường và con người*, NXB Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Văn Khoa (chủ biên) (2004), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.

[3] Trần Lê Bảo (chủ biên) (2005), *Văn hóa sinh thái nhân văn* (Giáo dục môi trường), NXB Đại học sư phạm.

[4] Vũ Trung Tạng (2003), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục.

[5] Tống Văn Đường, Nguyễn Nam Phương (2007), *Giáo trình Dân số và phát triển*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập, thực tế	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		6
2	3				6		6
3			3			6	6
4	1			2	2	4	6
5	2	1			6		6
6	2			1	4	2	6
7	1			2	2	4	6
8	3				6		6
9				3		6	6
10	3				6		6
11	1		2		2	4	6
12	1		2		2	4	6
13	1			2	2	4	6
14	1		2		2	4	6
15		1	1	1	2	4	6
<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>48</b>	<b>42</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy: phòng học có đủ các phương tiện để sử dụng giáo án điện tử, xem phim tư liệu....

- Yêu cầu đối với SV: tham gia đầy đủ các giờ học lí thuyết và giờ thảo luận trên giảng đường, tích cực và chủ động nêu các vấn đề đã được đề cập khi học lí thuyết và các vấn đề môi trường trong thực tế để thảo luận. Tham gia chương trình đi thực tế để trực tiếp quan sát, phân tích các vấn đề môi trường, đồng thời có những hành động cụ thể góp phần bảo vệ môi trường.

## 11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

11.1. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

11.2. Kiểm tra giữa kì: 2 tiết (trong quỹ thời gian học lí thuyết, vào tuần 5 và tuần 15 do giảng viên tổ chức): 30%

11.3. Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm) Câu 3: Nội dung thuộc tín chỉ 2 (4 điểm)	90'	07	

**Trọng số:** Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 2/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Pháp luật đại cương**

**1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Hoàng Thị Tuyết Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0987846958. Email: maihoang.106@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý công, Hành chính học, Luật học

**Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Nguyễn Mai Chinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 01695076189. Email: maichinh1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách công, Luật học, Hành chính học

**2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Pháp luật đại cương
- Mã học phần: LL2.1.007.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.

+ Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Thảo luận: 15 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn Lý luận chính trị.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng làm nền tảng cho việc học, thực hiện pháp luật.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Tóm tắt một số vấn đề cơ bản về nhà nước, nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam
CDR 2	Phân tích khái niệm, thuộc tính của pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, văn bản QPPL, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
CDR 3	Hiểu được một số quy định chung về pháp luật dân sự, quyền nhân thân, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng dân sự; luật lao động, hợp đồng lao động, kỷ luật lao động; luật hình sự, tội phạm và các loại hình phạt; luật hành chính, các nội dung cơ bản của luật hành chính và các thủ tục của tố tụng dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng hành chính
CDR 4	Phân tích khái niệm, đặc trưng của tham nhũng, Các hành vi tham nhũng; nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng; tác hại của tham nhũng; Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng; các giải pháp pháp phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 5	Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình



	huống pháp luật
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 6	Vận dụng kiến thức pháp luật vào cuộc sống để tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích các hiện tượng chính trị - pháp lý trong xã hội
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho mọi người xung quanh, giúp mỗi cá nhân hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8
1. Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Khái niệm và đặc trưng của nhà nước	1				1	1	1	1
	Chức năng của nhà nước	2				1	1	1	1
	Hình thức và bộ máy nhà nước	2				1	1	1	1
	Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	2				1	2	2	2
2. Chương II. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật		1			1	1	1	1
	Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật		2			2	2	2	2
	Quan hệ pháp luật		2			2	2	2	2
	Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý		2			2	2	2	2
3. Chương III. Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự	Pháp luật dân sự			2		2	2	2	2
	Pháp luật tố tụng			2		1	2	2	2

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng		Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng	Mềm		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8
	dân sự								
4. Chương IV. Pháp luật lao động	Những vấn đề chung			2		1	2	2	2
	Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động			2		2	2	2	2
5. Chương V. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự	Pháp luật hình sự			2		2	2	2	2
	Luật Tố tụng hình sự			2		1	2	2	2
6. Chương VI. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính	Luật hành chính			2		2	2	2	2
	Pháp luật tố tụng hành chính			2		1	2	2	2
7. Chương VII. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Khái niệm tham nhũng				2	1	2	2	2
	Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng				1	1	2	2	2
	Tác hại của tham nhũng				2	1	2	2	2
	Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng				2	1	2	2	2
	Các giải pháp phòng, chống tham nhũng				2	1	2	2	2
	Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng				1	1	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp

luật tổ tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tổ tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Phần thứ nhất: Đại cương về nhà nước và pháp luật</b> <b>Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	I. Khái niệm và đặc trưng của nhà nước 1. Khái niệm nhà nước 2. Các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước II. Chức năng của nhà nước 1. Khái niệm chức năng của nhà nước 2. Phân loại chức năng của nhà nước III. Hình thức và bộ máy nhà nước 1. Hình thức nhà nước 2. Bộ máy nhà nước IV. Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	2	* Đọc đề cương học phần Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [3], [4], [5]	Trên lớp	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề thảo luận, câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương II. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	I. Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật 1. Khái niệm pháp luật 2. Thuộc tính cơ bản của pháp luật 3. Hình thức pháp luật II. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật 1. Quy phạm pháp luật 2. Văn bản quy phạm pháp luật III. Quan hệ pháp luật	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [3], [4], [5]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật 2. Phân loại quan hệ pháp luật 3. Nội dung quan hệ pháp luật 4. Sự kiện pháp lý IV. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý 1. Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật 3. Trách nhiệm pháp lý				
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	4	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn	12	Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ các vấn đề thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần thứ hai: Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam</b> <b>Chương III. Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	I. Pháp luật dân sự 1. Những quy định chung 2. Những chế định cụ thể III. Pháp luật tố tụng dân sự 1. Các quy định chung 2. Các thủ tục tố tụng	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	3	Chuẩn bị chủ đề thảo luận, câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật dân sự	10	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương IV. Pháp luật lao động</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	I. Những vấn đề chung 1. Những vấn đề được quy định trong	2	Đọc học liệu số [1]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>pháp luật lao động</p> <p>2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động Việt Nam</p> <p>II. Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động</p> <p>1. Hợp đồng lao động</p> <p>2. Kỷ luật lao động</p>		Tham khảo học liệu số [2], [3]		
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật lao động	8	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<p>I. Pháp luật hình sự</p> <p>1. Những vấn đề chung</p> <p>2. Một số tội phạm trong Bộ luật Hình sự</p> <p>II. Luật Tố tụng hình sự</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Nhiệm vụ của Luật Tố tụng hình sự</p> <p>3. Thủ tục giải quyết vụ án hình sự</p>	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [5]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	1	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật hình sự	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	<b>Chương VI. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<p>I. Luật hành chính</p> <p>1. Các vấn đề chung của Luật Hành chính</p> <p>2. Nội dung cơ bản của Luật Hành chính</p> <p>II. Pháp luật tố tụng hành chính</p> <p>1. Các vấn đề chung của Luật Tố tụng hành chính</p> <p>2. Thủ tục giải quyết vụ án hành chính</p>	2	Đọc học liệu số [1] Tham khảo học liệu số [2], [3]	Lớp học	
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề.	1	Chuẩn bị chủ đề,	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật hành chính	6	Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, ở nhà.	
	<b>Chương VII. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<p>I. Khái niệm tham nhũng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Định nghĩa và những đặc trưng cơ bản của tham nhũng</li> <li>Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành</li> </ol> <p>II. Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyên nhân và điều kiện khách quan</li> <li>Nguyên nhân và điều kiện chủ quan</li> </ol> <p>III. Tác hại của tham nhũng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tác hại về chính trị</li> <li>Tác hại về kinh tế</li> <li>Tác hại về xã hội</li> </ol> <p>IV. Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p> <p>V. Các giải pháp phòng, chống tham nhũng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng</li> <li>Các giải pháp phát hiện tham nhũng</li> <li>Xử lý hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng</li> </ol> <p>VI. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trách nhiệm của công dân tham gia phòng, chống tham nhũng</li> <li>Trách nhiệm của công dân trong tố cáo hành vi tham nhũng</li> <li>Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phòng, chống tham nhũng thông qua Ban thanh tra nhân dân, tổ chức mà mình là thành viên.</li> </ol>	3	<p>Đọc học liệu số [1]</p> <p>Tham khảo học liệu số [2]</p>		
Thảo luận	Giảng viên chọn chủ đề	2	Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	Lớp học	
Tự học, tự	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe	10	Sau khi nghe	Thư	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn		giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	viện, ở nhà.	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2014), *Giáo trình Pháp luật*, Nxb Đại học Sư phạm.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Các văn bản pháp luật hiện hành.

[3] Nguyễn Văn Đông (2012), *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4] Lê Minh Toàn (2013), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia

[5] Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an Nhân dân.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2			0	4		6
2	0			2	4		6
3	2			0	2	2	6
4	0			2	4		6
5	0			2	4		6
6	2			0	4		6
7	0	1		1	3	1	6
8	1			1	4		6
9	1			1	2	2	6
10	1			1	3	1	6
11	1			1	4		6
12	2			0	4		6
13	1			1	4		6
14	2			0	4		6
15	0			2	4		21
<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>1</b>		<b>14</b>	<b>60</b>	<b>6</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Thi hết học phần: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	<b>Câu 1:</b> Nội dung thuộc tín chỉ 1,2 ( 5 điểm) <b>Câu 2:</b> Nội dung thuộc tín chỉ 1, 2 ( 5 điểm)	60 phút	(Theo yêu cầu của Phòng Khảo thí)

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ BIÊN SOẠN ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thị Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ Giáo dục học
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979264379                      - Email: tranthilycdsp@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hà Mỹ Hạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ Giáo dục học
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01694565522                      - Email: hamyhanhedu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học, Giáo dục học, Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
- Mã học phần: TL2.1.005.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết

+ Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 16 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

### 3. Mục tiêu của học phần

Người học hiểu những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Bước đầu biết vận dụng kiến thức để tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Có ý thức học tập nghiên cứu trau dồi tích lũy kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (khoa học, nghiên cứu khoa học, những cơ sở phương pháp luận nghiên cứu KHGD).
CĐR 2	Hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục cụ thể)
CĐR 3	Hiểu được những kiến thức về các giai đoạn thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục (chuẩn bị, thực hiện, hoàn thành một công trình nghiên cứu KHGD)
CĐR 4	Hiểu về việc đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục (các tiêu chí đánh giá, các phương pháp đánh giá)
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 5	Có khả năng sử dụng một số phương pháp để tiến hành nghiên cứu 1 đề tài khoa học giáo dục cụ thể.
CĐR 6	Có khả năng xây dựng được tên 1 đề tài nghiên cứu KHGD, lập đề cương nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu 1 nội dung cụ thể dưới sự hướng dẫn của giảng viên, biết cách thu thập và xử lý thông tin khoa học, trình bày nội dung nghiên cứu bằng văn bản khoa học.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 7	Có kỹ năng giao tiếp; kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm; kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng tính toán. Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	

CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 9	Bồi dưỡng hứng thú, lòng say mê nghiên cứu khoa học

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10
Chương 1: Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	Khoa học và nghiên cứu khoa học	2				1		1	1	1	1
	Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2				1		1	2	1	1
Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học		2			1		1	1	1	1
	Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		2			2		1	2	1	2
Chương 3: Các giai đoạn thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu.			2		1	2	1	2	1	2
	Giai đoạn thực hiện công trình khoa học			2		1	2	1	2	1	2
	Giai đoạn hoàn thành công trình khoa học			2		1	2	1	2	1	2
Chương 4: Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	Tiêu chí đánh giá				2	1	2	1	1	1	1
	Phương pháp đánh giá				2	1	2	1	2	1	2

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; phương pháp thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
<b>Chương 1. Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục</b>		<b>4</b>			
Lý thuyết	1.1. Khoa học và nghiên cứu khoa học 1.2. Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	4	Đọc học liệu 1 Tham khảo học liệu 2,3	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận		0			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. Mở rộng kiến thức sau khi học	8	Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</b>		<b>11</b>			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 2.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết 2.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn 2.2.3. Phương pháp thống kê trong nghiên cứu khoa học giáo dục	7	Chuẩn bị trước tài liệu. - Đọc học liệu 2 Tham khảo học liệu 1,4	Lớp học	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Bài tập tương ứng trong học liệu 1 hoặc do GV xây dựng	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Kiểm tra	Nội dung thuộc tín chỉ 1	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hiện các bài tập	22	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
<b>Chương 3. Các giai đoạn thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục</b>		<b>13</b>			
Lý thuyết	3.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu. 3.1.1. Xác định đề tài nghiên cứu 3.1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu 3.1.3. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu 3.2. Giai đoạn thực hiện công trình khoa học 3.3. Giai đoạn hoàn thành công trình khoa học	6	Đọc học liệu 1; Tham khảo học liệu 2,3,4	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Bài tập tương ứng trong học liệu 1 hoặc do GV xây dựng	7	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với người học	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hiện các bài tập	26	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 4. Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục</b>		<b>2</b>			
Lý thuyết	4.1. Tiêu chí đánh giá 4.2. Phương pháp đánh giá	1	Đọc học liệu 2; Tham khảo học liệu 1,3,4	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Bài tập tương ứng trong học liệu 1 hoặc do GV xây dựng	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hiện các bài tập	4	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Phó Đức Hòa (2009), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

### 8.2 Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Việt Vượng (1997), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng*, Nxb Đại học Sư phạm.

[4] Phạm Hồng Quang (2006), *Hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục của sinh viên sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	1		1		2	2	6
12			2		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng</b>	18	1	11	0	30	30	90

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1. Điểm thành phần 1:** Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2. Điểm thành phần 2:** Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3. Điểm thành phần 3:** Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $(0,1 \times \text{điểm thành phần 1} + 0,3) \times (\text{điểm thành phần 2}) + (0,6 \times \text{điểm thành phần 3})$ .

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Gồm 2 câu: - Câu 1 nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1. - Câu 2 nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 2.	60 phút	07

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

### Tiếng Việt thực hành 1

#### **1. Thông tin về giảng viên**

##### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Bùi Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Khoa Văn hóa – Du lịch
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Văn hóa - du lịch, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0914786258                      - Email: Maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận văn học, Phương pháp dạy học Ngữ văn, các học phần Tiếng Việt.

##### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089                      - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: văn học Việt Nam; văn hóa Tuyên Quang, văn học Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên ngành Ngữ văn

#### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Việt thực hành 1
- Mã học phần: XH2.1.049.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.



- + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 29 tiết
  - + Kiểm tra trên lớp: 01 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Ngữ văn.
  - + Khoa: Khoa khoa học Cơ bản

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về việc sử dụng tiếng Việt khi nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu cho trẻ Mầm non. Giúp các em biết cách sử dụng và có ý thức rèn luyện các kỹ năng cơ bản của tiếng Việt: nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản nói, phát hiện và chữa lỗi dùng từ, câu trong giao tiếp, học tập và công tác tại trường Mầm non sau này.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về việc sử dụng tiếng Việt khi nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản nói trong học tập, giao tiếp và công tác tại các trường Mầm non.
CDR 2	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản trong việc dùng từ và tạo lập câu tiếng Việt khi học tập, giao tiếp và công tác tại các trường Mầm non.
CDR 3	Từ kiến thức các em đã hiểu, sinh viên biết nhận diện để phát hiện ra các lỗi thường gặp khi sử dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản nói, lỗi dùng từ, câu trong giao tiếp, học tập và công tác sau này.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức đã có, đã hiểu của mình để phân tích và đánh giá các tình huống thực tế, tại trường Mầm non, khi giao tiếp có sử dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, dùng từ, tạo câu.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 5	Sinh viên biết tạo dựng, trình bày những bài tham luận hay hấp dẫn trong các buổi hội thảo, hội nghị chuyên môn. Không chỉ là cô giáo Mầm non giỏi mà có thể trở thành người dẫn chương trình, hùng biện, thuyết trình...

	về các vấn đề xã hội khi vận dụng sáng tạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, dùng từ và đặt câu
<b>VỀ THÁI ĐỘ, NĂNG LỰC TỰ CHỦ</b>	
CĐR 6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 7	Tích cực tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các kỹ năng nghe, nói đọc, viết, dùng từ, đặt câu tiếng Việt chuẩn, hay, hấp dẫn cho mọi người xung quanh, giúp mỗi cá nhân hình thành ý thức và thói quen sử dụng các kỹ năng này đúng, chuẩn, phù hợp và hấp dẫn.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức					Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			
Chương	Kiến thức	Cứng										Mềm	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11			
Chương 1 Luyện kỹ năng nghe - nói	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng nghe – nói	2					2					2	2	2	2
	1.2. Một số hình thức nghe nói	2					2					2	2	2	2
	1.3. Luyện kỹ năng nói	2					2					2	2	2	2
	1.4. Luyện kỹ năng nghe	2					2					2	2	2	2
Chương 2 Luyện kỹ năng viết chữ	2.1. Mục đích, yêu cầu của việc rèn kỹ năng viết chữ		2					2				2	2	2	2
	2.2. Giới thiệu bảng mẫu chữ cái và chữ số tiếng Việt.		2					2				2	2	2	2
	2.3. Quy định về cách viết và kỹ thuật viết.		2					2				2	2	2	2

Chương 3 Rèn luyện kỹ năng dùng từ	3.1. Vài nét về từ			2				2			2	2	2	2
	3.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ			2				2			2	2	2	2
Chương 4 Rèn luyện kỹ năng đặt câu	4.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản.			2				2			2	2	2	2
	4.2. Chữa các lỗi thông thường về câu			2				2			2	2	2	2
Chương 5 Luyện kỹ năng xây dựng văn bản nói	5.1. Mục đích yêu cầu của việc rèn kỹ năng xây dựng văn bản nói đối với giáo viên mầm non			2				2			2	2	2	2
	5.2. Văn bản miêu tả			2				2			2	2	2	2
	5.3. Văn bản tường thuật			2				2			2	2	2	2
	5.3. Văn bản kể chuyện			2				2			2	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: rèn kỹ năng đọc diễn cảm, rèn kỹ năng nghe – nói; rèn kỹ năng kể chuyện, rèn kỹ năng viết chữ, rèn kỹ năng tạo lập các văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1</b> <b>Luyện kỹ năng nghe - nói</b>	<b>05</b>			
Lí thuyết	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng nghe – nói 1.1.1. Đối với giáo viên 1.1.2. Đối với trẻ trong độ tuổi mầm non. 1.2. Một số hình thức nghe nói 1.2.1. Đơn thoại 1.2.2. Hội thoại 1.3. Luyện kỹ năng nói 1.3.1. Những điều kiện để nói có kết quả	05	Học học liệu số 1 (chương 1, từ mục 1.1-1.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.3.2. Chuẩn bị bài nói 1.3.3. Thực hiện bài nói (giao tiếp) 1.4. Luyện kỹ năng nghe 1.4.1. Các hình thức nghe - Nghe trong đơn thoại - Nghe trong hội thoại 1.4.2. Những điều kiện để nghe có kết quả 1.4.3. Cách nghe 1.4.4. Một số kỹ năng cần luyện trong khi nghe				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2</b> <b>Luyện kỹ năng đọc - viết chữ</b>	<b>04</b>			
Lí thuyết	2.1. Mục đích, yêu cầu của việc rèn kỹ năng đọc - viết chữ 2.1.1. Mục đích của việc rèn kỹ năng viết đọc - viết chữ 2.1.2. Yêu cầu của việc rèn kỹ năng đọc - viết chữ 2.2. Kỹ thuật đọc - viết chữ 2.2.1. Kỹ thuật đọc thành tiếng - Đọc rõ tiếng, rõ lời, đúng chính âm - Ngắt giọng đúng chỗ - Ngữ điệu đọc phù hợp - Nét mặt, điệu bộ khi đọc - Tốc độ, âm lượng đọc 2.2.2. Kỹ thuật viết chữ - Giới thiệu bảng mẫu chữ cái và chữ số tiếng Việt. + Bảng mẫu chữ cái. + Bảng mẫu chữ số + Bảng mẫu dấu thanh - Quy định về cách viết và kỹ thuật viết. + Tư thế ngồi viết và cầm bút + Nét viết + Kích thước chữ. + Tên gọi các nét cơ bản + Vị trí dấu thanh trong chữ viết + Viết liền mạch 2.3. Luyện kỹ năng đọc-viết chữ 2.3.1. Luyện kỹ năng đọc 2.3.2. Luyện kỹ năng viết chữ	04	Học học liệu số 1 (chương 2, từ mục 2.1-2.3); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập	08	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3</b> <b>Rèn luyện kỹ năng dùng từ</b>	<b>05</b>			
Lí thuyết	3.1. Vài nét về từ 3.1.1. Cấu tạo từ tiếng Việt	02	Học học liệu số 1 (chương 3, từ mục	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.1.2. Nghĩa của từ 3.1.3. Các loại trường nghĩa 3.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ 3.2.1. Lập từ. 3.2.2. Dùng từ sai hình thức ngữ âm 3.2.3. Dùng từ sai phong cách 3.2.4. Dùng sai nghĩa từ.		3.1-3.2); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		<b>01</b>			
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn tập nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên	02	Đọc lý thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức thuộc tín chỉ 1 để giải các nội dung kiểm tra.	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
<b>Chương 4</b> <b>Rèn luyện kĩ năng đặt câu</b>		<b>06</b>			
Lí thuyết	4.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản. 4.1.1. Câu cân cấu tạo đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt. 4.1.2. Câu cân đúng về nội dung ý nghĩa. 4.1.3. Câu phải được đánh dấu câu thích hợp. 4.2. Chữa các lỗi thông thường về câu	06	Học học liệu số 1 (chương 4, từ mục 4.1-4.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	12	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 5</b> <b>Luyện kĩ năng xây dựng văn bản nói</b>		<b>09</b>			
Lý thuyết	5.1. Mục đích yêu cầu của việc rèn kĩ năng xây dựng văn bản nói đối với giáo viên mầm non 5.1.1. Mục đích 5.1.2. Yêu cầu 5.2. Văn bản miêu tả 5.2.1. Khái niệm văn bản miêu tả. 5.2.2. Đặc điểm chung của văn miêu tả. 5.2.3. Một số kiểu bài văn miêu tả 5.2.3.1. Miêu tả đồ vật 5.2.3.2. Miêu tả loài vật 5.2.3.3. Miêu tả cây cối 5.2.3.4. Tả cảnh 5.2.3.5. Tả người 5.2.3.6. Tả cảnh sinh hoạt. 5.2.4. Luyện kĩ năng xây dựng văn bản miêu tả. 5.2.4.1. Luyện tìm ý cho bài văn miêu tả 5.2.4.2. Lập dàn ý cho bài văn miêu tả 5.3. Văn bản tường thuật	08	Học học liệu số 1 (chương 5, từ mục 5.1-5.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.3.1. Khái niệm văn tường thuật 5.3.2. Luyện kỹ năng xây dựng văn bản tường thuật. 5.3.2.1. Luyện tìm ý cho bài văn tường thuật 5.3.2. 2. Lập dàn ý cho bài văn tường thuật 5.4. Văn bản kể chuyện 5.4.1. Khái niệm văn kể chuyện 5.4.2. Luyện kỹ năng xây dựng văn bản kể chuyện. 5.4.2.1. Luyện tìm ý cho bài văn kể chuyện 5.4.2.2. Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập	18	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2008), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ giáo dục và Đào tạo (2007), *Tiếng Việt thực hành*, Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[3] Lê Thị Thu Hương (2001), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện mẫu giáo* (ba tập), Nxb GD, Hà Nội.

[5] Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh (2001), *Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt và mở rộng vốn từ Hán Việt*, Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ CĐSP và 12 + 2 - Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6] Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	2				2	2	6
15	2				2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>29</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (2 điểm)		

	Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (2 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (3 điểm)	60 phút	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
--	---	---------	---

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Văn học dân gian Việt Nam 1

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089                      - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: văn học dân gian; văn học Việt Nam; văn hóa, văn học Tuyên Quang; văn học thế giới; văn hóa Việt Nam; phương pháp dạy học Ngữ văn.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01699085949                      - Email: maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: phương pháp dạy học Ngữ văn; tiếng Việt; lí luận văn học; văn hóa, văn học và ngôn ngữ Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; văn học Việt Nam.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học dân gian Việt Nam 1
- Mã học phần: XH2.1.050.3
- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hoá Việt Nam.
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lí thuyết trên lớp: 40 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 04 tiết
  - + Kiểm tra trên lớp: 01 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Ngữ văn
  - + Khoa: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về khái niệm “văn hoá dân gian”, “văn học dân gian”, đặc trưng cơ bản của văn học dân gian (VHDG), hệ thống loại thể, những giá trị cơ bản của VHDG Việt Nam; khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp của một số thể loại văn học dân gian Việt Nam như: truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, câu đố, ca dao, dân ca (đặc biệt là đồng dao, hát ru), vè; ý nghĩa của các thể loại VHDG đối với trẻ thơ; có kĩ năng cảm thụ tác phẩm VHDG; biết phân tích tác phẩm VHDG theo thể loại; biết ứng dụng kiến thức văn học dân gian vào các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non; biết trân trọng, giữ gìn, sưu tầm, tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam; có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo; có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu; có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành thành kĩ năng nghề nghiệp.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu những kiến thức cơ bản về khái niệm “văn hoá dân gian”, “văn học dân gian”, đặc trưng, hệ thống loại thể, những giá trị cơ bản của VHDG Việt Nam.
CDR 2	Hiểu khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp một số thể loại VHDG Việt Nam như: truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, câu đố, ca dao, dân ca (đặc biệt là đồng dao, hát ru), vè.
CDR 3	Hiểu ý nghĩa của các thể loại VHDG đối với trẻ thơ.

<b>Về kĩ năng</b>	
Kĩ năng cứng	
CĐR 4	Có kĩ năng cảm thụ tác phẩm văn học dân gian.
CĐR 5	Biết phân tích tác phẩm VHGD theo thể loại.
Kĩ năng mềm	
CĐR 6	Biết ứng dụng kiến thức văn học dân gian vào các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Biết trân trọng, giữ gìn, sưu tầm và tìm hiểu văn học dân gian Việt Nam.
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kĩ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		
R	R	R	R	R	R	R	R	R	R		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
Chương 1. Đại cương VHGD Việt Nam	Khái niệm văn hoá dân gian và khái niệm VHGD	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng của VHGD	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Hệ thống thể loại VHGD Việt Nam	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Những giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Vai trò của văn học dân gian trong đời sống trẻ thơ	2	1	2	1	1	1	2	1	1	1
Chương 2. Thần thoại	Khái niệm thần thoại, và phân loại thần thoại	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng truyện thần thoại	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Nội dung truyện thần thoại	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thi pháp truyện thần thoại	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của truyện thần thoại đối với trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
Chương 3. Truyện thuyết	Khái niệm truyện thuyết và phân loại truyện thuyết	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng của truyện thuyết	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung truyện thuyết	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thi pháp truyện thuyết	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của truyện thuyết đối với trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
	Phân tích truyện <i>Thánh Gióng</i>	1	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Chương 4. Truyện cổ tích	Khái niệm và phân loại truyện cổ tích	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng truyện cổ tích	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung và thi pháp truyện cổ tích	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của truyện cổ tích đối với trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
	Phân tích: <i>Cây tre trăm đốt</i>	1	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Chương 5. Truyện ngụ ngôn	Khái niệm và phân loại truyện ngụ ngôn	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng truyện ngụ ngôn	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung truyện ngụ ngôn	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thi pháp truyện ngụ ngôn	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của truyện ngụ ngôn đối với trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
Chương 6.	Khái niệm và phân loại truyện	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Truyện cười	cười										
	Đặc trưng của truyện cười	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung truyện cười	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thi pháp truyện cười	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của truyện cười đối với trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
Chương 7. Câu đố	Khái niệm câu đố và phân loại câu đố	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng của câu	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung của câu đố	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nghệ thuật của câu đố	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Ý nghĩa của câu đố trong việc giáo dục trẻ thơ	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
Chương 8. Ca dao, dân ca	Khái niệm ca dao, dân ca	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Dân ca	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
	Ca dao	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
	Tập hát ru	1	2	2	2	1	2	2	1	2	1
	Tập tổ chức trò chơi gắn với đồng dao	1	2	2	2	1	2	2	1	2	1
Chương 9. Tục ngữ	Khái niệm tục ngữ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng của tục ngữ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung của tục ngữ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thi pháp tục ngữ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 10. Về	Khái niệm về, phân loại về	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Đặc trưng của về	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Nội dung, nghệ thuật của về sự vật	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm “văn hoá dân gian”, “văn học dân gian”; đặc trưng cơ bản của (VHDG); hệ thống loại thể của văn học dân gian Việt Nam; những giá trị cơ bản của (VHDG) Việt Nam; khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp của một số thể loại (VHDG) Việt Nam như: truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, câu đố, ca dao, dân ca (đặc biệt là đồng dao và hát ru), vè; ý nghĩa của các thể loại VHDG đối với trẻ thơ; kỹ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm VHDG theo thể loại.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Đại cương văn học dân gian Việt Nam</b>	<b>4</b>			
Lí thuyết	1.1. Khái niệm văn hoá dân gian và khái niệm văn học dân gian 1.2. Đặc trưng của văn học dân gian - Tính tập thể. - Tính truyền miệng. - Tính dị bản. - Tính nguyên hợp. - Tính thực hành trực tiếp (tính diễn xướng). 1.3. Hệ thống loại thể văn học dân gian Việt Nam 1.4. Những giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam 1.4. Vai trò của văn học dân gian trong đời sống trẻ thơ	4	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	8	Hiểu khái niệm folklore, văn học dân gian; đặc trưng, loại thể, giá trị của văn học dân gian Việt Nam, vai trò của văn học dân gian trong đời sống trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Thần thoại</b>	<b>4</b>			
Lí thuyết	2.1. Khái niệm thần thoại và phân loại truyện thần thoại 2.2. Đặc trưng của truyện thần thoại 2.3. Nội dung của truyện thần thoại - Quan niệm, sự nhận thức thế giới của người Việt cổ - Ước mơ, khát vọng của người Việt cổ trong thần thoại 2.4. Thi pháp truyện thần thoại - Thi pháp cốt truyện - Thi pháp nhân vật - Thi pháp không gian, thời gian	4	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.5. Ý nghĩa của truyện thần thoại đối với trẻ thơ				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	8	Hiểu khái niệm, đặc trưng, phân loại, nội dung, thi pháp của thần thoại; ý nghĩa của thần thoại đối với trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Truyền thuyết</b>	<b>7</b>			
Lí thuyết	3.1. Khái niệm truyền thuyết và phân loại truyền thuyết 3.2. Đặc trưng của truyền thuyết, 3.3. Nội dung truyền thuyết - Truyền thuyết với vấn đề nguồn gốc giống nòi dân tộc, kì tích văn hóa thời dựng nước và đấu tranh giữ nước của dân tộc trong trường kì lịch sử. - Truyền thuyết với vấn đề đấu tranh giai cấp trong các phong trào nông dân khởi nghĩa. - Truyền thuyết về các danh nhân văn hóa thời kì trung đại. 3.4. Thi pháp truyện truyền thuyết - Thi pháp kết cấu, cốt truyện. - Thi pháp nhân vật. - Thi pháp thời gian, không gian. - Thi pháp lời kể. 3.5. Ý nghĩa của truyền thuyết đối với trẻ thơ	6	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2, 5.	Lớp học	
Bài tập	Phân tích truyện: <i>Thánh Gióng</i>	1	Hiểu giá trị nội dung, thi pháp nghệ thuật của truyện <i>Thánh Gióng</i> ; biết cách phân tích truyện thuộc thể loại truyền thuyết.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 5.	14	Hiểu khái niệm, đặc trưng, phân loại, nội dung, thi pháp của truyền thuyết; ý nghĩa của truyền thuyết đối với trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 4. Truyện cổ tích</b>	<b>8</b>			
Lí thuyết	<b>4.1. Khái niệm và phân loại truyện cổ tích</b> 4.2. Đặc trưng của truyện cổ tích <b>4.3. Nội dung và thi pháp truyện cổ tích</b> - Nội dung và thi pháp của truyện cổ tích thần kì. - Nội dung và thi pháp của truyện cổ tích sinh hoạt.	7	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 3, 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	- <b>Nội dung và thi pháp của truyện cổ tích loài vật.</b> 4.4. Ý nghĩa của truyện cổ tích đối với trẻ thơ				
Bài tập	Phân tích truyện: <i>Cây tre trăm đốt</i>	1	Hiểu giá trị nội dung, thi pháp nghệ thuật của truyện <i>Cây tre trăm đốt</i> ; biết cách phân tích truyện thuộc thể loại cổ tích.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 3, 5.	16	Hiểu khái niệm, đặc trưng, phân loại, nội dung, thi pháp của cổ tích; ý nghĩa của truyện cổ tích đối với trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Truyện ngụ ngôn</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	<b>5.1. Khái niệm và phân loại truyện ngụ ngôn</b> <b>5.2. Đặc trưng của truyện ngụ ngôn</b> <b>5.3. Nội dung truyện ngụ ngôn</b> - Truyện ngụ ngôn nêu lên những bài học triết lí, ứng xử, những kinh nghiệm sống sâu sắc. - Truyện ngụ ngôn phản ánh cuộc đấu tranh xã hội. 5.4. Thi pháp truyện ngụ ngôn - <b>Thi pháp cốt truyện.</b> - <b>Thi pháp nhân vật.</b> - <b>Lời kể trong ngụ ngôn.</b> 5.5. Ý nghĩa của truyện ngụ ngôn đối với trẻ thơ	3	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	6	Hiểu khái niệm, đặc trưng, phân loại, nội dung, thi pháp của truyện ngụ ngôn; ý nghĩa của truyện ngụ ngôn đối với trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 6. Truyện cười</b>	<b>3</b>			
Lí thuyết	<b>6.1. Khái niệm và phân loại truyện cười</b> 6.2. Đặc trưng của truyện cười <b>6.3. Nội dung truyện cười</b> - <b>Truyện cười đem đến tiếng cười giải trí, hài hước.</b> - <b>Truyện cười châm biếm, đả kích những cái xấu trong xã hội.</b> <b>6.4. Thi pháp truyện cười</b> - <b>Thi pháp cốt truyện.</b> - <b>Thi pháp nhân vật.</b>	3	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 4, 5.	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	- Thủ pháp gây cười. 6.5. Ý nghĩa của truyện cười đối với trẻ thơ				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 4, 5.	6	Hiểu khái niệm, đặc trưng, phân loại, nội dung, thi pháp của truyện cười; ý nghĩa của truyện cười đối với trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Kiểm tra giữa kì</b>	<b>1</b>		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn lại nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 và 2 theo yêu cầu của giảng viên.	2	Đọc lí thuyết, biết vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1 và 2 để làm bài kiểm tra.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 7. Câu đố</b>	<b>2</b>			
Lí thuyết	7.1. Khái niệm và phân loại câu đố 7.2. Đặc trưng của câu đố 7.3. Nội dung của câu đố - <b>Nội dung gọi tên sự vật, hiện tượng.</b> - <b>Nội dung suy tưởng.</b> <b>7.4. Nghệ thuật của câu đố</b> - Cấu trúc, vần, nhịp của câu đố. - Tính hình tượng - nghệ thuật ẩn dụ đặc biệt. - Thủ pháp nghệ thuật ngôn từ. 7.5. Ý nghĩa của câu đố trong việc giáo dục trẻ thơ	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	4	Hiểu khái niệm, đặc trưng, nội dung, nghệ thuật của câu đố; ý nghĩa của câu đố trong việc giáo dục trẻ thơ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 8. Ca dao, dân ca</b>	<b>9</b>			
Lí thuyết	<b>8.1. Khái niệm ca dao, dân ca</b> 8.2. Dân ca - Phân loại dân ca. - Đồng dao: khái niệm đồng dao, đặc trưng của đồng dao, ý nghĩa của đồng dao trong đời sống trẻ thơ, hướng tổ chức trò chơi gắn với đồng dao. - Hát ru: khái niệm hát ru, đặc trưng của hát ru, ý nghĩa của hát ru trong đời sống trẻ thơ, hướng dẫn hát ru. 8.3. Ca dao - Phân loại ca dao. - Đặc trưng của ca dao. - <b>Nội dung ca dao</b> - Thi pháp ca dao: kết cấu của ca	7	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	dao, ngôn ngữ ca dao, những thủ pháp nghệ thuật chủ yếu trong việc xây dựng hình tượng của ca dao, không gian, thời gian nghệ thuật, thể thơ trong ca dao.				
Bài tập	- Tập hát ru; - Tập tổ chức một số trò chơi gắn với đồng dao.	2	Biết hát ru; biết tổ chức trò chơi gắn với đồng dao.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	18	Hiểu khái niệm ca dao, dân ca; phân loại dân ca; ý nghĩa của đồng dao, hát ru đối với trẻ thơ; phân loại, đặc trưng, nội dung, thi pháp của ca dao.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 9. Tục ngữ</b>	<b>2</b>			
Lí thuyết	9.1. Khái niệm tục ngữ 9.2. Đặc trưng của tục ngữ 9.3. Nội dung của tục ngữ - Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất. - Tục ngữ về lịch sử - xã hội. - Tục ngữ về con người. 9.4. Thi pháp tục ngữ - <b>Cấu trúc tục ngữ.</b> - Nhịp và vần của tục ngữ. - Các thủ pháp tạo nghĩa trong tục ngữ. - Phong cách biểu đạt của tục ngữ.	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	4	Hiểu khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp của tục ngữ.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 10. Vè</b>	<b>2</b>			
Lí thuyết	10.1. Khái niệm vè, phân loại vè 10.2. Đặc trưng của vè 10.3. Nội dung, nghệ thuật của vè sự vật - Nội dung của vè sự vật: phản ánh thế giới phong phú của loài vật, cây trái, sự vật. - Nghệ thuật của vè sự vật: kết cấu, thể thơ, ngôn ngữ.	2	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 5.	4	Hiểu khái niệm, phân loại, đặc trưng, nội dung, nghệ thuật của vè.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Thị Lâm Huyền (2015), *Văn học dân gian Việt Nam (Tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ dành cho ngành Giáo dục Mầm non, trình độ Đại học, hệ chính quy)*, Trường Đại học Tân Trào.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Thị An, Bùi Việt Mĩ, Phạm Minh Thảo (1996), *Truyền thuyết Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đông Chi (1993), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (5 tập), Viện Văn học, Hà Nội.

[4] Trương Chính, Phong Châu (1987), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[5] Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3	3				3	3	9
4	3				3	3	9
5	2		1		3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				3	3	9
8	2		1		3	3	9
9	3				3	3	9
10	2	1			3	3	9
11	3				3	3	9
12	3				3	3	9
13	3				3	3	9
14	1		2		3	3	9
15	3				3	3	9
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		<b>45</b>	<b>45</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, có thể hoạt động nhóm.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các học liệu được giới thiệu trước khi đến lớp, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên; tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1 (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 hoặc 3 (7 điểm)	90	3

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**Giao tiếp sư phạm**

**1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Chính
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính;
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, 0974.144.259; email: nguyenchinh84@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học giao tiếp, Tâm lý học tham vấn, Tâm lý lâm sàng, Kỹ năng sống.

**Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0902.099.029; email: nguyenhangtq1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi..

**2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Giao tiếp sư phạm
- Mã học phần: TL2.1.008.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết

+ Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 15 giờ

(trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

### 3. Mục tiêu học phần

Trang bị cho người học những vấn đề lí luận cơ bản về giao tiếp sư phạm và hệ thống lí thuyết của việc hình thành năng lực giao tiếp sư phạm; Hình thành được các kĩ năng giao tiếp sư phạm hợp lý, có năng lực giải quyết những tình huống sư phạm thường gặp trong giao tiếp thực tế ở các trường Tiểu học. Góp phần hình thành thái độ chủ động, thiện chí, tích cực trong giao tiếp với học sinh Tiểu học; tự bồi dưỡng lòng yêu nghề, yêu trẻ hướng đến hoàn thiện bản thân

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được bản chất của khái niệm giao tiếp sư phạm, những phương diện đa dạng của giao tiếp sư phạm cũng như các yếu tố chi phối đến quá trình giao tiếp sư phạm, hiểu rõ các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
CDR 2	Hiểu rõ những kỹ năng năng lực được phát triển trong quá trình giao tiếp sư phạm: năng lực nhận thức, năng lực làm chủ bản thân, năng lực điều khiển... và một số tình huống ứng dụng các năng lực, kỹ năng giao tiếp sư phạm.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 3	Hình thành các kỹ năng giao tiếp cơ bản, ứng dụng trực tiếp trong quá trình học tập và rèn nghề của bản thân
CDR 4	Có khả năng giải quyết hiệu quả các tình huống sư phạm thường gặp
CDR 5	Có khả năng xây dựng tình huống sư phạm và cách giải quyết hợp lý
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 6	Tự tin, cởi mở khi tham gia giao tiếp
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Tích cực, chủ động trong học tập, thực hành giao tiếp
CDR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
				Cứng		Mềm			
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8
Chương 1: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm	Khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	
	Những phương diện của giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	
	Những yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	
Chương 2: Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm	Phát triển năng lực nhận thức trong giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	
	Phát triển năng lực làm chủ bản thân trong giao tiếp sư phạm	2	1	2		1	1	2	
	Phát triển năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	
	Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm	2	1				1	1	1
	Ứng dụng giải quyết các tình huống sư phạm	2	1				1	1	1
	Các hình thức dạy học ở trường phổ thông	2	1	2		1	1	2	2
	Những tình huống giao tiếp sư phạm thường gặp		2 1		2	1	1	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản về quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; Quá trình giáo dục, nguyên tắc nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm	8	Học học liệu số 1: Phần I	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.1.1. Các cách tiếp cận hiện tượng giao tiếp</p> <p>1.1.2. Khái niệm giao tiếp</p> <p>1.1.3. Giao tiếp với tư cách là một hoạt động.</p> <p>1.1.4. Những quy luật tâm lí giao tiếp.</p> <p>1.1.5. Khái niệm giao tiếp sư phạm</p> <p>1.1.6. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2. Những phương diện của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.1. Mục đích của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.2. Nội dung của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.3. Chức năng của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.4. Phong cách giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.5. Các phương tiện của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.6. Đặc trưng của giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.7. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm</p> <p>1.2.8. Kỹ năng giao tiếp sư phạm</p> <p>1.3. Những yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm</p> <p>1.3.1. Mục tiêu của giáo dục</p> <p>1.3.2. Đối tượng giao tiếp sư phạm</p> <p>1.3.4. Các kiểu khí chất và đặc trưng giao tiếp</p>		Tham khảo: Học liệu số 2 (Chương 1,2); Học liệu số 3 (Phần I.)		
Bài tập	Thảo luận, sắm vai hoặc thuyết trình về các vấn đề lý thuyết đã học trên lớp.	6	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.		
Kiểm tra	Các nội dung trong chương 1	1			
Tự học, tự	- Đọc các phần lý thuyết trước	30	Làm bài tập ở cuối	Ở nhà,	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghiên cứu	khi nghe giảng; - Đọc các tài liệu tham khảo về nội dung liên quan đến bài học. - Tìm kiếm các tài liệu liên quan đến internet, sách báo,... - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết các bài tập tình huống.		các chương trong học liệu và các bài tập theo yêu cầu của giảng viên về những nội dung của bài học.	thư viện	
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 2: Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	2.1. Phát triển năng lực nhận thức trong giao tiếp sư phạm 2.2. Phát triển năng lực làm chủ bản thân trong giao tiếp sư phạm 2.3. Phát triển năng lực điều khiển quá trình giao tiếp sư phạm 2.4. Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm 2.5. Ứng dụng giải quyết các tình huống sư phạm 2.6. Những tình huống giao tiếp sư phạm thường gặp	8	Học học liệu số 1: Phần II Tham khảo: Học liệu số 2 (chương 3, 4); Học liệu số 4.	Lớp học	
Bài tập	- Thảo luận về các vấn đề lý thuyết đã học trên lớp. - Thực hành giải quyết tình huống sư phạm	7	Nắm vững lý thuyết và có sự liên hệ thực tế.		
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; - Tìm các tài liệu liên quan đến internet, sách báo,... - Vận dụng được các kiến thức để giải quyết các bài tập.	30	Làm bài tập ở cuối các chương và các bài tập theo yêu cầu của giảng viên	Ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2014.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Bá Minh, *Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2013.

[3] Ngô Công Hoàn, *Giao tiếp và ứng xử sư phạm*, NXBĐHQG Hà Nội, 1997.

[4] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2012.

[5] Lê Thanh Liêm, *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, NXBĐHQG, Hà Nội, 2010.

[6] Trịnh Trúc Lâm, Nguyễn Văn Hộ, *Ứng xử sư phạm*, NXBĐHQG, Hà Nội, 2000.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Người học tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3			2		2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11			2		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13			2		2	2	6
14	2				2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1. Điểm thành phần 1:** Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2. Điểm thành phần 2:** Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3. Điểm thành phần 3:** Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $0,1 \times$  điểm thành phần 1 +  $0,3 \times$  điểm thành phần 2 +  $0,6 \times$  điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài (phút)	Số lượng đề thi
Tự luận	Gồm 2 câu: - Câu 1 nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1. - Câu 2 nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 2.	60 phút	07

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Tâm lý học đại cương

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất:

- Họ và tên: Mã Ngọc Thê
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ Tâm lí học
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915. 865. 668 ; [mangocthe@gmail.com](mailto:mangocthe@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học lứa tuổi; Tâm lý học sư phạm; Tâm lý học quản lý; Tâm lý học sáng tạo; Tâm lý học tham vấn.

##### Giảng viên thứ hai:

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ Tâm lí học
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 01688 667 668; [phamthithuhuyencdtq@gmail.com](mailto:phamthithuhuyencdtq@gmail.com);
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương; kỹ năng giao tiếp.

#### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Tâm lý học đại cương
- Mã môn học: TL2.1.001.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  - + Bài tập trên lớp : 14 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Kiểm tra: 01 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lí học đại cương: các quan điểm về tâm lí người, khái niệm, đặc điểm, quy luật, hoạt động nhận thức, tình cảm, sự hình thành và phát triển nhân cách; sinh viên có kỹ năng tự học, kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề cơ bản của tâm lí học, có thể vận dụng lý thuyết đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn; có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập, có ý thức tìm tòi và nghiên cứu, ứng dụng kiến thức tâm lí học vào thực tiễn cuộc sống.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lí học đại cương: các quan điểm về tâm lí người, khái niệm, đặc điểm, quy luật, hoạt động nhận thức, tình cảm, sự hình thành và phát triển nhân cách.
CĐR 2	Hiểu được tính chất của các khái niệm: tâm lí, tâm lí học, hoạt động, giao tiếp, ý thức, chú ý, cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, tình cảm, ý chí, trí nhớ, nhân cách; mối liên hệ giữa hoạt động và giao tiếp, giữa nhận thức cảm tính( cảm giác, tri giác) và nhận thức lý tính(tư duy, tưởng tượng), giữa các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.
CĐR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài tập, các tình huống trong giáo trình và thực tế.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CĐR 4	Có khả năng làm các bài tập, xử lý các tình huống có liên quan đến các kiến thức đã được trang bị.
CĐR 5	Có kỹ năng phân tích và đánh giá các bài tập và tình huống trong giáo trình và thực tế.
Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành, phát triển khả năng giao tiếp, ứng xử, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành đào tạo.
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

<b>Chương 4: Hoạt động nhận thức</b>	Nhận thức cảm tính	2		2	2		2	2		2
	Nhận thức lý tính	2		2	2		2	2		2
<b>Chương 5: Tình cảm và ý chí</b>	Tình cảm	2		2	2	2	2	2		2
	Ý chí	2		2	2		2	2		2
<b>Chương 6: Trí nhớ</b>	Khái niệm chung về trí nhớ	2						2		
	Các quá trình cơ bản của trí nhớ	2		2	2	2	2	2		2
<b>Chương 7: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách</b>	Khái niệm chung về nhân cách	2						2		
	Các thuộc tính tâm lý của nhân cách	2		2	2	2		2		2
	Sự hình thành, phát triển nhân cách	2		2		2		2		2

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
		CD R1	CD R2	CD R3	Cứng		Mềm				
					CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9	
Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học	1		1					1		
	Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý	2		2	2	2			2		2
	Phương pháp nghiên cứu tâm lý	2		2	2	2			2		2
Chương 2: Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lý	Hoạt động	2		2	2	2			2		2
	Giao tiếp	2		2	2	2			2		2
	Tâm lý là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp	2		2		2			2		2
<b>Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức</b>	Sự hình thành và phát triển tâm lý	1		2			1		2		1
	Sự hình thành và phát triển ý thức	2		2		2			2		2
	Chú ý - điều kiện của tâm lý của hoạt động có ý thức có ý thức	2		2	2	2			2		2

**6. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về tâm lý học.

a) Tâm lý học là một khoa học.

- b) Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí.
- c) Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức.
- d) Hoạt động nhận thức.
- đ) Tình cảm và ý chí.
- e) Trí nhớ.
- f) Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

## 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1 Tâm lí học là một khoa học</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lí học. 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.2 Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí. 1.2.1. Bản chất của tâm lí người 1.2.2 Chức năng của tâm lí 1.2.3. Phân loại hiện tượng tâm lí 1.3 Phương pháp nghiên cứu tâm lí 1.3.1. Phương pháp quan sát 1.3.2. Phương pháp phỏng vấn. 1.3.3. Phương pháp trắc nghiệm. 1.3.4. Phương pháp thực nghiệm 1.3.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động.	2	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.	Lớp học	
Bài tập	Các bài tập tương ứng trong chương 1 các học liệu và bài tập của GV	1	Vận dụng lí thuyết làm bài tập	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	6	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Ở nhà	
<b>Chương 2. Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí</b>		<b>3</b>			
Lý thuyết	2.1. Hoạt động 2.1.1. Khái niệm hoạt động 2.1.2. Các đặc điểm của hoạt động 2.1.3. Cấu trúc của hoạt động 2.2. Giao tiếp 2.2.1. Khái niệm giao tiếp 2.2.2. Phân loại giao tiếp 2.3. Tâm lí là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp 2.3.1. Mối quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp 2.3.2 Vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển	1	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tâm lí				
Bài tập	Bài tập tương ứng Chương 2, hoặc theo yêu cầu của giảng viên.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết tương ứng trong các học liệu đã cho.	6	Sau khi tự đọc và học sinh viên chỉ rõ được các vấn đề cần giải đáp. Biết vận dụng kiến thức vào thực tế.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lí 3.1.1. Sự nảy sinh và hình thành tâm lí về phương diện loài người 3.1.2. Sự phát triển tâm lí về phương diện cá thể 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2.2. Các cấp độ ý thức. 3.2.3. sự hình thành và phát triển ý thức 3.3. Chú ý - điều kiện tâm lí của hoạt động có ý thức	2	- Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.	Lớp học	
Bài tập	Làm các bài tập tương ứng với chương 3 ở học liệu số 1.	2	Nắm vững các lý thuyết và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập đề ra.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Sinh viên đọc và nghiên cứu các phần lý thuyết tương ứng trong các học liệu đã cho.	8	Đọc và tìm hiểu những thông tin có liên quan đến bài học trên lớp và chỉ rõ các vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Hoạt động nhận thức</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	4.1 Nhận thức cảm tính 4.1.1. Cảm giác 4.1.1.1. Định nghĩa 4.1.1.2. Đặc điểm 4.1.1.3. Các quy luật của cảm giác 4.1.2. Tri giác 4.1.2.1. Định nghĩa 4.1.2.2. Đặc điểm 4.1.2.3. Các quy luật của tri giác 4.2. Nhận thức lí tính 4.2.1. Tư duy 4.2.1.1. Định nghĩa 4.2.1.2. Đặc điểm 4.2.1.3. Các giai đoạn tư duy 4.2.1.4. Các thao tác tư duy 4.2.2. Tưởng tượng	2	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.2.2.1. Định nghĩa 4.2.2.2. Các loại tưởng tượng 4.2.2.3. Các cách sáng tạo mới tưởng tượng				
Bài tập	Làm bài tập tương ứng với chương 4 ở học liệu số 1.	2	- Nắm vững lý thuyết để giải quyết được các bài tập đã cho.	Lớp học	
Kiểm tra	Các nội dung thuộc tín chỉ 1 (chương 1 đến chương 4)	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Sinh viên đọc và nghiên cứu các phần lý thuyết tương ứng trong các học liệu đã cho.	10	Sinh viên nghiên cứu các tiêu mục, nắm vững lý thuyết để có thể vận dụng tốt vào cuộc sống.	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 5. Tình cảm và ý chí</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	5.1. Tình cảm 5.1.1. Định nghĩa về tình cảm. 5.1.2. Đặc điểm tình cảm 5.1.3. Các quy luật của đời sống tình cảm. 5.2. Ý chí 5.2.1. Ý chí 5.2.2. Hành động ý chí	2	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.		
Bài tập	Làm bài tập tương ứng chương 5 ở học liệu số 1.	3	Nắm vững lý thuyết để giải quyết được các bài tập và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc trước các phần lý thuyết tương ứng chương 5 trong học liệu đã cho.	10	Đọc trước lý thuyết, vận dụng lý thuyết vào giải quyết các bài tập và biết vận dụng vào cuộc sống.		
	<b>Chương 6. Trí nhớ</b>	<b>3</b>			
Lý Thuyết	6.1. Khái niệm chung về trí nhớ. 6.1.1. Định nghĩa 6.1.2. Vai trò 6.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 6.2.1. Quá trình ghi nhớ 6.2.2. Quá trình gìn giữ 6.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại	2	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.	Lớp học	
Bài tập	Làm các bài tập tương ứng ở học liệu số 1.	1	Đọc kỹ các bài tập, vận dụng lý thuyết giải quyết bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết tương ứng trong các học liệu.	6	Đọc trước lý thuyết và nắm vững kiến thức để giải quyết được bài tập theo yêu cầu, chỉ ra được các vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 7. Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách</b>	7			
	7.1 Khái niệm chung về nhân cách 7.1.1. Khái niệm 7.1.2 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 7.2 Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 7.2.1. Xu hướng 7.2.2. Tính cách 7.2.3. Khí chất 7.2.4. Năng lực 7.3. Sự hình thành và phát triển nhân cách 7.3.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách. 7.3.1.1. Giáo dục 7.3.1.2. Hoạt động 7.3.1.3. Giao tiếp 7.3.1.4. Tập thể	3	Đọc trước phần lý thuyết tương ứng với chương ở học liệu số 1, 2 và 3.		
Bài tập	Làm bài tập tương ứng với chương 7 ở học liệu số 1.	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết tương ứng với học liệu đã cho.	14	Đọc lý thuyết, làm các bài tập, chỉ ra được các vấn đề cần giải đáp.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính

[1] Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHQG, Hà Nội 2013.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội 2013.

[3] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội 2003.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
2	1		1		2	2	6
3			2		2	2	6
4	2				2	2	6
5			2		2	2	6
6	2				2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	1		1		2	2	6
10			2		2	2	6
11	2				2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	2				2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector, có hệ thống âm thanh.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và làm 1 bài kiểm tra hoặc bài tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

11.1. Đánh giá thường xuyên: Kiểm tra những nội dung đã học của buổi học.

11.2. Đánh giá định kì: Là kiểm tra thực hành những nội dung đã học.

11.3 Điểm học phần gồm 3 điểm đánh giá bộ phận:

+ Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

+ Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

+ Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $(0,1 \times \text{điểm thành phần 1} + 0,3) \times (\text{điểm thành phần 2}) + (0,6 \times \text{điểm thành phần 3})$ .

11.4. Lịch thi và kiểm tra: Theo kế hoạch chung của nhà trường.

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận <i>hoặc</i> Vấn đáp	Theo hệ thống ngân hàng câu hỏi.	Tùy theo hình thức thi. Tự luận 60'. Vấn đáp mỗi sinh viên 10'(cả chuẩn bị và trả lời).	15	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Giáo dục học đại cương

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thị Tua
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ Giáo dục học
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 0982.334925; tua.tlgd@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học đại cương, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hà Mỹ Hạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ Giáo dục học
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại, email: 01694565522; hamyhanhedu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học, Giáo dục học, Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

#### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Giáo dục học đại cương
- Mã môn học: TL2.1.003.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành môn Tâm lý học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- + Bài tập trên lớp: 15 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Kiểm tra: 01 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

### 3. Mục tiêu của môn học

- **Kiến thức:** Học xong môn học này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về giáo dục (khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân).

- **Kỹ năng:**

+ Sinh viên biết liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường, giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

+ Vận dụng lý thuyết đã học vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn.

- **Thái độ:** Sinh viên nhận thức được vị trí quan trọng của giáo dục trong xã hội, từ đó hình thành ý thức, trách nhiệm với nghề nghiệp.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Mô tả được các khái niệm và phân biệt được sự khác nhau: giáo dục (nghĩa rộng và nghĩa hẹp); đào tạo; dạy học; giáo dưỡng.
CĐR 2	Hiểu được những kiến thức cơ bản về giáo dục: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân
CĐR 3	Vận dụng các kiến thức đã được học để giải quyết các bài tập và giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có kỹ năng giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ

	trương phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay
CĐR 5	Có kỹ năng phân tích, đánh giá, có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề về giáo dục.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 6	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra								
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
1. Chương 1: Giáo dục học là một khoa học	Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt.	2		1	2	2	2	1		2
	Giáo dục học là một khoa học	2		1	1	2	2	1		2
2. Chương 2. Giáo dục và sự phát triển nhân cách	Nhân cách và sự phát triển nhân cách.	2		2		2	2	1	2	2
	Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách.		2	2		2	2	1	2	2
3. Chương 3: Mục đích, nguyên lý giáo dục	Mục đích, mục tiêu giáo dục		2	2	2	2	2	1	2	2
	Nguyên lý giáo dục		2	2	2	2	2	1	2	2
4. Chương 4: Hệ	Khái niệm hệ thống giáo dục		2	2	1	2	2	1		2

thống giáo dục quốc dân	quốc dân.									
	Những căn cứ xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2	1	2	2	1		2	
	Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay.	2	2	2	2	2	1		2	
	Xu hướng phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	2	2	2	2	2	1	2	2	

## 6. Tóm tắt nội dung môn học.

Môn học này trang bị cho người học các kiến thức về

- Khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục.
- Giáo dục và sự phát triển nhân cách.
- Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục.
- Hệ thống giáo dục quốc dân

## 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1: Giáo dục học là một khoa học</b>	<b>7</b>			
Lý thuyết	1.1 Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt. 1.1.1 Nguồn gốc của giáo dục 1.1.2 Tính chất của giáo dục 1.1.3 Chức năng của giáo dục 1.1.3.1 Chức năng kinh tế 1.1.3.2 Chức năng văn hoá - xã hội. 1.2 Giáo dục học là một khoa học 1.2.1 Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.2.1.1 Giáo dục (nghĩa rộng và nghĩa hẹp) 1.2.1.2 Đào tạo 1.2.1.3 Dạy học 1.2.1.4 Giáo dỡng 1.2.2 Đối tượng của giáo dục học. 1.2.3 Nhiệm vụ của giáo dục học 1.2.4 Cấu trúc của giáo dục học 1.2.5 Mối quan hệ giữa giáo dục học với các khoa học khác 1.2.6 Phương pháp nghiên cứu giáo dục học	4	- Chuẩn bị trước tài liệu. - Mục 1.1 đọc học liệu 1 - Mục 1.2 đọc học liệu 1	Trên lớp	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.2.6.1 Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết 1.2.6.2 Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn 1.2.6.3 Nhóm các phương pháp hỗ trợ				
Bài tập	Bài tập tương ứng của chương 1 trong các học liệu; theo yêu cầu của GV	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 2. Giáo dục và sự phát triển nhân cách</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	2.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách. 2.1.1. Nhân cách. 2.1.2. Sự phát triển nhân cách. 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách. 2.2.1. Yếu tố sinh học (di truyền) 2.2.2. Yếu tố môi trường 2.2.3. Yếu tố hoạt động cá nhân 2.2.4 Yếu tố giáo dục	4	Chuẩn bị trước tài liệu. - Đọc học liệu 1 (từ tr35 – tr40)	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2 trong các học liệu, do GV xây dựng	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Kiểm tra	Nội dung thuộc tín chỉ 1 (chương 1 và chương 2)	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Mục đích, nguyên lý giáo dục</b>	<b>7</b>			
Lý thuyết	3.1. Mục đích, mục tiêu giáo dục 3.1.1 Mục đích giáo dục 3.1.1.1 Định nghĩa 3.1.1.2 Vai trò 3.1.1.3 Đặc điểm 3.1.2 Mục tiêu giáo dục 3.1.2.1 Định nghĩa 3.1.2.2 Mục tiêu giáo dục Việt Nam	4	- Chuẩn bị trước tài liệu. - Tiểu mục 3.1.1 đọc học liệu 1 - Tiểu mục 3.1.2 đọc học liệu 2 - Tiểu mục 3.1.3 đọc học liệu 3 - Mục 3.2 đọc học liệu		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.1.3 Mối quan hệ giữa mục đích, mục tiêu giáo dục 3.2. Nguyên lí giáo dục 3.2.1. Khái niệm nguyên lí giáo dục. 3.2.2. Nội dung nguyên lí giáo dục. 3.2.3. Những phương hướng quán triệt nguyên lí giáo dục		2		
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong các học liệu 1 (tr 93) hoặc do GV xây dựng	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Hệ thống giáo dục quốc dân</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	4.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân. 4.2. Những căn cứ xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân. 4.3. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay. 4.4 Xu hướng phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	5	- Chuẩn bị trước tài liệu. - Đọc học liệu 1	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu 1 (tr 70) hoặc do GV xây dựng	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính

[1] Phạm Việt Vượng, *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm 2012.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) - Phạm Khắc Chương, Phạm Việt Vượng - Bùi Minh Hiền - Nguyễn Ngọc Bảo - Bùi Văn Quân - Phan Hồng Vinh - Từ Đức Văn - *Giáo trình giáo dục học*, NXB đại học Sư phạm 2013.

[3] PGS.TS Hà Thị Đức, GS. TSKH Nguyễn Văn Hộ - *Giáo dục học đại cương (tập 1 và 2)*, NXB Giáo dục 2002.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3			2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11			2		2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1		1		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận Hoặc vấn đáp	Theo ngân hàng câu hỏi	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Tiếng Anh 1

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Chu Thị Hoàng Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên, cử nhân tiếng Anh.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Tân Trào – Km6 – xã Trung Môn – huyện Yên Sơn – tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0942818816; Email: sy290110@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng, phương pháp học tập và giảng dạy, quản lý lớp.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên, cử nhân tiếng Anh.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Tân Trào – Km6 – xã Trung Môn – huyện Yên Sơn – tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 01633103938; Email: builan.ngoaingu@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng, phương pháp học tập và giảng dạy, quản lý lớp.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: NN2.1.001.3
- Số tín chỉ: 03 (3,0)
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: Có

+ Điều kiện tiên quyết: SV đã học chương trình tiếng Anh THPT hệ 7 năm.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30

+ Bài tập và thảo luận trên lớp: 12

+ Kiểm tra: 03

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Tiếng Anh.

+ Khoa: Ngoại Ngữ.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

- Về kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng, có khả năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh tương đương Bậc A1.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Modern life.
CDR 2	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Fortune. Vận dụng tự giới thiệu và trả lời những thông tin về bản thân và người khác.
CDR 3	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Your future.
CDR 4	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Relationship.
CDR 5	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề The law.
CDR 6	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề Travel.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 7	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề chủ đề Modern life.

CĐR 8	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Fortune.
CĐR 9	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Your future.
CĐR 10	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Relationship.
CĐR 11	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề The law.
CĐR 12	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề Travel.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 13	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
CĐR 14	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc tập thể.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 15	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 16	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 17	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ Bài	Kiến thức	Kiến thức						Kỹ năng								Thái độ, năng lực tự chủ			
								Cứng				Mềm							
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	CĐ R12	CĐ R13	CĐ R14	CĐ R15	CĐ R16	CĐ R17	
<b>Starting out; Unit 1: Modern life</b>	Grammar: Talking about the present	2						2							2	2	1	1	2
	Vocabulary: Using a dictionary.	2						2							2	2	1	1	2
	Reading: Voc. file: Idiomatic expressions	2						2							2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Language focus:	2						2							2	2	1	1	2

	Present tenses; Con. pieces: Commenting																		
	Pronunciation IPA	2						2						2	2	1	1	2	
	Extension: Voc. file: Personality adjectives; Language focus: Adverbs of frequency	2						2						2	2	1	1	2	
	Writing: Personal letters.	2						2						2	2	1	1	2	
<b>Unit 2: Fortune</b>	Grammar: Talking about the past		2						2					2	2	1	1	2	
	Vocabulary: Dealing with new words		2						2					2	2	1	1	2	
	Reading: Voc. file: Synonyms		2						2					2	2	1	1	2	
	Listening & speaking: Con. pieces: Responding to news; Language focus: <i>used to</i>		2							2					2	2	1	1	2
	Pronunciation		2							2					2	2	1	1	2



	The IPA: Vowels																
	Extension: Voc. file: Phrasal verbs and idioms	2						2					2	2	1	1	2
	Writing: Linking words	2						2					2	2	1	1	2
<b>Unit 3: Your future</b>	Grammar: Talking about the future		2					2					2	2	1	1	2
	Vocabulary : The weather		2					2					2	2	1	1	2
	Reading: Expressing probability ; Voc. file: Word association		2					2					2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Con. pieces: Asking about the weather; making suggestion s		2					2					2	2	1	1	2
	Pronunciati on The IPA: Consonant		2					2					2	2	1	1	
	Extension: Language focus: <i>would</i>		2					2					2	2	1	1	2
	Writing:		2					2					2	2	1	1	2

	Linking words: But, however, although																
<b>Unit 4: Relations hip</b>	Grammar: Relative clauses				2					2			2	2	1	1	2
	Vocabulary: Communicating				2					2			2	2	1	1	2
	Reading:				2					2			2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Question tags				2					2			2	2	1	1	2
	Pronunciation Vowel sound pairs; Question tag intonation				2					2			2	2	1	1	2
	Extension: Season's greetings				2					2			2	2	1	1	2
	Writing: Paragraph organization.				2					2			2	2	1	1	2
<b>Unit 5: The law</b>	Grammar: The passive					2					2		2	2	1	1	2
	Vocabulary: Crime and the law					2					2		2	2	1	1	2
	Reading: Language focus: Model verbs and the passive						2					2		2	2	1	1

	Listening & speaking:					2						2		2	2	1	1	2
	Pronunciation Word linking					2						2		2	2	1	1	2
	Extension: Reading and listening Questions in the passive					2						2		2	2	1	1	2
	Writing: Linking words; Sequence linkers.					2						2		2	2	1	1	2
<b>Unit 6: Travel</b>	Grammar: Conditionals; time clause						2						2	2	2	1	1	2
	Vocabulary : Phrasal verbs						2						2	2	2	1	1	2
	Reading: Vocabulary file: Synonyms						2						2	2	2	1	1	2
	Listening & speaking: Check-in problems						2						2	2	2	1	1	2
	Pronunciation Diphthongs ; Questions with choices						2						2	2	2	1	1	2
	Extension: Reading and						2						2	2	2	1	1	2

listening; Vocabulary file: Working out meanings																				
Writing: Linking words						2						2	2	2	1	1	2			

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết thúc học phần, SV có trình độ Tiếng Anh sơ cấp (Bậc A1), cụ thể SV có khả năng: Hiểu và sử dụng được các cấu trúc quen thuộc thường nhật; tự giới thiệu và trả lời những thông tin về bản thân và người khác; Nhận biết và sử dụng được các từ và nhóm từ quen thuộc về bản thân, gia đình và môi trường sống xung quanh; Hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo; Viết bưu thiếp đơn giản và ngắn gọn; Điền biểu mẫu với các thông số cá nhân.

## 7. Nội dung chi tiết học phần:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Starting out; Unit 1: Modern life</b>		22			
Lý thuyết	<b>Starting out</b> - Grammar: Introductions; revision <b>Unit 1: Modern life</b> - Grammar: Talking about the present - Vocabulary: Using a dictionary. - Reading: Voc. file: Idiomatic expressions - Listening & speaking: Language focus: Present tenses; Con. pieces: Commenting - Pronunciation: IPA - Extension: Voc. file: Personality adjectives; Language focus: Adverbs of frequency - Writing: Personal letters.	5	- Học liệu số 1: (p.6-7); và (p.8-15); mục (1.1 - 1.6), (p. 120 - 122). - Học liệu số 3: (p.198-209) và (p.61-62) - Học liệu số 4: (p.16-25) - Học liệu số 5: (p.252-260).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.04-10)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
<b>Unit 2: Fortune</b>		22			
Lý thuyết	- Grammar: Talking about the	6	- Học liệu số 1: (p.16-	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>past</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vocabulary: Dealing with new words</li> <li>- Reading: Voc. file: Synonyms</li> <li>- Listening &amp; speaking: Con. pieces: Responding to news; Language focus: <i>used to</i></li> <li>- Pronunciation: The IPA: Vowels</li> <li>- Extension: Voc. file: Phrasal verbs and idioms</li> <li>- Writing: Linking words</li> </ul>		<p>23); (mục 2.1-2.4), (p. 122-124)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học liệu số 3: (p. 210-216; 362-410).</li> <li>- Học liệu số 4: (p.26-33; 141).</li> <li>- Học liệu số 5: (p.261-267).</li> </ul>		
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.11-16)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
<b>Unit 3: Your future</b>		22			
Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Grammar: Talking about the future</li> <li>- Vocabulary: The weather</li> <li>- Reading: Language focus: Expressing probability; Voc. file: Word association</li> <li>- Listening &amp; speaking: Con. pieces: Asking about the weather; making suggestions</li> <li>- Pronunciation: The IPA: Consonant</li> <li>- Extension: Language focus: <i>would</i></li> <li>- Writing: Linking words: But, however, although</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học liệu số 1: (p.24-31); (mục 3.1-3.6), (p. 124-126)</li> <li>- Học liệu số 3: (p. 236-256).</li> <li>- Học liệu số 4: (p.51-62; 99-100).</li> <li>- Học liệu số 5: (p.280).</li> </ul>	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.17-21)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
<b>Unit 4: Relationship</b>		22			
Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Grammar: Relative clauses</li> <li>- Vocabulary: Communicating</li> <li>- Reading: Language focus: Reduced relative clauses</li> <li>- Listening &amp; speaking: Language focus: Question tags</li> <li>- Pronunciation: Vowel sound pairs; Question tag intonation</li> <li>- Extension: Season's greetings</li> <li>- Writing: Paragraph organization.</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học liệu số 1: (p.32-39); mục (4.1-4.3), (p. 126-127)</li> <li>- Học liệu số 3: (p. 95-108)</li> <li>- Học liệu số 4: (p.288-297).</li> </ul>	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.22-26)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải	Thư viện, ở nhà.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	thức chưa hiểu.		đáp.		
<b>Unit 5: The law</b>		22			
Lý thuyết	- Grammar: The passive - Vocabulary: Crime and the law - Reading: Language focus: Model verbs and the passive - Listening & speaking: Language focus: Questions in the passive - Pronunciation: Word linking - Extension: Reading and listening - Writing: Linking words; Sequence linkers.	5	- Học liệu số 1: (p.40-47); (mục 5.1), (p.127). - Học liệu số 3: (p.351-358). - Học liệu số 4: (p.101-104).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook).	2	- Học liệu số 2: (p.27-32)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
<b>Unit 6: Travel</b>		23			
Lý thuyết	- Grammar: Conditionals; time clause - Vocabulary: Phrasal verbs - Reading: Vocabulary file: Synonyms - Listening & speaking: Conversation pieces: Check-in problems - Pronunciation: Diphthongs; Questions with choices • Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Working out meanings • Writing: Linking words	6	- Học liệu số 1: Unit 6(p.48-55), (mục6.1-6.4), (p.127-128) - Học liệu số 3: (p.362-410) - Học liệu số 4: (p.266-273). - Học liệu số 5: (p.268-271). - Học liệu số 6: (p.42-48).	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng trong học liệu số 2 (Workbook)	2	- Học liệu số 2: (p.37-37)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự nghiên cứu ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần kiến thức chưa hiểu.	15	Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		1		6		9
2	2		1		6		9
3	2		1		6		9
4	2		1		6		9
5	2	1	0		6		9
6	2		1		6		9
7	2		1		6		9
8	2		1		6		9
9	2		1		6		9
10	2	1	0		6		9
11	2		1		6		9
12	2		1		6		9
13	2		1		6		9
14	2		1		6		9
15	2	1	0		6		9
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>3</b>	<b>12</b>		<b>90</b>		<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có máy chiếu, loa, đài.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp với ý thức nhiệt tình, trách nhiệm cao; chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %.

11.3. Điểm thành phần 3: Điểm thi hết học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

*Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.*

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Trắc nghiệm, tự luận	80 câu trong đó 30% trắc nghiệm, với nội dung đã học ở cả 3 tín chỉ.	90 phút	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

### Tiếng Anh 2

#### **1. Thông tin về giảng viên**

##### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sỹ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0165.6506.319, Email: tolerate.batch3ma@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe, nói; phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

##### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Lương Thị Hải Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo viên; Cử nhân tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Khoa Ngoại Ngữ,
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0988.907.932; Email: luongha.anha@gmail.com.
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy ngữ pháp, từ vựng theo chủ đề, giảng dạy theo đường hướng giao tiếp.

#### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh 2 – English 2.
- Mã học phần: NN2.1.002.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc:
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình Tiếng Anh 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 12
  - + Bài tập trên lớp: 16
  - + Kiểm tra: 02
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Tiếng Anh
  - + Khoa: Ngoại Ngữ

### 3. Mục tiêu chung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về các bình diện ngôn ngữ tiếng Anh (Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng); Rèn luyện, hình thành các kỹ năng tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Người học có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đơn giản hàng ngày, đọc hiểu ý chính sách, báo, tạp chí phổ thông bằng tiếng Anh đơn giản nhằm hỗ trợ cho công việc và giải trí. Bên cạnh đó, người học nghe hiểu được ý chính các thông tin đơn giản liên quan tới các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Người học có thể bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hoá, xã hội về các chủ đề quen thuộc như giải trí, sức khỏe, .....

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề giải trí (entertainment)
CĐR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CĐR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về chủ đề sức khỏe (health)
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề giải trí (entertainment)
CĐR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề kì nghỉ (time-out)
CĐR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề sức khỏe (health)
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 7	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CĐR 8	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.

Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức				Kĩ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
Chương /Bài	Kiến thức					Cứng			Mềm					
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11		
<b>Unit 7 Entertainment</b>	1. Grammar: The present perfect simple and continuous	2			2			2	2	1	1	2		
	2. Vocabulary: Entertainment	2			2			2	2	1	1	2		
	3. Reading: I'm so lucky!	2			2			2	2	1	1	2		
	4. Listening and speaking: Stating your views	2			2			2	2	1	1	2		
	5. Pronunciation Syllables; word linking (2)	2			2			2	2	1	1	2		
	6. Extension: Reading and listening: Rock and roll will never die	2			2			2	2	1	1	2		
<b>Unit 8 Time out</b>	1. Grammar: Question forms, indirect questions		2			2		2	2	1	1	2		
	2. Vocabulary compound nouns, sport		2			2		2	2	1	1	2		
	3. Reading: Fit for		2			2		2	2	1	1	2		

	life or fit to drop														
	4. Listening and speaking: Making polite requests	2				2			2	2		1	1	2	
	5.Pronunciation /ʃ/, /ʒ/, /dʒ/; Polite intonation	2				2			2	2		1	1	2	
	6. Extension: Reading and listening: Ironman	2				2			2	2		1	1	2	
<b>Unit 9 All in the mind?</b>	1. Grammar: -ing forms			2				2		2	2		1	1	2
	2. Vocabulary: Strong adjectives			2				2		2	2		1	1	2
	3. Reading: Coincidence			2				2		2	2		1	1	2
	4. Listening and speaking: Agreeing and disagreeing			2				2		2	2		1	1	2
	5.Pronunciation Reduced words			2				2		2	2		1	1	2
	6. Extension: Reading and listening: Money			2				2		2	2		1	1	2
<b>Unit 10</b>	1. Grammar: Modal verbs			2				2		2	2		1	1	2
<b>Memory</b>	2. Vocabulary: Medical terms			2				2		2	2		1	1	2
	3. Reading: What's good for you?			2				2		2	2		1	1	2
	4. Listening and speaking: At the doctor's			2				2		2	2		1	1	2
	5.Pronunciation Strong and weak forms			2				2		2	2		1	1	2

6. Extension: Reading and listening: Sentenced to death													2						2					2					1	1	2
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	---	--	--	--	--	---	---	---

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cao hơn của tiếng Anh về mặt ngữ âm như phân biệt nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, trọng âm từ, trọng âm câu, dạng yếu và dạng mạnh của các âm.

Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc như giải trí, công việc, sức khỏe,

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn, danh động từ, các dạng câu hỏi.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
Lý thuyết	<b>Unit 7: Entertainment</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Grammar: The present perfect simple and continuous.</li> <li>Vocabulary: Entertainment</li> <li>Reading:</li> </ul>	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 56 – 63.	Lớp học	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Listening&amp; speaking: Conversation pieces: Expressing opinions</li> <li>Pronunciation: Syllables; Word linking</li> <li>Extension: Reading and listening</li> <li>Writing: A review</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 2 từ trang 191-196.</li> <li>- Đọc học liệu 3 mục 186 từ trang 221-22.</li> </ul>	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 7.1 đến 7.5 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 7.6; 7.7 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập ngữ âm: 7.10 - Unit 7 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	- Nắm vững lý thuyết về thì hiện tại hoàn thành; thì hiện tại tiếp diễn; chủ đề từ vựng về giải trí; ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học	Tự học và nghiên cứu về thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại tiếp diễn, chủ đề từ vựng về giải trí, ngữ âm: cách phát âm nguyên âm đôi. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	- Đọc học liệu 4 và làm bài tập Unit 15, Unit 16, Unit 17 từ trang 30-35. - Đọc học liệu 5 và làm bài tập từ trang 62-64.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	<b>Unit 8: Time out</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Grammar: Question forms; indirect questions</li> <li>• Vocabulary: Compound nouns; sport</li> <li>• Reading: Vocabulary file: Fitness</li> <li>• Listening&amp; speaking: Conversation pieces: Polite requests for information.</li> <li>• Pronunciation: /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/; Polite intonation</li> <li>• Extension: Reading and listening</li> </ul> Vocabulary file: Synonyms; Language focus: Adjectival expressions with numbers <ul style="list-style-type: none"> <li>• Writing: Formal letters</li> </ul> <b>Test 1 Writing</b>	03	- Đọc học liệu 1 từ trang 64 – 71. - Đọc học liệu 2 về danh từ ghép phần 3 & 4 từ trang 6-11. - Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 6 bài 22, 23 từ trang 74 - 80. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: 8.1; 8.2; 8.3- Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập. Bài tập từ vựng: 8.4; 8.5; 8.6; 8.7 - Unit 8 trong học liệu số 1 sách bài tập.	05	- Nắm vững lý thuyết về các loại câu hỏi Wh- question; danh từ ghép; chủ đề từ vựng về thể thao.	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về các loại câu hỏi Wh- question, danh từ ghép, chủ đề từ vựng về thể thao. Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	16	- Đọc học liệu 4 từ Unit 41 đến Unit 46, trang 82-93. - Đọc học liệu 7 Unit 41 trang 82-83	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<b>Unit 9: <i>All in the mind</i></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Grammar: -ing forms</li> <li>• Vocabulary: Strong adjectives</li> <li>• Reading: Vocabulary file: Phrasal verbs</li> <li>• Listening&amp;speaking: Conversation pieces: Agreeing and disagreeing</li> <li>• Pronunciation: -o-; Reduced words</li> <li>• Extension: Reading and listening</li> <li>• Writing: A ghost story</li> </ul>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 1 từ trang 72 –79.</li> <li>- Đọc học liệu 2 về cụm động từ; từ trang 132-145.</li> <li>- Đọc học liệu 6 từ trang 29-33</li> </ul>	Lớp học	
Bài tập	Bài tập ngữ pháp: Từ 9.1 đến 9.9- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập.  Bài tập từ vựng: Từ 9.10 đến 9.12- Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập.  Bài tập ngữ âm: 9.13 - Unit 9 trong học liệu số 1 sách bài tập.	04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững lý thuyết về “-ing forms”; cụm động từ; ngữ âm: nguyên âm -o- &amp; reduced words.</li> </ul>	Lớp học	
Tự học	Tự học và nghiên cứu về “-ing forms”, cụm động từ, ngữ âm: nguyên âm -o- & reduced words.  Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.	14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145.</li> <li>- Đọc học liệu 2 về cụm động từ, từ trang 132-145.</li> <li>- Đọc học liệu 5 phần 7-75 the gerund từ trang 113-114.</li> <li>- Đọc học liệu 6 từ trang 29-33</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	<b>Unit 10: <i>Your health</i></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Grammar: Model verbs</li> <li>• Vocabulary: Medical terms</li> <li>• Reading: Vocabulary file:</li> </ul>	03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 1 từ trang 80 – 87.</li> <li>- Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108.</li> <li>- Đọc học liệu 4 từ</li> </ul>	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>Synonyms; Language focus: Expressing possibility and probability</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening&amp; speaking: Conversation pieces: Polite enquiries; Language focus: <i>must, mustn't, have to, needn't</i></li> <li>• Pronunciation: -i-; Strong and weak forms</li> <li>• Extension: Reading and listening; Vocabulary file: Collocations</li> <li>• Writing: A letter of apology</li> </ul> <p><b>Test 2 Writing</b></p>		<p>Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50-57.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15.</li> <li>- Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97</li> </ul>		
Bài tập	<p>Bài tập ngữ pháp: Từ 10.1 đến 10.4 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập.</p> <p>Bài tập từ vựng: Từ 10.5 đến 10.8; 10.12 -Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập.</p> <p>Bài tập ngữ âm: 10.11 - Unit 10 trong học liệu số 1 sách bài tập.</p>	05	- Nắm vững lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms.	Lớp học	
Tự học	<p>Tự học và nghiên cứu lý thuyết về Model verbs; chủ đề từ vựng về sức khỏe; ngữ âm: nguyên âm -i-; strong and weak forms.</p> <p>Ứng dụng lý thuyết để làm bài tập.</p>	16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc học liệu 2 phần 3.1.b từ trang 97-108.</li> <li>- Đọc học liệu 4 từ Unit 25 đến Unit 28, từ trang 50-57.</li> <li>- Đọc học liệu 5 phần 22 đến 27 từ trang 40-46.</li> <li>- Đọc học liệu 6 bài 3 trang 13-15.</li> <li>- Đọc học liệu 7 Unit 48 trang 96-97</li> </ul>	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc



[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể.

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	0		2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	0		2		2	2	6
6	1	1			2	2	6
7	0		2		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	2		0		2	2	6
10	0		2		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1	1			2	2	6
15	0		2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học, máy tính, đĩa CD, loa đài, máy chiếu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Yêu cầu sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp, có ý thức học tập, làm bài tập và đọc tài liệu khi được yêu cầu, hăng say và sáng tạo trong tự học và nghiên cứu.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi hết học phần, trọng số 60%

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

*Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.*

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận. Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ; đọc hiểu; viết. Kiến thức của Unit 7 đến Unit 10)	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Tiếng Anh 3

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thục Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915.591.268; Email: thucanhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

##### Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Thị Hoàng Huệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, khoa Ngoại Ngữ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0985 677 558; Email: hoanghuecdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Từ vựng, Ngữ pháp, dạy học tiếng Anh giao tiếp.

#### 2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần: Tiếng Anh 3 – English 3
- Mã học phần: NN2.1.003.2
- Số tín chỉ: 2(2,0)
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc/ Tự chọn: Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành chương trình tiếng Anh 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

- + Học lí thuyết trên lớp: 15
- + Bài tập trên lớp: 13
- + Kiểm tra: 02
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Bộ môn: Tiếng Anh
- + Khoa: Ngoại ngữ

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Sinh viên (SV) được học tập, rèn luyện kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng tiếng Anh; được luyện tập khả năng sử dụng tiếng Anh ở cả 4 kĩ năng - Nghe, Nói, Đọc, Viết; kết thúc môn học, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được vốn từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CĐR 2	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CĐR 3	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CĐR 4	Hiểu được từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp về quan điểm, miêu tả các chủ đề, tình huống, sự kiện quen thuộc.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 5	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề cuộc sống hàng ngày, xã hội, văn hoá, thể thao, du lịch, ... thông thường.
CĐR 6	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CĐR 7	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề các tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hoá, xã hội quen thuộc.
CĐR 8	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề tình huống, sự kiện quen thuộc.

Kỹ năng mềm	
CĐR 9	Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập, công việc.
CĐR 10	Vận dụng sáng tạo kiến thức về tiếng Anh vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 13	Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề được đào tạo.
CĐR 14	Có nhận thức được tầm quan trọng, sự hữu ích của ngoại ngữ trong xu thế phát triển mới của địa phương, của cả nước.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức				Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ				
Chương/ Bài	Kiến thức	Cứng				Cứng		Mềm				Thái độ, năng lực tự chủ				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	
Unit 11: Priorities	Part 1: Grammar Causative <i>have; make/ let/get</i>	2				2					2	2	1	2	2	1
	Part 2: Vocabulary Noun formation	2				2					2	2	1	2	2	1
	Part 3: Reading Synonyms	2				2					2	2	1	2	2	1
	Part 4: Listening and Speaking Polite expressions; need + ing	2				2					2	2	1	2	2	1
	Part 5: Pronunciation -ea- letters in BrE; Corrective stress	2				2					2	2	1	2	2	1
Unit 12 News	Part 1: Grammar Reported speech of statements in direct speech		2				2				2	2	1	2	2	1
	Part 2: Vocabulary Phrasal verbs		2				2				2	2	1	2	2	1
	Part 3: Reading Indirect commands and requests		2				2				2	2	1	2	2	1
	Part 4: Listening and Speaking 'Reported speech' in giving news		2				2				2	2	1	2	2	1
	Part 5:		2				2				2	2	1	2	2	1

	<i>Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)														
	<i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/ shouldn't			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions			2			2		2	2	1	2	2	1	
<b>Unit 13</b> <b>No regrets</b>	<i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Talking about a holiday			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 5:</i> <i>Pronunciation</i> Expressing interests			2			2		2	2	1	2	2	1	
<b>Unit 14:</b> <b>Success</b>	<i>Part 1: Grammar</i> Revision			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 2: Vocabulary</i> - Expressions with prepositions - Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 3: Reading</i> Guessing from context			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 4: Listening and Speaking</i> Responding			2			2		2	2	1	2	2	1	
	<i>Part 5:</i> <i>Pronunciation</i> - Revision: Rhymes; Stress and intonation - Final Test			2			2		2	2	1	2	2	1	

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- Nghe, Nói, Đọc, Viết. Kết thúc học phần, SV có trình độ Tiếng Anh đầu trung cấp (đầu Bậc B1), cụ thể SV có khả năng:

Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu

hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Hiểu được ý chính của bài nói về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong trường lớp, giải trí và công việc sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, rõ ràng. Có thể hiểu được ý chính các chương trình phát thanh hay truyền hình về các vấn đề thời sự hoặc các chủ đề SV quan tâm khi bài nói tương đối chậm và rõ ràng.

Giao tiếp được không cần chuẩn bị về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến sở thích cá nhân, cuộc sống hoặc thời sự hằng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra).

Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng. Có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của SV. Có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một cuốn sách hoặc bộ phim và bày tỏ suy nghĩ của mình.

Hiểu các ý chính của các văn bản chuẩn mực, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập. Có thể hiểu được các sự kiện, cảm xúc, mong ước qua các thư trao đổi cá nhân.

Viết bài đơn giản có tính liên kết về những chủ đề quen thuộc hay mối quan tâm cá nhân. Có thể viết thư mô tả trải nghiệm hoặc cảm nhận của bản thân.

Viết một bài đơn giản có bố cục về một chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>					
Lý thuyết	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> Causative <i>have; make/ let/get</i>	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 88 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 2: Vocabulary</i> Noun formation	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 1; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Synonyms	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 90 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 2; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Polite expressions; need + ing	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 92 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> -ea- letters in BrE;	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 93 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 3; tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Corrective stress				
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Reported speech of statements in direct speech	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 96 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i> Phrasal verbs	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 4; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i> Indirect commands and requests	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 98, 99 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 5; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> 'Reported speech' in giving news	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 100, 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 6 ; tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Silent letters; Word liking (3)	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 101 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 7 ; tại lớp	
Bài tập	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 1: Grammar</i> <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Causative <i>have</i> ; (2) ' <i>make/let somebody do something; get somebody to do something</i> ' làm bài tập 3 trang 90- Tài liệu 1	Tuần 1; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'synonyms' làm bài tập 3,4 trang 90 - Tài liệu [1]	Tuần 2; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 3,4,5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức của (1) cấu trúc <i>need + ing</i> ; (2) polite expressions làm bài tập 3, 4, 5 trang 92, 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 11: PRIORITIES <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) cách phiên âm của chữ 'ea' trong tiếng Anh-Anh; (2) nguyên tắc của 'corrective stress' làm bài tập 1,2 trang 93 - Tài liệu [1]	Tuần 3; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect speech of statements' làm bài tập trang 96, 97 - Tài liệu [1]	Tuần 4; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về một số ' <i>phrasal verbs</i> ' đi kèm động từ ' <i>stand</i> ', ' <i>get</i> ', ' <i>run</i> ', ' <i>look</i> ' làm tập 2,3 trang 98- Vocabulary - Tài liệu [1]	Tuần 4; Tại lớp	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 12: NEWS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Indirect commands and requests' làm bài tập 2,3,4 trang 98- Reading - Tài liệu [1]	Tuần 5; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 4: Listening and speaking</i> Bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về 'Reported speech' in giving news' làm bài tập 1,2,3 trang 100 - Tài liệu [1]	Tuần 6; Tại lớp	
	Unit 12: NEWS <i>Part 5: Pronunciation</i> Bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) Silent letters, (2) Word liking (3) áp dụng trong kỹ năng nói' làm bài tập 1,2 trang 101 - Tài liệu [1]	Tuần 7; Tại lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Causative <i>have; make/let/get</i>	3	- Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1] - trang 104 Làm bài tập 1,2,4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2])	Tuần 1; Thư viên, ở nhà	
	2) Noun formation	3	- Đọc tài liệu [4] - trang 18 - Làm bài tập 5 trang 60, bài tập 6 trang 61 -Tài liệu [2]	Tuần 1 Thư viên, ở nhà	
	3) Synonyms	6	- Đọc tài liệu [17] - Đọc và làm bài tập ở Tài liệu [18])	Tuần 2 Thư viên, ở nhà	
	4) Polite expressions; need + ing	3	- Đọc tài liệu [4] mục 283 -Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 3 Thư viên, ở nhà	
	5) -ea- letters in Br; Corrective stress	3	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1], [11]	Tuần 3; Thư viên, ở nhà	
	6) Reported speech of statements in direct speech	6	- Đọc tài liệu [4] - mục 147 trang 145 - Làm bài tập 1 (trang 65 - Tài liệu [2])	Tuần 4; Thư viên, ở nhà	
	7) Phrasal verbs	3	- Đọc và làm bài tập ở tài liệu [5] mục 89, 90, 91, 92, 93, 94 trang 180-191 - Làm bài 4,5 (trang 66 - Tài liệu [2] )	Tuần 5 Thư viên, ở nhà	
	8) Indirect commands and requests	6	- Đọc tài liệu [4] mục 320 trang 280, 281 - Làm bài tập ở 6, 7, 8, 9 (trang 67 - Tài liệu [2])	Tuần 6; Thư viên, ở nhà	
	9) Silent letters; Word liking (3)	3	- Làm bài tập 10 trang 68 - Tài liệu [2]	Tuần 7; Ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	10) Using nouns as adjectives	3	- Làm bài tập 11 (trang 68 – Tài liệu [2])	Tuần 7; Thư viện, ở nhà	
<b>TÍNH CHỈ 2</b>					
Lý thuyết	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 1: Grammar</i> Third conditional; should/shouldn't	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 104; Đọc tài liệu [3] trang 118, 119 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 8; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 2: Vocabulary</i> Colloquial expressions	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 3: Reading</i> Application of (1) the third conditional, (2) Past Simple, and (3) Past Perfect in practice	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 106, - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 9; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Talking about a holiday	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 108, 109 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 10; tại lớp	
	Unit 13:NO REGRETS <i>Part 5: Pronunciation</i> Expressing interests	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 109 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 11; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 1: Grammar</i> Revision	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 112 - Làm việc theo cặp; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 2: Vocabulary</i> - Expressions with prepositions - Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 12; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 3: Reading</i> Guessing from context	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 114, 115 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 13; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Responding	1	- Đọc tài liệu [1]- trang 116, 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 14; tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 5: Pronunciation</i> - Revision: Rhymes; Stress and intonation - Final Test	1	- Đọc tài liệu [1] – trang 117 - Làm việc theo cặp ; làm việc theo nhóm	Tuần 15; tại lớp	
Bài tập	Unit 13: REGRETS <i>Part 1: Grammar</i> <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>Third conditional; should/shouldn't</i> , (2) <i>Colloquial expressions</i> làm	Tuần 8; Tại lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	liệu [1] Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]		bài tập 1,2,3 trang 89 - Tài liệu [1] ; Bài tập 3 trang 90 - Tài liệu [1]		
	Unit 13: REGRETS <i>Part 3 : Reading</i> Bài tập 3,4 trang 72- Tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>third conditional</i> , (2) <i>Past Simple</i> , and (3) <i>Past Perfect</i> làm bài 3,4 trang 72- Tài liệu [1])	Tuần 9; Tại lớp	
	Unit 13: REGRETS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại</i> , (2) <i>cách đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi</i> (3) <i>cách kể về một sự kiện trong quá khứ</i> , (4) <i>bày tỏ sự thông cảm</i> làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 5: Pronunciation</i> Làm bài tập 1,2 trang 109 _ tài liệu [1]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br)</i> , (2) <i>quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm</i> nghiên cứu tài liệu [13], [14]	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 13:NO REGRRETS <i>Part 6: Writing</i> Bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) cấu trúc của 'formal letter', (2) cách diễn đạt thông thường của một lá thư bày tỏ sự không hài lòng trong thư tín thương mại' làm bài tập 14 (trang 74- Tài liệu [2])	Tuần 10; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 1: Grammar</i> Bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức <i>từ vựng đã học trong giáo trình Lifelines - Intermediate trong thực hành ngôn ngữ</i> làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	Tuần 11; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 2: Vocabulary</i> Bài tập 5, 6 (trang 76,77 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về (1) một số 'Expressions with prepositions'; (2) <i>Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns</i>	Tuần 12; Tại lớp	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 3: Reading</i> Bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về kỹ năng 'Guessing from context' làm bài tập 1 (trang 75 - Tài liệu [2])	Tuần 13; Ở nhà	
	Unit 14: SUCCESS <i>Part 4: Listening and Speaking</i> Bài tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])	3	Áp dụng kiến thức về 'một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói' làm bài tập 7 (trang 77 - Tài liệu [2])	Tuần 14; Ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Unit 14: SUCCESS Part 5: Pronunciation Đọc và luyện nói tài liệu [19]	3	Áp dụng kiến thức về (1) <i>các quy tắc phát âm nguyên âm</i> , (2) <i>quy tắc trọng âm và ngữ điệu trong phạm vi câu</i> đọc và luyện nói tài liệu [19]	Tuần 15; Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	1) Third conditional; should/ shouldn't	6	- Đọc tài liệu [3] trang 118; Đọc tài liệu [4] – trang 265, 266 - Sử dụng từ điển tra từ mới ở tài liệu [1]- trang 104 Làm bài tập 1, 2, 4 (trang 70,71,72 - Tài liệu [2] )	Thư viên, ở nhà	
	2) Colloquial expressions	6	- Bài tập 3, 8, 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	3) Vận dụng (1) <i>Third Conditional</i> , (2) <i>Past Simple</i> , and (3) <i>Past Perfect</i> trong thực hành ngôn ngữ	6	- Đọc tài liệu [1] – trang 104, 105 - Làm bài tập 5,6,7 (trang 72 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	4) Cách đặt câu hỏi về kỳ nghỉ của người được đối thoại, đặt câu hỏi về những vấn đề không mong đợi, cách kể về một sự kiện trong quá khứ, bày tỏ sự thông cảm	6	-Làm bài tập 9 (trang 73 - Tài liệu [2])	Ở nhà	
	5) Quy tắc phiên âm của chữ cái 'r' trong tiếng Anh - Anh (Br), (2) quy tắc về ngữ điệu khi thể hiện sự quan tâm	6	Đọc và luyện nói theo tài liệu [1] trang 109,	Ở nhà	
	6) Expressions with prepositions; Compound nouns; phrasal verbs; abstract nouns	6	- Đọc tài liệu [1]- trang 114; tài liệu [4] trang 18, 27, 28, 29, mục 96, 97 trang 123, 124, 125; - Làm bài tập 2,3 (trang 75,76 - Tài liệu [2])	Thư viên, ở nhà	
	7) Kỹ năng 'Guessing from context'	6	- Đọc tài liệu [5] trang 16	Thư viên,	
	8) Một số cách hỏi đáp thông dụng trong tiếng Anh nói	6	- Làm bài tập ở 7 - Tài liệu [2] trang 77	Thư viên, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Student's book), Oxford University Press, 2000.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Intermediate* (Work book), Oxford University Press, 2000.

[3] A.J.Thomson & A.J. Martinet, *A Practical English Grammar*, NXB Văn hóa Thông tin, 2011.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xemina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1		1		2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	1	1	0		2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1	1	0		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học, liệu tham khảo trang bị tại thư viện [1], [2], [3], [4], [5], máy tính, mạng wifi, máy chiếu projector, băng đĩa nghe.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Sinh viên cần tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp, hoàn thành bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên về nội dung cũng như thời gian theo yêu cầu của giảng viên, có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên , điểm thảo luận, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30 %.

11.3. Điểm thành phần 3: điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

*Điểm học phần = 0,1 x điểm thành phần 1 + 0,3 x điểm thành phần 2 + 0,6 x điểm thành phần 3.*

Điểm học phần được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Thang điểm: 10

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Thi viết	Tự luận + Trắc nghiệm (Đề thi gồm 50 câu trong đó 40% câu trắc nghiệm, 60% câu tự luận.  Đề thi bao gồm các phần: Kiểm tra năng lực sử dụng ngôn ngữ, đọc hiểu, viết. Kiến thức của Unit 11 đến Unit 14)	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Toán cơ sở

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Mai Thị Hiền.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0979.409.679; Email: [maihiencdtq@gmail.com](mailto:maihiencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích hàm, Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán, Đại số tuyến tính, Xác suất thống kê, Toán ứng dụng.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính.
- Địa chỉ liên hệ: : Khoa Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0983.981.399; Email: [nguyenlanctdq@gmail.com](mailto:nguyenlanctdq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: PPDH môn Toán, Toán THPT, Toán THCS, Toán tiểu học - Mầm non.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Toán cơ sở
- Mã học phần: TN 2.1.106.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc

- + Điều kiện tiên quyết: Không
- Tiết t $\acute{a}$ n chỉ đ $\acute{o}$ i với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 29 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 16 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Toán
  - + Khoa: Khoa học Tự nhiên - KT & CN.

### 3. Mục tiêu học phần :

Người học nắm được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên để vận dụng vào quá trình học tập và dạy học ở bậc học Mầm non.

Người học có kỹ năng sử dụng các công cụ và tư tưởng của nội dung lý thuyết tập hợp, logic toán, số tự nhiên để giải quyết các bài toán có liên quan.

Người học có thái độ chủ động trong tự học, tự nghiên cứu.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên.
CDR 2	Hiểu được các mối liên hệ cơ bản, tính chất của các chủ đề lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên để vận dụng vào quá trình học tập và dạy học ở bậc học Mầm non.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản về lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào dạy học ở bậc học Mầm non và các vấn đề liên quan đến các khái niệm này.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có khả năng làm các bài toán liên quan đến lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên và các vấn đề thực tiễn khác.
CDR 5	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá bài toán lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan đến bài toán về lý thuyết tập hợp, mệnh đề và các phép logic, tập hợp số tự nhiên.



CĐR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập thông qua học phần.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 7	Biết kết hợp giữa các chủ đề hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo và tư duy biện chứng trong học tập, giải quyết các bài toán có liên quan giữa các chủ đề kiến thức với nhau.
CĐR 8	Tạo kỹ năng nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp các kiến thức toán đã học theo từng chủ đề cơ bản đến nâng cao trong học phần.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	Cứng		Mềm		CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	
					CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7					
<b>Chương 1. Cơ sở lý thuyết tập hợp</b>	1. Tập hợp	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	2. Các phép toán trên tập hợp	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	3. Quan hệ hai ngôi	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	4. Quan hệ tương đương	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	5. Quan hệ thứ tự	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	6. Ánh xạ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	7. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh và ánh xạ ngược	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	8. Ảnh và tạo ảnh qua một ánh xạ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
<b>Chương 2. Cơ sở logic toán</b>	1. Mệnh đề và các phép logic	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	1
	2. Công thức	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	3. Quy tắc suy luận	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	4. Hàm mệnh đề, mệnh đề tổng quát, mệnh đề tồn tại	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2		2
	5. Suy luận và	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2

	chứng minh											
<b>Chương 3. Số tự nhiên</b>	1. Bản số của tập hợp	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Số tự nhiên	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	3. Lý thuyết chia hết trong tập các số tự nhiên	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	4. Hệ ghi số	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 4. Các hình học</b>	1. Khái niệm về hình học.	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Hình đa diện	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về Lý thuyết Tập hợp, Logic Toán, Số tự nhiên và Các hình học.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Lý thuyết Tập hợp</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	1.1. Tập hợp 1.1.1. Khái niệm về tập hợp 1.1.2. Các phương pháp biểu diễn tập hợp 1.1.3. Quan hệ bao hàm và tập hợp bằng nhau 1.1.4. Các phép toán trên các tập hợp 1.1.4.1. Phép hợp 1.1.4.2. Phép giao 1.1.4.3. Phép lấy hiệu. 1.1.4.4. Phần bù 1.1.5. Tích Đề-các 1.2. Quan hệ 1.2.1. Quan hệ hai ngôi 1.2.2. Quan hệ tương đương 1.2.3. Quan hệ thứ tự 1.3. Ánh xạ 1.3.1. Định nghĩa và các khái niệm về ánh xạ 1.3.2. Các loại ánh xạ 1.3.3. Tích ánh xạ và ánh xạ ngược	9	Học học liệu số 1: chương 1 và học học liệu số 5: chương 1	Lớp học	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1 (Chủ đề 1), và trong học liệu số 6 (Chương 1)	06	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải	30	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề	Thư viện (ở nhà)	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	các bài tập.		cần giải đáp.		
<b>Tín chỉ 2</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 2. Logic Toán</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	2.1. Mệnh đề và các phép toán logic trên các mệnh đề 2.1.1. Mệnh đề 2.1.2. Các phép toán logic trên các mệnh đề 2.2. Công thức của logic mệnh đề 2.2.1. Khái niệm về công thức 2.2.2. Luật của logic mệnh đề 2.2.3. Hệ quả logic và quy tắc suy luận 2.3. Giới thiệu logic vị từ 2.3.1. Hàm mệnh đề 2.3.2. Lượng từ 2.3.3. Các phép suy luận – Chứng minh 2.3.4. Phương pháp chứng minh quy nạp	10	Học học liệu số 1: Chủ đề 2. Học học liệu số 4: Chương 1 – Chương 3.	Lớp học	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Bài tập tương ứng của Chương 2 trong học liệu số 4, (Chương 1 – Chương 3) và tham khảo trong các học liệu khác	05	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	30	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện (ở nhà)	
<b>Tín chỉ 3</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 3. Số tự nhiên</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	3.1. Tập hợp số tự nhiên và quan hệ thứ tự 3.1.1. Tập hợp tương đương 3.1.2. Tập hợp hữu hạn và tập hợp vô hạn 3.1.3. Số tự nhiên và quan hệ thứ tự giữa các số tự nhiên 3.1.4. Dãy số tự nhiên 3.1.5. Hệ tiên đề các số tự nhiên 3.2. Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên 3.2.1. Hợp và tích Đề-Các của các tập hợp hữu hạn 3.2.2. Các phép toán trên số tự nhiên 3.3. Lý thuyết chia hết 3.3.1. Tính chia hết, phép chia có dư 3.3.2. Ước chung lớn nhất (UCLN) 3.3.3. Bội chung nhỏ nhất	07	Học học liệu số 2: Chủ đề 2	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	(BCNN) 3.4. Số nguyên tố 3.4.1. Khái niệm số nguyên tố 3.4.2. Định lý cơ bản của số học 3.4.3. Ứng dụng của định lý cơ bản 3.5. Các hệ thống ghi số 3.5.1. Hệ ghi cơ số g. 3.5.2. So sánh các số tự nhiên ghi trong hệ ghi cơ số g. 3.5.3. Thực hành các phép chuyển đổi cơ số trong hệ ghi cơ số g. 3.5.4. Các cách chuyển từ hệ ghi cơ số này sang hệ ghi cơ số khác. 3.5.5. Dấu hiệu chia hết				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v..v)	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 2, các tiểu chủ đề tương ứng trong học liệu số 2, và tham khảo các học liệu khác.	03	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện (ở nhà)	
	<b>Chương 4. Các hình hình học</b>	<b>05</b>			
	4.1. Khái niệm về hình hình học. 4.1.1. Khái niệm hình hình học. Đường gấp khúc và đa giác 4.1.2. Các phép toán trên các hình 4.1.3. Tứ giác 4.1.4. Các hình đẳng hợp 4.2. Hình đa diện	03	Học học liệu số 3: Chương 1, Chương 2, Chương 3		
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v..v)	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 3, (Chương 1 - Chương 3)	02	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Diên Hiền, Nguyễn Xuân Liêm (2007), *Cơ sở lý thuyết tập hợp & logic Toán*, NXB Giáo dục, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Diên Hiền, Bùi Huy Hiền (2007), *Các tập hợp số*, NXB Giáo dục, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[3] B.I. Ácgunóp – M. B. Ban ( người dịch: Nguyễn Văn Bằng – Lê Đình Phi) (1997), *Hình học sơ cấp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] Nguyễn Anh Tuấn (2012), *Giáo trình Logic Toán và Lịch sử Toán học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[4] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh (2002), *Toán học cao cấp (tập một)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh (2002), *Bài tập Toán cao cấp (tập một)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3	3				3	3	9
4	1		2		2	4	9
5			3		3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				2	4	9
8		1	2		2	4	9
9			3		3	3	9
10	3				3	3	9
11	3				3	3	9
12	1		2		2	4	9
13	3		1		2	4	9
14	3				3	3	9
15			2		3	3	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>50</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $0,1 \times$  điểm thành phần 1 +  $0,3 \times$  điểm thành phần 2 +  $0,6 \times$  điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu Số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc chương 3: (2 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc chương 4: (2 điểm)	90 phút	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Xác suất thống kê B

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Không Chí Nguyễn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng đào tạo.
- Địa chỉ liên hệ: Phòng đào tạo. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại, email: 0916.732.576; [nguyenkc69@gmail.com](mailto:nguyenkc69@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Đại số tuyến tính; Toán rời rạc; Giải tích toán học; Xác suất và thống kê.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Mai Thị Hiền.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KH Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0979 409 679; Email: [maihiencdtq@gmail.com](mailto:maihiencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giải tích hàm.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Xác suất thống kê B.
- Mã học phần: TN2.1.107.2
- Số tín chỉ: 02.
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: Không.

- Tiết t $\acute{a}$ n chỉ đ $\acute{o}$ i với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 18 tiết.
  - + Bài tập (thảo luận/Kiểm tra) trên lớp: 12 tiết.
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ.
- Đơn vị phụ trách học phần :
  - + Bộ môn: Toán
  - + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật – Công nghệ.

### 3. Mục tiêu học phần :

Sinh viên hiểu, biết và nắm được kiến thức cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn.

Sinh viên được rèn luyện tư duy khoa học, kỹ năng phân tích vấn đề, vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản của xác suất thống kê và một số bài toán thực tế có liên quan.

Sinh viên có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy.
CDR 2	Hiểu được các mối liên hệ cơ bản, tính chất của các chủ đề: xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài toán cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, lý thuyết tương quan hồi quy làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn và các vấn đề liên quan đến các khái niệm này.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có khả năng làm các bài toán liên quan đến xác suất, biến ngẫu nhiên và hàm phân



	phối, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số vấn đề về thống kê toán và các vấn đề thực tiễn khác.
CĐR 5	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá bài toán xác suất thống kê; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan đến bài toán về xác suất thống kê.
CĐR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy lôgic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập thông qua học phần.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 7	Biết kết hợp giữa các chủ đề hình thành tư duy lôgic, tư duy phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo và tư duy biện chứng trong học tập, giải quyết các bài toán có liên quan giữa các chủ đề kiến thức với nhau.
CĐR 8	Tạo kỹ năng nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp các kiến thức toán đã học theo từng chủ đề cơ bản đến nâng cao trong học phần.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kĩ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	Cứng		Mềm		CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	
					CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7					
<b>Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất</b>	1. Đại số tổ hợp	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Bổ túc toán cao cấp	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	3. Phép thử và biến cố	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	4. Các định nghĩa của xác suất	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2
	5. Các công thức của xác suất	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
<b>Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên</b>	1. Biến ngẫu nhiên	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1
	2. Hàm phân phối	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1
	3. Phân phối rời rạc		2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1
	4. Phân phối liên tục tuyệt đối	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	5. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	6. Một số phân	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1

	phối thông dụng											
<b>Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán</b>	1. Mẫu ngẫu nhiên	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ chức đồ tần suất	2	2	2	2	2	2	1	2		2	2
	3. Các số đặc trưng mẫu	2	2	2	2	1	2	1	2	2	2	2
	4. Ước lượng điểm	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
	5. Ước lượng khoảng	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1
	6. Kiểm định giả thiết	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	7. Phân tích hồi quy	2	2	2	2	2	2	1		2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số vấn đề về thống kê toán giúp người học có khả năng vận dụng phân thống kê vào công tác kiểm tra đánh giá hoặc nghiên cứu giáo dục.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất</b>	<b>07</b>			
Lý thuyết	1.1. Đại số tổ hợp 1.1.1. Hoán vị 1.1.2. Chỉnh hợp 1.1.3. Tổ hợp 1.2. Bổ túc toán cao cấp 1.2.1. Hàm số hai biến số 1.2.1.1. Khái niệm hàm số hai biến số 1.2.1.2. Tập xác định 1.2.1.3. Tính liên tục 1.2.2. Đạo hàm 1.2.2.1. Đạo hàm riêng 1.2.2.2. Đạo hàm riêng cấp cao 1.2.3. Tích phân kép 1.2.4. Tích phân suy rộng 1.3. Phép thử và biến cố 1.3.1. Phép thử và biến cố 1.3.2. Các phép toán trên biến cố. 1.4. Các định nghĩa của xác suất 1.4.1. Định nghĩa cổ điển của xác suất	05	Học học liệu số 1: chương 0, chương I. Tham khảo học liệu số 3: chương I và tham khảo trong các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.4.2. Định nghĩa xác suất theo tần suất 1.4.3. Định nghĩa xác suất hình học 1.5. Các công thức của xác suất 1.5.1. Công thức cộng xác suất 1.5.2. Xác suất có điều kiện. Công thức nhân xác suất 1.5.3. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes 1.5.4. Công thức xác suất nhị thức.				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương 0, chương I). Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương I) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	02	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi tiết học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên</b>	<b>08</b>			
Lý thuyết	2.1. Biến ngẫu nhiên 2.1.1. Định nghĩa 2.1.2. Ví dụ 2.2. Hàm phân phối 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Ví dụ 2.3. Phân phối rời rạc 2.3.1. Bảng phân phối xác suất 2.3.2. Hàm phân phối xác suất 2.4. Phân phối liên tục tuyệt đối 2.4.1. Định nghĩa 2.4.2. Hàm phân phối xác suất 2.4.3. Hàm mật độ xác suất 2.5. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 2.5.1. Kỳ vọng của biến ngẫu nhiên 2.5.2. Phương sai của biến ngẫu nhiên. Độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên 2.5.3. Trung vị (median). 2.5.4. Mốt (mod). 2.6. Một số phân phối thông dụng 2.6.1. Phân phối nhị thức 2.6.1.1. Định nghĩa 2.6.1.2. Các số đặc trưng và ví dụ 2.6.2. Phân phối Poisson. 2.6.2.1. Định nghĩa 2.6.2.2. Các số đặc trưng và ví dụ	04	Học học liệu số 1: chương II. Học học liệu số 2: chương III, chương IV. Tham khảo học liệu số 3: chương II, chương IV và tham khảo trong các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.6.3. Phân phối siêu bội 2.6.3.1. Định nghĩa 2.6.3.2. Các số đặc trưng và ví dụ 2.6.4. Phân phối đều 2.6.4.1. Định nghĩa 2.6.4.2. Các số đặc trưng và ví dụ 2.6.5. Phân phối chuẩn 2.6.5.1. Định nghĩa 2.6.5.2. Các số đặc trưng và ví dụ 2.6.6. Phân phối khi bình phương 2.6.6.1. Định nghĩa 2.6.6.2. Các số đặc trưng và ví dụ				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương II). Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương II, chương IV) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.	04	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	3.1. Mẫu ngẫu nhiên 3.1.1. Khái niệm về mẫu ngẫu nhiên 3.1.2. Phương pháp chọn mẫu 3.1.3. Sắp xếp số liệu thực nghiệm. 3.2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ chức đồ tần suất 3.2.1. Hàm phân phối mẫu 3.2.2. Đa giác tần suất 3.2.3. Tổ chức đồ tần suất 3.3. Các số đặc trưng mẫu 3.3.1. Trung bình mẫu 3.3.2. Phương sai mẫu 3.3.3. Hệ số tương quan mẫu 3.3.4. Mômen mẫu 3.3.5. Trung vị mẫu 3.3.6. Mốt (mod) 3.4. Ước lượng điểm 3.4.1. Định nghĩa ước lượng điểm 3.4.2. Ước lượng không chệch 3.4.3. Ước lượng vững 3.5. Ước lượng khoảng 3.5.1. Định nghĩa ước lượng khoảng 3.5.2. Khoảng ước lượng của kỳ vọng trong mẫu từ phân phối chuẩn 3.5.2.1. Biết phương sai 3.5.2.2. Không biết phương sai	09	Học học liệu số 1: chương IV, chương V, chương VI, chương VII. Tham khảo học liệu số 3: chương VI, chương VII, chương VIII và tham khảo trong các học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.5.3. Khoảng ước lượng của phương sai trong mẫu từ phân phối chuẩn</p> <p>3.5.4. Khoảng ước lượng của hiệu hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn</p> <p>3.5.5. Khoảng ước lượng của hiệu hai xác suất trong hai dãy phép thử Bernoulli</p> <p>3.6. Kiểm định giả thiết</p> <p>3.6.1. Kiểm định về xác suất p trong phân phối nhị thức (tỷ lệ phần trăm)</p> <p>3.6.1.1. Bài toán</p> <p>3.6.1.2. Ví dụ</p> <p>3.6.1.3. Tiêu chuẩn một phía</p> <p>3.6.2. Kiểm định hai xác suất trong phân phối nhị thức</p> <p>3.6.2.1. Bài toán</p> <p>3.6.2.2. Ví dụ</p> <p>3.6.2.3. Tiêu chuẩn một phía</p> <p>3.6.3. Kiểm định về trung bình trong mẫu ngẫu nhiên độc lập từ phân phối chuẩn <math>N(a, \sigma^2)</math></p> <p>3.6.3.1. Trường hợp <math>\sigma</math> đã biết</p> <p>3.6.3.2. Trường hợp <math>\sigma</math> chưa biết</p> <p>3.6.4. So sánh hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn</p> <p>3.6.4.1. Trường hợp đã biết phương sai</p> <p>3.6.4.2. Trường hợp chưa biết phương sai</p> <p>3.7. Phân tích hồi quy</p> <p>3.7.1. Khái niệm hàm hồi quy và phương pháp bình phương bé nhất</p> <p>3.7.2. Tỷ số tương quan và độ sai dự báo</p> <p>3.7.3. Khoảng ước lượng và kiểm định giả thiết về hệ số hồi quy</p> <p>3.7.4. Hệ số tương quan</p>				
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế...v.v)	<p>Làm bài tập trong học liệu số 1 (chương IV, chương V, chương VI).</p> <p>Tham khảo bài tập trong học liệu số 4 (chương VI, chương VII, chương VIII) và tham khảo bài tập trong các học liệu khác.</p>	06	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập</p>	30	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] PGS. TS. Phạm Văn Kiều (2012), *Giáo trình xác suất và thống kê (Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý – Giáo dục học)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thành Mậu (2006), *Toán cao cấp đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Đinh Văn Gắng ((2010), *Lí thuyết xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Đinh Văn Gắng (2001), *Bài tập xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	18	1	11	0	30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%.

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%.

**11.3.** Thi hết học phần : 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $0,1 \times$  điểm thành phần 1 +  $0,3 \times$  điểm thành phần 2 +  $0,6 \times$  điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc chương 1: (3 điểm). Câu 2: Với nội dung thuộc chương 2: (3 điểm). Câu 3: Với nội dung thuộc chương 3: (4 điểm).	60 phút	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Tin học đại cương

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Khánh Trinh.
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TH-NN.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 2 nhà B Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0978.090.017; Email: [trinhvtk.dhtt@gmail.com](mailto:trinhvtk.dhtt@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học máy tính.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Thị Hồng Dung.
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng khoa Khoa học cơ bản.
- Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Khoa học cơ bản, trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0949.198.118; Email: [tranhongdungcdtq@gmail.com](mailto:tranhongdungcdtq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: An toàn bảo mật thông tin.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tin học đại cương.
- Mã học phần: TN2.1.501.2.
- Số tín chỉ: 02.
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: không.
- Tiết tin chỉ đối với các hoạt động học tập:



- + Học lý thuyết trên lớp: 15
- + Bài tập trên lớp và kiểm tra: 15
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60.

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Bộ môn: Tin học.
- + Khoa: Khoa học Tự nhiên – Kỹ thuật và Công nghệ.

### 3. Mục tiêu chung

Người học nắm được các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu, Internet, hệ điều hành, ...; khai thác một số phần mềm ứng dụng như: soạn thảo văn bản, tính toán trên bảng tính, trình chiếu hội thảo khoa học. Vận dụng kiến thức để truy cập Internet để tìm kiếm thông tin, trao đổi email, ... Biết sử dụng hệ điều hành, soạn thảo văn bản nói chung và biết ứng dụng trong công việc, tính toán thành thạo trên bảng tính, trình chiếu báo cáo khoa học.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu, Internet, hệ điều hành, phần mềm, giải thuật, hệ đếm nhị phân và các phép toán Logic, hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan ...;
CDR 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được các thao tác cơ bản (đối với tệp), các chức năng cơ bản (định dạng, sao chép, di chuyển, chèn các đối tượng vào văn bản, các thao tác trên bảng, ... ) và các chức năng nâng cao (trộn thư, siêu liên kết) của phần mềm soạn thảo văn bản MS Word.</li> <li>- Nắm được các thao tác cơ bản (đối với tệp), các kiểu dữ liệu trong Excel, cách định dạng dữ liệu, cách sử dụng các hàm đơn giản (Sum, Max, Min, Average, ..) và các hàm Logic (If, And, Or, Not), Hàm tìm kiếm (Hlookup, Vlookup), các tạo và hiệu chỉnh biểu đồ trong Excel.</li> <li>- Nắm được các thao tác cơ bản trên PowerPoint, cách thiết kế trang trình diễn, cách tạo hiệu ứng (cho đối tượng, hiệu ứng chuyển tiếp Slide) và trình chiếu tranh trình diễn.</li> </ul>
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã học để soạn thảo văn bản, tính toán trên Excel và thiết kế trang trình diễn.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có khả năng soạn thảo văn bản MS Word, tính toán trên Excel, thiết kế trang trình diễn với PowerPoint, có khả năng sử dụng máy tính và Internet để tìm kiếm thông tin.

CĐR 5	Có kỹ năng soạn thảo văn bản, tính toán, thiết kế trang trình diễn nhanh, trình bày khoa học, đúng mẫu quy định.
Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, chặt chẽ, tư duy phân tích, tổng hợp và sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân.
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức

NỘI DUNG HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA									
Phần	Chương	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
						Cứng		Mềm				
			CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐR 6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	
Phần I: Hệ thống máy tính		Một số khái niệm cơ bản	1									
		Hệ đếm nhị phân và các phép toán Logic	1					1				
		Hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan	1							1	1	
		Phần mềm và giải thuật	1					1		1		
Phần II: Phần mềm ứng dụng	Chương I: Soạn thảo văn bản MS Word	Các thao tác cơ bản		2	1	2	1					
		Các chức năng cơ bản		2	2	2	1	1				1
		Thao tác với bảng biểu		2	2	2	2	1				2
		Các chức năng nâng cao		2	2	2	2	1			1	2
		In ấn tài liệu		2	2	2	2					

NỘI DUNG HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA								
Phần	Chương	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
			CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9
	Chương II: Bảng tính MS Excel	Tổng quan về Excel		2	1	2	1				
		Các kiểu dữ liệu và định dạng dữ liệu		2	2	2	1	1			1
		Biểu thức và hàm		2	2	2	1	1		1	2
		Biểu đồ		2	2	2	1	1		1	3
		Hoàn thiện và in bản in tính		2	2	2	2				1
	Chương III: Thiết kế trang trình diễn với MS PP	Giới thiệu PowerPoint		2	1	2	1				
		Thiết kế trang trình diễn		2	2	2	2	1		1	2
		Một số hiệu ứng cho trang trình diễn		2	2	2	2	1		1	2
		Trình chiếu trang trình diễn		2	2	2	1				1
	Phần III: Mạng máy tính và Internet	Mạng máy tính		1							1
Internet			1					1			2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này bao gồm 3 phần cơ bản:

Phần I - Kiến thức cơ bản về máy tính: trang bị cho người học một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành.

Phần II - Phần mềm ứng dụng: Người học làm quen với phần mềm soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay - MS Word, ngoài ra Người học có thể sử dụng bảng tính MS Excel để tính toán và cuối cùng biết thiết kế những trang trình chiếu cơ bản với MS PowerPoint.

Phần III - Mạng máy tính và Internet: mang đến cho người học kiến thức về mạng máy tính, cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị cần thiết trong mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>				
	<b>Phần I Kiến thức cơ bản về máy tính</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Một số khái niệm cơ bản 2. Hệ đếm nhị phân và các phép toán logic. 3. Hệ thống máy tính và các thiết bị liên quan đến máy tính. 4. Phần mềm và giải thuật	4	Học học liệu số 1	Lớp học, phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần II Phần mềm ứng dụng</b>	<b>22</b>			
	<b>Chương 1 Soạn thảo văn bản MS Word</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	1. Các thao tác cơ bản. 2. Các chức năng cơ bản. 3. Thao tác với bảng biểu. 4. Các chức năng nâng cao. 5. In ấn tài liệu.	3	Học liệu số 2, 5	Lớp học, phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v)	Sinh viên soạn thảo văn bản và xử lý văn bản thành thạo theo yêu cầu	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	16	Sinh viên phải soạn thảo thành thạo một văn bản.	Thư viện, ở nhà.	
	<b>Chương 2 Bảng tính MS Excel</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	1. Tổng quan về MS Excel. 2. Các kiểu dữ liệu và định dạng dữ liệu. 3. Biểu thức và hàm.	2	Học liệu số 2, 4	Lớp học, phòng máy tính.	
	<b>Tín chỉ 2</b>				
	<b>Chương 2 Bảng tính MS Excel (tiếp)</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	4. Biểu đồ. 5. Hoàn thiện và in bảng tính. Kiểm tra giữa kỳ	2	Học liệu số 2, 4	Lớp học, phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v).	Sinh viên thao tác, tính toán trên bảng tính thành thạo theo yêu cầu.	6	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu.	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 3 Thiết kế trang trình diễn với MS PowerPoint</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Giới thiệu Powerpoint. 2. Thiết kế trang trình diễn. 3. Một số hiệu ứng cho trang trình diễn. 4. Trình chiếu trang trình diễn.	2	Học liệu số 2, 6	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v).	Sinh viên thiết kế slide, tạo hiệu ứng và trình chiếu thành thạo theo yêu cầu.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu.	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức để thiết kế các trang trình diễn.	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	<b>Phần III Mạng máy tính và Internet</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Mạng máy tính 1.1. Khái niệm. 1.2. Phân loại mạng. 1.3. Các thiết bị liên quan đến mạng máy tính. 2. Internet 2.1. Khái niệm. 2.2. Kết nối. 2.3. Trình duyệt web. 2.4. Tài nguyên trên Internet. 2.5. Tìm kiếm thông tin. 2.6. Sử dụng Email.	2	Học liệu số 3	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v)	Sinh viên phải tìm kiếm dữ liệu, tài liệu trên Internet, đăng ký, nhận gửi email.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực tế.	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để tìm kiếm, khai thác thông tin trên internet.	8	Sử dụng thành thạo các thao tác tìm kiếm khai thác thông tin và gửi thư trên internet, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

- [1] Lê Tân Liên (2008), *Tin học cơ sở 2008*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- [2] Bộ môn Tin học trường Đại học Tân Trào, *Micorsoft Office 2010*, Lưu hành nội bộ.
- [3] Phạm Ngọc Thắng (2013), *Giáo trình Máy tính và Mạng máy tính*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[4] Tạ Văn Ninh (2016), *Bài tập về sử dụng các hàm trong Excel 2010*, Lưu hành nội bộ.

[5] Hà Thành – Trí Việt (2015), *Tự học nhanh MS Word 2010*, Nxb Hồng Đức.

[6] Hà Thành – Trí Việt (2011), *Tự học MS PowerPoint 2010*, Nxb Trí Việt.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		0		4	0	6
2	2		0		4	0	6
3	2		0		4	0	6
4	0		2		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	0		2		2	2	6
7	2		0		4	0	6
8	1		1		2	2	6
9	0	1	1		2	2	6
10	1		1		2	2	6
11	0		2		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>38</b>	<b>22</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, phòng máy tính, máy tính có cài đặt các phần mềm học tập MS Office 2010, có kết nối Internet.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

11.1. Điểm thành phần 1: Một điểm chuyên cần: 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Có một điểm kiểm tra thường xuyên: 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Một điểm thi kết thúc học phần: 60%;

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Thực hành	Số lượng câu hỏi: 02; Nội dung câu hỏi tương ứng: - Tín chỉ 1: 1 câu, 4 điểm; - Tín chỉ 2: 1 câu, 6 điểm;	60 phút	(Theo yêu cầu của phòng Khảo thí)

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Vũ Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TĐTT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0985564388; email: phuongdhtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Sơn Tùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0977028666; email: endlesslove2102@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

### 2. Thông tin học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
- Mã học phần: TC2.1.001.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 6 tiết
  - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 24 tiết



+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về GDTC, các kiến thức cơ bản cho việc bảo vệ và nâng sức khỏe cho sinh viên, kiến thức thực hành về chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

Sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học trong luyện tập và hoạt động thực tiễn.

Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập, thảo luận và luyện tập ngoài sân bãi, đồng thời hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Sinh viên có được sự hiểu biết chung về học phần chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe
CĐR 2	Nắm chắc những vấn đề cơ bản về lý thuyết của bộ môn, nguyên lý kỹ thuật cũng như lịch sử ra đời của nội dung chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa.
CĐR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có khả năng thực hiện một cách tương đối thuần thục các kỹ thuật động tác chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa
CĐR 5	Nắm được phương pháp làm trọng tài, cách thức, phương pháp tổ chức thi đấu
<b>Kỹ năng mềm</b>	

CĐR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó tự học, tự nghiên cứu, lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xã hội đòi hỏi
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CĐR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8
Chương 1: Kiến thức chung	<b>Lý Thuyết</b>								
	1.1. Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TĐTT ở nước ta. 1.2. Mục đích và nhiệm vụ của GDTC trong trường học. 1.3. Vai trò, tác dụng của hoạt động TĐTT trong rèn luyện thể chất và trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục.	2	2	1		1	2	2	2
Chương 2: Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC	2.1. Một số khái niệm cơ bản về TĐTT 2.2. Các nguyên tắc GDTC	2	2	1	2		2	2	2
Chương 3: Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TĐTT	3.1. Phương pháp kiểm tra y học TĐTT 3.2. Các bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu.	2	2	1	2		2	2	2
Chương 4: Chạy cự ly ngắn	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi.</b> 4.1. Các bài tập hỗ trợ cho chạy cự ly ngắn. 4.2. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 4.3. Kỹ thuật chạy giữa quãng 4.4. Kỹ thuật chạy về đích.	2	2	1	2		2	2	2
Chương 5:	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi.</b>								

Chạy cự ly trung bình									
	5.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 5.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 5.3. Kỹ thuật chạy về đích. 5.4. Một số bài tập hỗ trợ phát triển sức bền. Kiểm tra	2	2	1	2		2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Kiến thức chung
- Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC
- Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDTT
- Chạy cự ly ngắn
- Chạy cự ly trung bình

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
		2			
Lý thuyết	1.1. Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TDTT ở nước ta. 1.2. Mục đích và nhiệm vụ của GDTC trong trường học. 1.3. Vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT trong rèn luyện thể chất và trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục.	2	Đọc học liệu số 2 chương II, học liệu số 6 chương 2	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	<b>Chương 2: Một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC</b>	2			
Lý thuyết	2.1. Một số khái niệm cơ bản về TDTT 2.2. Các nguyên tắc GDTC	2	Đọc học liệu số 2 chương I; chương V; học liệu số 6 chương I; chương V	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	<b>Chương 3: Một số kiến thức cơ bản về Y – Sinh học TDTT</b>	2			
Lý thuyết	3.1. Phương pháp kiểm tra y học TDTT 3.2. Các bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu.	2	Đọc học liệu số 3 chương 6	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 4: Chạy cự ly ngắn</b>	<b>10</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi	4.1. Các bài tập hỗ trợ cho chạy cự ly ngắn.	2	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.2. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát.	3	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.3. Kỹ thuật chạy giữa quãng	3	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
	4.4. Kỹ thuật chạy về đích	2	Đọc học liệu số 1 chương 3	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Lịch sử ra đời và phát triển môn chạy cự ly ngắn, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	20	- Nắm được lịch sử ra đời và phát triển chạy cự ly ngắn cũng như nguyên lý kỹ thuật của chạy ngắn để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	<b>Chương 5: Chạy cự ly trung bình</b>	<b>14</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi	5.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.3. Kỹ thuật về đích.	2	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
	5.4. Một số bài tập hỗ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	8	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Lịch sử ra đời và phát triển môn chạy cự ly trung bình, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly trung bình. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly trung bình.	48	- Nắm được lịch sử ra đời và phát triển chạy cự ly ngắn cũng như nguyên lý kỹ thuật của trung bình để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nông Thị Hồng và cộng sự (2003), *Vệ sinh và Y học TDTT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Kim Minh và cộng sự (2003), *Giáo trình điền kinh*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[3]. Ủy ban Thể dục thể thao (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[4]. Dương Nghiệp Chí (1978), *Điện kinh*, NXB TDTT, Hà Nội.

[5]. Phạm Tuấn Phương (1994), *Đo đạc thể hình*, NXB TDTT, Hà Nội.

[6]. Vũ Đức Thu - Trương Anh Tuấn (2007), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2		2	2	6
11			2		2	2	6
12			2			4	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>23</b>		<b>20</b>	<b>40</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, có đầy đủ bàn ghế xuất phát và dây đích.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Bóng đá 1 (Học phần Tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phùng Quang Phát
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979681560                      -Email:  
phungquagphat@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790                      - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 1
- Mã học phần: TC2.1.002.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:  
+ Tự chọn

+ Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 04

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 41

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh

+ Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu của học phần

Biết được nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn bóng đá và hiểu được những điều luật cơ bản trong luật bóng đá.

Thực hiện các động tác kỹ thuật ở mức độ tương đối chính xác thuần thục cơ bản làm cơ sở cho quá trình sau này đi thực tập tại cơ sở.

Tích cực tập luyện và nghiên cứu lý thuyết, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tập trung chú ý nghe giảng, có ý thức tập luyện cao, có sự nỗ lực trong tập luyện, có tinh thần giúp đỡ bạn bè.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá trên thế giới và ở Việt Nam. Biết được những đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện và một số điểm trong luật bóng đá
CDR 2	Biết được những kiến thức về nguồn gốc sự phát triển môn bóng đá trên thế giới, cũng như ở Việt Nam qua từng thời kì, xu hướng phát triển bóng đá hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu về: nguồn gốc phát triển môn bóng đá, đặc điểm tác dụng người tập luyện.



	Trên cơ sở đó để thực hiện các kỹ thuật cơ bản đúng, chuẩn cho người học.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CĐR 5	Thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật di chuyển không bóng, kỹ thuật có bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng mu trong, má ngoài, mu giữa bàn chân, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật giữ bóng bằng lòng, mu giữa, đùi, ngực. để vận dụng trong quá trình thi đấu.
	<b>Kỹ năng mềm</b>
CĐR 6	Biết cách khắc phục và tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản trong quá trình tập luyện.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CĐR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9
<b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b>	1.1. Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá 1.2. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện. 1.3. Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7 người									
		2	2	1	2	2	1	2	2	1

	1.4. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá. 1.5. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành. 1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.									
<b>Chương 2: Kĩ thuật bóng đá</b>	2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác bổ trợ làm quen bóng. 2.2. Giảng dạy kĩ thuật Di chuyển 2.3. Giảng dạy kĩ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân 2.4. Giảng dạy kĩ thuật Giữ bóng 2.5. Giảng dạy kĩ thuật Dẫn bóng 2.6. Giảng dạy kĩ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.7. Giảng dạy kĩ thuật ném biên	2	2	1	2	2	1	2	2	1
<b>Chương 3: Chiến thuật bóng đá</b>	3.1. Giảng dạy kĩ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật 3.2. Giảng dạy kĩ thuật Kĩ thuật đánh đầu 3.3. Giảng dạy kĩ thuật Một số bài phối hợp đấu tập, thực tập trọng tài.	2	2	1	2	2	1	2	2	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp      1- Có đóng góp      2- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Nguồn gốc và sự phát triển Đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá
- Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người
- Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.
- Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b>	4			
Lý thuyết	1.5. Nguồn gốc và sự phát triển		Đọc học liệu số[1]	Giảng	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>của môn bóng đá</p> <p>1.6. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện.</p> <p>1.7. Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7 người</p> <p>1.8. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.</p> <p>1.9. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành.</p> <p>1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.</p>	4	[2] chương 1 tr.11-31	đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc trước vấn đề học liệu về nguồn gốc phát triển, các đặc điểm, ý nghĩa tác dụng và luật bóng đá hiện đại. Đề vận dụng vào trong những tình huống của buổi học do giáo viên đưa ra.	8	Chủ động nghiên cứu sưu tầm tài liệu. [1] [2]	Thư viện, ở nhà, tại sân bóng đá trường ĐH Tân Trào	
	<b>Chương 2: Kỹ thuật bóng đá</b>	30			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	<p>2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác bổ trợ làm quen bóng.</p> <p>2.2. Giảng dạy kỹ thuật Di chuyển</p> <p>2.3. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân</p> <p>2.4. Giảng dạy kỹ thuật Giữ bóng</p> <p>2.5. Giảng dạy kỹ thuật Dẫn bóng</p> <p>2.6. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân</p> <p>2.7. Giảng dạy kỹ thuật ném biên</p>	30	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.33-75	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Nắm chắc các yêu cầu về kỹ thuật động tác: Kỹ thuật đá bóng bằng lòng, mu trong bàn chân, các kỹ thuật di chuyển. Kỹ thuật dẫn bóng và ném biên cơ bản trong bóng đá.	60	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
	<b>Chương 3: Chiến thuật bóng đá</b>	11			
Giảng dạy ngoài sân bãi	<p>3.1. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật</p> <p>3.2. Giảng dạy kỹ thuật đánh đầu</p> <p>3.3. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài phối hợp đầu tập, thực tập trọng tài.</p>	11	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu phương pháp thi đấu, phương pháp chỉ đạo thi đấu, phương pháp trọng tài.	22	Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng đá	Sân bóng đá	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] 2004, Giáo trình bóng đá, Nhà xuất bản ĐHSP, HN.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] 2001, Ma Tuyết Điều. Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện. Nhà xuất bản TĐTT.

[3] Luật Bóng đá Nhà xuất bản TĐTT . Hà Nội 2000.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>40</b>		<b>8</b>	<b>82</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, điểm ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% (A1)

- Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm

thảo luận (Xemina) Điểm thực hành, điểm thảo luận, trọng số 30% (A2)

- Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% (A3)

Điểm Học phần =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Giáo dục thể chất 2-Bóng đá 1 (Học phần Tự chọn)

### **1. Thông tin về giảng viên**

#### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Phùng Quang Phát
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0979681560                      -Email:  
phungquaghat@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790                      - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 1
- Mã học phần: TC2.1.002.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:  
+ Tự chọn

+ Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 04

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 41

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh

+ Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu của học phần

Biết được nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn bóng đá và hiểu được những điều luật cơ bản trong luật bóng đá.

Thực hiện các động tác kỹ thuật ở mức độ tương đối chính xác thuần thực cơ bản làm cơ sở cho quá trình sau này đi thực tập tại cơ sở.

Tích cực tập luyện và nghiên cứu lý thuyết, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tập trung chú ý nghe giảng, có ý thức tập luyện cao, có sự nỗ lực trong tập luyện, có tinh thần giúp đỡ bạn bè.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá trên thế giới và ở Việt Nam. Biết được những đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện và một số điểm trong luật bóng đá
CDR 2	Biết được những kiến thức về nguồn gốc sự phát triển môn bóng đá trên thế giới, cũng như ở Việt Nam qua từng thời kì, xu hướng phát triển bóng đá hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu về: nguồn gốc phát triển môn bóng đá, đặc điểm tác dụng người tập luyện. Trên cơ sở đó để thực hiện các kỹ thuật cơ bản đúng, chuẩn cho người học.
<b>Về kỹ năng</b>	

Kỹ năng cứng	
CĐR 4	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.
CĐR 5	Thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật di chuyển không bóng, kỹ thuật có bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng mu trong, má ngoài, mu giữa bàn chân, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật giữ bóng bằng lòng, mu giữa, đùi, ngực. để vận dụng trong quá trình thi đấu.
	Kỹ năng mềm
CĐR 6	Biết cách khắc phục và tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản trong quá trình tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CĐR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

## 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9
<b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b>	1.10. Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá									
	1.11. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện.									
	1.12. Một số điểm trong luật bóng đá 5, 7 người									
	1.13. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.	2	2	1	2	2	1	2	2	1
	1.5. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành.									
	1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.									



<b>Chương 2: Kỹ thuật bóng đá</b>	2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác bổ trợ làm quen bóng. 2.2. Giảng dạy kỹ thuật Di chuyển 2.3. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân 2.4. Giảng dạy kỹ thuật Giữ bóng 2.5. Giảng dạy kỹ thuật Dẫn bóng 2.6. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.7. Giảng dạy kỹ thuật ném biên	2	2	1	2	2	1	2	2	1
<b>Chương 3: Chiến thuật bóng đá</b>	3.1. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật 3.2. Giảng dạy kỹ thuật Kỹ thuật đánh đầu 3.3. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài phối hợp đầu tập, thực tập trọng tài.	2	2	1	2	2	1	2	2	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Nguồn gốc và sự phát triển Đặc điểm, tác dụng bóng của môn bóng đá
- Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người
- Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.
- Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Nội dung chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Yêu cầu đối với sinh viên</b>	<b>Thời gian, địa điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Chương 1: Giới thiệu môn học</b>	4			
Lý thuyết	1.14. Nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá 1.15. Đặc điểm, ý nghĩa tác dụng bóng đá đối với người tập luyện. 1.16. Một số điểm trong luật bóng		Đọc học liệu số[1] [2] chương 1 tr.11-31	Giảng đường trường Đại học Tân	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>đá 5, 7 người</p> <p>1.17. Một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.</p> <p>1.18. Phương pháp giảng dạy bóng đá cho sinh viên chuyên ngành.</p> <p>1.6. Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.</p>	4		Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Đọc trước vấn đề học liệu về nguồn gốc phát triển, các đặc điểm, ý nghĩa tác dụng và luật bóng đá hiện đại. Để vận dụng vào trong những tình huống của buổi học do giáo viên đưa ra.</p>	8	Chủ động nghiên cứu sưu tầm tài liệu. [1] [2]	Thư viện, ở nhà, tại sân bóng đá trường ĐH Tân Trào	
	<b>Chương 2: Kỹ thuật bóng đá</b>	30			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	<p>2.1. Giảng dạy một số trò chơi, động tác hỗ trợ làm quen bóng.</p> <p>2.2. Giảng dạy kỹ thuật Di chuyển</p> <p>2.3. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng lòng bàn chân</p> <p>2.4. Giảng dạy kỹ thuật Giữ bóng</p> <p>2.5. Giảng dạy kỹ thuật Dẫn bóng</p> <p>2.6. Giảng dạy kỹ thuật Đá bóng bằng mu trong bàn chân</p> <p>2.7. Giảng dạy kỹ thuật ném biên</p>	30	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.33-75	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Nắm chắc các yêu cầu về kỹ thuật động tác:</p> <p>Kỹ thuật đá bóng bằng long, mu trong bàn chân, các kỹ thuật di chuyển.</p> <p>Kỹ thuật dẫn bóng và ném biên cơ bản trong bóng đá.</p>	60	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
	<b>Chương 3: Chiến thuật bóng đá</b>	11			
Giảng dạy ngoài sân bãi	<p>3.1. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài tập phối hợp và trong tập luyện và thi đấu theo luật</p> <p>3.2. Giảng dạy kỹ thuật đánh đầu</p> <p>3.3. Giảng dạy kỹ thuật Một số bài phối hợp đầu tập, thực tập trọng tài.</p>	11	Đọc học liệu số [1] [2] chương 2 tr.83-87	Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Nguyên cứu phương pháp thi đấu, phương pháp chỉ đạo thi đấu, phương pháp trọng tài.</p>	22	Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng đá	Sân bóng đá	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] 2004, Giáo trình bóng đá, Nhà xuất bản ĐHSP, HN.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] 2001, Ma Tuyết Điều. Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện. Nhà xuất bản TDTT.

[3] Luật Bóng đá Nhà xuất bản TDTT . Hà Nội 2000.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>40</b>		<b>8</b>	<b>82</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, điểm ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% (A1)

- Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm

thảo luận (Xemina) Điểm thực hành, điểm thảo luận, trọng số 30% (A2)

- Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% (A3)

Điểm Học phần =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Bóng chuyền1(Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0987941489                      - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao - Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790                      - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền 1
- Mã học phần: TC2.1.004.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 04 tiết

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 41 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

+ Trung tâm: Thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyền, nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền.

Hiểu được lịch sử phát triển môn bóng chuyền, nắm được nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền, thực hiện tương đối tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền ở Việt Nam, xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
CĐR 2	Nắm vững những kiến thức về sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền, quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền ở Việt Nam, xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại và nguyên lý các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 3	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.
CĐR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng thấp tay.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện.

<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 7	Có khả năng tự học và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và tự nghiên cứu.

### 5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần.

<b>NỘI DUNG HỌC PHẦN</b>		<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>						
<b>CHƯƠNG</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	<b>Kiến thức</b>		<b>Kỹ năng</b>			<b>Thái độ, năng lực tự chủ</b>	
				<b>Cứng</b>		<b>Mềm</b>		
		<b>CD R1</b>	<b>CD R2</b>	<b>CD R3</b>	<b>CD R4</b>	<b>CD R5</b>	<b>CD R6</b>	<b>CD R7</b>
Chương 1: Sơ lược lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyền	1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới	2	2	2	2	1	2	2
	1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền	2	2	2	2	2	2	2
	1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền Việt Nam	1	2	2	2	2	2	2
	1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại	1	2	2	2	1	2	2
Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyền	2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyền.	2	2	2	1	2	2	2
	2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản.	2	2	2	2	2	2	2
	2.3 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay	2	2	2	2	2	2	2
	2.4 Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.	2	2	2	2	2	2	2
	2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay.	2	2	2	2	2	2	2
	2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay	2	2	2	2	2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp 1 - Có đóng góp 2 - Đóng góp nhiều

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyền.
- Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền.
- Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Sơ lược lịch sử quá trình phát triển môn bóng chuyền</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Sơ lược nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn bóng chuyền. 1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới 1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền 1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền Việt Nam 1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại	4	Học học liệu số [1]: chương 1(các mục 1.1-1.4)	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	1. Sơ lược nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn bóng chuyền. 1.1 Sự xuất hiện môn bóng chuyền trên thế giới 1.2 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền 1.3 Quá trình hình thành và phát triển môn bóng chuyền Việt Nam 1.4 Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại	8	Học học liệu số [1]: chương 1(các mục 1.1-1.4) Nắm được nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triển môn bóng chuyền và quá trình phát triển môn bóng chuyền tại Việt Nam.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường trường Đại học Tân Trào.	
	<b>Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyền</b>	<b>41</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi.	2. Kỹ thuật môn bóng chuyền. 2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyền. 2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản. 2.3 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 2.4 Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. 2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay. 2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay Kiểm tra	41	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1-2.7)	Sân bóng chuyền trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	2. Kỹ thuật môn bóng chuyền. 2.1 Phân loại kỹ thuật di chuyển trong môn bóng chuyền. 2.2 Nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản. 2.3 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay 2.4 Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. 2.5 Kỹ thuật phát bóng cao tay. 2.6 Kỹ thuật phát bóng thấp tay	82	Học học liệu số [1] (Chương 1 và chương 2) Tự giác tích cực chủ động tham khảo tài liệu chăm chỉ trong tập luyện kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.	Thư viện, ở nhà, tại sân bóng chuyền trường Đại học Tân Trào.	



## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Văn Lãm - Phạm Thế Vượng - Đàm Chính Thống ( 2006), *Giáo trình bóng chuyền*, nhà xuất bản Thể Dục Thể Thao, nơi xuất bản Đại học Thể dục Thể Thao Bắc Ninh.

[2] Nguyễn Viết Minh – Hồ Đắc Sơn (2010) *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, nơi xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trịnh Hữu Lộc – Huỳnh Đắc Tiến (2014) *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

[4] Trường đại học TĐTT – Bắc Ninh (1999 ) *Luật bóng chuyền, lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng chuyền*, Nhà xuất bản trường Đại học TĐTT Tư Sơn - Bắc Ninh.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9
9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>40</b>		<b>8</b>	<b>82</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá:
  - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
  - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
  - + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MÀM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Giáo dục thể chất 2-Cầu lông 1(Học phần tự chọn)

**1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TĐTT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0972 162 530                      - Email: thanh.aytz@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

**Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ giáo dục thể chất
- Thời gian địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TĐTT.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT Trường Đại học Tân Trào.
- Số điện thoại: 0915 475 878                      - Email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

**2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông 1
- Mã học phần: TC2.1.005.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn.
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần giáo dục thể chất 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 3 tiết
  - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 42 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục Thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Cầu lông, thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về kỹ thuật động tác. Nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn Cầu lông ở trong nước và thế giới, những kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật động tác.
CĐR 2	Sinh viên nắm được những kiến thức về nguyên lý kỹ thuật động tác của môn cầu lông, cách thức thực hiện các kỹ thuật của môn cầu lông
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CĐR 3	Biết cách thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông.
CĐR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái), kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay, kỹ thuật phong cầu.
Kỹ năng mềm	
CĐR 5	Vận dụng các kỹ thuật đã học để tập luyện và thi đấu, biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR6	Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong tập luyện, có động cơ học tập đúng đắn.
CĐR 7	Có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, có khả năng tự học và học theo nhóm.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần.

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CDR5	CDR 6	CDR 7
1. Chương 1	Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông	2	2	2	2	2	1	2
2. Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông	Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị	2	2	2	2	2	2	2
	Kỹ thuật di chuyển	2	2	2	2	2	2	2
	Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải và bên trái	2	2	2	2	2	2	1
	Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay	2	2	2	2	2	2	1
	Kỹ thuật phong cầu	2	2	2	2	2	2	1

Ghi chú:                      0 - Không đóng góp    1 - Có đóng góp            2 - Đóng góp nhiều

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử phát triển môn cầu lông, quá trình phát triển của môn cầu lông.
- Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị.
- Kỹ thuật di chuyển trong cầu lông.
- Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái).
- Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay.
- Kỹ thuật phong cầu.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông.</b>	<b>3</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn cầu lông. 1.2. Quá trình phát triển của môn cầu lông. 1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn cầu lông.	3	- Đọc học liệu số 2 chương 1 tr.5-15; học liệu số 1 tr.11-28	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Nắm vững lý thuyết.	Thư viện	
Giảng dạy ngoài sân bãi	<b>Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông.</b>	<b>42</b>			
	2.1. Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị.	3	Đọc học liệu số 1 tr.78	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Kỹ thuật di chuyển.	12	Đọc học liệu số 1 tr.81	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái).	9	Đọc học liệu số 1 tr.97	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.4. Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay.	6	Đọc học liệu số 1 tr.143	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Kỹ thuật phong cầu.	12	Đọc học liệu số 1 tr.109	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa.	84	Nắm vững các kỹ thuật và thực hiện tốt kỹ thuật	Thư viện, nhà thi đấu	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Văn Vinh (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

[2] Trường ĐHSP TDTT Hà Tây (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2000), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT Hà Nội.

[4] Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				4	2	9
2			3		4	2	9
3			3		1	5	9
4			3			6	9
5			3		2	4	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3		1	5	9
9			3			6	9
10			3		1	5	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3		1	5	9
14			3			6	9

15		1	2			6	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>41</b>		<b>14</b>	<b>76</b>	<b>135</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 04 sân cầu lông.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2-Võ thuật 1(Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Minh Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TDDT,
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại:0344466759; email: tranminhhangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TDDT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915475878; email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

### 2. Thông tin học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật 1
- Mã học phần: TC2.1.006.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
- + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
  - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 43 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên có hiểu biết chung về môn võ Vovinam - Việt võ đạo và tác dụng của môn học đối với người tập. các bài tập khởi động, các kỹ thuật ngã, các kỹ thuật căn bản, cách phản đòn và nắm chắc các đòn đối luyện, bài quyền theo yêu cầu môn học. Vận dụng được những kiến thức đã học trong luyện tập và hoạt động thực tiễn.

Tích cực, tự giác trong học tập, thảo luận và luyện tập ngoài sân bãi, đồng thời hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được Lịch sử ra đời , quá trình phát triển và vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam và các nguyên lý kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam như: (Tur thế thủ, các thế tấn công cơ bản gạt cạnh tay, chém cạnh tay, đánh trở, đánh gói, các lối đấm, các kỹ thuật đá, tập bài quyền số 1 )
CDR 2	Hiểu được Lịch sử ra đời , quá trình phát triển và vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam và phân tích các kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam như: (Tur thế thủ, các thế tấn công cơ bản gạt cạnh tay, chém cạnh tay, đánh trở, đánh gói, các lối đấm, các kỹ thuật đá, tập bài quyền số 1 )
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để tìm hiểu về: Kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam
<b>Về kỹ năng</b>	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CDR 4	Có khả năng thực hiện được kỹ thuật căn bản trong môn võ VoViNam
CDR 5	Có kỹ năng cơ bản về môn võ VoViNam
<i>Kỹ năng mềm</i>	

CDR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá việc thực hiện các kỹ thuật động tác trong môn võ VoViNam
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành đào tạo.
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
1. Chương 1: Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn võ VoViNam	2	2	2	2	2	2	2	1	1
	1.2. Quá trình phát triển môn võ VoViNam bóng bàn.									
	1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam									
Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam	2.1. Các bài tập khởi động	2	2	1	2	2	1	1	2	1
	2.2. Tập các kỹ thuật ngã	2	2	1	2	2	2	1	2	1

2.3. Tập các kỹ thuật căn bản	2	2	2	2	2	2	2	1	1
2.4. Các lối đấm	2	2	2	2	2	2	1	2	1
2.5. Các kỹ thuật đá	2	2	2	2	2	2	2	2	1
2.6. Tập bài quyền số 1	2	2	2	2	2	2	1	2	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ VoViNam.
- Kỹ thuật môn võ VoViNam..

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn võ VoViNam.</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	1.1. Lịch sử ra đời môn võ VoViNam 1.2. Quá trình phát triển môn võ bóng bàn. 1.3. Vai trò, tác dụng của luyện tập môn võ VoViNam	2	Đọc học liệu số 1 chương 1 tr.7-35	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
	<b>Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam</b>	<b>43</b>			
Luyện tập ngoài sân bãi	2.1. Các bài tập khởi động	1	Đọc học liệu số 1 tr.36- 40	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Tập các kỹ thuật ngã	4	Đọc học liệu số 1 tr.41- 43	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Tập các kỹ thuật căn bản.	12	Đọc học liệu số 1 tr.44- 52	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.4. Các lối đấm	10	Đọc học liệu số 1 tr.53- 54	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Các kỹ thuật đá	10	Đọc học liệu số	Thư viện,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			1 tr.55- 57	nhà thi đấu	
	2.6. Tập bài quyền số 1 Kiểm tra	6		Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	86	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa	Thư viện, nhà thi đấu	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 1*, NXB TDTT, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 2*, NXB TDTT, Hà Nội.

[3]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 3*, NXB TDTT, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Bài tập	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2		1		4	2	9
2			3		1	5	9
3			3		1	5	9
4			3			6	9
5			3		1	5	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3		1	5	9
9			3			6	9
10			3		1	5	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3		1	5	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>42</b>		<b>10</b>	<b>80</b>	<b>135</b>

## **10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, thảm tập, giáp thi đấu, các đồ dùng tập luyện và thi đấu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá
  - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
  - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
  - + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh1(Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lý Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0985286779                                 - Email: Lyvanthanh.cdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0983.844.790                                 - Email: trananhdungtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1
- Mã học phần: TC 2.1.007.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 4 tiết

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 41 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng-An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Thông qua học phần sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản về nội dung môn học chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, Có khả năng thực hiện một cách thuần thục các kỹ thuật động tác, Rèn luyện tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu về bộ môn điền kinh, biết được tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với sức khoẻ mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Sinh viên có được sự hiểu biết chung về học phần chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa, tác dụng của việc luyện tập môn điền kinh đối với mọi người và có thể tự tập nâng cao sức khỏe
CĐR 2	Nắm chắc những vấn đề cơ bản về lý thuyết của bộ môn, nguyên lý kỹ thuật cũng như lịch sử ra đời của nội dung chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa.
CĐR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có khả năng thực hiện một cách tương đối thuần thục các kỹ thuật động tác chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình và nhảy xa
CĐR 5	Nắm được phương pháp làm trọng tài, cách thức, phương pháp tổ chức thi đấu
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó tự học, tự nghiên cứu, lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xã hội đòi hỏi



<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CĐR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8
<b>Chương 1: Chạy cự ly ngắn</b>	<b>Lý Thuyết</b>								
	1.1. Khái niệm 1.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly ngắn 1.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly ngắn đối với người tập	2	2	1		1	2	2	2
	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi</b>								
	1.4. Các bài tập bổ trợ cho chạy cự ly ngắn. 1.5. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 1.6. Kỹ thuật chạy giữa quãng 1.7. Kỹ thuật chạy về đích	2	2	1	2		2	2	2
<b>Chương 2: Chạy cự ly trung bình</b>	<b>Lý Thuyết</b>								
	2.1. Khái niệm chạy cự ly trung bình 2.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly trung bình 2.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly trung bình đối với người tập	2	2	1			2	2	2
	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi</b>								

	2.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 2.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 2.3. Kỹ thuật về đích. 2.4. Một số bài tập hỗ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	2	2	1	2	2	2	2
<b>Chương 3: nhảy xa</b>	<b>Lý Thuyết</b>							
	3.1. Khái niệm nhảy xa 3.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn nhảy xa 3.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng nhảy xa đối với người tập	2	2	1		1	2	2
	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi</b>							
	Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi 3.1. Kỹ thuật giai đoạn chạy đà 3.2. Kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy 3.3. Kỹ thuật giai đoạn trên không 3.4. Kỹ thuật giai đoạn tiếp xúc Kiểm tra	2	2	1	2		2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Chạy cự ly ngắn
- Chạy cự ly trung bình
- Nhảy xa

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Chạy cự ly ngắn</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm 1.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly ngắn 1.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly ngắn đối với người tập	1			
Luyện tập	1.2. Các bài tập hỗ trợ cho	14	Đọc học liệu số	Thư viện,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
ngoài sân bãi	chạy cự ly ngắn. 1.3. Kỹ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát. 1.4. Kỹ thuật chạy giữa quãng 1.5. Kỹ thuật chạy về đích		1 chương 3	sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật của chạy cự ly ngắn - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của chạy cự ly ngắn để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	<b>Chương 2: Chạy cự ly trung bình</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	2.1. Khái niệm chạy cự ly trung bình 2.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn chạy cự ly trung bình 2.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng chạy cự ly trung bình đối với người tập	<b>1</b>			
Luyện tập ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. 2.2. Kỹ thuật chạy giữa quãng. 2.3. Kỹ thuật về đích. 2.4. Một số bài tập bổ trợ, bài tập kỹ thuật, trò chơi phát triển sức bền tốc độ.	14	Đọc học liệu số 1, chương 5	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly trung bình.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của chạy CLTB để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	
	<b>Chương 3. Nhảy xa</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	3.1. Khái niệm nhảy xa 3.2. Nguồn gốc, Lịch sử ra đời môn nhảy xa 3.3. Đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng nhảy xa đối với người	1	- Đọc giáo trình điền kinh môn, nhảy xa		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tập				
Luyện tập ngoài sân bãi	3. Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi - Kỹ thuật chạy đà - Kỹ thuật giậm nhảy - Kỹ thuật trên không - Kỹ thuật tiếp cát 3.5. Kiểm tra	14	- Đọc giáo trình điền kinh nội dung nhảy xa, tự tập tăng cường sức mạnh của chân.	Thư viện, sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	- Nguyên lý kỹ thuật nhảy xa - Luyện tập ngoại khóa chạy cự ly ngắn.	30	- Nắm được nguyên lý kỹ thuật của nhảy xa để áp dụng vào trong luyện tập. - Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa.	Thư viện, sân vận động	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Kim Minh và cộng sự (2003), *Giáo trình điền kinh*, NXB Đại học sư phạm.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Dương Nghiệp Chí (1978), *Điền kinh*, NXB TDTT.

[3]. Phạm Tuấn Phụng (1994), *Đo đạc thể hình*, NXB TDTT.

[4]. Ủy ban Thể dục thể thao (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT.

[5]. Vũ Đức Thu - Trương Anh Tuấn (2007), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB Đại học Sư phạm.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	3				6		9
2	1		2		2	4	9
3			3			6	9
4			3			6	9
5			3			6	9
6			3			6	9
7			3			6	9
8			3			6	9

9			3			6	9
10			3			6	9
11			3			6	9
12			3			6	9
13			3			6	9
14		1	2			6	9
15			3			6	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>40</b>		<b>8</b>	<b>82</b>	<b>135</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, có đầy đủ bàn đạp xuất phát và dây đích, đệm nhảy cao các dụng cụ khác.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá:

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 20%

+ Thi kết thúc học phần A3, trọng số 70%

+ Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2 (Học phần Tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phùng Quang Phát
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TĐTT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0979681560      - Email: phungquagphat@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TĐTT, Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790      - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2- Bóng đá 2
- Mã học phần: TC2.1.008.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn

+ Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 02

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 28

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh.

+ Đơn vị : Trung tâm thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm chắc kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật môn bóng đá, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng đá.

Thực hiện các động tác kỹ thuật ở mức độ tương đối chính xác thuần thực cơ bản làm cơ sở cho quá trình sau này đi thực tập tại cơ sở.

Tích cực tập luyện và nghiên cứu lý thuyết, tổ chức kỷ luật tốt, tập trung chú ý nghe giảng, có ý thức tập luyện cao, có sự nỗ lực trong tập luyện, có tinh thần giúp đỡ bạn bè.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được các kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản, qua đó hình thành kỹ năng vận động đảm bảo trong quá trình thực tiễn tập luyện bóng đá.
CĐR 2	Biết được những kiến thức kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản được nâng cao về kỹ thuật chuyên bóng bằng lòng di chuyển, kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển, kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi, kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực.
CĐR 3	Vận dụng các kỹ chiến thuật bóng đá cơ bản đã được trang bị cho sinh viên trong quá trình học tập tập luyện các kỹ chiến thuật cơ bản trong học phần môn bóng đá.
<b>Về kỹ năng</b>	

Kỹ năng cứng	
CDR 4	Biết và thực hiện tốt các kỹ thuật động tác di chuyển nâng cao trong bóng đá. Các bài tập kỹ chiến thuật áp dụng trong tập luyện theo lộ trình hợp lý khoa học.
CDR 5	Thực hiện tốt kỹ thuật di chuyển không bóng, kỹ thuật có bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng mu trong, má ngoài, mu giữa bàn chân, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật giữ bóng bằng lòng, mu giữa, đùi, ngực.
	Kỹ năng mềm
CDR 6	Biết cách khắc phục và tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản trong quá trình tập luyện.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9
<b>Chương 1:</b> Kỹ thuật bóng đá	1.1 Kỹ thuật chuyền bóng bằng lòng di chuyển. 1.2 Kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển. 1.3 Kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi 1.4 Kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực	2	2	1	2	2	1	2	1	1



<b>Chương 2: Chiến thuật bóng đá</b>	2.1 Chiến thuật tấn công 2.1.1 Chiến thuật tấn công cá nhân 2.1.2 Chiến thuật tấn công 2 người 2.1.3. Chiến thuật tấn công 3 người 2.1.4. Chiến thuật tấn công nhóm 2.2 Chiến thuật phòng thủ 2.2.1 Chiến thuật phòng thủ cá nhân 2.2.2 Chiến thuật phòng thủ khu vực 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ tập thể	2	2	1	2	2	1	2	1	1
<b>Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo và trọng tài bóng đá</b>	3.1 Phương pháp tổ chức thi đấu 3.1.1 Điều lệ thi đấu 3.1.2 Đăng kí thi đấu 3.1.3 Rút thăm 3.1.4 Tính chất thi đấu 3.1.5 Hình thức thi đấu 3.2 Phương pháp chỉ đạo thi đấu 3.2.1 Tầm quan trọng của thi đấu bóng đá 3.2.2 Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu 3.3 Phương pháp tổ chức trọng tài 3.3.1 Nhiệm vụ, nhiệm vụ 3.3.2 Thành phần trọng tài của giải 3.3.3 Quyền hạn và trách nhiệm của các trọng tài	2	2	1	2	2	1	2	1	1

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

\* Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau:

- Một số điểm trong luật bóng đá 5, 11 người
- Một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá.
- Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá cho sinh viên.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Kỹ thuật bóng đá</b>	10			
Giảng dạy ngoài sân bãi	1.1 Kỹ thuật chuyền bóng bằng lòng di chuyển. 1.2 Kỹ thuật bóng bằng mu trong di chuyển. 1.3 Kỹ thuật đỡ bóng bằng đùi 1.4 Kỹ thuật đỡ bóng bằng ngực	10	Đọc học liệu số[1] [2] chương 1 tr.11-31 Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng đá	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn tập các kỹ thuật đã học vận dụng vào trong những tình huống của buổi học do giáo viên đưa ra.	20	Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng đá.	Sân bóng đá trường ĐH Tân Trào.	
	<b>Chương 2: Chiến thuật bóng đá</b>	18			
Lý thuyết	2.1 Chiến thuật tấn công 2.2 Chiến thuật phòng thủ		Đọc học liệu số[1] [2] chương 2 tr.83-87		
Giảng dạy ngoài sân bãi.	2.1 Chiến thuật tấn công 2.1.1 Chiến thuật tấn công cá nhân 2.1.2 Chiến thuật tấn công 2 người 2.1.3. Chiến thuật tấn công 3 người 2.1.4. Chiến thuật tấn công nhóm 2.2 Chiến thuật phòng thủ 2.2.1 Chiến thuật phòng thủ cá nhân 2.2.2 Chiến thuật phòng thủ khu vực 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ tập thể	18		Sân bóng đá trường Đại học Tân Trào.	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu, phân loại các loại chiến thuật trong bóng đá.	36	Nắm vững và biết cách sử dụng các loại chiến thuật trong môn bóng đá	Thư viện, sân bóng đá trường Đại học Tân Trào	
	<b>Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo và trọng tài bóng đá</b>	2			
Lý thuyết	3.1 Phương pháp tổ chức thi đấu 3.1.1 Điều lệ thi đấu 3.1.2 Đăng kí thi đấu 3.1.3 Rút thăm 3.1.4 Tính chất thi đấu 3.1.5 Hình thức thi đấu 3.2 Phương pháp chỉ đạo thi đấu 3.2.1 Tầm quan trọng của thi đấu bóng đá 3.2.2 Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi	2	Đọc học liệu số[1] [2] chương 2 tr.83-87	Giảng đường	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	đấu				
Giảng dạy ngoài sân bãi	3.3 Phương pháp tổ chức trọng tài 3.3.1 Nhiệm vụ, nhiệm vụ 3.3.2 Thành phần trọng tài của giải 3.3.3 Quyền hạn và trách nhiệm của các trọng tài		Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng đá	Sân bóng đá	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên cứu phương pháp thi đấu, phương pháp chỉ đạo thi đấu, phương pháp trọng tài.	4	Nắm vững các phương pháp để tổ chức được 1 giải bóng đá	Thư viện, sân bóng đá	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] 2004, Giáo trình bóng đá, Nhà xuất bản ĐHSP, HN.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] 2001, Ma Tuyết Điều. Bóng đá, kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện. Nhà xuất bản TDTT.

[3] Luật Bóng đá Nhà xuất bản TDTT . Hà Nội 2000.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1			2			4	6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13	2				4		6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>27</b>		<b>4</b>	<b>56</b>	<b>90</b>

## **10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

## **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, điểm ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10% (A1)

- Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (Xemina) điểm thực hành, điểm thảo luận, trọng số 30% (A2)

- Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% (A3)

Điểm Học phần =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2 (Học phần Tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Văn Huỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT Trường Đại học Tân trào.
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0968058102                      - Email: huynhtantrao@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân GDTC
- Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TDDT, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0962192598                      - Email: nguyenhaidhhtgmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2
- Mã học phần: TC2.1.009.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - +Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: đã học xong học phần Giáo dục thể chất 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

- Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng bàn. Thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng bàn, biết cách tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng bàn.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các kỹ chiến môn bóng bàn, qua đó hình thành kỹ năng vận động đảm bảo trong quá trình học tập cũng như thi đấu.
CDR 2	Biết được những kiến thức kỹ chiến thuật bóng bàn, được nâng cao về kỹ thuật Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật phát bóng.
CDR 3	Vận dụng các kỹ chiến thuật bóng bàn cơ bản đã được trang bị cho sinh viên trong quá trình học tập, tập luyện các kỹ chiến thuật cơ bản trong học phần môn bóng bàn đạt kết quả cao.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Biết và thực hiện tốt các kỹ thuật động tác nâng cao trong bóng bàn. Các bài tập kỹ chiến thuật áp dụng trong tập luyện theo lộ trình hợp lý, khoa học và mang tính thực tế.
CDR 5	Thực hiện tốt kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, kỹ thuật vụt nhanh trái, kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay, kỹ thuật phát bóng.
<b>Kỹ năng mềm</b>	

CDR 6	Biết được một số các phương pháp tập luyện và tự sửa chữa những sai lầm thường mắc trong tập luyện.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong học tập và luyện tập. Hình thành thói quen tập luyện sau này.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9
<b>Chương 1:</b> Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn	1.1. Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn 1.2. Luật bóng bàn.	2	2	1	2	2	1	2	1	1
<b>Tự học, tự nghiên cứu</b>	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng									

<b>Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn</b>	2.1. Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay 2.2. Kỹ thuật vạt nhanh trái tay	2	2	1	2	2	1	2	1	1
	2.3. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay 2.4. Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay 2.5. Kỹ thuật giao bóng 2.6. Kỹ thuật đỡ giao bóng, Kiểm tra									

Ghi chú: 0- Không đóng góp 1- Có đóng góp 2- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn
- Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay
- Kỹ thuật vạt nhanh trái
- Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay
- Kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay
- Kỹ thuật phát bóng

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn 1.2. Luật bóng bàn.	2	Đọc học liệu số 1 chương IV; học liệu số 2 chương V.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Lớp học	
	<b>Chương 2: Kỹ thuật môn bóng bàn</b>	28			
Giảng dạy ngoài sân bãi	2.1. Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay 2.2. Kỹ thuật vạt nhanh trái tay 2.3. Kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay 2.4. Kỹ thuật giạt bóng thuận	2 2 6 11 4 3	Đọc học liệu số 1,2,3,4.	Nhà thi đấu	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	(trái) tay 2.5. Kỹ thuật giao bóng 2.6. Kỹ thuật đỡ giao bóng, Kiểm tra				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa.	56	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa	Thư viện, nhà thi đấu.	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Vũ Thành Sơn – Nguyễn Danh Hoàng Việt (2003), Giáo trình Bóng Bàn, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Danh Thái – Vũ Thành Sơn (1999), Giáo trình môn Bóng bàn, Nxb TDTT, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Ủy ban TDTT (2006), Bóng bàn hiện đại, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Danh Thái (1990), Bóng bàn sách giáo khoa đại học, Nxb TDTT, Thành Phố Hồ chí Minh.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2			2		1	3	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2		1	3	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2		1	4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2		1	3	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2		1	3	6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>27</b>		<b>9</b>	<b>51</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 05 bàn bóng bàn.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Hình thức kiểm tra học phần: kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MÀM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền 2 (Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0987941489                      - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0983844790                      - Email: dungcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Bóng chuyền
- Mã học phần: TC2.1.010.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp:
  - + Giảng dạy ngoài sân bãi: 30 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

+ Trung tâm: Thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Nắm vững kỹ thuật môn bóng chuyên, phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.

Thực hiện tốt các kỹ thuật động tác môn bóng chuyên. Biết tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu, và làm trọng tài môn bóng chuyên

Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được nguyên lý cơ bản của kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng và những kiến thức về phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.
CDR 2	Nắm vững nguyên lý kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng và những kiến thức về phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 3	Biết phân tích nguyên lý kỹ thuật để áp dụng vào tập luyện, biết cách tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng, biết cách điều hành 1 trận thi đấu bóng chuyên.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện và xử lý tình huống trong trận thi đấu bóng chuyên.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR6	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động

	xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 7	Có khả năng tự học và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và tự nghiên cứu.

### 5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7
Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyền	2.1 Kỹ thuật chuyền bóng cao tay	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.	2	2	2	2	2	2	2
	2.3. Kỹ thuật phát bóng	2	2	2	2	2	2	2
	2.4. Kỹ thuật đập bóng	2	2	2	2	2	2	2
	2.5. Kỹ thuật chắn bóng	1	2	2	1	2	2	2
Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyền	1. Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyền.	1	2	2	2	1	2	2
	2. Phương pháp tổ chức thi đấu	1	2	2	2	1	2	2
	3. Điều lệ thi đấu	2	2	2	2	1	2	2
	4. Đăng kí thi đấu	2	2	2	2	1	2	2
	5. Rút thăm	1	2	2	1	2	2	2
	6. Tính chất thi đấu	2	2	2	1	2	2	2
	7. Hình thức thi đấu	2	2	2	1	2	2	2
	8. Phương pháp chỉ đạo thi đấu	1	2	2	2	1	2	2
	9. Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyền	2	2	2	2	2	2	2
	10. Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu	1	2	2	1	2	2	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp

1 - Có đóng góp

2 - Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Kỹ thuật các động tác môn bóng chuyên.
- Chiến thuật thi đấu môn bóng chuyên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 2: Kỹ thuật bóng chuyên</b>	<b>20</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật môn bóng chuyên.</li> <li>2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay</li> <li>3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.</li> <li>4. Kỹ thuật phát bóng</li> <li>5. Kỹ thuật đập bóng</li> <li>6. Kỹ thuật chắn bóng</li> </ol>	20	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1 – 2.5)	Sân bóng chuyên trường ĐH Tân Trào..	
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật môn bóng chuyên.</li> <li>- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay</li> <li>- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.</li> <li>- Kỹ thuật phát bóng</li> <li>- Kỹ thuật đập bóng</li> <li>- Kỹ thuật chắn bóng.</li> </ul>	40	Học học liệu số [1]: chương 2 (mục 2.1 – 2.5) Thực hiện tốt các kỹ thuật môn bóng chuyên.	Sân bóng chuyên trường ĐH Tân Trào.	
	<b>Chương 3: Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên</b>	<b>10</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên.</li> <li>2. Phương pháp tổ chức thi đấu</li> <li>3. Điều lệ thi đấu</li> <li>4. Đăng kí thi đấu</li> <li>5. Rút thăm</li> <li>6. Tính chất thi đấu</li> <li>7. Hình thức thi đấu</li> <li>8. Phương pháp chỉ đạo thi đấu</li> </ol>	10	Học học liệu số [1]: Chương 3 (các mục 3.1- 3.2)	Giảng đường trường Đại học Tân Trào.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	9. Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyên 10. Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu				
Tự học, tự nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài bóng chuyên.</li> <li>- Phương pháp tổ chức thi đấu</li> <li>- Điều lệ thi đấu</li> <li>- Đăng kí thi đấu</li> <li>- Rút thăm</li> <li>- Tính chất thi đấu</li> <li>- Hình thức thi đấu</li> <li>- Phương pháp chỉ đạo thi đấu</li> <li>- Tầm quan trọng của thi đấu bóng chuyên</li> <li>- Công tác chuẩn bị và chỉ đạo thi đấu</li> </ul>	20	<p>Học học liệu số [1]: Chương 4 (các mục 3.1- 3.2)</p> <p>Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và chỉ đạo thi đấu môn bóng chuyên</p>		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Văn Lãm - Phạm Thế Vượng - Đàm Chính Thông ( 2006), *Giáo trình bóng chuyên*, nhà xuất bản Thể Dục Thể Thao, nơi xuất bản Đại học Thể dục Thể Thao Bắc Ninh.

[2] Nguyễn Viết Minh – Hồ Đắc Sơn (2010) *Giáo trình bóng chuyên*, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, nơi xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trịnh Hữu Lộc – Huỳnh Đắc Tiến (2014) *Giáo trình bóng chuyên*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, nơi xuất bản Đại học thể dục thể thao TP Hồ Chí Minh .

[4] Trường đại học TDTT – Bắc Ninh (1999 ) *Luật bóng chuyên, lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng chuyên*, Nhà xuất bản trường Đại học TDTT Từ Sơn - Bắc Ninh.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1			2			4	6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13		1	1			4	6
14			2			4	6
15			2			4	6
<b>Tổng</b>		<b>1</b>	<b>29</b>			<b>60</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá:



+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh

+ Trung tâm: Thể dục Thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông, những kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật động tác. Nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên nắm được những kiến thức về nguyên lý kỹ thuật động tác của môn cầu lông, cách thức thực hiện các kỹ thuật của môn cầu lông
CDR 2	Sinh viên nắm được cách thức thực hiện kỹ thuật phong cầu và kỹ thuật đập cầu của môn cầu lông, và nắm được các bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Thực hiện được tốt các kỹ thuật cơ bản của cầu lông, biết cách tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật đập cầu và phong cầu trong cầu lông. biết cách điều hành 1 trận thi đấu cầu lông.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Áp dụng các kỹ thuật đã học để tự tập luyện ngoại khóa và thi đấu, biết cách tổ chức một trận thi đấu cầu lông và xử lý tình huống trong trận thi đấu cầu lông.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR6	Sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong tập luyện, có động cơ học tập đúng đắn.
CDR 7	Có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập, có khả năng tự học và học theo nhóm.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần.

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA						
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
				Cứng		Mềm		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7
1. Chương 1	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông	2	2	2	2	2	2	1
2. Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông	Kỹ thuật phong cầu	2	2	2	2	2	2	2
	Kỹ thuật đập cầu	2	2	2	2	2	2	1
	Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu cầu lông	2	2	2	2	2	1	2

Ghi chú: 0 - Không đóng góp 1 - Có đóng góp 2 - Đóng góp nhiều

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.
- Kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu (phong cầu).
- Kỹ thuật đập cầu.
- Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi môn cầu lông.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<b>Chương 1: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và luật cầu lông.</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Phương pháp tổ chức		Đọc học liệu	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	thi đấu cầu lông 1.2. Phương pháp trọng tài cầu lông. 1.3. Luật cầu lông.	2	số 1 chương 1 tr.41-74, học liệu 4		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Nắm vững lý thuyết.	Thư viện	
Giảng dạy ngoài sân bãi	<b>Chương 2: Kỹ thuật môn cầu lông.</b>	<b>28</b>			
	2.1. Kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu (phông cầu)	8	Đọc học liệu số 1 tr.109	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Kỹ thuật đập cầu.	18	Đọc học liệu số 1 tr.150, học liệu số 2 tr.82	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Giới thiệu một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi môn cầu lông	2	Đọc học liệu số 1 tr.160	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	56	Nắm vững các kỹ thuật và thực hiện tốt kỹ thuật	Thư viện, nhà thi đấu	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Trần Văn Vinh (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

[2] Trường ĐHSP TDTT Hà Tây (2004), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2000), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT Hà Nội.

[4] Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật cầu lông*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				2	2	6
2			2		2	2	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2		1	3	6
10			2		1	3	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13			2		1	3	6
14			2			4	6
15		1	1			4	6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>27</b>		<b>7</b>	<b>53</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, 04 sân cầu lông.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3 - Võ thuật 2 (Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Minh Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Trung tâm TĐTT,
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0344166759; email: tranminhhangcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Mỹ Việt
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm TĐTT trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0915475878; email: nguyenmyvietq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật 2
- Mã học phần: TC2.1.012.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành xong học phần Giáo dục thể chất

2

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:



- + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết
- + Luyện tập sân bãi: 28 tiết
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh
- + Trung tâm: Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu học phần

Sinh viên có hiểu biết chung về nguyên lý kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn võ Vovinam - Việt võ đạo

Sinh viên có khả năng thực hiện các động tác kỹ thuật chính xác, thực hành soạn giáo án và tiến hành giảng dạy võ thuật cho học sinh Tiểu học và THCS, tổ chức thi đấu trọng tài trong quá trình tập luyện.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được nguyên lý cơ bản của kỹ thuật phản đòn trình độ 1. Thực hiện được các bài tập chiến thuật cơ bản và những kiến thức về kỹ thuật phản đòn.
CDR 2	Nắm vững các thế chiến lược từ 1-10, thực hiện được một số đòn tháo gỡ trình độ 1 trong môn võ VoViNam.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 3	Biết phân tích nguyên lý các kỹ thuật căn bản để áp dụng vào tập luyện, Thực hiện một số bài tập chiến thuật cơ bản trong môn võ VoViNam
CDR 4	Thực hiện tốt kỹ thuật phản đòn trình độ 1, các thế chiến lược, các đòn tháo gỡ trong môn võ VoViNam.
Kỹ năng mềm	
CDR 5	Biết cách tự sửa chữa những lỗi sai cơ bản của kỹ thuật trong tập luyện môn võ VoViNam.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR6	Có động cơ thái độ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa

	học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành tự chọn đào tạo.
CDR 7	Có khả năng tự tập luyện theo cá nhân và học theo nhóm, tự giác, tích cực, chủ động trong tập luyện và tự nghiên cứu kỹ thuật đã được học.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		CDR1	CDR2	CDR3	Cứng		Mềm	CDR7	CDR8	CDR9
					CDR4	CDR5	CDR6			
<b>1.Chương 1: Lý thuyết</b>	1.1. Nguyên lý chiến, phương pháp giảng dạy.	2	2	1	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam.</b>	2.1. Kỹ thuật phản đòn căn bản trình độ 1.	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	2.2. Đòn chân tấn công từ số 1 đến số 6.	2	2	2	2	2	2	2	2	1
	2.3. Kỹ thuật khoá đỡ.	2	2	2	2	2	1	1	2	1
	2.4. Các thế chiến lược tấn công.	2	2	2	2	2	2	1	2	1
	2.5. Tập bài quyền số 2	2	2	2	2	2	1	1	2	1

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về

- Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vôvinaam
- Kỹ thuật môn võ VoViNam

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1: Nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, Luật thi đấu môn võ VoViNam.</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Nguyên lý chiến, phương pháp giảng dạy. 1.2. Luật môn võ VoViNam.	2	Đọc học liệu số 1 chương IV tr.88-101; học liệu số 2 chương V tr.65-76.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện	
Luyện tập ngoài sân bãi	<b>Chương 2: Kỹ thuật môn võ VoViNam.</b>	<b>28</b>			
	2.1. Kỹ thuật phản đòn căn bản trình độ 1.	4	Đọc học liệu số 1 tr.58	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.2. Đòn chân tấn công từ số 1 đến số 6.	4	Đọc học liệu số 1 tr.74	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.3. Kỹ thuật khoá đỡ.	4	Đọc học liệu số 1 tr.80	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.4. Các thế chiến lược tấn công.	8	Đọc học liệu số 1 tr.100	Thư viện, nhà thi đấu	
	2.5. Tập bài quyền số 2.	8	Đọc học liệu số 1 tr.54	Thư viện, nhà thi đấu	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, Luyện tập ngoại khóa	56	Chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. Chăm chỉ luyện tập ngoại khóa	Thư viện, nhà thi đấu	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 1*, NXB TDTT, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 2*, NXB TDTT, Hà Nội.

[3]. Lê Quốc Ân và cộng sự (2008), *Kỹ thuật Vovinam - Việt Võ Đạo Tập 3*, NXB TDTT, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Văn Chung – Nguyễn Anh Tú (2005), *Giáo trình môn võ thuật*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Bài tập	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Luyện tập ngoại khóa	
1	2				4		6
2			2		1	3	6
3			2			4	6
4			2		1	3	6

5			2			4	6
6			2		1	3	6
7			2			4	6
8			2		1	3	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2		1	3	6
13			2			4	6
14		1	1		1	3	6
15			2			4	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>27</b>		<b>10</b>	<b>50</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, thảm tập, các dụng cụ tập luyện và thi đấu, giáp thi đấu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên như: Đọc trước các phân lý thuyết trước khi đến lớp, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều và buổi sáng sớm, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành
- Phương pháp đánh giá
  - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
  - + Kiểm tra giữa kỳ hoặc bài tập học phần: A2, trọng số 30%
  - + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 2 (Học phần tự chọn)

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lý Văn Thành
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0985286779                      - Email: Lyvanthanh.cdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Anh Dũng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Trung tâm Thể dục thể thao
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0983.844.790                      - Email: trananhdung tq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)
- Mã học phần: TC 2.1.013.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - + Tự chọn.
  - + Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết

+ Giảng dạy ngoài sân bãi: 28 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Quốc phòng-An ninh

+ Trung tâm : Thể dục thể thao

### 3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và nâng cao về môn học nhảy xa, nhảy cao đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để phát triển các tố chất thể lực và nâng cao năng lực vận động. Có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi. Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao về môn học nhảy xa, nhảy cao, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
CĐR 2	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để phát triển các tố chất thể lực và nâng cao năng lực vận động. Nắm chắc một số kiến thức về luật, phương pháp làm trọng tài và tổ chức thi đấu, có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi.
CĐR 3	Biết lựa chọn các bài tập, vận dụng các bài tập để nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có khả năng thực hiện một cách thuần thục các kỹ thuật động tác , nhảy cao và nhảy xa
CĐR 5	Có khả năng làm trọng tài và nắm chắc được cách thức tổ chức thi đấu
<b>Kỹ năng mềm</b>	

CDR 6	Từ những kiến thức đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống để từ đó lựa chọn ra những bài tập phù hợp để tập luyện nâng cao sức khoẻ, Có thể tự nghiên cứu và làm việc theo yêu cầu xã hội đòi hỏi.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CDR 8	Trang bị cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu, tính tự giác trong luyện tập ngoại khóa và áp dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống luyện tập thực tế.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng	Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
	<b>Lý thuyết</b>								
	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	2	2			2	1	2	2
	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi</b>								
<b>Chương 1: Nhảy cao</b>	1. Kỹ thuật động tác Nhảy cao úp bụng: 1.1. Các bài tập bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực 1.2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. 1.3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy đá lăng. 1.4. Dạy kỹ thuật qua xà và tiếp đất Nhảy cao “kiểu úp bụng”. 1.5. Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy cao “kiểu úp bụng” 1.6. Kiểm tra	2	1	1	2	1	1	2	2
<b>Chương 2:</b>	<b>Lý thuyết</b>								

<b>Nhảy xa</b>	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	2	2			2	1	2	2
	<b>Giảng dạy ngoài sân bãi</b>								
	2. Kỹ thuật động tác nhảy xa kiểu uốn thân. 2.1 Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ trên không. 2.2. Dạy kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy bước bộ trên không. 2.3. Dạy kỹ thuật trên không và tiếp đất trong nhảy xa “kiểu uốn thân”. 2.4 Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy xa “kiểu uốn thân”. 2.5 Tập luyện nâng cao thành tích nhảy xa. 2.6. Kiểm tra	2	1	1	2	1	1	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa, các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa và một số điểm trong luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa, qua đó đảm bảo được công tác chuyên môn sau khi các em ra trường

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1. Nhảy cao</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	1	Đọc giáo trình Điền kinh trang 205 - trang 242	Thư viện và ở nhà	
Giảng dạy ngoài sân bãi	1. Kỹ thuật động tác Nhảy cao úp bụng: 1.1. Các bài tập bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực 1.2. Dạy kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. 1.3. Dạy kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy đá lăng. 1.4. Dạy kỹ thuật qua xà và tiếp đất Nhảy cao “kiểu úp bụng”. 1.5. Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy cao “kiểu úp bụng”	14	Thực hiện các bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên, sinh viên tập luyện tự giác và tích cực.	Ngoài sân bãi	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.6. Kiểm tra				
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên lý kỹ thuật và phương pháp trọng tài nhảy cao. Tập luyện ngoại khóa thường xuyên	30	Đọc giáo trình Điền kinh trang 205 - trang 242	Thư viện và ở nhà	
	<b>Chương 2. Nhảy xa</b>	<b>15</b>	Đọc giáo trình Điền kinh trang 166 - trang 205	Thư viện	
Lý thuyết	1. Một số điểm trong luật phần nhảy cao 2. Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức thi đấu nhảy cao	<b>1</b>			
Giảng dạy ngoài sân bãi	2. Kỹ thuật động tác nhảy xa kiểu ưỡn thân. 2.1 Dạy kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ trên không. 2.2. Dạy kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy bước bộ trên không. 2.3. Dạy kỹ thuật trên không và tiếp đất trong nhảy xa “kiểu ưỡn thân”. 2.4 Hoàn thiện kỹ thuật Nhảy xa “kiểu ưỡn thân”. 2.5 Tập luyện nâng cao thành tích nhảy xa. 2.6. Kiểm tra	14	Thực hiện các bài tập theo đúng yêu cầu của giáo viên. Tập luyện tự giác và tích cực	Ngoài sân bãi	
Tự học, tự nghiên cứu	Nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu và trọng tài nhảy xa. Tập luyện ngoại khóa thường xuyên.	30	Đọc giáo trình Điền kinh trang 166 - trang 205	Thư viện và ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Kim Minh (2004), *Giáo trình Điền kinh*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội .

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Ủy ban Thể dục thể thao (2004), *Luật điền kinh*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Đại Dương và cộng sự (2006), *Điền kinh Sách giáo khoa dùng cho sinh viên Đại học Thể dục Thể thao*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Đại Dương (2002), *Chạy cự ly ngắn*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

[5]. Trịnh Hùng Thanh, Trần Văn Đạo (1997), *Huấn luyện chạy cự ly trung bình dài và Maratông*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2			2			4	6
3			2			4	6
4			2			4	6
5			2			4	6
6			2			4	6
7			2			4	6
8			2			4	6
9			2			4	6
10			2			4	6
11			2			4	6
12			2			4	6
13			2			4	6
14		1	1			4	6
15			2			4	6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>27</b>		<b>4</b>	<b>56</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy: Phòng học đảm bảo vệ sinh, ánh sáng, sân bãi sạch sẽ, dụng cụ đầy đủ.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tập luyện tự giác, tích cực, tích cực tự luyện tập ngoại khóa vào các buổi chiều, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá:

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần A3, trọng số 60%

+ Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$ .

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Giáo dục quốc phòng – An ninh 1

### **1. Thông tin về giảng viên**

#### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng Trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: tổ 19 phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0973333458                      - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0987941489                      - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Đường lối quân sự của Đảng
- Mã học phần: TC2.1.014.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Giáo dục thể chất , Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
  - + Trung tâm: Thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu của học phần

Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-LênNin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
CDR 2	Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công việc học tập và thực tiễn.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	

CĐR 3	Có khả năng nhận thức và đánh giá được quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc;
CĐR 4	Có kỹ năng phát hiện, phân tích vấn đề kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam Trên cơ sở đó vận dụng vào học tập và thực tiễn
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 5	Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm, nắm vững các nội dung đường lối quân sự của Đảng vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 6	Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự xây dựng của Đảng.
CĐR 7	Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA							
	KIẾN THỨC	Kiến thức		Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		CĐR1	CĐR2	Cứng		Mềm	CĐR6	CĐR7	CĐR8
				CĐR3	CĐR4	CĐR5			
<b>ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG</b>	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2	2	2	2	1	2	2	1
	Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	2	2	2	2	1	2	2	1
	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.	2	2	2	2	1	2	2	1

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	2	2	2	1	2	2	1
Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.	2	2	2	2	1	2	2	1
Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.	2	2	2	2	1	2	2	1
Nghệ thuật quân sự Việt Nam.	2	2	2	2	1	2	2	1

0 - Không đóng góp

1 - Có đóng góp

2 - Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học
- Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.
- Nghệ thuật quân sự Việt Na

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học.</b>	2			
Lý thuyết	1. Đặc điểm môn học 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học	2	Học học liệu số [1] Bài 1.	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	4	Học học liệu số [1] Bài 1. Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao về nhà, đặt	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			ra các câu hỏi cần giải đáp.		
	<b>Bài 2: Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.</b>	6			
Lý thuyết	1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.	6	Học học liệu số [1] Bài 2.	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	Học học liệu số [1] Bài 2. Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi của giáo viên về chiến tranh và quân đội trong các nước xã hội chủ nghĩa.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.</b>	6			
Lý thuyết	1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. 2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.	6	Học học liệu số [1] Bài 3	Giảng đường trường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	Học học liệu số [1] Bài 3 Tìm hiểu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đưa ra các câu	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			hỏi cần giải đáp trong bài học.		
	<b>Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.	6	Học học liệu số [1] Bài 4	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	12	Học học liệu số [1] Bài 4 Tìm hiểu về các cuộc chiến tranh của cha ông. Đưa ra các câu hỏi.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới. 3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	8	Học học liệu số [1] Bài 5	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	16	Học học liệu số [1] Bài 5 Tìm hiểu về đặc điểm của lực lượng vũ trang nhân dân. So sánh sự khác nhau của các lực lượng.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.</b>	<b>9</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam.</p> <p>2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.</p> <p>3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh ở nước ta hiện nay.</p>	9	Học học liệu số [1] Bài 6	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	18	Học học liệu số [1] Bài 6 Đưa ra những ví dụ về việc phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh hiện nay.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 7 : Nghệ thuật quân sự Việt Nam.</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	<p>1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.</p> <p>2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.</p> <p>3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.</p>	8	Học học liệu số [1] Bài 7	Giảng đường.	
Tự học tự nghiên cứu	Đọc các phần kiến thức trước khi nghe giảng.	16	Học học liệu số [1] Bài 7 Đưa ra đặc điểm về nghệ thuật trong các trận đánh của cuộc chiến tranh Việt Nam.	Thư viện, ở nhà, tại giảng.	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Huy Hiệp và cộng sự (2009), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện chính trị-hành chính quốc gia (2009), *Giáo trình trung cấp lý luận-hành chính*, NXB chính trị, Hà Nội.

[3] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	3				6		9
9	3				6		9
10	3				6		9
11	3				6		9
12	3				6		9
13	3				6		9
14	3				6		9
15	3	1			6		10
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>1</b>			<b>90</b>		<b>136</b>

## **10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

## **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Hình thức kiểm tra học phần: Tự luận

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần: A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục quốc phòng – An ninh2

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 29 Phường Minh Xuân ,TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0987941489                      - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: tổ 19 phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Điện thoại: 0973333458                      - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Công tác quốc phòng, an ninh
- Mã học phần: TC2.1.015.2
- Số tín chỉ: 2 TC
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng, An ninh.

+ Trung tâm : Thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Hiểu được kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.

Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

Xây dựng được niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch , bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.
CDR 2	Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 3	Có khả năng nhận thức về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong giai đoạn hiện nay.
CDR 4	Có kỹ năng phát hiện, phân tích được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 5	Xây dựng được niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.  Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 6	Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 8	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kiến thức học phần và chuẩn đầu ra học phần.

<b>NỘI DUNG HỌC PHẦN</b>		<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>							
<b>Công tác quốc phòng, an ninh</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	<b>Kiến thức</b>		<b>Kỹ năng</b>			<b>Thái độ, năng lực tự chủ</b>		
				<b>Cứng</b>		<b>Mềm</b>			
		<b>CDR1</b>	<b>CDR2</b>	<b>CDR3</b>	<b>CDR4</b>	<b>CDR5</b>	<b>CDR6</b>	<b>CDR7</b>	<b>CDR8</b>
	Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.	2	2	2	1	2	2	2	2

Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.	2	2	2	1	2	2	2	2
Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.	2	2	2	1	2	2	2	2
Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	2	2	2	1	2	2	2	2
Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.	2	2	2	1	2	2	2	2
Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	2	2	2	1	2	2	2	2
Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	2	2	2	1	2	2	2	2
Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	2	2	2	1	2	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau:

- Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.
- Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.



- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.
- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Bài 8: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<p>1. Chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ.</p> <p>4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "DBHB", BLLĐ ở Việt Nam hiện nay.</p>	5	Học học liệu số [1] Bài 8	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	-Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN.	10	Học học liệu số [1] Bài 8 Tìm hiểu bản chất "DBHB" BLLĐ	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 9: Phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao.</b>	<b>4</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh. 2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	4	Học học liệu số [1] Bài 9	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	8	Học học liệu số [1] Bài 8 Tìm hiểu đặc điểm bản chất vũ khí công nghệ cao.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 10: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 3. Động viên công nghiệp quốc phòng	5	Học học liệu số [1] Bài 10	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	10	Học học liệu số [1] Bài 10 Tìm hiểu về lực lượng DQTV, lực lượng ĐBV, đặt	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			các câu hỏi về nhiệm vụ của lực lượng này.		
	<b>Bài 11: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. 2. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.	4	Học học liệu số [1] Bài 11	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	8	Học học liệu số [1] Bài 11 Tìm hiểu về các khái niệm, đặc điểm lãnh thổ quốc gia, biên giới quốc gia.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 12: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	3	Học học liệu số [1] Bài 12	Giảng đường	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN.	6	Học học liệu số [1] Bài 12 Tìm hiểu về đặc điểm các dân tộc, các tôn giáo	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 13: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</b>	3			
Lý thuyết	1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội 3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới. 4. Một số quan điểm của Đảng và nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.	3	Học học liệu số [1] Bài 13 Tìm hiểu về những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	6	Học học liệu số [1] Bài 13 Tìm hiểu về những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 14: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.</b>	3			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1. Những vấn đề cơ bản phòng chống tội phạm 2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội.	3	Học học liệu số [1] Bài 14	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	6	Học học liệu số [1] Bài 14 Tìm hiểu về đặc điểm của 1 số loại tội phạm và tệ nạn xã hội.	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	
	<b>Bài 15: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.	3	Học học liệu số [1] Bài 15	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	6	Học học liệu số [1] Bài 15 Tìm hiểu những nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Liên hệ với	Thư viện, ở nhà, tại giảng đường.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			trách nhiệm của sinh viên.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Huy Hiệp và cộng sự (2009), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – An ninh*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện chính trị-hành chính quốc gia (2009), *Giáo trình trung cấp lý luận-hành chính*, NXB chính trị, Hà Nội.

[3] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	2				4		6
15	2	1			4		7
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		<b>60</b>		<b>91</b>

## **10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

## **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra tự luận
- Phương pháp đánh giá
  - + Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%
  - + Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%
  - + Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%
- Điểm học phần: ĐHP =  $A1 \times 10\% + A2 \times 30\% + A3 \times 60\%$

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục quốc phòng - An ninh 3

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lục Hưng Quốc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên , thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0987941489                      - Email: hungquoctq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ Giáo dục thể chất
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, văn phòng trung tâm TĐTT
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thể dục thể thao, Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0973333458                      - Email: phamquyen1985@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục thể chất.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.
- Mã học phần: TC2.1.016.3
- Số tín chỉ: 3 TC
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
  - + Giảng dạy ngoài sân bãi : 28 tiết



+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

+ Trung tâm : Thể dục thể thao.

### 3. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.
CDR 2	Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.
CDR 3	Từ những kiến thức, kỹ năng đã học biết vận dụng vào trong cuộc sống, học được tính tự giác, kỷ luật trong quân đội, sẵn sàng tham gia nhập ngũ bảo vệ tổ quốc.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Hiểu biết một số kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu; biết vận dụng các kỹ năng quân sự trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng
CDR 5	Nắm vững và sử dụng thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

Kỹ năng mềm	
CĐR 6	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng thích ứng với môi trường quân đội và làm việc độc lập
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 7	Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm túc nội quy của lớp học, tích cực, tự giác trong học tập và luyện tập ngoại khóa.
CĐR 8	xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỉ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra							
Học phần	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ	
					Cứng		Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
<b>Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK</b>	Đội ngũ đơn vị và 3 môn quan sự phối hợp	2	2	1	2		2	2	2
	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	2	2	1	2		2	2	2
	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	2	2	1	2	2	2	2	2
	Thuốc nổ	2	2	1	2		2	2	2
	Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	2	2	1	2		2	2	2
	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	2	2	1	2		2	2	2
	Từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự	2	2	1	2		2	2	2

Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2	2	1	2	2	2	2	2
--------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

- Đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp
- Sử dụng bản đồ địa hình quân sự
- Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
- Thuốc nổ
- Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn
- Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh
- Tàng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự
- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Bài 1: Đội ngũ đơn vị và 3 môn quan sự phối hợp.</b>	5			
Giảng dạy ngoài sân bãi	1. Đội ngũ đơn vị 1.1 Đội hình tiểu đội 1.2 Đội hình trung đội 1.3 Đồi hướng đội hình 2. Ba môn quan sự phối hợp. 2.1 Đặc điểm và điều kiện thi đấu. 2.2 Quy tắc thi đấu 2.3 Các tính thành tích	5	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	10	Đọc học liệu số 2 bài 1 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 2. Sử dụng bản đồ địa hình quân sự</b>	4			
Lý thuyết	1. Khái niệm ý nghĩa 2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình 3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4. Cách chia mảnh, ghi số liệt bản đồ. 5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành sử dụng bản đồ quân sự.	2		Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Đọc học liệu số 2 bài 2 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 3: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	1. Súng tiểu liên AK 2. Súng trường CKC 3. Súng diệt tăng B40, B41 4. Súng trung liên RPD	3	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Hướng dẫn tháo lắp một số loại vũ khí bộ binh	2	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	10	Đọc học liệu số 2 bài 3 và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 4: Thuốc nổ</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ. 2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu. 3. Ứng dụng thuốc nổ trong sản xuất.	3	Học học liệu số [2]	Giảng đường	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Trả lời các câu hỏi giáo viên giao về nhà, cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 5: Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Vũ khí hạt nhân 2. Vũ khí hóa học 3. Vũ khí sinh học 4. Vũ khí lửa	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy	Thực hành phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	1	Học học liệu số 2	Sân vận động	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
ngoài sân bãi					
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	6	Đọc học liệu số 2 bài 5 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 6: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó chuyển thương. 2. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành băng bó, cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	2	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Trả lời các câu hỏi giáo viên giao về nhà, cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 7: Tàng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	1. Tàng người trong chiến đấu tấn công 2. Tàng người trong chiến đấu phòng ngự	2	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng dạy ngoài sân bãi	Thực hành tàng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự	4	Học học liệu số 2	Sân vận động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	12	Đọc học liệu số 2 bài 7 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	
	<b>Bài 8: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	1. Ngắm bắn 2. Ngắm trúng và ngắm chụm. 3. Kỹ thuật động tác nắm bắn súng tiểu liên AK	3	Học học liệu số 2	Giảng đường	
Giảng	1. Thực hành động tác nắm bắn	12	Học học liệu số 2	Sân vận	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
dạy ngoài sân bãi	súng tiêu liên AK 2. Tập ngắm bắn 3. Tập bắn trúng, bấm chum 4. Tập bắn mục tiêu ban ngày bằng súng tiêu liên AK		2	động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	30	Đọc học liệu số 2 bài 8 cũng như đặt ra các câu hỏi cần giải đáp	Thư viện, sân vận động	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Tiến Hải và cộng sự (2009), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện chính trị-hành chính quốc gia (2009), *Giáo trình trung cấp lý luận-hành chính*, Nxb chính trị, Hà Nội.

[3] Các tài liệu, học cụ, vũ khí, tranh ảnh, băng đĩa có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1			3		6		9
2	1		2		6		9
3	1		2		6		9
4	3				6		9
5	1		2		6		9
6	3				6		9
7	2		1		6		9
8	1		2		6		9
9	2		1		6		9
10			3		6		9
11	3				6		9
12			3		6		9
13			3		6		9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Giảng dạy ngoài sân bãi, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
14			3		6		9
15		1	2		6		9
<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>28</b>		<b>90</b>		<b>136</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Có ý thức tổ chức tốt, tự giác tích cực trong tập luyện, chủ động trong việc tìm hiểu tài liệu có ý thức vượt khó vươn lên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hình thức kiểm tra học phần: Kiểm tra thực hành

- Phương pháp đánh giá

+ Điểm chuyên cần: A1, trọng số 10%

+ Kiểm tra thường xuyên: A2, trọng số 30%

+ Thi kết thúc học phần : A3, trọng số 60%

- Điểm học phần: ĐHP = A1 × 10% + A2 × 30% + A3 × 60%

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

### **Tâm lý học trẻ em 1**

#### **1. Thông tin về giảng viên**

##### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Vũ Thị Kiều Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 395 113; [baotrangvk@gmail.com](mailto:baotrangvk@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Bùi Khánh Ly
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916 844 253; Email: [buikhanhlytq@gmail.com](mailto:buikhanhlytq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi MN

#### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tâm lý học trẻ em 1
- Mã học phần: MN2.1.001.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
  - + Bài tập (thảo luận/kiểm tra) trên lớp: 6 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)



+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non.

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em như: đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tâm lý học trẻ em; lịch sử và quy luật phát triển tâm lý trẻ em; trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ từ 0-3 tuổi. Định hướng cho sinh viên kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu kiến thức có liên quan đến môn học. Phát huy tính tích cực trong việc tự học, tự tìm hiểu, tự nghiên cứu. Giáo dục sinh viên lòng yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ và có thái độ tích cực trong việc vận dụng những kiến thức của học phần vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về: đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học trẻ em; mối quan hệ của tâm lý học trẻ em với các khoa học khác và các phương pháp nghiên cứu tâm lý học trẻ em.
CĐR 2	Hiểu về sự nảy sinh và phát triển ban đầu của tâm lý học trẻ em, dòng phái sinh học và dòng phái xã hội trong tâm lý học trẻ em cũng như sự phát triển Tâm lý học trẻ em ở Liên Xô cũ, ở phương Tây và Việt Nam.
CĐR 3	Hiểu được sự phát triển tâm lý trẻ em, những quy luật phát triển tâm lý trẻ em và phân định các thời kỳ phát triển tâm lý theo lứa tuổi.
CĐR 4	Hiểu và phân tích được những đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh: vai trò của phản xạ không điều kiện, tình trạng bất phân, sự hình thành và phát triển cảm giác; đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi.
<b>Về kỹ năng</b>	
CĐR 5	Hình thành kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu những kiến thức có liên quan đến môn học.

CĐR 6	Hình thành kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát những kiến thức đã học để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong những nội dung tiếp theo.
CĐR 7	Hình thành kỹ năng liên hệ thực tiễn, kỹ năng khai thác, vận dụng những kiến thức đã học vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo đúng độ tuổi và quy luật phát triển tâm lý.
<b>Về thái độ</b>	
CĐR 8	Có động tích cực trong học tập, chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu.
CĐR 9	Có thói quen, có thái độ tích cực trong làm việc theo nhóm
CĐR 10	Có lòng yêu nghề, mهن trẻ, tích cực vận dụng kiến thức đã học đợc vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10
Chương 1. Nhập môn tâm lý học trẻ em	Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tâm lý học trẻ em. Mối liên hệ của tâm lý học trẻ em với các khoa học khác	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Phương pháp của tâm lý học trẻ em	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3
Chương 2. Lịch sử phát triển tâm lý trẻ em	Sự nảy sinh và phát triển ban đầu của tâm lý học trẻ em	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Đòng phái nguồn gốc sinh học và nguồn gốc xã hội trong sự phát triển của tâm lý học trẻ em	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Sự phát triển tâm lý học trẻ em ở Nga và Liên Xô (cũ)	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2

	Tâm lý học trẻ em ở các nước phương Tây	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Tâm lý học trẻ em ở Việt Nam	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Quy luật phát triển tâm lý trẻ em	Sự phát triển tâm lý của trẻ em	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu tiên	Giới đoạn phát triển của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng - 2 tháng tuổi)	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi (từ 2 - 15 tháng tuổi)	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
Chương 5. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 - 36 tháng tuổi)	Sự phát triển hoạt động của trẻ ấu nhi	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3

*Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2- Có đóng góp; 3- Đóng góp nhiều*

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về

- a) Nhập môn Tâm lý học trẻ em
- b) Lịch sử phát triển tâm lý trẻ em
- c) Quy luật phát triển tâm lý trẻ em
- d) Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ trong năm đầu tiên
- e) Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Nhập môn tâm lý học trẻ em</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	<p>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tâm lý học trẻ em. Môi liên hệ của tâm lý học trẻ em với các khoa học khác</p> <p>1.1.1. Đối tượng của tâm lý học trẻ em</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học trẻ em</p> <p>1.1.3. Ý nghĩa của tâm lý học trẻ em</p> <p>1.1.4. Mối liên hệ của tâm lý học trẻ em với các khoa học khác</p> <p>1.2. Phương pháp của tâm lý học trẻ em</p> <p>1.2.1. Các nguyên tắc chỉ đạo phương pháp</p> <p>1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu</p>	2	Học học liệu số 1: chương I(các mục I;II);	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	5	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Lịch sử phát triển tâm lý trẻ em</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	<p>2.1. Sự nảy sinh và phát triển ban đầu của tâm lý học trẻ em</p> <p>2.2. Dòng phái nguồn gốc sinh học và nguồn gốc xã hội trong sự phát triển của tâm lý học trẻ em</p> <p>2.3. Sự phát triển tâm lý học trẻ em ở Nga và Liên Xô (cũ)</p> <p>2.4. Tâm lý học trẻ em ở các nước phương Tây</p> <p>2.5. Tâm lý học trẻ em ở Việt Nam</p>	2	Học học liệu số 1: chương II (các mục I-V);	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục VI, gồm các bài tập 240, 241, 242	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	5	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Quy luật phát triển tâm lý trẻ em</b>	<b>8</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>3.1. Sự phát triển tâm lý của trẻ em</p> <p>3.1.1. Nguyên lý phát triển</p> <p>3.1.2. Trẻ em</p> <p>3.2. Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em</p> <p>3.2.1. Ảnh hưởng của nền văn hóa với sự phát triển của trẻ em</p> <p>3.2.2. Ảnh hưởng của hoạt động với sự phát triển của trẻ em</p> <p>3.2.3. Ảnh hưởng của điều kiện sinh học với sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>3.2.4. Ảnh hưởng của giáo dục và sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>3.2.5. Tính không đồng đều của sự phát triển</p> <p>3.3. Phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi</p> <p>3.3.1. Quan niệm về phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi</p> <p>3.3.2. Cơ sở phân kỳ lứa tuổi</p>	8	Học học liệu số 1: Chương III (các mục I-III).	Lớp học	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 6;7;8 trong phần câu hỏi ôn tập chương III; học liệu 1. Tham khảo trong các học liệu khác	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Kiểm tra	Kiểm tra kiến thức đã học trong chương II;III của tín chỉ 1	1	Nắm vững lý thuyết, bài tập và thảo luận để vận dụng làm bài kiểm tra	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để tham gia thảo luận sau khi học lý thuyết	20	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu tiên</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<p>4.1. Giai đoạn phát triển của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng - 2 tháng tuổi)</p> <p>4.1.1. Vai trò của các phản xạ không điều kiện</p> <p>4.1.2. Tình trạng bất phân - cảm giác chưa phân định</p> <p>4.1.3. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài</p> <p>4.1.4. Nhu cầu gắn bó với người khác</p> <p>4.2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi (từ 2 - 15 tháng tuổi)</p> <p>4.2.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp</p>	4	Học học liệu số 1: Chương IV (các mục I;II) Đọc thêm học liệu số 2: Chương V	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi 4.2.2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh 4.2.3. Hình thành những tiền đề của sự linh hoạt ngôn ngữ				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục VI, gồm các bài tập 244, 246, 247.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập tình huống	10	Giải các bài tập tình huống sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 - 36 tháng tuổi)</b>	8			
Lý thuyết	5.1. Sự phát triển hoạt động của trẻ ấu nhi 5.1.1. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi 5.1.2. Các loại hành động với đồ vật của trẻ ấu nhi 5.1.3. Đi theo tư thế thẳng đứng - hình thái vận động đặc trưng của con người 5.2. Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật 5.2.1. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật 5.2.2. Sự phát triển trí tuệ của trẻ ấu nhi 5.3. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách 5.3.1. Sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong 5.3.2. Sự xuất hiện tự ý thức 5.3.3. Nguyên vọng độc lập và khủng hoảng tuổi lên ba	8	Học học liệu số 1: Chương V (các mục I;II) Đọc thêm học liệu số 2: Chương V	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 5 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục VI, gồm các bài tập 248, 249, 250.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập tình huống	20	Giải các bài tập tình huống sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Ánh Tuyết (2014), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Trọng Thủy (2002), *Bài tập thực hành Tâm lý học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	1			1	2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	24	1	4	1	30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Điểm thành phần 2: Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Điểm thành phần 3: Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1 và 2: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 3: (2 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4: (3 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 5: (3 điểm)	60'	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

### **Tâm lý học trẻ em 2**

#### **1. Thông tin về giảng viên**

##### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Vũ Thị Kiều Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 395 113; [baotrangvk@gmail.com](mailto:baotrangvk@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Bùi Khánh Ly
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916 844 253; Email: [buikhanhlytq@gmail.com](mailto:buikhanhlytq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi MN

#### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tâm lý học trẻ em 2
- Mã học phần: MN2.1.002.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học trẻ em 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập (thảo luận/kiểm tra) trên lớp: 6 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non.

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo 3-6 tuổi: hoạt động vui chơi, hoạt động học tập và hoạt động lao động; trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo từ 3-6 tuổi. Định hướng cho sinh viên kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu kiến thức có liên quan đến môn học. Giúp sinh viên phát huy tính tích cực trong việc tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu. Giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ và có thái độ tích cực trong việc vận dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc giáo dục trẻ lứa tuổi mẫu giáo 3-6 tuổi.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo 3-6 tuổi: hoạt động vui chơi, hoạt động học tập và hoạt động lao động.
CDR 2	Hiểu được những đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3-4 tuổi) gồm: sự thay đổi hoạt động chủ đạo; sự hình thành ý thức về bản thân; bước ngoặt của tư duy; sự xuất hiện động cơ hành vi.
CDR 3	Hiểu được những đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4-5 tuổi) gồm: Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành “xã hội trẻ em”; phát triển tư duy trực quan - hình tượng; sự phát triển đời sống tình cảm; sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ.
CDR 4	Hiểu được những đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 5-6 tuổi) gồm: việc hoàn thiện các cấu trúc tâm lý người và bước ngoặt 6 tuổi.
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 5	Hình thành kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu những

	kiến thức có liên quan đến môn học.
CDR 6	Hình thành kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát những kiến thức đã học để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong những nội dung tiếp theo.
CDR 7	Hình thành kỹ năng liên hệ thực tiễn, kỹ năng khai thác, vận dụng những kiến thức đã học vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo đúng độ tuổi và quy luật phát triển tâm lý.
<b>Về thái độ</b>	
CDR 8	Có động tích cực trong học tập, chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu.
CDR 9	Có thói quen, có thái độ tích cực trong làm việc theo nhóm
CDR 10	Có lòng yêu nghề, mến trẻ, tích cực vận dụng kiến thức đã học được vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CDR7	CĐR8	CDR9	CDR10
Chương 1. Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo	Hoạt động vui chơi	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Các hoạt động khác của trẻ mẫu giáo	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3
Chương 2: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3-4 tuổi)	Sự thay đổi hoạt động chủ đạo	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
	Sự hình thành ý thức về bản thân	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
	Một bước ngoặt của tư duy	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
	Sự xuất hiện động cơ hành vi	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
Chương 3: Đặc điểm phát triển	Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành “xã hội trẻ em”	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3

tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỏ (từ 4-5 tuổi)	Giai đoạn phát triển tư duy trực quan - hình tượng	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Sự phát triển đời sống tình cảm	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
Chương 4: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5-6 tuổi)	Hoàn thiện các cấu trúc tâm lý người	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Tiến vào bước ngoặt 6 tuổi	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3

Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2- Có đóng góp; 3- Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về

- Các dạng hoạt động khác của trẻ mẫu giáo
- Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3-4 tuổi)
- Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỏ (từ 4-5 tuổi)
- Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5-6 tuổi)

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	1.1. Hoạt động vui chơi 1.1.1. Các quan điểm sinh vật hóa trò chơi 1.1.2. Bản chất xã hội của trò chơi 1.1.3. Vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo	6	Học học liệu số 1: chương VI(các mục I;II); Đọc thêm học liệu số 2: Chương VI	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.1.4. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo</p> <p>1.1.5. Cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề</p> <p>1.1.6. Vai trò của trò chơi trong sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo</p> <p>1.2. Các hoạt động khác của trẻ mẫu giáo</p> <p>1.2.1. Sự nảy sinh các yếu tố của hoạt động học tập</p> <p>1.2.2. Những hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động</p>				
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 2;3;4;5 trong phần câu hỏi ôn tập chương VI; học liệu 1. Tham khảo trong các học liệu khác	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3-4 tuổi)</b>	6			
Lý thuyết	<p>2.1. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo</p> <p>2.2. Sự hình thành ý thức về bản thân</p> <p>2.3. Một bước ngoặt của tư duy</p> <p>2.4. Sự xuất hiện động cơ hành vi</p>	6	<p>Học học liệu số 1: chương VII (các mục I-IV);</p> <p>Đọc thêm học liệu số 2: Chương VI</p>	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục II, bài tập 63	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Kiểm tra	Kiểm tra kiến thức đã học trong chương 1;2 của tín chỉ 1	1	Nắm vững lý thuyết, bài tập để vận dụng làm bài kiểm tra	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỏ (từ 4-5 tuổi)</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>3.1. Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành “xã hội trẻ em”</p> <p>3.1.1. Trong hoạt động vui chơi, trẻ thể hiện rõ rệt tính tự lực, tự do và chủ động</p> <p>3.1.2. Thiết lập mối quan hệ rộng rãi, phong phú trong hoạt động vui chơi</p> <p>3.2. Giai đoạn phát triển tư duy trực quan - hình tượng</p> <p>3.3. Sự phát triển đời sống tình cảm</p> <p>3.4. Sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ</p>	6	<p>Học học liệu số 1: Chương VIII (các mục I-IV).</p> <p>Đọc thêm học liệu số 2: Chương VI</p>	Lớp học	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 2;4;5;6 trong phần câu hỏi ôn tập chương VIII; học liệu 1. Tham	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	khảo trong các học liệu khác				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục IV, bài tập 106	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập tình huống	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5-6 tuổi)</b>	<b>6</b>			
Lý thuyết	<p>4.1. Hoàn thiện các cấu trúc tâm lý người</p> <p>4.1.1. Sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hàng ngày</p> <p>4.1.2. Sự xác định ý thức bản ngã và tính chủ định trong hoạt động tâm lý</p> <p>4.1.3. Xuất hiện kiểu tư duy trực quan hình tượng mới – tư duy trực quan sơ đồ và những yếu tố của kiểu tư duy logic</p> <p>4.2. Tiến vào bước ngoặt 6 tuổi</p> <p>4.2.1. Bước ngoặt 6 tuổi</p> <p>4.2.2. Trình độ chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý cho trẻ đến trường phổ thông</p>	6	<p>Học học liệu số 1: Chương IX (các mục I;II)</p> <p>Đọc thêm học liệu số 2: Chương VI</p>	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 3, tham khảo các bài tập trong mục II, bài tập 34; mục VI các bài tập 253, 255.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập tình huống	15	Giải các bài tập tình huống sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Ánh Tuyết (2014), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trần Trọng Thủy (2002), *Bài tập thực hành Tâm lý học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	1			1	2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	1			1	2	2	6
13	2				2	2	6
14	2				2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	24	1	3	2	30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.



- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

**11.1.** Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Điểm thành phần 2: Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Điểm thành phần 3: Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 2: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3: (2 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4: (3 điểm)	90'	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Giáo dục học mầm non 1

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuykmn@gmail.com](mailto:thuykmn@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Tâm lý học mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nông Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0944710887; Email: [nonghuyencdtq@gmail.com](mailto:nonghuyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

#### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Giáo dục học mầm non 1
- Mã môn học: **MN2.1.003.3**
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 43 giờ
  - + Bài tập trên lớp: 2 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 86 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xu hướng giáo dục mầm non hiện nay; các nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục mầm non; chương trình giáo dục mầm non; nghề giáo viên mầm non. Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cần thiết như thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được giáo dục mầm non là một khoa học. Hiểu và phân tích được các xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.
CDR 2	Hiểu được nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.
CDR 3	Hiểu được khái niệm về chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới ở nước ta hiện nay và những vấn đề có liên quan.
CDR 4	Hiểu được ý nghĩa của nghề giáo viên mầm non, đặc điểm lao động của người giáo viên mầm non. Hiểu và phân tích được chức năng, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay.
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 5	Có kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CDR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam.
CDR 7	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có khả năng tự học; có năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CDR 9	Có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
Chương	Kiến thức	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ		
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9	CD R10
Chương 1: Giáo dục học mầm non là một khoa học	Sự ra đời và phát triển của giáo dục học mầm non	3	2	1	1	2	2	2	2	2	2
	Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non	3	2	1	1	2	1	2	2	2	2
	Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học mầm non	3	2	2	1	2	1	2	2	2	2
	Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác	3	2	1	1	2	1	2	1	2	2
Chương 2: Xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam	Một số xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và trong khu vực hiện nay	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2
	Vài nét về lịch sử của giáo dục mầm non nước ta và bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay	3	2	1	1	2	1	2	2	2	2
Chương 3. Nguyên tắc, mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục mầm non	Khái niệm về nguyên tắc giáo dục mầm non và một số nguyên tắc giáo dục mầm non	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2
	Mục tiêu giáo dục mầm non	1	3	2	2	1	1	2	2	2	2
	Nhiệm vụ của giáo dục mầm non	1	3	2	2	1	1	2	2	2	2
Chương 4. Nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	Nội dung giáo dục mầm non	1	3	2	2	1	2	2	2	2	2
	Phương pháp giáo dục mầm non	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ em ở trường mầm non	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5.	Khái niệm về	1	2	3	1	1	2	2	1	2	2

Chương trình giáo dục mầm non	chương trình giáo dục mầm non										
	Cấu trúc của chương trình giáo dục mầm non; Thiết kế chương trình giáo dục mầm non	1	2	3	1	2	2	2	1	2	2
	Chương trình giáo dục mầm non trên thế giới và khu vực; Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới ở nước ta	1	2	3	1	2	2	2	2	2	2
Chương 6: Nghề giáo viên mầm non	Ý nghĩa của nghề giáo viên mầm non	1	2	2	3	1	1	1	2	2	2
	Đặc điểm lao động của người giáo viên mầm non	1	1	1	3	1	1	1	2	2	2
	Một số quan điểm về vai trò của giáo dục đối với việc phát triển nhân cách trẻ em	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Chức năng, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay ở nước ta	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung về giáo dục mầm non như: xu hướng giáo dục mầm non hiện nay; các nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục mầm non; nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục mầm non.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		15			
	<b>Chương 1. Giáo dục học mầm non là một khoa học</b>	5			
Lý thuyết	1.1. Sự ra đời và phát triển của giáo dục học mầm non 1.2. Đối tượng của giáo dục học mầm non		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.6); học liệu số 2: các mục 1.1 - 1.4	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.3. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non</p> <p>1.4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non</p> <p>    1.4.1. Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục học mầm non</p> <p>    1.4.2. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non</p> <p>1.5. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học mầm non</p> <p>    1.5.1. Giáo dục học mầm non</p> <p>    1.5.2. Giáo dục mầm non</p> <p>    1.5.3. Quá trình giáo dục mầm non</p> <p>    1.5.4. Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề</p> <p>1.6. Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, tham khảo các câu hỏi ôn tập trong mục 1.1-1.4 của học liệu 2		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 2. Xu hướng giáo</b>	5			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>dục mầm non trên thế giới và ở Việt Nam</b>				
Lý thuyết	<p>2.1. Một số tư tưởng về giáo dục mầm non trên thế giới</p> <p>2.2. Một số xu hướng giáo dục mầm non trên thế giới và trong khu vực hiện nay</p> <p>    2.2.1. Xu hướng giáo dục mầm non ở các nước phương Tây (Anh, Pháp, Mỹ...)</p> <p>    2.2.2. Xu hướng giáo dục mầm non ở Nga</p> <p>    2.2.3. Xu hướng giáo dục mầm non một số nước trong khu vực Châu Á –Thái Bình Dương</p> <p>2.3. Vài nét về lịch sử của giáo dục mầm non nước ta</p> <p>    2.3.1. Trước Cách mạng tháng Tám</p> <p>    2.3.2. Giáo dục mầm non sau cách mạng tháng Tám (1945-1954)</p> <p>    2.3.3. Giáo dục mầm non sau hòa bình lập lại (1955-1965)</p> <p>    2.3.4. Giáo dục mầm non 1965-1975</p> <p>    2.3.5. Giáo dục mầm non từ 1975 – nay.</p> <p>2.4. Bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay ở nước ta</p> <p>    2.4.1. Vị trí của bậc học mầm non</p>		Học học liệu số 1: chương 2,3 (các mục 2.1-2.2; 3.1-3.2);	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.4.2. Nhiệm vụ của bậc học mầm non</p> <p>2.4.3. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu chiến lược phát triển ngành Giáo dục mầm non của Việt Nam đến năm 2020</p> <p>2.4.4. Xu hướng đổi mới giáo dục mầm non ở nước ta hiện nay</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2, 3 trong học liệu số 1,		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Nguyên tắc, mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục mầm non</b>	10			
	<p>3.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục mầm non</p> <p>3.2. Một số nguyên tắc giáo dục mầm non</p> <p>3.2.1. Lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực của trẻ trong hoạt động. Giáo viên là người tổ chức hướng dẫn, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động.</p> <p>3.2.2. Giáo dục trẻ thông qua môi trường và tạo môi trường hoạt động đa dạng, phong phú, hấp dẫn cho trẻ.</p> <p>3.2.3. Giáo dục trẻ theo hướng tích hợp</p>		Học học liệu số 1: Chương 4, 5 (các mục 4.1-4.2; 5.1 -5.-2), Học học liệu số 2: Chương 3, 4 (các mục 3.1-3.2; 4.1 - 4.3)	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.2.4. Đảm bảo tính hệ thống, tính liên tục, thường xuyên, tính vừa sức...nhằm giáo dục và phát triển toàn vẹn nhân cách trẻ.</p> <p>3.2.5. Cá biệt hóa trong giáo dục mầm non</p> <p>3.2.6. Xã hội hóa trong giáo dục mầm non</p>				
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
Lý thuyết	<p>3.3. Mục tiêu giáo dục mầm non</p> <p>3.3.1. Mục đích giáo dục mầm non</p> <p>3.3.2. Mục tiêu giáo dục mầm non</p> <p>3.3.3. Cơ sở xác định mục tiêu giáo dục mầm non</p> <p>3.3.4. Mục tiêu giáo dục mầm non của nước ta hiện nay</p> <p>3.4. Nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>3.4.1. Cơ sở của nhiệm vụ giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non</p> <p>3.4.2. Các nhiệm vụ giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non</p> <p>3.4.3. Đặc thù giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non</p>				
Bài tập	Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 4, 5 (các mục 4.1-4.2; 5.1 -5. -2), Học học liệu số 2: Chương 3, 4 (các mục 3.1-3.2; 4.1 -4.3)		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	18			
Lý thuyết	<p>4.1. Nội dung giáo dục mầm non</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Cấu trúc nội dung chương trình giáo dục mầm non</p> <p>4.1.3. Một số yêu cầu đổi mới nội dung giáo dục mầm non ở nước ta</p> <p>4.1.4. Xu hướng đổi mới nội dung chăm sóc – giáo dục trẻ</p>		Học học liệu số 1: Chương 6 (các mục 6.1-6.3).	Lớp học	
	<b>Tín chỉ 3</b>	15			
Lý thuyết	<p>4.2. Phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>4.2.1. Khái niệm về phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>4.2.2. Biện pháp giáo dục mầm non</p> <p>4.2.3. Các phương pháp giáo dục mầm non</p> <p>4.2.4. Đổi mới phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ mầm non</p> <p>4.3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ em ở trường</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	mầm non				
Bài tập	Câu hỏi ôn tập tương ứng của Chương 5 trong học liệu số 1		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Chương trình giáo dục mầm non</b>	5 (3;2)			
	<p>5.1. Khái niệm về chương trình giáo dục mầm non</p> <p>5.1.1. Nội dung chương trình khung</p> <p>5.1.2. Nội dung chương trình chi tiết</p> <p>5.2. Cấu trúc của chương trình giáo dục mầm non</p> <p>5.2.1. Mục tiêu giáo dục</p> <p>5.2.2. Nội dung giáo dục</p> <p>5.2.3. Phương pháp và hình thức giáo dục</p> <p>5.2.4. Điều kiện thực hiện quá trình giáo dục trẻ</p> <p>5.2.5. Đánh giá</p> <p>5.3. Thiết kế chương trình giáo dục mầm non</p> <p>5.4. Giới thiệu vào nét về chương trình giáo dục mầm non trên thế giới và khu vực</p> <p>5.4.1. Cấu trúc và thiết kế chương trình giáo dục mầm non</p>		Học học liệu số 1: Chương 7 (các mục 7.1-7.6), học liệu số 3: Phần I, II, III, tham khảo học liệu 5		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>5.4.2. Quan điểm xây dựng chương trình</p> <p>5.5. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới ở nước ta</p> <p>5.5.1. Quan điểm xây dựng chương trình</p> <p>5.5.2. Cấu trúc của chương trình</p> <p>5.5.3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp, đánh giá giáo dục mầm non</p> <p>5.5.4. Quy định về hướng dẫn thực hiện chương trình</p> <p>5.6. Thực hành: Thiết kế chương trình giáo dục mầm non.</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của học liệu số 1: Chương 7.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 6. Nghề giáo viên mầm non</b>	2			
	<p>6.1. Ý nghĩa của nghề giáo viên mầm non</p> <p>6.2. Đặc điểm lao động của người giáo viên mầm non</p> <p>6.3. Một số quan điểm về vai trò của giáo dục đối với việc phát triển nhân cách trẻ em</p> <p>6.4. Chức năng, nhiệm vụ, vai</p>		Học học liệu số 1: Chương 8 (các mục 8.1-8.4), học liệu số 2: Phần 4 (các mục 4.1-4.3).		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trì của giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay ở nước ta 6.4.1. Chức năng và nhiệm vụ của giáo viên mầm non 6.4.2. Vai trò của giáo viên mầm non 6.4.3. Một số yêu cầu đối với giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay				
Bài tập	Câu hỏi tương ứng của học liệu số 1: Chương 8, học liệu số 2: Phần 4.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi		Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*; NXB ĐHSP.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2006), *Giáo dục học mầm non*. NXB ĐHQGHN.

[3] Bộ GD và đào tạo (*Chương trình GDMN* . Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2011.

[4] Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
3	3				3	3	9
4	3				3	3	9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	2		1		4		7
9	3				6		9
10	3				6		9
11	3				6		9
12	3				6		9
13	3				6		9
14	1		1		2		5
15	3				6		9
<b>Tổng cộng</b>	43		2	0	86		131

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 6, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2: (3 điểm)	90 p	15 (45 câu)	

	Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1,2, chương 3&4: (4 điểm)			
	Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 4,5,6: (3 điểm)			

**Trọng số:** Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Giáo dục học mầm non 2

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuykmn@gmail.com](mailto:thuykmn@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Tâm lý học mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nông Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0944710887; Email: [nonghuyencdtq@gmail.com](mailto:nonghuyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

#### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Giáo dục học mầm non 2
- Mã môn học: **MN2.1.004.2**
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc:
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần: Giáo dục học đại cương; Giáo dục học mầm non 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: **24** giờ



+ Bài tập trên lớp: **6** giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: **48** giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề gồm: tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày; hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi; hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo; hoạt động học tập; ngày hội, ngày lễ và công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. Bước đầu giúp sinh viên hình thành những kỹ năng cần thiết như biết thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp theo chủ đề.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về tích hợp, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non. Phân tích được các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.
CDR 2	Hiểu được khái niệm, ý nghĩa của việc thực hiện đúng đắn chế độ sinh hoạt hàng ngày, những cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt hàng ngày. Hiểu được mối liên hệ, tính chất của các nội dung trong chế độ sinh hoạt hàng ngày và cách thức tổ chức các nội dung trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non.
CDR 3	Hiểu được khái niệm hoạt động với đồ vật; ý nghĩa của hoạt động với đồ vật; những nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi ở trường mầm non; khái niệm về hoạt động vui chơi, ý nghĩa của hoạt động vui chơi, sự phân loại trò chơi mẫu giáo và bản chất của mỗi loại trò chơi
CDR 4	Hiểu được đặc điểm học của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo; đặc điểm hoạt động dạy – học cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non và ý nghĩa của nó; cách tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.
CDR 5	Hiểu được ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non và cách tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường mầm non.
CDR 6	Hiểu được sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, những nội dung, hình thức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; những yêu cầu chuẩn bị cho trẻ

	vào lớp một.
<b>Về kĩ năng</b>	
CĐR 7	Có khả năng thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
CĐR 8	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá các loại kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục gồm: kế hoạch tổ chức hoạt động với đồ vật, kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi, kế hoạch tổ chức hoạt động học tập, kế hoạch tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường mầm non
CĐR 9	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có khả năng tự học; có năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 10	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CĐR 11	Có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 12	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
Chương	Kiến thức	Kiến thức						Kỹ năng		Thái độ			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	CĐ R12
Chương 1: Một số vấn đề chung	Khái niệm, ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ mầm non.	3	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
	Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề	3	1	1	1	1	1	2	3	2	2	2	2
Chương 2: Tổ chức chế độ	Khái niệm và ý nghĩa của chế độ sinh hoạt hàng ngày	2	3	2	2	1	1	2	2	1	2	2	1

sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường MN	Nội dung chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2
	Cách tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non	1	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2
Chương 3: Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi ở trường MN	Khái niệm hoạt động với đồ vật và ý nghĩa của nó	2	2	3	1	1	1	1	2	2	2	2	2
	Nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật ở trường MN	1	1	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2
Chương 4: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo ở trường MN	Khái niệm chơi và một số đặc thù của chơi ở lứa tuổi mẫu giáo	2	2	3	2	2	2	1	1	1	2	2	2
	Ý nghĩa của chơi đối với trẻ mẫu giáo	2	1	3	2	2	2	1	1	1	2	2	2
	Sự phân loại trò chơi mẫu giáo	1	1	3	1	1	1	1	1	1	2	2	2
	Các loại trò chơi mẫu giáo và cách hướng dẫn trẻ chơi	1	1	3	2	2	1	2	2	2	2	2	2
Chương 5: Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo ở trường MN	Đặc điểm học của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo	1	2	2	3	1	2	1	1	2	2	2	2
	Đặc điểm hoạt động dạy – học cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non	1	1	2	3	1	2	2	2	2	2	2	2
	Dạy học tích hợp	2	1	2	3	1	2	2	2	2	2	2	2

	theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non và ý nghĩa của nó												
	Cách tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non	2	1	1	3	1	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6: Tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường MN	Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non	1	2	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
	Cách tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường mầm non.	1	1	1	1	3	1	2	3	2	2	2	2
Chương 7: Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	Sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	1	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2
	Nội dung, hình thức, yêu cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.	1	1	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề: tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày, tổ chức hoạt động với đồ vật, tổ chức hoạt động vui chơi, tổ chức hoạt động học tập, tổ chức ngày hội ngày lễ và tổ chức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		15			
	<b>Chương 1. Một số vấn đề chung</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ mầm non 1.1.1. Khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non 1.1.2. Khái niệm về tổ chức hoạt động	2	Phần II Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.5)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ mầm non</p> <p>1.2. Ý nghĩa của tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non</p> <p>1.3. Một số định hướng tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>1.4. Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề</p> <p>1.4.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>1.4.2. Thực hiện triển khai chủ đề</p> <p>1.4.3. Đánh giá kết quả hoạt động giáo dục.</p>				
Bài tập	1.4. Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 2. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non</b>	2			
Lý thuyết	<p>2.1. Khái niệm về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ và ý nghĩa của nó</p> <p>2.1.1. Khái niệm về chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ</p> <p>2.1.2. Ý nghĩa của chế độ sinh hoạt hàng ngày</p> <p>2.2. Những cơ sở khoa học của chế độ sinh hoạt hàng ngày</p> <p>2.3. Nội dung của chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non và tổ chức thực hiện</p> <p>2.3.1. Nội dung chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ</p> <p>2.3.2. Tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non</p>	2	<p>- Học học liệu số 1: Chương 2, (các mục 2.1-2.3)</p> <p>- Học liệu số 2: (Chương 5 mục 5.1-5.2)</p>	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2, trong học liệu số 1, chương 5 trong học liệu số 2		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			các câu hỏi ôn tập.		
	<b>Chương 3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ Ấu nhi trong trường MN</b>	5 (3;2)			
	<p>3.1. Hoạt động với đồ vật và ý nghĩa của nó với trẻ</p> <p>3.1.1. Khái niệm về hoạt động với đồ vật</p> <p>3.1.2. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật</p> <p>3.1.2.1. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi</p> <p>3.1.2.2. Hoạt động với đồ vật là phương tiện giáo dục trẻ ấu nhi</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.2.1. Một số yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ</p> <p>3.2.2. Nội dung hoạt động với đồ vật của trẻ ấu nhi</p> <p>3.2.3. Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.2.4. Phương pháp tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật ở trường mầm non</p> <p>3.2.5. Tiến trình tổ chức hướng dẫn hoạt động với đồ vật cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.3. Thực hành tổ chức hoạt động với đồ vật</p>	3	Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1 - 3.3) Học học liệu số 2 phần III, chương 1	Lớp học	
Bài tập	Bài tập: Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 3		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập	Lớp học	
Bài tập	Thực hành: Tổ chức hoạt động với đồ vật. Trong học học liệu số 1: (Chương 3: 3,1), học liệu số 2 (phần III chương 1)	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập thực hành	Lớp học	
	<b>Chương 4. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ MG ở trường MN</b>	10 (8:2)			
	<p>4.1. Chơi và một số nét đặc thù của chơi ở lứa tuổi mẫu giáo</p> <p>4.1.1. Khái niệm về chơi của trẻ mẫu giáo</p>	6			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>4.1.2. Một số nét đặc thù của chơi</p> <p>4.1.3. Mối quan hệ của chơi với các hoạt động khác của trẻ mẫu giáo</p> <p>4.2. Ý nghĩa của chơi đối với trẻ mẫu giáo</p> <p>4.2.1. Chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo</p> <p>4.2.2. Chơi là phương tiện giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ mẫu giáo</p> <p>4.2.3. Chơi là hình thức tổ chức cuộc sống của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non</p> <p>4.3. Phân loại trò chơi mẫu giáo</p> <p>4.3.1. Theo A.V. Giapôrôgiét và T.A. Marcova</p> <p>4.3.2. Theo cách phân loại của Ph. Phroebel và M. Montessori</p> <p>4.3.3. Phân loại trò chơi của K. Groos và F. Kâyra</p> <p>4.3.4. Phân loại trò chơi của J. Piaget</p> <p>4.3.5. Phân loại trò chơi của giáo dục học Xô viết</p> <p>4.3.6. Phân loại trò chơi của S. Sten (Mĩ)</p> <p>4.3.7. Sự phân loại trò chơi mẫu giáo của Việt Nam</p> <p>4.4. Các loại trò chơi mẫu giáo và hướng dẫn trẻ chơi</p> <p>4.4.1. Trò chơi đóng vai có chủ đề và hướng dẫn trẻ chơi</p> <p>4.4.2. Trò chơi đóng kịch</p> <p>4.4.3. Trò chơi lắp ghép - xây dựng</p> <p>4.4.4. Trò chơi học tập</p> <p>4.4.5. Trò chơi vận động</p>				
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
Lý thuyết	<p>4.5. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo theo hướng đổi mới ở trường mầm non</p> <p>4.5.1. Yêu cầu tổ chức chơi cho trẻ theo hướng đổi mới (tích hợp theo chủ đề)</p> <p>4.5.2. Nội dung chơi của trẻ</p> <p>4.5.3. Hình thức chơi</p> <p>4.5.4. Phương pháp tổ chức hướng dẫn trẻ chơi</p> <p>4.5.5. Tiến trình tổ chức hướng dẫn chơi</p>	2	<p>Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1- 4.6).</p> <p>Tham khảo học liệu số 2: Phần III chương 2, học liệu 4: Tập III chương 16</p>	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.6. Thực hành tổ chức hoạt động vui chơi.				
Bài tập	Bài tập: Tương ứng của học liệu số 1: Chương 4 học liệu số 2: Phần III chương 2, học liệu 4: Tập III chương 16	2	- Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Lý thuyết	<b>Chương 5. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ MG trong trường MN</b>	4 (3:1)			
	5.1. Đặc điểm học của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo (3 - 6 tuổi) 5.2. Đặc điểm hoạt động dạy - học cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 5.2.1. Khái niệm về dạy học cho trẻ mẫu giáo 5.2.2. Đặc điểm hoạt động dạy học cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 5.3. Dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non và ý nghĩa của nó 5.3.1. Khái niệm về dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5.3.2. Ý nghĩa của dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5.3.3. Đặc điểm của dạy học tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5.4. Tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 5.4.1. Một số yêu cầu định hướng khi tổ chức thực hiện hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5.4.2. Lựa chọn nội dung học tập tích hợp theo chủ đề của trẻ mẫu giáo 5.4.3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo. 5.4.4. Các hình thức học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5.4.5. Tiến trình dạy học tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non	2	- Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.5), - Học liệu số 2 (Phần III, chương 3 các mục 3.1-3.6) - Học liệu 4: Tập III chương 15		



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.4.6. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học tập tích hợp theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non 5.5. Thực hành tổ chức hoạt động học tập				
Bài tập	Bài tập tương ứng của - Học học liệu số 1: Chương 5 - Học liệu số 2 (Phần III, chương 3. - Học liệu 4: Tập III chương 15		- Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 6: Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường MN</b>	3 (2:1)			
Lý thuyết	6.1. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non 6.2. Một số yêu cầu khi tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non 6.3. Các ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non 6.4. Tổ chức lễ, hội cho trẻ ở trường mầm non 6.4.1. Chuẩn bị cho lễ hội 6.4.2. Tiến hành tổ chức lễ, hội 6.4.3. Đánh giá lễ, hội 6.5. Một số gợi ý tổ chức lễ, hội ở trường mầm non 6.5.1. Tết Trung thu (Rằm tháng tám) 6.5.2. Ngày Tết nguyên đán 6.5.3. Ngày 8-3 “Ngày hội của mẹ, của cô” 6.5.4. Lễ bế giảng năm học 6.6. Thực hành tổ chức ngày lễ, ngày hội	2	- Học học liệu số 1: Chương 6 (các mục 6.1-6.5), - Học liệu số 2 (Phần III, chương 4 các mục 4.1- 4.2) - Học liệu 4: Tập III chương 17		
Bài tập	Bài tập tương ứng của Học học liệu số 1: Chương 6 - Học liệu số 2 (Phần III, chương 4 - Học liệu 4: Tập III chương 17	1	- Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 7: Chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông</b>	4			
Lý thuyết	<p>7.1. Ý nghĩa của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.1.1. Một số quan niệm về chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.1.2. Sự cần thiết của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.2. Nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.2.1. Chuẩn bị về thể lực</p> <p>7.2.2. Chuẩn bị về tâm lý</p> <p>7.2.3. Chuẩn bị cho trẻ có tâm thế vào lớp một</p> <p>7.3. Một số hình thức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.3.1. Thông qua các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non</p> <p>7.3.2. Mở thêm các lớp bồi dưỡng chuẩn bị cho trẻ vào vào lớp một</p> <p>7.3.3. Kết hợp chặt chẽ giữa trường mầm non với gia đình trong công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.3.4. Kết hợp chặt chẽ giữa trường mầm non với trường tiểu học trong công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.5. Một số yêu cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp một</p> <p>7.5.1. Về phía ngành giáo dục mầm non</p> <p>7.5.2. Về phía trường mầm non</p> <p>7.5.3. Về phía giáo viên mầm non</p> <p>7.5.4. Về phía gia đình</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học học liệu số 1: Chương 7 (các mục 7.1-7.4).</li> <li>- Học liệu số 2 (Phần III, chương 6 các mục 6.1- 6.3).</li> <li>- Học liệu 4: Tập III chương 18.</li> </ul>		
Bài tập	<p>Bài tập tương ứng của</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học học liệu số 1: Chương 7</li> <li>- Học liệu số 2 (Phần III, chương 6</li> <li>- Học liệu 4: Tập III chương 18.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.</li> </ul>		
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.</p>		<p>Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.</p>		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*; NXB ĐHSP.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2006), *Giáo dục học mầm non*. NXB ĐHQGHN.

[3] Bộ GD và đào tạo (*Chương trình GDMN* . Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2011.

[4] Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	1		1		2		4
5	1		1		2		4
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	1		1		2		4
10	1		1		2		4
11	2				4		6
12	1		1		2		4
13	1		1		2		4
14	2				4		6
15	2				4		6
<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>		<b>6</b>		<b>48</b>		<b>78</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 6, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4,5,6,7: (5 điểm)	60p	10 (20 câu)	

**Trọng số:** Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 3/10; Mục 11.3 chiếm 6/10.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nông Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ – Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0944710887; Email: [nonghuyencdtq@gmail.com](mailto:nonghuyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0916844333 ; Email: [lansp@gmail.com](mailto:lansp@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non.

### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em
- Mã môn học: MN2.1.005.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý trẻ em
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 39 giờ

+ Bài tập trên lớp: 06 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của môn học

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em; tổ chức vệ sinh các hệ cơ quan, vệ sinh giáo dục thể chất, vệ sinh quần áo và vệ sinh môi trường, giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non. Cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng nói chung và dinh dưỡng học trẻ em nói riêng. Những phương pháp nuôi dưỡng trẻ hợp lý theo từng lứa tuổi, trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe thông qua dinh dưỡng. Bên cạnh đó hình thành các kỹ năng chăm sóc và hướng dẫn giữ gìn vệ sinh cho trẻ. Kỹ năng lựa chọn thực phẩm, chế biến và tổ chức bữa ăn hợp lý trong công tác nuôi dưỡng trẻ, biết cách đánh giá công tác nuôi dưỡng trẻ ở trường mầm non. Đồng thời có thái độ đúng đắn đối với việc học tập bộ môn, tích cực hoạt động nhằm khuyến khích động viên trẻ mầm non biết giữ gìn vệ sinh tự bảo vệ và giữ gìn sức khỏe thông qua dinh dưỡng hợp lý.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu và phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học, phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em. Có các kiến thức về vi sinh vật, dịch tễ học và miễn dịch học, kí sinh trùng.
CĐR 2	Hiểu và phân tích được các giai đoạn lứa tuổi sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em. Có kiến thức trong việc tổ chức vệ sinh và giáo dục thói quen cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
CĐR 3	Phân tích được cấu tạo, vai trò, nhu cầu... của một số chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể trẻ và biết phân nhóm, phân loại lương thực, thực phẩm.
CĐR 4	Hiểu được vai trò quan trọng của dinh dưỡng đối với trẻ em và chế độ dinh dưỡng cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo. Có kiến thức về dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo
CĐR 5	Có kiến thức trong việc điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ em thông qua dinh dưỡng

**5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:**

CĐR 6	Vận dụng được kiến thức trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ và hiểu được nội dung, phương pháp giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.
<b>Về kỹ năng</b>	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CĐR 7	Hình thành và rèn các kỹ năng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
CĐR 8	Rèn luyện các kỹ năng trong việc tổ chức vệ sinh và giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non.
CĐR9	Biết cách xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn cho trẻ. Rèn kỹ năng tổ chức tốt việc ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo.
CĐR 10	Có khả năng vận dụng các phương pháp trong việc giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ theo hướng tích hợp.
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CĐR 11	Tổ chức được các hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh và các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ thông qua chế độ sinh hoạt hằng ngày ở trường mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 12	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 13	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 14	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Có kỹ năng nghề nghiệp: Yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ, là tấm gương tích cực trong việc bảo vệ sức khỏe cho trẻ noi theo.

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kiến thức					Thái độ, năng lực tự chủ		
								Cứng			Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14
Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em	Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh trẻ em	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
	Những cơ sở khoa học của vệ sinh trẻ em	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
	Các phương	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3

	pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em														
	Sơ lược về quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ	2	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
Chương 2: Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học	Vi sinh vật	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
	Dịch tễ học và miễn dịch học	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
	Kí sinh trùng	3	2	2	2	2	1	3	3	1	2	2	3	3	3
Chương 3: Các giai đoạn lứa tuổi	Các giai đoạn lứa tuổi	2	3	2	2	3	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em	2	3	2	2	3	2	3	3	1	3	3	3	3	3
Chương 4: Tổ chức vệ sinh cho trẻ em lứa tuổi mầm non	Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Tổ chức vệ sinh giáo dục thể chất	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ em	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Tổ chức vệ sinh môi trường	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
Chương 5: Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non	Khái niệm thói quen vệ sinh	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Nội dung giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Phương pháp và hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
	Đánh giá thói quen vệ sinh của trẻ em	2	3	2	2	2	2	3	3	1	3	3	3	3	3
Chương 6: Dinh dưỡng học đại cương	Khái niệm và tầm quan trọng của dinh dưỡng	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3	3
	Năng lượng	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3	3



	Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3	3
Chương 7: Các nhóm lương thực, thực phẩm	Khái niệm về lương thực, thực phẩm	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Lương thực	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Thực phẩm	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Các nhóm thực phẩm, cách kết hợp và thay thế thực phẩm	2	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
Chương 8: Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo	Tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với trẻ em	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
	Dinh dưỡng cho trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
	Phương pháp xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
	Vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức ăn uống tại nhà trẻ - mẫu giáo	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3
Chương 9: Dinh dưỡng giúp điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ em	Ăn uống trong điều trị bệnh tiêu chảy	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3
	Ăn uống trong điều trị cho trẻ bị lỵ	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3
	Ăn uống trong điều trị bệnh viêm phổi	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3	3	3	3
Chương 10: Nội dung	Phương hướng, mục	2	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2	3	3	3

hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu	đích của công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu														
sức khỏe ban đầu cho trẻ em	Nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu	2	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2	3	3	3
Chương 11: Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp	Tầm quan trọng và cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe đối với trẻ em	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3
	Mục tiêu và nội dung của giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3
	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3
	Hình thức tổ chức giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3
	Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ nhà trẻ - mẫu giáo	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp 2 – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em.
- Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học.
- Các giai đoạn lứa tuổi sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em.
- Tổ chức vệ sinh cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non.
- Dinh dưỡng học đại cương.
- Các nhóm lương thực, thực phẩm.
- Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo.
- Dinh dưỡng giúp điều trị một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ em.
- Nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
- Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

### 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>PHẦN I VỆ SINH TRẺ EM Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA VỆ SINH TRẺ EM</b>	2			
Lý thuyết	<p><b>1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh trẻ em</b></p> <p>1.1.1. Đối tượng của vệ sinh trẻ em</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của vệ sinh trẻ em</p> <p><b>1.2. Những cơ sở khoa học của vệ sinh trẻ em</b></p> <p>1.2.1. Cơ sở phương pháp luận của vệ sinh trẻ em</p> <p>1.2.2. cơ sở tự nhiên của vệ sinh trẻ em</p> <p>1.2.3. Cơ sở tâm lý và giáo dục của vệ sinh trẻ em</p> <p><b>1.3. Các phương pháp nghiên cứu của vệ sinh trẻ em</b></p> <p>1.3.1. Phương pháp điều tra</p> <p>1.3.2. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>1.3.3. Phương pháp thống kê</p> <p>1.3.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm</p> <p><b>1.4. Sơ lược về quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em</b></p> <p>1.4.1. Tình hình chăm sóc giáo dục trẻ em trên thế giới</p> <p>1.4.2. Tình hình chăm sóc và giáo dục trẻ em ở Việt Nam</p> <p>1.4.3. Chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em</p>	2	Học học liệu số 1: chương 1 (các mục 1- 4); [ Tr 7 - 22].	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.	4	Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VỆ SINH HỌC</b>	3			
Lý thuyết	<b>2.1. Vi sinh vật</b> 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại vi sinh vật 2.1.3. Phân bố vi sinh vật trong tự nhiên 2.1.4. Các phương pháp diệt khuẩn <b>2.2. Dịch tễ học và miễn dịch học</b> 2.2.1. Nhiễm khuẩn 2.2.2. Truyền nhiễm 2.2.3. Miễn dịch <b>2.3. Kí sinh trùng</b> 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Phân loại kí sinh trùng 2.3.3. Sinh sản và phát triển của kí sinh trùng 2.3.4. Đặc điểm của bệnh kí sinh trùng 2.3.5. Ảnh hưởng của kí sinh trùng đối với cơ thể	3	Học học liệu số 1: chương 2 (các mục 1- 3); [ Tr 23 - 36].	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.	6	Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3: CÁC GIAI ĐOẠN LỬA TUỔI SỨC KHỎE VÀ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ EM</b>	3			
	<b>3.1. Các giai đoạn lứa tuổi</b> 3.1.1. Sự phân chia lứa tuổi 3.1.2. Đặc điểm chăm sóc trẻ em các lứa tuổi <b>3.2. Sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ em</b> 3.2.1. Khái niệm về sức khỏe 3.2.2. Phân loại sức khỏe 3.2.3. Đánh giá sức khỏe của trẻ em Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1-3.2), Học học liệu số 2: Chương 2 (các mục 2.1-2.3)	3	Học học liệu số 1: chương 3 (các mục 1- 2); [ Tr 37 - 46].	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	6	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: TỔ CHỨC VỆ SINH CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON</b>	6 (4;2)			
Lý thuyết	<p><b>4.1. Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan</b></p> <p>4.1.1. Vệ sinh hệ thần kinh</p> <p>4.1.2. Vệ sinh da</p> <p>4.1.3. Vệ sinh mắt</p> <p>4.1.4. Vệ sinh cơ quan hô hấp</p> <p>4.1.5. Vệ sinh cơ quan tiêu hóa và sinh dục tiết niệu</p> <p><b>4.2. Tổ chức vệ sinh giáo dục thể chất</b></p> <p>4.2.1. Vệ sinh trong quá trình tổ chức cho trẻ luyện tập</p> <p>4.2.2. Giáo dục tư thể cho trẻ em</p> <p>4.2.3. Rèn luyện cơ thể cho trẻ em bằng các yếu tố tự nhiên</p> <p><b>4.3. Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ em</b></p> <p>4.3.1. Khái niệm vệ sinh quần áo</p> <p>4.3.2. Các yêu cầu đối với việc vệ sinh quần áo cho trẻ em</p> <p>4.3.3. Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ các lứa tuổi</p> <p><b>4.4. Tổ chức vệ sinh môi trường</b></p> <p>4.4.1. Vệ sinh không khí</p> <p>4.4.2. Vệ sinh nước</p> <p>4.4.3. Vệ sinh mặt đất</p> <p>4.4.4. Vệ sinh trường mầm non</p>	4	Học học liệu số 1: chương 4 (các mục 1 -5); [Tr 47 - 78], chương 5 (các mục 1 – 3); [Tr 81 – 102]; chương 6 (các mục 1- 3); [Tr 103 – 106]; chương 8 (các mục 1 – 4); [Tr 1- 4]. Học học liệu số 2: chương 4(các mục 4.4); [ Tr 107 - 117].	Lớp học	
Thực hành	Thực hành tổ chức vệ sinh cho trẻ mầm non	2	Vận dụng kiến thức đã lĩnh hội trong quá trình thực hành	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.	12	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5: GIÁO DỤC THÓI QUEN VỆ SINH CHO TRẺ MẦM NON</b>	5			
	<p><b>5.1. Khái niệm “Thói quen vệ sinh”</b></p> <p>5.1.1. Kỹ xảo vệ sinh</p> <p>5.1.2. Thói quen vệ sinh</p> <p><b>5.2. Nội dung giáo dục thói quen</b></p>	1	Học học liệu số 1: chương 7 (các mục 1 - 4); [ Tr 107 - 117] Tham khảo trong	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>vệ sinh cho trẻ mầm non</b> 5.2.1. Thói quen vệ sinh thân thể 5.2.2. Thói quen ăn uống có văn hóa có vệ sinh		các học liệu khác		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.	2	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
Lý thuyết	5.2.3. Thói quen hoạt động có văn hóa vệ sinh 5.2.4. Thói quen giao tiếp có văn hóa <b>5.3. Phương pháp và hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non</b> 5.3.1. Hoạt động học tập 5.3.2. Hoạt động vui chơi 5.3.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày 5.3.4. Phối hợp với gia đình <b>5.4. Đánh giá thói quen vệ sinh của trẻ em</b> 5.4.1. Mục đích 5.4.2. Nội dung 5.4.3. Phương pháp đánh giá	4	Học học liệu số 1: chương 7 (các mục 1 - 4); [ Tr 107 - 117] Tham khảo trong các học liệu khác	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.	8	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>PHẦN II DINH DƯỠNG TRẺ EM Chương 6: DINH DƯỠNG HỌC ĐẠI CƯƠNG</b>	3			
Lý thuyết	<b>6.1. Khái niệm và tầm quan trọng của dinh dưỡng</b> <b>6.2. Năng lượng</b> <b>6.3. Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể</b>	3	Học học liệu số 2: chương 1 (các mục 1 - 3); [Tr 7 - 67] Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi	6	Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7: CÁC NHÓM LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM</b>	3			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<b>7.1. Khái niệm về lương thực, thực phẩm</b> <b>7.2. Lương thực</b> <b>7.3. Thực phẩm</b> <b>7.4. Các nhóm thực phẩm, cách kết hợp và thay thế thực phẩm</b>	3	Học học liệu số 2: chương 2 (các mục 1 - 4); [Tr 70 - 91]	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi	6	Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 8: DINH DƯỠNG TRẺ EM TUỔI NHÀ TRẺ - MẪU GIÁO</b>	7 (5;2)			
Lý thuyết	8.1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với trẻ em 8.2. Dinh dưỡng cho trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo 8.3. Phương pháp xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non 8.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn 8.5. Tổ chức ăn uống tại nhà trẻ - mẫu giáo 8.6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em	5	Học học liệu số 2: chương 3 (các mục 1 - 6); [Tr 92 - 128]. Tham khảo trong các học liệu khác.	Trên lớp, ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi. - Chuẩn bị các đồ dùng, nguyên liệu thực hành	10	Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết. Ứng dụng kiến thức trong thực tiễn.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	15			
Thực hành	- Thực hành pha: sữa các loại, nước hoa quả, sữa đậu nành. - Thực hành nấu bột và cháo với một số loại thực phẩm.	2	Vận dụng kiến thức đã lĩnh hội trong quá trình thực hành	Phòng thực hành	
Tự học, tự nghiên cứu	Chuẩn bị các đồ dùng, nguyên liệu thực hành	4	Vận dụng lý thuyết, phát huy khả năng sáng tạo.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 9: DINH DƯỠNG GIÚP ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH NHIỄM KHUẨN THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM</b>	4			
Lý thuyết	<b>9.1. Ăn uống trong điều trị bệnh tiêu chảy</b> <b>9.2. Ăn uống trong điều trị cho trẻ bị lỵ</b> <b>9.3. Ăn uống trong điều trị bệnh viêm phổi</b>	4	Học học liệu số 2: chương 4 (các mục 1- 3); [ Tr 130 - 136]	Lớp học	
Tự học, tự	Đọc các phần lý thuyết trước khi	8	Trả lời câu hỏi sau	Thư viện,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghe giảng	nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi		khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	ở nhà	
	<b>Chương 10: NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG DINH DƯỠNG TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU CHO TRẺ EM</b>	3			
Lý thuyết	<b>10.1. Phương hướng, mục đích của công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu</b> <b>10.2. Nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>	3	Học học liệu số 1: chương 10 (các mục 10.1-10.2); [ Tr 137 - 147 ]	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi	6	Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 11: GIÁO DỤC DINH DƯỠNG – SỨC KHỎE CHO TRẺ MẦM NON THEO HƯỚNG TÍCH HỢP</b>	6 (4;2)			
Lý thuyết	<b>11.1. Tầm quan trọng và cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe đối với trẻ em</b> <b>11.2. Mục tiêu và nội dung của giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe</b> <b>11.3. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non</b> <b>11.4. Hình thức tổ chức giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp</b> <b>11.5. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo</b>	4	Học học liệu số 2: chương 5 (các mục 1- 5); [ Tr 148 - 164]	Lớp học	
Thực hành	Tổ chức một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ nhà trẻ - mẫu giáo	2	Vận dụng các phương pháp đã học trong quá trình thực hành	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi	12	Trả lời câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1 Tài liệu bắt buộc



1. Hoàng Thị Phương, năm 2014, *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB ĐHSP.

2. Lê Thị Mai Hoa, năm 2014, *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ mẫu giáo*, NXB ĐHSP.

## 8.2 Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Mai Hoa – Trần Văn Dần, năm 2009, *Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

2. Phạm mai Chi, Vũ Yến Khanh, Nguyễn Thị Hồng Thu (2015), Các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe cho trẻ mầm non, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		6
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	1		2		2	4	9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	2	1			6		7
9	3				6		9
10	3				6		9
11	1		2		2	4	9
12	3				6		9
13	3				6		9
14	3				6		9
15	1		2		2	4	9
<b>Tổng cộng</b>	38	1	6	0	66	12	135

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1,2, chương 4,5,6,7,8: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 9,10,11: (3 điểm)	90p	15	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: **Nông Thị Huyền**
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0944710887; [nonghuyencdtq@gmail.com](mailto:nonghuyencdtq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: **Nguyễn Như Mai**
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0913.194.899; Email: [Nguyennhumai@gmail.com](mailto:Nguyennhumai@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: **Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ**
- Mã môn học: MN2.1.006.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần Sinh lý trẻ em;
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
  - + Bài tập trên lớp: 6 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của môn học

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản liên quan đến việc phòng bệnh cho trẻ mầm non gồm: các loại bệnh và các tai nạn thường gặp, cách sử dụng thuốc và việc giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non. Hình thành các kỹ năng đề phòng bệnh tật, tai nạn thương tích, kỹ năng phát hiện và sơ cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn ở trẻ. Kỹ năng chăm sóc trẻ bị ốm, kỹ năng giải thích và hướng dẫn phòng bệnh cho trẻ. Đồng thời có thái độ tích cực và chủ động trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục phòng bệnh cho trẻ ở trường mầm non. Gương mẫu trong mọi hoạt động phòng bệnh cho trẻ nơi theo.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được một số khái niệm về bệnh trẻ em và thấy được vai trò của môn học đối với việc chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non. Có kiến thức về đặc điểm bệnh lý trẻ em qua các thời kì phát triển, đồng thời khái quát được tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em hiện nay.
CDR 2	Biết và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em
CDR 3	Biết được các đặc điểm cơ bản của thuốc, tác dụng và đặc biệt là cách sử dụng thuốc cho trẻ em.
CDR 4	Có kiến thức trong việc phòng và xử trí ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ em.
CDR 5	Xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 6	Hình thành và rèn các kỹ năng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.
CDR 7	Rèn kỹ năng trong việc phòng các bệnh thường gặp cho trẻ ở trường mầm non.

CĐR8	Sử dụng tương đối thành thạo các thao tác trong việc xử trí các tai nạn trẻ gặp
CĐR 9	Có khả năng vận dụng các phương pháp trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và phòng bệnh cho trẻ ở trường mầm non.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 10	Biết cách phòng tránh và xử một số bệnh thông thường, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 13	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Có kỹ năng nghề nghiệp: Yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ, là tấm gương tích cực trong việc bảo vệ sức khỏe cho trẻ noi theo.

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ		
		C Đ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	Cứng			Mềm		CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R13
							CĐ R6	CĐ R 7	CĐR 8	CĐ R 9	CĐ R10			
Chương 1: Đại cương về bệnh trẻ em	Tầm quan trọng của môn học và một số khái niệm về phòng bệnh	3	2	2	2	2	3	3	2	1	1	2	2	2
	Sự tăng trưởng về thể chất và phát triển tâm vận động ở trẻ em	3	1	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
	Tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em	3	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2
Chương 2: Các bệnh thường gặp	Các bệnh liên quan đến dinh	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3

ở trẻ em	đưỡng và chuyên hóa													
	Bệnh thuộc hệ tiêu hóa	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
	Các bệnh thuộc hệ hô hấp	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
	Các bệnh thuộc hệ tiết niệu	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
Chương 3: Các bệnh chuyên khoa	Bệnh về mắt	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
	Bệnh sâu răng	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
	Bệnh ngoài da	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
Chương 4: Bệnh truyền nhiễm ở trẻ em	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Các bệnh truyền nhiễm thường gặp	1	3	2	3	2	3	3	2	1	3	3	3	3
Chương 5: Thuốc và các sử dụng thuốc cho trẻ em	Đại cương về thuốc	2	2	3	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
	Cách dùng thuốc cho trẻ em	2	2	3	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
Chương 6: Phòng và xử trí ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ em	Phòng và xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Một số kỹ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Cách phòng tránh và xử trí ban đầu một số tai nạn	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Chương 7: Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Mục tiêu giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3
	Nội dung giáo dục phòng bệnh	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3

	và đảm bảo an toàn cho trẻ MN													
	Phương pháp giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3
	Hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3
	Một số hoạt động cụ thể	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3
	Một số lưu ý trong chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

- Đại cương về bệnh trẻ em
- Các bệnh thường gặp ở trẻ em; các bệnh chuyên khoa; các bệnh truyền nhiễm; các bệnh do dinh dưỡng không hợp lý.
- Thuốc và cách sử dụng thuốc cho trẻ em
- Phòng và xử trí ban đầu một số tai nạn thường gặp ở trẻ em.
- Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>Chương 1. Đại cương về bệnh trẻ em</b>	5			
Lý thuyết	1.1. Tầm quan trọng của môn học và một số khái niệm về phòng bệnh 1.2. Sự tăng trưởng thể chất và phát triển tâm vận động ở trẻ em 1.3. Đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua các thời kỳ phát triển 1.4. Tình hình bệnh, tật và tử vong ở trẻ em 1.5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em 1.6. Theo dõi sức khỏe và phòng	5	Học học liệu số 1: chương 1(các mục I - VI. Tham khảo tài liệu số 2: chương 1 (các mục I - V). Tài liệu số 3,4	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	dịch				
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng .	10	Đọc tài liệu số 1 : chương 2: (các mục I-V), tài liệu số 2: chương 2 ( các mục I-V)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Các bệnh thường gặp ở trẻ em</b>	4			
Lý thuyết	2.1. Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 2.2. Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 2.3. Các bệnh thuộc hệ hô hấp 2.4. Các bệnh thuộc hệ tiết niệu 2.5. Bệnh thấp tim	4	Học học liệu số 1 : chương 2: (các mục I-V), Tham khảo tài liệu số 3.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng .	8	Đọc tài liệu số 1 : chương 3: (các mục I-III)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Các bệnh chuyên khoa</b>	2			
Lý thuyết	3.1. Bệnh về mắt 3.2. Bệnh sâu răng 3.3. Bệnh ngoài da	2	Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục I-III).	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng .	4	Vận dụng lý thuyết để trả lời các câu hỏi .Đọc tài liệu số 1: chương 4 ( các mục I-VIII)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Bệnh truyền nhiễm ở trẻ em</b>	4			
Lý thuyết	4.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm 4.2. Các bệnh truyền nhiễm thường gặp 4.2.1. Bệnh sởi 4.2.2. Bệnh lao 4.2.3. Bệnh ho gà 4.2.4. Bệnh bạch hầu 4.2.5. Bệnh bại liệt 4.2.6. Bệnh viêm gan do vi rút 4.2.7. Bệnh uốn ván 4.2.8. Bệnh AIDS		Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục I-VIII),tham khảo tài liệu số 4 ( chương 6,7,8)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	8	Vận dụng lý thuyết để trả lời các câu hỏi .Đọc tài liệu số 1: chương 5 ( các mục I-II)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
	<b>Chương 5: Thuốc và cách sử dụng thuốc cho trẻ em</b>	2			



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	5.1. Đại cương về thuốc 5.2. Cách dùng thuốc cho trẻ em		Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục I-II).	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	4	Vận dụng lý thuyết để trả lời các câu hỏi. Đọc tài liệu số 1: chương 6 (các mục I-V)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 6. Phòng và xử trí một số bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ em.</b>	8 (4;4)			
Lý thuyết	6.1. Phòng và xử trí bước đầu một số bệnh thường gặp 6.2. Một số kỹ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm 6.3. Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp 6.4. Cách phòng tránh và xử trí ban đầu một số tai nạn	4	Học học liệu số 1: Chương 6 (các mục I-V), tham khảo tài liệu số 2 (chương 6)	Trên lớp	
Bài tập thực hành	Tập xử trí ban đầu một số tai nạn, thương tích: cấp cứu dị vật đường thở, hô hấp nhân tạo...	4	Vận dụng lý thuyết đã học để trình bày và thực hiện cách cấp cứu trẻ bị dị vật đường thở, đuối nước.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng	16	Vận dụng lý thuyết để trả lời các câu hỏi. Đọc tài liệu số 1: chương 7 (các mục I-VI)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7. Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</b>	5 (3;2)			
Lý thuyết	7.1. Mục tiêu giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non 7.2. Nội dung giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non 7.3. Phương pháp giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non 7.4. Hình thức tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ 7.5. Một số hoạt động cụ thể 7.6. Một số lưu ý trong chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật	3	Học học liệu số 1: chương 7(các mục I-VI)	Trên lớp	
Bài tập thực hành	Pha dung dịch OERSOL, cách chia tỉ lệ nấu nước cháo muối.	2	Chuẩn bị nguyên liệu và đồ dùng cần thiết.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Trả lời các câu hỏi của giáo viên giao. Đọc lại tất cả các phần lý thuyết đã học.	10	Xem lại toàn bộ chương trình và đặt câu hỏi cho giáo viên (nếu có)	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

## 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1].Lê Thị Mai Hoa (2014), *Giáo trình bệnh học trẻ em*, NXB ĐHSP.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2].Lê Thị Mai Hoa (2009), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, NXB GDVN.

[3].Lê Thị Mai Hoa (2013), *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ mẫu giáo*, NXB ĐHSP.

[4].Hoàng Thị Phương (2013), *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB ĐHSP.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
8	2						
10	2				4		6
11	1		1		2	2	6
12			2			4	6
13			1		2	2	6
14	2				4		6
15			2			4	6
<b>Tổng cộng</b>	23	1	6		60		90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học phù hợp với số lượng sinh viên.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3. Thi hết môn học : 60%**

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3,4: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 5,6,7: (5 điểm)	60	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Múa cơ bản

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Hà Thị Thuý Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 01666677723; Email: [halinh@gmail.com](mailto:halinh@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết nhạc lý cơ bản và Phương pháp dạy học âm nhạc, kỹ năng thực hành Múa.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 0973102377; [nguyenthithanhthao77@gmail.com](mailto:nguyenthithanhthao77@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa học, Nhạc lý, Lịch sử âm nhạc, Ký xướng âm, Học hát, Phương pháp dạy học âm nhạc.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Múa cơ bản
- Mã học phần: NT 2.1.022.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 2 tiết

+ Bài tập, thảo luận trên lớp: 28 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Âm nhạc

+ Khoa: Văn hóa – Du lịch

### 3. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lí luận chung về nghệ thuật múa như: Múa và quan hệ của múa đối với âm nhạc, sự phân loại múa, các kỹ năng múa

+ Sinh viên hiểu được múa là một loại hình hoạt động dùng động tác, tư thế để biểu hiện xúc cảm, tư tưởng của con người

+ Sinh viên nắm vững các động tác múa dân gian cơ bản của các dân tộc và hiểu cách vận dụng những động tác đã học vào một số bài múa dạy trẻ trong trường mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lí luận chung về nghệ thuật múa như: Múa và quan hệ của múa đối với âm nhạc, sự phân loại múa, các kỹ năng múa
CĐR 2	Sinh viên hiểu được múa là một loại hình hoạt động dùng động tác, tư thế để biểu hiện xúc cảm, tư tưởng của con người
CĐR 3	Sinh viên nắm vững các động tác múa dân gian cơ bản của các dân tộc và hiểu cách vận dụng những động tác đã học vào một số bài múa dạy trẻ trong trường mầm non.
<b>Về kĩ năng</b>	
<b>Kĩ năng cứng</b>	
CĐR 4	Rèn luyện kĩ năng cơ bản: kĩ năng mô phỏng, kĩ năng không chế, kĩ năng mềm dẻo trong múa
CĐR 5	Có kĩ năng thực hiện và truyền đạt những ý tưởng ngôn ngữ múa trong quá trình tư duy sáng tạo của mình
<b>Kĩ năng mềm</b>	

CĐR 6	Có kỹ năng ứng dụng kiến thức môn học vào hoạt động âm nhạc ngoài khóa, hoạt động nghiệp vụ, hoặc các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, phương pháp học tập khoa học,
CĐR 8	giáo dục đức tính kiên trì, chăm chỉ luyện tập cho sinh viên
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kỹ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
Chương 1. Khái quát chung về nghệ thuật múa	1.1. Múa là một loại hình nghệ thuật	2	1	1	2	2	1	2	2	2	1
	1.2. Đặc trưng của nghệ thuật múa	2	1	1	2	2	1	2	2	2	1
	1.3. Vai trò của múa	2	1	1	2	2	1	2	2	2	1
	1.4. Những kỹ năng múa cơ bản	2	2	1	2	2	1	2	2	2	1
Chương 2: Hệ thống các động tác múa dân gian cơ bản	2.1. Giới thiệu một số động tác múa dân gian đồng bằng	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1
	2.2. Giới thiệu một số động tác múa dân gian dân tộc miền núi phía bắc	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1
	2.3. Giới thiệu một số động tác múa vùng Tây Nguyên	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
Chương 1. Khái quát	1.1. Múa là một loại hình nghệ thuật	2	1	1	2	2	1	2	2	2	1
Chương 3: Ứng dụng các động tác cơ bản để thực hành dàn dựng bài múa.	3.1. Quy trình dựng bài múa	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1
	3.2. Thực hành dựng bài múa	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

- Khái quát chung về nghệ thuật múa.
- Hệ thống các động tác múa cơ bản.
- Ứng dụng các động tác cơ bản để thực hành dàn dựng bài múa.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Khái quát chung về nghệ thuật múa</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Múa là một loại hình nghệ thuật 1.1.1.. Định nghĩa và phân loại 1.1.2. Đôi nét về nguồn gốc của múa 1.2. Đặc trưng của nghệ thuật múa 1.2.1. Những đặc điểm chung của nghệ thuật múa 1.2.2. đặc điểm đề tài múa 1.2.3. đặc điểm ngôn ngữ múa 1.3. Vai trò của múa 1.3.1. Nghệ thuật múa phản ánh mọi		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1, 1.2);	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>mặt của đời sống xã hội</p> <p>1.3.2. Nghệ thuật múa góp phần cải tạo xã hội, giáo dục con người</p> <p>1.4. Những kỹ năng múa cơ bản</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng	4	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Hệ thống các động tác múa dân gian cơ bản</b>				
Thực hành	<p>2.1. Giới thiệu một số động tác múa dân gian đồng bằng</p> <p>2.1.1. Hướng múa</p> <p>2.1.2. Một số động tác múa cơ bản dân tộc Việt</p> <p>2.1.2.1. Dân tộc Việt phân tay không</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thế tay, thế chân cơ bản</li> <li>- Sáu thế tay, thế chân cơ bản</li> <li>- Đi lướt</li> <li>- Xiển chim bay</li> <li>- Xiển chim kêu</li> <li>- Hái đào 1 tay</li> <li>- Hái đào hai tay</li> <li>- Đi quả trám</li> <li>- Vuốt guôn đuôi A, B, C</li> <li>- Guôn đèn</li> <li>- Quay ngang di động</li> <li>- Quay ngang nhún kí</li> <li>- Mỡ mời</li> <li>- Mỡ sệt</li> <li>- Mỡ chắm chân</li> <li>- Mỡ nhảy quay</li> <li>- Trống Nhật tân</li> <li>- Trống Đại lộ</li> </ul>	12	Học học liệu số 1: chương 1(các mục 2,3,4); học liệu số 2: Giáo trình múa dân gian dân tộc Việt [Tr 1 – 42]	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.1.2.2. Dân tộc việt phần quạt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rung quạt</li> <li>- Guộn quạt A</li> <li>- Guộn quạt B</li> <li>- Đề thơ</li> <li>- Guộn chỉ A</li> <li>- Guộn chỉ B</li> <li>- Quay ngang di động rung quạt</li> <li>- Lùi vòn quạt</li> </ul> <p>2.2. Giới thiệu một số động tác múa dân gian dân tộc miền núi phía bắc</p> <p>2.2.1. Dân tộc tày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dập gót</li> <li>- Rung nhạc cơ bản 2 tay</li> <li>- Đi rung nhạc</li> <li>- Sải bi ooc A, B, C</li> <li>- Xoẹt quạt A,B</li> <li>- Châu liếp</li> </ul> <p>2.2.2. Dân tộc H. Mông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi xúng xính A</li> <li>- Đi xúng xính B</li> <li>- Vòng khăn</li> <li>- Đi ngang tung khăn</li> <li>- Chuyển trọng tâm</li> <li>- Nhảy đưa chân trước</li> <li>- Nhảy lướt</li> <li>- Đánh chân tại chỗ</li> <li>- Chọi gà</li> <li>- Một số động tác múa khèn</li> </ul> <p>2.2.3. Dân tộc Thái</p> <p>2.2.3.1. Một số động tác nhún và đi cơ bản</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhún xòe vòng A, B</li> <li>- Đi phong thổ</li> <li>2.2.3.2. Một số động tác khăn quạt</li> <li>- Vi hấp A, B</li> <li>- Vi ky</li> <li>- Vi vẫy A, B</li> <li>2.2.3.3. Một số động tác múa khăn</li> <li>- Châu pua A, B</li> <li>- Nhún đưa khăn</li> <li>- Tung khăn</li> <li>2.2.3.4. Một số động tác múa nón</li> <li>- Nón che nghiêng</li> <li>- Nón trước sau</li> <li>- Nón ngả sau gáy</li> <li>2.3. Giới thiệu một số động tác múa vùng tây nguyên</li> <li>- Nhún đưa bông</li> <li>- Nhún một chân đưa sau</li> <li>- Đi rung</li> <li>- Đánh chiêng</li> <li>- Nhảy nhanh nhỏ</li> <li>- Xát coong A</li> <li>- Xát coong B</li> </ul>				
Bài tập ứng dụng	- Tự luyện tập thuần thục các động tác đã học theo nhóm, cá nhân	2		ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần hướng dẫn các động tác múa dân gian dân tộc việt trước khi giáo viên hướng dẫn; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào bài múa	30	Tập các động tác sau khi được hướng dẫn và biết vận dụng tương ứng vào các bài múa	Thư viện, ở nhà	
	Kiểm tra giữa kỳ	1			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 2</b>		15			
	<b>Chương 3: Ứng dụng các động tác cơ bản để thực hành dàn dựng bài múa.</b>				
Thực hành	<p>3.1. Quy trình dựng bài múa</p> <p>3.2. Thực hành dựng bài múa</p> <p>Bài 1: “Xòe hoa” dân ca Thái; Tình ca Tây Bắc...(hoặc nhạc múa dân tộc Thái).</p> <p>Bài 2: “Đi học”: Bùi Đình Thảo; Đi học xa (hoặc nhạc múa dân tộc H’mông)...            Bài 3: “Múa với bạn tây nguyên” Âm nhạc – Phạm Tuyên (hoặc nhạc múa dân tộc Tây Nguyên)</p> <p>Bài 4: Hoa thơm bướm lượn; Bèo dạt mây trôi; Cây trúc xinh...</p> <p>Bài 5: Cái bóng; Trồng com; Chú cuội chơi trăng..</p>		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 2,3,4); học liệu số 2: Giáo trình múa dân gian dân tộc Việt (Tr 1 – 42)	Lớp học	
Bài tập	Dựng các bài múa theo nhóm.	15	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào bài múa	Lớp học, ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần hướng dẫn các động tác múa dân gian các dân tộc Việt, vận dụng các kiến thức đã học vào bài múa trong chương trình mầm non	15	Tập các động tác sau khi được hướng dẫn và biết vận dụng tương ứng vào các bài múa	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Minh Trí (2005), *Múa, Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.*
- [2] Bộ văn hóa – Thông tin, Trường cao đẳng múa Việt Nam (2006), *Giáo trình múa dân gian các dân tộc Việt Nam., Hà nội.*
- [3] Trương Văn Sơn, Điều Thúy Đoàn, Nguyễn Thị Mai Hương (2003), *Múa dân gian một số dân tộc vùng Tây Bắc, Nxb văn hóa dân tộc Hà nội.*
- [4] Trần Đức Viên, Hồng Quý (1996), *Giáo trình múa dân gian Trường múa Việt Nam, Hà nội.*

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2			2		2	2	6
3			2		2	2	6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8		1	1		2	2	6
9			2		2	2	6
10			2		2	2	6
11			2		2	2	6
12			2		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	2	1	27		30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học mát có gương soi.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3. Thi hết môn học: 60%**

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>
Thực hành	Câu 1: Tỉn chỉ 1(5 điểm) Câu 2: Tỉn chỉ 2(5 điểm)	5 phút/ 1SV	15

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Văn học trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089                      - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Các thể loại văn học dân gian; văn hóa Tuyên Quang, văn học Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên ngành Ngữ văn.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 01699085949                      - Email: maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Ngữ văn, Tiếng Việt, Lí luận văn học, văn hóa Tuyên Quang, văn học và ngôn ngữ Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam; văn học Việt Nam.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học trẻ em
- Mã học phần: XH2.1.052.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc.

- Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian Việt Nam 1.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  - + Học lí thuyết trên lớp: 29 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Kiểm tra trên lớp: 01 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Ngữ văn
  - + Khoa: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản, khái quát về văn học viết cho trẻ em và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở Việt Nam như: Võ Quảng, Tô Hoài, Phạm Hồ, Đoàn Thị Lam Luyến, Phan Thị Thanh Nhàn...; thơ do trẻ em viết và một số tác giả nhỏ tuổi cùng những tác phẩm tiêu biểu ở Việt Nam như: Trần Đăng Khoa, Nguyễn Hồng Kiên, Cẩm Thơ...; văn học thiếu nhi nước ngoài và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu như: Rabindranát Tago (Ấn Độ), Lép Nicôlaiêvích Tônxtôi (Nga), An đéc xen (Đan Mạch)...; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; có kĩ năng cảm thụ, kĩ năng đọc, kể và phân tích tác phẩm văn học trẻ em theo thể loại; biết trân trọng và có ý thức giữ gìn, tìm hiểu các tác phẩm văn học trẻ em; đồng thời biết ứng dụng kiến thức văn học trẻ em vào các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu những kiến thức cơ bản, khái quát về văn học viết cho trẻ em và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết và một số tác giả nhỏ tuổi cùng những tác phẩm tiêu biểu ở Việt Nam.
CDR 2	Hiểu văn học thiếu nhi nước ngoài và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi nước ngoài.
CDR 3	Hiểu vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.
<b>Về kĩ năng</b>	
<b>Kĩ năng cứng</b>	
CDR 4	Có kĩ năng cảm thụ, đọc và kể tác phẩm văn học trẻ em theo thể loại.
CDR 5	Biết phân tích tác phẩm văn học trẻ em theo thể loại.

Kĩ năng mềm	
CĐR 6	Biết ứng dụng kiến thức văn học trẻ em vào các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 7	Biết trân trọng và có ý thức giữ gìn, tìm hiểu các tác phẩm văn học trẻ em.
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kĩ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
Chương 1. Văn học viết cho trẻ em	Khái quát tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Giới thiệu một số tác giả	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Phân tích một số tác phẩm văn học	2	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Chương 2. Thơ do trẻ em viết	Trẻ em với thơ ca	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Thơ của trẻ em những năm chống Mỹ	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Trần Đăng Khoa	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Phân tích một số bài thơ do trẻ em sáng tác	2	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Chương 3. Văn học thiếu nhi nước ngoài	Khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1
	Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1
Chương 4. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo	Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho lứa tuổi mầm non	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1
	Yếu tố truyện trong thơ và	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1



Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra											
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	Cứng		Mềm	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10		
					C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6						
dục trẻ em lứa tuổi mầm non	yếu tố thơ trong truyện												
	Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1		

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về văn học viết cho trẻ em ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết ở Việt Nam; văn học thiếu nhi nước ngoài; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; kỹ năng cảm thụ, kỹ năng đọc, kể và phân tích tác phẩm văn học trẻ em theo đặc trưng thể loại.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Văn học viết cho trẻ em</b>	<b>10</b>			
Lí thuyết	<p>1.1. Khái quát tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời kì trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> <li>- Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975.</li> <li>- Từ sau 1975 đến nay.</li> </ul> <p>1.2. Giới thiệu một số tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Võ Quảng: Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, nội dung và đặc sắc nghệ thuật trong thơ văn viết cho thiếu nhi;</li> <li>- Tô Hoài: Cuộc đời, sự nghiệp</li> </ul>	10	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2, 3, 4, 5, 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>sáng tác, nội dung và đặc sắc nghệ thuật trong những tác phẩm viết cho thiếu nhi.</p> <p>- Phạm Hồ: Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, nội dung và đặc sắc nghệ thuật trong thơ văn viết cho thiếu nhi;</p> <p>1.3. Phân tích một số tác phẩm văn học: <i>Ai dậy sớm</i> (Võ Quảng), <i>Rong và Cá</i> (Phạm Hồ), <i>Em yêu nhà em</i> (Đoàn Thị Lam Luyến), <i>Làm anh</i> (Phan Thị Thanh Nhàn).</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6.	20	Hiểu tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam qua các thời kì, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Thơ do trẻ em viết</b>	<b>4</b>			
Lí thuyết	<p>2.1. Trẻ em với thơ ca</p> <p>2.2. Thơ của trẻ em những năm chống Mỹ</p> <p>- Sự tự nhận thức cuộc sống của tuổi thơ.</p> <p>- Những tình cảm trong sáng.</p> <p>2.3. Trần Đăng Khoa</p> <p>- Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác.</p> <p>- Nội dung và đặc sắc nghệ thuật trong thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa.</p> <p>2.4. Phân tích một số bài thơ do trẻ em sáng tác: <i>Chú giải phóng quân</i>, (Cẩm Thơ). <i>Tết đang vào nhà</i> (Nguyễn Hồng Kiên), <i>Mưa</i>, <i>Hạt gạo làng ta</i>, <i>Trăng ơi từ đâu đến</i> (Trần Đăng Khoa).</p>	4	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2, 3, 4, 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4, 5.	8	Hiểu tình hình sáng tác trẻ em Việt Nam sáng tác thơ; một số tác giả nhỏ tuổi và	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			những tác phẩm tiêu biểu.		
	<b>Kiểm tra giữa kì</b>	<b>1</b>		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên.	2	Ôn tập kiến thức lí thuyết và biết vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1 để làm bài kiểm tra.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3. Văn học thiếu nhi nước ngoài</b>	<b>10</b>			
Lí thuyết	3.1. Khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài 3.2. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu - Rabindranát Tago (Ấn Độ). - Lép Nicôlaiêvích Tônxtôi (Nga). - An đéc xen (Đan Mạch). - Hecto Malô (Pháp).	10	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 2, 3, 4, 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4, 5.	20	Hiểu khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài; một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	<b>5</b>			
Lí thuyết	<b>4.1. Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho lứa tuổi mầm non</b> - Ngắn gọn và rõ ràng. - Sự hồn nhiên, ngây thơ. - Từ ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu <b>4.2. Yếu tố truyện trong thơ</b>	5	Học học liệu số 1; tham khảo học liệu số 6.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p><b>và yếu tố thơ trong truyện</b></p> <p>- Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà sâu lắng.</p> <p><b>4.3. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</b></p> <p>- Tác phẩm văn học với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non.</p> <p>- Tác phẩm văn học với việc giáo dục lòng nhân ái cho trẻ em lứa tuổi mầm non.</p> <p>- Tác phẩm văn học với việc trí tuệ cho trẻ lứa tuổi mầm non.</p> <p>- Tác phẩm văn học với việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi mầm non.</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 6.	10	Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho trẻ mầm non; vai trò của văn học thiếu nhi đối với trẻ lứa tuổi mầm non.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Lã Thị Bắc Lý (2005), *Giáo trình văn học trẻ em*, NXB ĐH Sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 3 - 4 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 4 - 5 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 5 - 6 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[5] Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2001), *Đại cương văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	2				2	2	6
15	2				2	2	6
<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>01</b>			<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, có thể hoạt động nhóm.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các học liệu được giới thiệu trước khi đến lớp, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên; tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phân thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kì: 1 tiết (trong quỹ thời gian học lí thuyết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề
Tự luận	Câu 1: 2 hoặc 3 điểm Câu 2: 8 hoặc 7 điểm	90'	3

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Sinh lí học trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Kiều Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Phòng Thanh tra- Pháp chế
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Thanh tra- Pháp chế. Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0917.317.467; Email: [nguyenkieulinh84tq@gmail.com](mailto:nguyenkieulinh84tq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Công nghệ sinh học, Sinh học phân tử.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ma A Sim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Phòng Thanh tra - Pháp chế
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Thanh tra - Pháp chế. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: DĐ: 0984946996; Email: [maasimxh@gmail.com](mailto:maasimxh@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh thái học, thực vật học, sinh lý trẻ em

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sinh lí học trẻ em
- Mã học phần: TN2.1.403.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết: 29 giờ

+ Kiểm tra: 01 (trong quỹ thời gian lý thuyết)

+ Thực hành: Không

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Sinh học

+ Khoa: KH Tự nhiên - KT & CN

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu được đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lí của các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em ở lứa tuổi mầm non, trên cơ sở đó thấy được mối liên hệ giữa cấu tạo phù hợp với chức phận của các hệ cơ quan, từ đó cho thấy cơ thể là một khối thống nhất. Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh và liên hệ thực tiễn để có thể giải thích một số hiện tượng có liên quan trong cuộc sống. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn, say mê tự giác học tập môn học.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được đặc điểm cấu tạo của các hệ cơ quan ở trẻ em lứa tuổi mầm non.
CĐR 2	Hiểu được đặc điểm cấu tạo phù hợp với chức năng sinh lí của các hệ cơ quan ở trẻ em lứa tuổi mầm non.
CĐR 3	Vận dụng các đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lí của các hệ cơ quan trong cơ thể để làm cơ sở chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
CĐR 4	Phân tích được nguyên nhân một số loại bệnh thường gặp và đưa ra các biện pháp phòng chống bệnh ở trẻ em.
CĐR 5	Hiểu được bản chất, đặc điểm của hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em lứa tuổi mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 6	Biết quan sát, nhận biết, so sánh đặc điểm cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể trẻ em.
CĐR 7	Phân tích được các cơ chế, quá trình hoạt động của các cơ quan trong cơ thể trẻ em.
CĐR 8	Vận dụng các kiến thức về cấu tạo và hoạt động sinh lí của các cơ quan để giải thích một số hiện tượng có liên quan trong cuộc sống.
<b>Kỹ năng mềm</b>	



CĐR 9	Bồi dưỡng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu bộ môn.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 10	Hiểu được tâm lý của lứa tuổi mầm non để sau này tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 13	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13
<b>Chương 1. Sinh trưởng và phát triển</b>	1. Cơ thể con người là một khối thống nhất	2	1	1					1	1		1	1	1
	2. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể	2	1	1					1	1		1	1	1
	3. Gia tốc phát triển của cơ thể	2	1	1					1	1	1	1	1	1
	4. Những chỉ số phát triển thể lực của trẻ	2	1	1					1	1	1	1	1	1
	5. Đặc điểm phát triển các thời kì của cơ thể	2	1	1					1	1	1	1	1	1
<b>Chương 2. Hệ thần kinh</b>	1. Vai trò của hệ thần kinh		2	1						1		1	1	1
	2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh	2	1	1			2			1		1	1	1
	3. Hoạt động phản xạ của hệ thần kinh													
	3. Hoạt động phản xạ của hệ thần kinh 4. Các loại	2	1	1			2			1		1	1	1

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA													
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ				
							Cứng		Mềm						
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	
	hình thần kinh														
	4. Các loại hình thần kinh		2	1				2	1	1		1	1	1	
	5. Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người	2	1	1			2			1		1	1	1	
<b>Chương 3. Cơ quan phân tích</b>	1. Đại cương về cơ quan phân tích	2	1	1			2			1		1	1	1	
	2. Các cơ quan phân tích	2	1	1			2			1		1	1	1	
	2.1. Cơ quan phân tích thị giác		2	1			2		1	1		1	1	1	
	2.2. Cơ quan phân tích thính giác		2	1				2	1	1		1	1	1	
	2.3. Cơ quan phân tích khứu giác		2	1				2	1	1		1	1	1	
	2.4. Cơ quan phân tích vị giác		2	1					1	1		1	1	1	
	2.5. Cơ quan phân tích xúc giác		2	1					1	1		1	1	1	
	2.6. Sự tác động và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan phân tích			2							1	1	1	1	1
	3. Một số bệnh về các cơ quan phân tích thường gặp ở trẻ em				2				1	1	1	1	1	1	1
<b>Chương 4. Hệ vận động</b>	1. Vai trò của hệ vận động	2	1	1			2		1	1		1	1	1	
	2. Hệ xương		2	1				2	1	1		1	1	1	
	3. Cấu tạo và sự phát triển của hệ xương		2	1				2	1	1		1	1	1	
	4. Hệ cơ		2	1				2	1	1		1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13
	5. Sự phát triển tư thế			2						1	1	1	1	
	6. Các biện pháp đề phòng sai lệch tư thế ở trẻ				2				1	1	1	1	1	
<b>Chương 5. Hệ tuần hoàn</b>	1. Máu	2	1	1			2		1	1		1	1	
	2. Chức năng, thành phần, tính chất của máu		2	1				2	1	1		1	1	
	3. Nhóm máu và cơ chế đông máu		2	1				2	1	1		1	1	
	4. Tuần hoàn			2						1	1	1	1	
	5. Một số bệnh về tuần hoàn ở trẻ em				2				1	1	1	1	1	
<b>Chương 6. Hệ hô hấp</b>	1. Vai trò của hệ hô hấp	2	1	1			2		1	1		1	1	
	2. Cấu tạo hệ hô hấp		2	1				2	1	1		1	1	
	3. Hoạt động của cơ quan hô hấp		2	1			2		1	1		1	1	
	4. Hoạt động của cơ quan hô hấp			2						1	1	1	1	
	5. Âm thanh và tiếng nói				2				1	1	1	1	1	
<b>Chương 7. Hệ tiêu hóa</b>	1. Cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hoá	2	1	1						1		1	1	
	2. Sự tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa		2	1					1	1		1	1	
	3. Sự hấp thu thức ăn và sự thải bã		2	1					1	1		1	1	
	4. Cơ sở sinh lí của sự ăn uống		2	1					1	1		1	1	
	5. Đặc điểm tiêu hoá theo tuổi ở trẻ em		2	1					1	1	1	1	1	

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ			
							Cứng		Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13
	6. Một số bệnh về các cơ quan tiêu hóa ở trẻ em				2				1	1	1	1	1	1
<b>Chương 8. Trao đổi chất và năng lượng</b>	1. Khái niệm trao đổi chất và năng lượng.	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	2. Sự trao đổi chất		2	1				2	1	1	1	1	1	1
	3. Sự trao đổi năng lượng		2	1				2	1	1	1	1	1	1
	4. Một số bệnh về trao đổi chất thường gặp ở trẻ em				2						1	1	1	1
<b>Chương 9. Sinh lý nội tiết</b>	1. Đại cương về tuyến nội tiết	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	2. Chức năng của các tuyến nội tiết		2	1				2	1	1		1	1	1
<b>Chương 10. Hệ bài tiết</b>	1. Cấu tạo và chức năng của hệ bài tiết.	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	2. Sự bài tiết nước tiểu qua thận	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	3. Sự tạo thành và bài xuất nước tiểu	2	1	1			2		1	1		1	1	1
	4. Đặc điểm bài tiết theo lứa tuổi ở trẻ em.	2	1	1				2	1	1		1	1	1
	5. Sự bài tiết mồ hôi qua da		2	1				2	1	1	1	1	1	1
	6. Đặc điểm của da trẻ em									1	1	1	1	1

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; Các biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Sinh trưởng và phát triển</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ thể con người là một khối thống nhất</li> <li>2. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Khái niệm sinh trưởng và phát triển</li> <li>2.2. Tính quy luật về sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể</li> </ol> </li> <li>3. Gia tốc phát triển của cơ thể</li> <li>4. Những chỉ số phát triển thể lực của trẻ</li> <li>5. Đặc điểm phát triển các thời kì của cơ thể</li> </ol>	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	6	Tự đọc học liệu số [1]: chương I; chương II và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Hệ thần kinh</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vai trò của hệ thần kinh</li> <li>2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Nơron - đơn vị cấu trúc và chức năng</li> <li>2.2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh trẻ</li> </ol> </li> <li>3. Hoạt động phân xạ của hệ thần kinh</li> <li>4. Các loại hình thần kinh</li> <li>5. Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người</li> <li>6. Ngủ</li> </ol>	5	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	10	Tự đọc học liệu số [1]: chương III và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Cơ quan phân tích</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại cương về cơ quan phân tích</li> <li>2. Các cơ quan phân tích               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Cơ quan phân tích thị giác</li> <li>2.2. Cơ quan phân tích thính giác</li> </ol> </li> </ol>	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.3. Cơ quan phân tích khứu giác 2.4. Cơ quan phân tích vị giác 2.5. Cơ quan phân tích xúc giác 2.6. Sự tác động và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan phân tích				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	6	Tự đọc học liệu số [1]: chương IV và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Hệ vận động</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	1. Vai trò của hệ vận động 2. Hệ xương 2.1. Cấu tạo của xương 2.2. Sự phát triển của hệ xương 2.3. Đặc điểm của bộ xương trẻ em 3. Hệ cơ 3.1. Cấu tạo của cơ và hệ cơ 3.2. Hoạt động của cơ 3.3. Sự phát triển của cơ thể trẻ em 4. Sự phát triển tư thế 4.1. Khái niệm 4.2. Các loại tư thế 4.3. Các biện pháp đề phòng sai lệch tư thế ở trẻ	4	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	8	Tự đọc học liệu số [1]: chương V và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 5. Hệ tuần hoàn</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Máu 1.1. Chức năng của máu 1.2. Thành phần của máu 1.3. Tính chất của máu 1.4. Nhóm máu 1.5. Cơ chế đông máu 1.6. Đặc điểm của máu theo lứa tuổi trẻ em 2. Tuần hoàn 2.1. Cấu tạo hệ tuần hoàn 2.2. Đặc điểm phát triển tuần hoàn theo lứa tuổi	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	6	Tự đọc học liệu số [1]: chương VI và tham khảo các	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			học liệu khác.		
	<b>Chương 6. Hệ hô hấp</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	1. Vai trò của hệ hô hấp 2. Cấu tạo hệ hô hấp 3. Hoạt động của cơ quan hô hấp 4. Đặc điểm hô hấp ở trẻ em 5. Âm thanh và tiếng nói	2	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	4	Tự đọc học liệu số [1]: chương VII và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7. Hệ tiêu hóa</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hoá 2. Sự tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa 3. Sự hấp thu thức ăn và sự thải bã 4. Cơ sở sinh lý của sự ăn uống 5. Đặc điểm tiêu hoá theo tuổi ở trẻ em	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	6	Tự đọc học liệu số [1]: chương VIII và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 8. Trao đổi chất và năng lượng</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	1. Khái niệm trao đổi chất và năng lượng 2. Sự trao đổi chất 3. Sự trao đổi năng lượng	2	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	4	Tự đọc học liệu số [1]: chương IX và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 9. Các tuyến nội tiết</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1. Đại cương về tuyến nội tiết 2. Các tuyến nội tiết 2.1. Tuyến yên 2.2. Tuyến giáp 2.3. Tuyến cận giáp 2.4. Tuyến ức 2.5. Tuyến trên thận 2.6. Tuyến tụy 2.7. Tuyến sinh dục	3	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	6	Tự đọc học liệu số [1]: chương X và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 10. Hệ bài tiết tiết</b>	<b>2</b>			
Lý thuyết	1. Chức năng của hệ bài tiết 2. Sự bài tiết nước tiểu qua thận 2.1. Cấu tạo của hệ bài tiết 2.2. Sự tạo thành và bài xuất nước tiểu 2.3. Đặc điểm bài tiết theo lứa tuổi ở trẻ em 3. Sự bài tiết mồ hôi qua da 3.1. Cấu tạo và chức phận của da 3.2. Sự bài tiết mồ hôi qua da 3.3. Đặc điểm của da trẻ em	2	Học học liệu bắt buộc số [1] và tham khảo học liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để hiểu sâu hơn các đặc điểm sinh lý của trẻ em.	4	Tự đọc học liệu số [1]: chương XI và tham khảo các học liệu khác.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Thanh Vân (2013), *Sinh lí học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, Hà nội;

[2]. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2007), *Giáo trình Sinh lí học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, Hà nội;

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Trần Trọng Thuỳ (chủ biên), Trần Quy (2000), *Giải phẫu sinh lý và vệ sinh phòng bệnh trẻ em*, NXB Giáo dục, Hà nội;

[4]. Phan Thị Ngọc Yến, Trần Minh Kỳ, Nguyễn Thị Dung (2006), *Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				SV tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Xêmina, thảo luận	Thực hành	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6



3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14	2				4		6
15	2				4		6
<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>1</b>			<b>60</b>		<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Có máy chiếu hỗ trợ khi giảng dạy lý thuyết trên lớp.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

11.1. Điểm thành phần 1: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; chuyên cần.

(10%)

11.2. Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức), điểm thảo luận (xemina), trọng số

(30%)

11.3. Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (do Phòng Khảo thí và KĐCL đảm nhiệm)

(60%)

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $0,1 \times$  điểm thành phần 1 +  $0,3 \times$  điểm thành phần 2 +  $0,6 \times$  điểm thành phần 3.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm). Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm). Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (4 điểm).	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0916.844.333; [lansptq@gmail.com](mailto:lansptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Như Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ – Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0913.194.899; Email: [Nguyennhumai@gmail.com](mailto:Nguyennhumai@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: **Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em**
- Mã môn học: MN2.1.008.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục thể chất; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- + Bài tập trên lớp: 9 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

- + Bộ môn: Giáo dục mầm non
- + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu chung của môn học :

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, kỹ năng lập kế hoạch tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non khoa học và sáng tạo. Có thái độ tích cực và chủ động trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ. Tích cực rèn luyện thân thể và là tấm gương cho trẻ noi theo.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được hệ thống tri thức lý luận cơ bản về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu lý luận giáo dục thể chất. Mối quan hệ của lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác.
CDR 2	Hiểu và đề ra được những nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức, các phương tiện giáo dục thể chất phù hợp cho trẻ ở trường mầm non.
CDR 3	Vận dụng hệ thống các phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở các độ tuổi.
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	<b>Có khả năng nghiên cứu tài liệu, tổng hợp kiến thức một cách khái quát. Có kỹ năng xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và đánh giá việc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.</b>
CDR 5	Có kỹ năng soạn giảng các tiết thể dục nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.
Kỹ năng mềm	

CDR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá thực trạng việc hình thành, rèn luyện và phát triển thể chất cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng của hoạt động này.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực. Có khả năng tự tích lũy kiến thức
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CDR 9	Có ý thức sáng tạo trong soạn giảng, đầu tư xây dựng và lựa chọn các phương pháp giảng dạy tốt nhất để giáo dục thể chất cho trẻ

### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CD R1	CD R2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CD R7	CD R8	CD R9
<b>Chương 1</b> <b>Lý luận về</b> <b>Giáo dục</b> <b>thể chất</b>	1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất									
	3. Mối quan hệ của lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất									
	5. Sự phát triển của lý luận giáo dục thể chất									
	6. Sơ lược lịch sử giáo dục thể chất ở Việt Nam	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	7. Cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất cho trẻ em									

<b>Chương 2</b> <b>Nhiệm vụ và nguyên tắc Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	1.Đặc điểm phát triển của trẻ	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	2.Nhiệm vụ giáo dục thể chất	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	3. Nguyên tắc và mqh giữa các nguyên tắc	3	3	3	2	2	3	3	2	2
<b>Chương 3</b> <b>Nội dung Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	1.. Một số vấn đề về bài tập thể chất	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	2.Bài tập đội hình đội ngũ, BTPTC, VĐCB, TCVD	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	Vận dụng các bài tập trong tập luyện	3	2	3	2	3	3	3	3	3
<b>Chương 4</b> <b>Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	1. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ em lứa tuổi mầm non	3	2	2	3	3	2	2	2	2
	2. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Vận dụng các phương pháp trong giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2	3	3	3	3	3	3	3
<b>Chương 5</b> <b>Hình thức Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	1. Đặc điểm chung của các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3	3	3	2	2	2	3	3
	2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non									
<b>Chương 6</b> <b>Phương tiện Giáo dục thể chất</b>	1. Đặc điểm chung của các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	3	3	2	2	2	2	2	2	2

<b>chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	non 2. Các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non									
<b>Chương 7: Tổ chức công tác giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non</b>	1. Nhiệm vụ của các phòng, ban	2	2	3	2	2	3	3	3	3
	2. Kế hoạch giáo dục thể chất									
	3. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non	2	2	3	2	2	3	3	3	3
	4. Đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non	2	2	3	3	2	3	3	3	3
	Vận dụng hệ thống các phương pháp	2	2	2	2	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1- Không đóng góp 2- Có đóng góp 3- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung môn học. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

- Lý luận về Giáo dục thể chất
- Các nguyên tắc và nhiệm vụ Giáo dục thể chất
- Nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện Giáo dục thể chất
- Công tác tổ chức Giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non

## 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>Chương 1. Lý luận về Giáo dục thể chất</b>	5			
Lý thuyết	1.1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất 1.1.1. Phát triển thể chất 1.1.2. Giáo dục thể chất 1.1.3. Chuẩn bị thể chất 1.1.4. Hoàn thiện thể chất		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.7);Tham khảo tài liệu số 2 (chương 1);tài liệu số 3 (chương 1)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.1.5. Thể thao</p> <p>1.1.6. Văn hóa thể chất</p> <p>1.2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.3. Mối quan hệ của lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác</p> <p>1.3.1. Khoa học xã hội</p> <p>1.3.2. Khoa học tự nhiên</p> <p>1.4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.4.2. Phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.5. Sự phát triển của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.5.1. Sự phát triển của giáo dục thể chất</p> <p>1.5.2. Sự phát triển của lý luận giáo dục thể chất</p> <p>1.5.3. Sự phát triển của lý luận giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</p> <p>1.6. Sơ lược lịch sử giáo dục thể chất ở Việt Nam</p> <p>1.1. Sự phát triển giáo dục thể chất ở Việt Nam</p> <p>1.2. Mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất Việt Nam</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của giáo dục thể chất Việt Nam</p> <p>1.7. Cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất cho trẻ em</p> <p>1.7.1. Cơ sở khoa học xã hội</p>				



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.7.2. Cơ sở khoa học tự nhiên				
Tự học, tự nghiên cứu	Xem lại những kiến thức đã học trên lớp của chương 1 và đọc các phần lý thuyết của chương 2 trước khi nghe giảng bài mới.	10	Đọc tài liệu số 1: chương 2 (các mục 2.1-2.3); tài liệu số 2:(chương 2 phần 1)		
	<b>Chương 2. Nhiệm vụ và nguyên tắc Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<p>2.1. Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.1.1. Đặc điểm phát triển cơ thể của trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.1.2. Đặc điểm phát triển vận động ở trẻ em</p> <p>2.2. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.2.1. Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe</p> <p>2.2.2. Nhiệm vụ giáo dục</p> <p>2.2.3. Nhiệm vụ giáo dục</p> <p>2.3. Các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.3.1. Nguyên tắc hệ thống</p> <p>2.3.2. Nguyên tắc tự giác và tích cực</p> <p>2.3.3. Nguyên tắc trực quan</p> <p>2.3.4. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt</p> <p>2.3.5. Nguyên tắc phát triển</p> <p>2.3.6. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong luyện tập</p> <p>2.3.7. Mối quan hệ giữa các nguyên tắc giáo dục thể chất</p>		Học học liệu số 1: chương 2 (các mục 2.1-2.3); tham khảo tài liệu số 2:(chương 2 phần 1)	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Xem lại những kiến thức đã học trên lớp của chương 2 và đọc các phần lý thuyết của chương 3 trước khi nghe giảng bài mới	10	Đọc tài liệu số 1: chương 3 (các mục 2.1-2.3); Tài liệu số 3: chương 1( mục 1)	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 3. Nội dung Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	5			
Lý thuyết	<p>3.1. Một số vấn đề về bài tập thể chất</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc và bản chất của các bài tập thể chất</p> <p>3.1.2. Nội dung và hình thức của bài tập thể chất</p> <p>3.1.3. Kỹ thuật của của các bài tập thể chất</p> <p>3.1.4. Phân loại bài tập thể chất</p> <p>3.2. Bài tập thể dục</p> <p>3.2.1. Khái niệm chung về bài tập thể dục</p> <p>3.2.2. Ý nghĩa</p> <p>3.2.3. Phân loại</p>		Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1-3.3). tham khảo tài liệu số 4.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; trả lời các câu hỏi giáo viên giao.	10	Vận dụng được các kiến thức để trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị một số câu hỏi đặt ra cho giáo viên về những vấn đề thắc mắc liên quan đến nội dung học.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
	<b>Chương 3. Nội dung Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	2			
Lý thuyết	<p>3.3. Trò chơi vận động</p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Ý nghĩa</p> <p>3.3.3. Phân loại trò chơi vận động</p> <p>3.3.4. Nội dung trò chơi vận động đối với trẻ em các độ tuổi</p>			Lớp học	
Bài tập	Xây dựng nội dung bài tập thể	3	Dựa vào nội dung các	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	chất ( đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản) cho trẻ mẫu giáo.		bài tập để lựa chọn và xây dựng thành bài tập thể chất cho trẻ 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; trả lời các câu hỏi giáo viên giao.	10	Vận dụng được các kiến thức để trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị một số câu hỏi đặt ra cho giáo viên về những vấn đề thắc mắc liên quan đến nội dung học.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	7			
Lý thuyết	<p>4.1. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>4.1.1. Đặc điểm của quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>4.1.2. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>4.2. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>4.2.1. Nhóm phương pháp trực quan</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời</p> <p>4.2.3. Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>4.2.4. Sự phối hợp giữa các nhóm phương pháp trong quá trình giáo dục thể chất cho trẻ em</p> <p>4.3. Phương pháp dạy bài tập thể dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>4.3.1. Phương pháp dạy bài tập</p>		Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1-4.3) tham khảo học liệu số 3	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>đội hình đội ngũ</p> <p>4.3.2. Phương pháp dạy bài tập phát triển chung cho trẻ em</p> <p>4.3.3. Phương pháp dạy bài tập vận động cơ bản cho trẻ em</p> <p>4.4. Thực hành</p>				
Bài tập	Phối hợp các phương pháp khi hướng dẫn trẻ các độ tuổi tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản và trò chơi vận động	3	Nắm vững lý thuyết và vận dụng làm bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Vận dụng bài tập đã làm trên lớp thực hiện các nội dung thực hành ở nhà.	20	Tự thực hành theo nhóm. Nghiên cứu tài liệu về nội dung chương 5.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	15			
	<b>Chương 5: Hình thức Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	5			
Lý thuyết	<p>5.1. Đặc điểm chung của các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>5.2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>5.2.1. Tiết học thể dục</p> <p>5.2.2. Thể dục sáng</p> <p>5.2.3. Thể dục chống mệt mỏi</p> <p>5.2.4. Trò chơi vận động</p> <p>5.2.5. Đạo chơi</p> <p>5.2.6. Tham quan</p> <p>5.2.7. Hội thể dục thể thao</p> <p>5.2.8. Tổ chức giáo dục thể chất trong thời gian tự hoạt động của trẻ</p> <p>5.3. Yêu cầu đối với giáo viên khi chuẩn bị tổ chức các hình thức</p>			Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non				
Bài tập	Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất theo hình thức tiết học ở 4 độ tuổi: nhà trẻ, mẫu giáo 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi	3	Vận dụng lý thuyết để lập kế hoạch tổ chức hình thức tiết học ở các độ tuổi.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Thành lập các nhóm rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở các độ tuổi theo các hình thức khác nhau.	16	Chuẩn bị kế hoạch, đồ dùng phù hợp, tập theo nhóm 5- 10 sinh viên	Ở nhà	
	<b>Chương 6: Phương tiện Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	2			
Lý thuyết	6.1. Đặc điểm chung của các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non 6.2. Các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non 6.2.1. Phương tiện vệ sinh 6.2.2. Phương tiện thiên nhiên 6.2.3. Bài tập thể chất			Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi giáo viên giao	4	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị một số câu hỏi đặt ra cho giáo viên về những vấn đề thắc mắc liên quan đến nội dung học.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 7. Tổ chức công tác giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non</b>	5			
	7.1. Nhiệm vụ của các phòng, ban 7.1.1. Ban giám hiệu 7.1.2. Phòng nghiệp vụ 7.1.3. Giáo viên phụ trách lớp 7.1.4. Giáo viên âm nhạc (nếu có)		Học học liệu số 1: Chương 7 (các mục 7.1-7.3)	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	7.1.5. Phòng dinh dưỡng 7.1.6. Phòng y tế 7.2. Kế hoạch giáo dục thể chất 7.2.1. Khái niệm và ý nghĩa 7.2.2. Các loại kế hoạch 7.3. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non 7.3.1. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ từ 0-3 tuổi 7.3.2. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ em từ 3-6 tuổi 7.4. Đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non 7.4.1. Khái niệm và ý nghĩa 7.4.2. Nội dung đánh giá 7.4.3. Các loại đánh giá 7.4.4. Những hình thức và phương pháp đánh giá				
Tự học, tự nghiên cứu	Vận dụng được các kiến thức trong bài giảng để trả lời các câu hỏi giáo viên giao.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Đặng Hồng Phương (2013), *Giáo trình lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Thị Bưởi (2005), *Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em*, NXB ĐHQG.

[3]. Đặng Hồng Phương (2013), *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP.

[4]. Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	2	1			6	3	9
7			3		6		9
8	3				3	3	9
9	3				6		9
10			3		6		9
11	3				3	3	9
12			3		3	3	9
13	3				6		9
14	3				6		9
15	3				6		9
<b>Tổng cộng</b>	35	1	9		78	12	135

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học và sân bãi rộng phù hợp với số lượng sinh viên.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà, chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 và 3, chương 4,5,6,7: (5 điểm)	90'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 905, 499; [huongkiencdtq@gmail.com](mailto:huongkiencdtq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp toán cho trẻ mầm non; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Vui
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916 844 253; Email: [nguyenthivui@gmail.com](mailto:nguyenthivui@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non
- Mã học phần: MN 2.1.009.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Toán cơ bản
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 15 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 135 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
- + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Thông qua nội dung của học phần giúp sinh viên hiểu được:

+ Những kiến thức chung nhất về đối tượng và nhiệm vụ, sự phát triển và quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng ở trẻ em lứa tuổi mầm non.

+ Hiểu được vai trò, ý nghĩa và các nguyên tắc hình thành các biểu tượng toán ban đầu cho trẻ

+ Hiểu được nội dung, phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm, hình dạng, kích thước, định hướng trong không gian, thời gian cho trẻ mầm non.

+ Biết cách sử dụng các thiết bị và lập kế hoạch trong dạy trẻ các biểu tượng toán học sơ đẳng

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức chung nhất về đối tượng; nhiệm vụ; vai trò, ý nghĩa và những khoa học có liên quan trong quá trình hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo
CDR 2	Hiểu được đặc điểm phát triển các biểu tượng toán của trẻ các độ tuổi và các nguyên tắc hình thành các biểu tượng toán học ban đầu cho trẻ
CDR 3	Hiểu được nội dung, phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm, hình dạng, kích thước, định hướng trong không gian, thời gian cho trẻ mầm non.
CDR 4	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp và các hình thức, phương tiện giáo dục để lập kế hoạch hình thành các biểu tượng toán của trẻ ở trường mầm non
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 5	Có kỹ năng lập kế hoạch hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo các độ tuổi
CDR 6	Có kỹ năng tổ chức các hoạt động hình thành những biểu tượng sơ đẳng về toán cho trẻ mẫu giáo (tập hợp, số lượng, phép đếm, biểu

	tượng kích thước, hình dạng, định hướng không gian và thời gian)
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập bộ môn
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và bộ môn.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng sáng tạo tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5.MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10
Chương 1: Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non	1. Đối tượng, nhiệm vụ và những khoa học có liên quan	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	2. Ý nghĩa quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	3. Nhiệm vụ của chương trình hình thành BTTH cho trẻ mẫu giáo	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	4. Đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	5. Các nguyên tắc dạy trẻ làm quen với toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	6. Các phương pháp dạy trẻ làm quen với toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	7. Hình thức tổ chức hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Chương 2: Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Bài 1: Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, phép đếm cho trẻ mẫu giáo	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Bài 2: Dạy trẻ sắp xếp theo qui tắc	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Bài 3: Phương pháp hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ mẫu giáo	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Bài 4: Phương pháp hình thành biểu tượng hình dạng cho trẻ mẫu giáo	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Phương pháp hình thành biểu tượng định hướng không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp      2 – Có đóng góp      3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

- Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về
- Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non
  - Nội dung và phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm cho trẻ mầm non
  - Thiết bị dạy học trong hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non
  - Lập kế hoạch hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ trong trường mầm non

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
<b>Tín chỉ 1</b>		15			
	<b>Chương 1. Những vấn đề lí luận cơ bản</b>	4			
Lý thuyết	<b>1.1. Những vấn đề cơ bản của chương trình</b> 1.1.1. Đối tượng và nhiệm vụ 1.1.2. Những khoa học có liên quan <b>1.2. Ý nghĩa của việc hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo</b> 1.2.1. Giáo dục trí tuệ : 1.2.2. Giáo dục đạo đức: 1.2.3. Giáo dục thẩm mỹ và lao động : 1.2.4. Giáo dục thể chất. 1.2.5 Chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông. <b>1.3. Nhiệm vụ của chương trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo</b> <b>1.4. Đặc điểm của việc hình</b>	4	Học học liệu số 1 chương 1,2,3,4 Tr 7 – 148.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p><b>thành các biểu tượng toán</b></p> <p>1.4.1. Quá trình nhận biết thông qua hoạt động</p> <p>1.4.2. Quá trình nhận biết dựa nhiều vào cảm tính</p> <p>1.4.3. Quá trình nhận biết từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp</p> <p>1.4.4. Quá trình nhận biết gắn liền với quá trình phát triển</p> <p><b>1.5. Nội dung chương trình</b></p> <p>1.5.1. Nhà trẻ (18 – 36 tháng)</p> <p>1.5.2. Mẫu giáo (3 – 6 tuổi)</p> <p>1.5.3. Đặc điểm chương trình</p> <p><b>1.6. Các nguyên tắc dạy trẻ làm quen với toán</b></p> <p>1.6.1. Học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với cuộc sống</p> <p>1.6.2. Phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ, chú ý đến sự phát triển cá nhân</p> <p>1.6.3. Dạy học vừa sức tiếp thu của trẻ</p> <p>1.6.4. Dạy học dựa vào trực quan, đảm bảo sự thống nhất giữa trực quan và trừu tượng</p> <p><b>1.7. Các phương pháp chung</b></p> <p>1.7.1. Phương pháp hoạt động với đồ vật</p> <p>1.7.2. Phương pháp dùng lời</p> <p>1.7.3. Phương pháp luyện tập (thực hành)</p> <p><b>1.8. Các hình thức dạy trẻ làm quen với toán</b></p> <p>1.8.1. Dạy trên giờ học</p> <p>1.8.2. Dạy ngoài giờ học</p>				
	<b>Chương 2: Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo</b>	11			
Lý thuyết	<p><b>Bài 1: Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng, con số và phép đếm cho trẻ mầm non</b></p> <p><b>1. Một số khái niệm cơ bản</b></p> <p>1.1 Khái niệm tập hợp</p> <p>1.2. Số tự nhiên</p>		Học liệu số 1. Tr 117 – 159 Học liệu số 3. Tr 7 – 47		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.3. Phép đếm <b>2. Đặc điểm nhận thức</b> 2.1. Trẻ dưới 3 tuổi 2.2. Trẻ 3 – 4 tuổi 2.3. Trẻ 4 - 5 tuổi 2.4. Trẻ 5 - 6 tuổi <b>3. Nội dung chương trình</b> 3.1. Trẻ dưới 3 tuổi 3.2. Trẻ 3 – 4 tuổi 3.3. Trẻ 4 - 5 tuổi 3.4. Trẻ 5 - 6 tuổi <b>4. Phương pháp hướng dẫn trẻ học (cách tiến hành)</b> 4.1. Mẫu giáo bé 4.2. Mẫu giáo nhỡ 4.3. Mẫu giáo lớn <b>5. Dạy trẻ sắp xếp theo qui tắc</b> 1. Nội dung chương trình 1.1. Trẻ 3 – 4 tuổi 1.2. Trẻ 4 - 5 tuổi 1.3. Trẻ 5 - 6 tuổi 2. Phương pháp hướng dẫn 2.1. Mẫu giáo bé 2.2. mẫu giáo nhỡ 2.3. Mẫu giáo lớn	6			
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch và thực hành tập giảng trên nhóm giáo sinh (Bài 1 và bài 2)	4			
Thảo luận	Phương pháp hướng dẫn trẻ tập hợp, số lượng và phép đếm cho trẻ.	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
	<b>Chương 2: Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo</b>				
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch và thực hành tập giảng trên nhóm giáo sinh (Bài 1 và bài 2)	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thực		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			hành		
Lý thuyết	<p><b>Bài 2: Phương pháp hình thành biểu tượng kích thước</b></p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1. Kích thước và sự so sánh kích thước</p> <p>1.2. Sự đo lường</p> <p>1.3. Các biểu tượng kích thước cần hình thành cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2. Đặc điểm nhận thức</p> <p>2.1. Trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>2.2. Trẻ 3 – 4 tuổi</p> <p>2.3. Trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>2.4. Trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>3. Nội dung chương trình</p> <p>3.1. Trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>3.2. Trẻ 3 – 4 tuổi</p> <p>3.3. Trẻ 4 - 5 tuổi</p> <p>3.4. Trẻ 5 - 6 tuổi</p> <p>4. Phương pháp hướng dẫn trẻ học</p> <p>4.1. Mẫu giáo bé</p> <p>4.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>4.3. Mẫu giáo lớn</p>	4	Học học liệu số 1: Chương 2. Tr 149 - 186. Học liệu số 3: Chương 2. Tr 7 - 100	Lớp học	
Thảo luận		1	Phương pháp hướng dẫn BTKT cho trẻ mẫu giáo		
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch hình thành biểu tượng kích thước và thực hành tập giảng trên nhóm giáo sinh	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thực hành	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để tham gia thảo luận sau khi học lý thuyết	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	15			
	<b>Chương 2: Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo</b>				
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch hình thành BTKT và tập giảng trên nhóm giáo sinh	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thực hành		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lí thuyết	<p><b>Bài 4: Phương pháp hình thành biểu tượng hình dạng</b></p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1. Một số khái niệm về hình dạng</p> <p>1.2. Các biểu tượng hình học cần hình thành cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2. Đặc điểm nhận thức</p> <p>2.1. Mẫu giáo bé</p> <p>2.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>2.3. Mẫu giáo lớn</p> <p>3. Nội dung chương trình</p> <p>3.1. Mẫu giáo bé</p> <p>3.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>3.3. Mẫu giáo lớn</p> <p>4. Phương pháp hướng dẫn trẻ học</p> <p>4.1. Mẫu giáo bé</p> <p>4.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>4.3. Mẫu giáo lớn</p>	2	Học liệu số 1 Tr 167. Học liệu số 3 tr 81 - 98		
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch hình thành biểu tượng hình dạng và thực hành tập giảng trên nhóm giáo sinh	4			
Lí thuyết	<p><b>Bài 4: Phương pháp hình thành các biểu tượng về định hướng trong không gian cho trẻ mẫu giáo</b></p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1. Định hướng trong không gian</p> <p>1.2. Sự định hướng trong không gian của trẻ mẫu giáo</p> <p>2. Đặc điểm nhận thức</p> <p>2.1. Mẫu giáo bé</p> <p>2.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>2.3. Mẫu giáo lớn</p> <p>3. Nội dung chương trình</p> <p>3.1. Mẫu giáo bé</p> <p>3.2. Mẫu giáo nhỡ</p> <p>3.3. Mẫu giáo lớn</p> <p><b>4.1. Phương pháp hướng dẫn trẻ học</b></p> <p>4.1. Mẫu giáo bé</p> <p>4.2. mẫu giáo nhỡ</p> <p>4.3. Mẫu giáo lớn</p>	2	Học liệu số 3 tr 103 - 120		



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch biểu tượng ĐHKG và thực hành tập giảng nhóm giáo sinh	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thực hành		
Lí thuyết	<b>Bài 5: Phương pháp hình thành các biểu tượng thời gian cho trẻ mẫu giáo</b> 1. Đặc điểm nhận thức 2. Nội dung dạy trẻ 3. Phương pháp hướng dẫn	1	Học liệu số 1 – Tr 206		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào bài tập thực hành	30	Biết vận dụng kiến thức đã học vào các bài tập thực hành sau khi nghe giảng lý thuyết,	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đỗ Thị Minh Liên. *Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*. Nxb ĐHSP. 2012

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đỗ Minh Liên – *Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian*. Nxb Đại học sư phạm

[3] Đinh Thị Nhung - *Toán và phương pháp hình thành những biểu tượng ban đầu về toán học cho trẻ mẫu giáo*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.

[4] Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT – BGDĐT ngày 25/07 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)

[5] Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Nguyễn Như Mai - Đinh Kim Thoa. *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. ĐHSP Hà Nội I, 1994.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
2	3				3	3	9
3	3				3	3	9
4	1		1	1	3	3	9
5			3		3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				3	3	9
8		1	2		3	3	9
9			2	1	3	3	9
10			3		3	3	9
11	3				3	3	9
12	2		1		3	3	9
13			3		3	3	9
14			3		3	3	9
15			3		3	3	9
<b>Tổng cộng</b>	21	1	21	2	45	45	135

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**12.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**12.3.** Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	<b>Câu 1:</b> Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1 và 2: (3 điểm) <b>Câu 2:</b> Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 2, bài 1 (3 điểm) <b>Câu 3:</b> Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 2, bài 2 (2 điểm) <b>Câu 4:</b> Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 2 bài 3 (2 điểm)	120 phút	15	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 01698 474905; [xuandungcdsptq@gmail.com](mailto:xuandungcdsptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuthuy@gmail.com](mailto:thuthuy@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ
- Mã học phần: MN2.1.010.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: : Học xong học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 38 giờ
- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 7 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

- + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
- + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức lý luận chung về bộ môn: đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu bộ môn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, các hình thức, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ mầm non. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức hướng dẫn cho trẻ ở các độ tuổi mẫu giáo làm quen với môi trường xung quanh thông qua các tiết học và trong các hoạt động đa dạng khác. Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập bộ môn, tích cực hoạt động nhằm khuyến khích sự sáng tạo, tìm tòi khám phá khoa học ở trẻ mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

#### **TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRẺ LÀM QUEN VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH**

**Mã học phần: C103013**

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Biết và hiểu được những kiến thức cơ bản về những vấn đề mang tính định hướng và là cơ sở khoa học của môn học: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học của môn học; Phân biệt được phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu; Xác định được các chức năng của tri thức đối với sự phát triển của trẻ; xác định được bản chất của quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em; Giai thích được đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em nói chung, trẻ em lứa tuổi nói riêng
CDR 2	Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình tổ chức các hoạt động theo hướng tích cực hóa hoạt động của trẻ mầm non: Xác mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc xác định nội dung và các đối tượng hướng dẫn cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; Giai thích được cấu trúc nội dung chương trình hướng

	đẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở mỗi lứa tuổi.
CĐR 3	Phân tích được các cơ sở lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện; trên cơ sở đó xác định các phương pháp, hình thức, phương tiện tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với môi trường xung quanh.
CĐR 4	Vận dụng được các phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục để lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b><i>Kỹ năng cứng</i></b>	
CĐR 5	Có kỹ năng khai thác đối tượng để xác định nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.
CĐR 6	Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các phương pháp, phương tiện trong quá trình tổ chức các hoạt động hàng ngày của trẻ ở trường mầm non. kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động.
CĐR 7	Có kỹ năng lập kế hoạch chương trình, lập kế hoạch hoạt động và đánh giá hiệu quả hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ ở trường mầm non.
CĐR8	Có năng lực giải quyết vấn đề và xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức hoạt động làm quen với môi trường xung quanh cho trẻ ở trường mầm non.
<b><i>Kỹ năng mềm</i></b>	
CĐR 9	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
CĐR10	Có phương pháp tổ chức các hoạt động làm quen với môi trường xung quanh cho trẻ sáng tạo. tạo dựng hứng thú học tập cho trẻ
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 13	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non Có kỹ năng nghề nghiệp: Yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ.

**5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:**

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng						Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng				Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13
Chương I: Mở đầu	1. Đối tượng của môn học	3	2	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	2
	2. Nhiệm vụ của môn học	3	2	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	2
	3. Những cơ sở khoa học của môn học	3	2	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	2
	4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học	3	2	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	2
Chương II: Những vấn đề lí luận chung của bộ môn	1. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển của trẻ em	3	2	1	1	2	1	2	1	2	2	2	2	2
	2. Quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em	3	2	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2
	3. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em	3	2	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương III Mục đích, nhiệm vụ và nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	1. Mục đích hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	2. Nhiệm vụ hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ.	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương IV Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	1. Cơ sở xác định phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
	2. Các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với	2	2	3	3	1	3	3	2	2	3	2	2	2

	MTXQ													
	3. Mối quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 2	2	2	3	3	1	3	2	2	2	3	2	2	2
Chương V Các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	1. Cơ sở xác định các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ	2	2	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
	2. Các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ	2	2	3	3	1	3	3	2	2	3	2	2	2
	3. Mối quan hệ giữa các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ ở trường mầm non	2	2	3	3	1	3	2	2	2	3	2	2	2
Chương VI Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	1. Nguyên tắc lựa chọn phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	3	2	1	3	2	2	2	2	2	2	2
	2. Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	3	3	1	3	3	2	2	3	2	2	2
	3. Phối hợp sử dụng các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	2	2	3	3	1	3	2	2	2	3	2	2	2
7. Chương VII Lập kế hoạch đánh giá hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ mầm non	1. Lập kế hoạch hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ ở trường MN	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	2	2	2
	2. Đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	2	2	2

Ghi chú: 1 – Không đóng góp – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều



**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về .

- a, Mở đầu
- b, Những vấn đề lí luận chung của bộ môn
- c, Mục đích, nhiệm vụ và nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ
- d, Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ
- đ, Các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ
- e, Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ
- g, Lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ mầm non

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương I: Mở đầu</b>				
Lý thuyết	1. Đối tượng của môn học 2. Nhiệm vụ của môn học 3. Những cơ sở khoa học của môn học 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học	<b>2</b>	Học học liệu số 1: Chương I (các mục 1- 4) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	5	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương II: Những vấn đề lí luận chung của bộ môn</b>				
Lý thuyết	1. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển của trẻ em 2. Quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em 3. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em	<b>03</b>	Học học liệu số 1: Chương II (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	06	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương III</b>				

	<b>Mục đích, nhiệm vụ và nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</b>				
Lý thuyết	1. Mục đích hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 2. Nhiệm vụ hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3. Nội dung hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ.	10	Học học liệu số 1: Chương III (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	9	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương IV Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</b>				
Lý thuyết	1. Cơ sở xác định phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 2. Các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3. Mối quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	8	Học học liệu số 1: Chương IV (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Thực hành	Sưu tầm trò chơi, bài hát, thơ, truyện, câu đố về các nội dung cho trẻ làm quen MTXQ (Theo các chủ điểm ở các độ tuổi).	2	Học học liệu số 1: Chương IV (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	16	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V Các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh</b>				
	1. Cơ sở xác định các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ 2. Các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ	5	Học học liệu số 1: Chương V (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	

Lý thuyết	3. Mối quan hệ giữa các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động làm quen với MTXQ ở trường mầm non				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương VI</b> <b>Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh</b>					
Lý thuyết	1. Nguyên tắc lựa chọn phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 2. Các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ 3. Phối hợp sử dụng các phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	5	Học học liệu số 1: Chương VI (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	12	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương VII Lập kế hoạch đánh giá hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ mầm non</b>					
Lý thuyết	1. Lập kế hoạch hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ ở trường MN 2. Đánh giá hoạt động làm quen với MTXQ của trẻ	5	Học học liệu số 1: Chương VII (các mục 1- 2) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Thực hành	1. Hướng dẫn soạn giáo án và lập kế hoạch hướng dẫn trẻ theo chủ điểm. 2. Thực hành tập dạy	5	Học học liệu số 1: Chương VII (các mục 1- 2) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	13	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

## 8.1 Giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Thị Phương ,(2008), *Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ*, NXB ĐHSP.

## 8.2 Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, (2006), *Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ*, NXB GD Việt nam.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chương trình Giáo dục mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	3				6		9
3	3				6		9
4	3				6		9
5	3				6		9
6	3				6		9
7	3				6		9
8	2		1		6		9
9	2		1		6		9
10	3				6		9
11	3				6		9
12	2		1		6		9
13	3				6		9
14	2		1		6		9
15	0		3		6		9
<b>Tổng cộng</b>	38		7		90		135

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2 chương I, chương II, chương III, chương IV, V (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương VI, VII, (6 điểm)	90'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0942.155.698; haiyentq1978@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Đinh Thị Lương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0168.7373.085 (Email: dinhthiluong83@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non
- Mã học phần: MN2.1.011.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Việt thực hành; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 38 giờ
  - + Bài tập, thảo luận trên lớp: 7 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
  - + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu học phần

+ Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

+ Cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói cho trẻ, phát triển ngôn ngữ cho trẻ em theo chương trình chăm sóc giáo dục mầm non.

+ Hình thành và rèn luyện các kỹ năng dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0- 6 tuổi. Hình thành các kỹ năng phân tích, đánh giá việc dạy nói cho trẻ mầm non.

+ Vận dụng những tri thức của bộ môn để rèn luyện trẻ nói tiếng Việt.

+ Biết lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển lời nói cho trẻ ở từng độ tuổi.

+ Tích cực học tập có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được bản chất của ngôn ngữ. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non. Vận dụng kiến thức để dạy trẻ nhận biết tập nói 3 năm đầu.
CĐR 2	Nắm vững sự phát triển ngôn ngữ tuổi mẫu giáo: giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ MG, dạy trẻ các mẫu câu Tiếng Việt, phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ MG, phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo qua thơ và truyện.
CĐR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để chuẩn bị khả năng tiền đọc viết cho trẻ MN.

<b>Về kỹ năng</b>	
CĐR 4	<p>Biết vận dụng kiến thức và phương pháp trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ và thực hành tại các trường mầm non.</p> <p>Có khả năng tìm hiểu, liên hệ với thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non.</p>
CĐR 5	Có kỹ năng soạn giáo án cho trẻ làm quen với chữ cái.
CĐR 6	Có kỹ năng thực hành dạy trẻ mầm non làm quen với chữ cái.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học. Có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.
CĐR 8	Tích cực, chủ động trong học tập và làm việc theo nhóm.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

#### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

<b>NỘI DUNG HỌC PHẦN</b>		<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>								
<b>CHƯƠNG</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	<b>Kiến thức</b>			<b>Kỹ năng</b>			<b>Thái độ, năng lực tự chủ</b>		
					<b>Cứng</b>		<b>Mềm</b>			
		<b>CĐR 1</b>	<b>CĐR 2</b>	<b>CĐR 3</b>	<b>CĐR 4</b>	<b>CĐR 5</b>	<b>CĐR6</b>	<b>CĐR 7</b>	<b>CĐR 8</b>	<b>CĐR 9</b>
<b>Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b> <b>Chương 1.</b> <b>Khái quát về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non</b>	<b>1. Bản chất của ngôn ngữ</b> 1.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt 1.2. Ngôn ngữ là một tín hiệu đặc biệt 1.3. Chức năng của ngôn ngữ	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>2. Hoạt động lời nói</b> 2.1. Hoạt động lời nói là gì? 2.2. So sánh ngôn ngữ và lời nói 2.3. Các loại hoạt động lời nói.	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>3. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức</b> 3.1. Ngôn ngữ với nhận thức cảm tính 3.2. Ngôn ngữ với nhận thức lý tính	3	3	2	2	2	2	2	2	2



	<b>4. Sự phát triển ngôn ngữ trẻ em</b> 4.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em 4.2. Một số quan điểm về sự phát triển của ngôn ngữ trẻ em 4.3. Ngôn ngữ tuổi mầm non là gì ?	3	3	2	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 2: Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non là một khoa học</b>	<b>1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>2. Đối tượng nghiên cứu</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>3. Phương pháp nghiên cứu</b> 3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lý luận 3.2. Phương pháp quan sát sự phạm 3.3. Phương pháp điều tra giáo dục 3.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm sự phạm 3.5. Phương pháp thực nghiệm sự phạm. 3.6. Phương pháp thống kê toán học	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 3. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b>	<b>1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b> 1.1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt 1.2. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ 1.3. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt 1.4. Phát triển lời nói mạch lạc 1.5. Chuẩn bị cho trẻ khả năng tiền đọc - viết. 1.6. Phát triển lời nói nghệ thuật thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với thơ và truyện 1.7. Giáo dục tình yêu đối với tiếng mẹ đẻ và văn hóa giao tiếp ngôn ngữ	3	3	3	2	3	3	3	3	3

	<b>2. Hình thức phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b> 2.1. Hình thức phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non 2.2. Giờ học phát triển lời nói 2.3. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các hoạt động khác	3	3	3	2	2	2	2	3	3
	<b>3. Phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b> 3.1. Phương pháp dùng lời 3.2. Phương pháp trực quan 3.3. Phương pháp thực hành 3.4. Phương pháp trò chơi	3	3	3	2	3	3	3	3	3
<b>Phần thứ 2: DẠY TRẺ NHẬN BIẾT- TẬP NÓI BA NĂM ĐẦU</b>	<b>I. Một số lưu ý trong việc dạy trẻ nhận biết – tập nói trong ba năm đầu</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>II. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm đầu tiên</b> 1. Đặc điểm phát triển 2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong ba năm đầu tiên 3. Các hình thức và biện pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm đầu tiên	3	3	3	2	3	3	3	3	3
	<b>III. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm thứ hai</b> 1. Đặc điểm phát triển 2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ hai 3. Các hình thức và biện pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ hai	3	3	3	2	3	3	3	3	3
	<b>IV. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm thứ ba</b> 1. Đặc điểm phát triển 2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ ba 3. Các hình thức và biện	3	3	3	22	3	3	3	3	3

	pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ ba									
<b>Phần thứ 3: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TUỔI MẪU GIÁO</b> <b>Chương I: Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</b>	<b>I. Khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b> 1. Bộ máy phát âm- Cơ quan sinh sản âm thanh ngôn ngữ 2. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm là gì?	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>II. Nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b> 1. Hoàn thiện cơ quan phát âm 2. Rèn luyện khả năng nghe lời nói 3. Rèn luyện khả năng phát âm 4. Hoàn thiện chuẩn mực chính âm 5. Rèn luyện ngữ điệu của giọng nói 6. Sửa các lỗi phát âm của trẻ	3	3	3	2	3	3	3	3	3
	<b>III. Nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b> 1. Giai đoạn 1: Trẻ từ 1,5 đến 3 tuổi 2. Giai đoạn 2: Trẻ từ 3 đến 5 tuổi 3. Trẻ từ 5 đến 6 tuổi	3	3	3	2	3	3	3	3	3
	<b>IV. Hình thức giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ ở trường mầm non</b> 1. Tiết học rèn luyện ngữ âm 2. Đưa việc rèn luyện ngữ âm vào nội dung các tiết học phát triển lời nói 3. Đưa các phần rèn luyện ngữ âm vào tiết học âm nhạc 4. Công việc ngoài tiết học	3	3	3	2	3	3	3	3	3
<b>Chương II .Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b>	<b>I. Đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo</b> 1. Vốn từ xét về mặt số lượng 2. Vốn từ xét về mặt cơ	2	2	2	2	2	2	2	2	2

	cấu từ loại 3. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ mẫu giáo 4. Vốn từ tích cực và thụ động 5. Đặc trưng lĩnh hội vốn từ của trẻ mẫu giáo									
	<b>II.Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b> 1. Cần phải tích lũy số lượng từ cần thiết cho giao tiếp ngôn ngữ của trẻ 2. Cần phải chú ý đến cơ cấu từ loại hợp lý trong vốn từ của trẻ 3. Giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ 4. Tích cực hóa vốn từ cho trẻ	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>III.Nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b> 1. Những từ ngữ về cuộc sống riêng 2. Những từ ngữ về cuộc sống xã hội 3. Những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>IV. Một số biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b> 1. Hướng dẫn trẻ quan sát 2. Cho trẻ xem tranh 3. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ 4. Sử dụng các trò chơi học tập 5. Một số biện pháp dùng lời	3	3	3	2	3	3	3	3	3

<b>Chương III. Dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt</b>	<b>I. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt</b> 1. Dạy ngữ pháp tiếng Việt là dạy các mô hình câu 2. Cần dạy trẻ các mô hình câu từ đơn giản đến phức tạp 3. Dạy ngữ pháp cho trẻ mẫu giáo là dạy thực hành 4. Dạy mẫu câu cho trẻ tích hợp trong các giờ học.	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	<b>II. Đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ mẫu giáo</b> 1. Lời nói của trẻ 3-4 tuổi 2. Lời nói của trẻ 5-6 tuổi	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	<b>III. Nội dung dạy trẻ đặt câu</b> 1. Nội dung dạy đặt câu cho trẻ 3-4 tuổi 2. Nội dung dạy đặt câu cho trẻ 5-6 tuổi	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	<b>IV. Một số biện pháp dạy trẻ đặt câu</b> 1. Cô sử dụng lời nói mẫu 2. Đàm thoại 3. Sử dụng hệ thống câu hỏi 4. Có thể sử dụng biện pháp soạn lại văn bản 5. Cho trẻ được thực hành giao tiếp, kể chuyện 6. Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi cho trẻ	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>Chương IV. Phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo</b>	<b>4.1. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>4.2. Đặc trưng ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>4.3. Hình thức và biện pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc</b> 4.3.1. Dạy trẻ kể chuyện theo tranh 4.3.2. Dạy trẻ kể chuyện với đồ chơi	3	3	3	3	3	3	3	3	3

	4.3.3. Dạy trẻ kể lại truyện văn học 4.3.4. Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm 4.3.5. Dạy trẻ kể chuyện sáng tạo									
<b>Chương V. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo qua thơ và truyện</b>	1. Vai trò của các tác phẩm văn chương đối với việc giáo dục ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo 2. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo bé 3. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo nhỡ 4. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo lớn	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
<b>Phần thứ 4: Chuẩn bị khả năng tiền đọc- viết tuổi mầm non</b>	<b>4.1. Khái niệm khả năng tiền đọc – viết tuổi mầm non</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	<b>4.2. Một số biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc – viết tuổi mầm non</b> 4.2.1. Cho trẻ “đọc” truyện tranh 4.2.2. Cho trẻ vẽ mô tả và tạo ra câu chuyện từ các bức vẽ 4.2.3. Tạo môi trường chữ viết 4.2.4. Tạo góc thư viện 4.2.5. Tạo góc viết	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	<b>4.3. Cho trẻ làm quen với một số biểu tượng đơn vị ngôn ngữ</b> 4.3.1. Biểu tượng về từ và nghĩa của từ 4.3.2. Làm quen với cấu trúc tiếng 4.3.3. Làm quen với cấu trúc âm thanh của từ 4.3.4. Hình thành biểu tượng về câu	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	<b>4.4. Cho trẻ làm quen với chữ viết</b> 4.4.1. Nội dung 4.4.2. Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>

4.4.3. Hướng dẫn soạn giáo án cho trẻ làm quen với chữ cái										
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: 1- Không đóng góp 2- Có đóng góp 3- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- a) Những vấn đề chung về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.
- b) Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non.
- c) Dạy trẻ nhận biết- tập nói ba năm đầu
- d) Phát triển ngôn ngữ tuổi mẫu giáo
- e) Chuẩn bị khả năng tiền đọc- viết tuổi mầm non

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b> <b>Chương 1. Khái quát về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	<b>1.1. Bản chất của ngôn ngữ</b> 1.1.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt 1.1.2. Ngôn ngữ là một tín hiệu đặc biệt 1.1.3. Chức năng của ngôn ngữ <b>1.2. Hoạt động lời nói</b> 1.2.1. Hoạt động lời nói là gì? 1.2.2. So sánh ngôn ngữ và lời nói 1.2.3. Các loại hoạt động lời nói <b>1.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức</b> 1.3.1. Ngôn ngữ với nhận thức cảm tính 1.3.2. Ngôn ngữ với nhận thức lý tính ngôn ngữ tuổi mầm non là gì? <b>1.4. Sự phát triển ngôn ngữ trẻ</b>		Học liệu số 1: Phần thứ 1 chương 1 các mục I-IV (Tr.7)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>em</b> 1.4.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển trẻ em 1.4.2. Một số quan điểm về sự phát triển của ngôn ngữ trẻ em 1.4.3. Ngôn ngữ tuổi mầm non là gì ?				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	5	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non là một khoa học</b>	4			
Lý thuyết	<b>2.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của khoa học phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b> <b>2.2. Đối tượng nghiên cứu</b> <b>2.3. Phương pháp nghiên cứu</b> 2.3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lý luận 2.3.2. Phương pháp quan sát sự phạm 2.3.3. Phương pháp điều tra giáo dục 2.3.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm sự phạm 2.3.5. Phương pháp thực nghiệm sự phạm. 2.3.6. Phương pháp thống kê toán học		Học học liệu số 1: Phần thứ 1 chương 2 các mục I-III (Tr.32)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	5	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b>	4			
Lý thuyết	<b>3.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b> 3.1.1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt		Học học liệu số 1: Phần thứ 1 chương 3 các mục I-III		



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.1.2. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>3.1.3. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt</p> <p>3.1.4. Phát triển lời nói mạch lạc</p> <p>3.1.5. Chuẩn bị cho trẻ khả năng tiền đọc - viết.</p> <p>3.1.6. Phát triển lời nói nghệ thuật thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với thơ và truyện</p> <p>3.1.7. Giáo dục tình yêu đối với tiếng mẹ đẻ và văn hóa giao tiếp ngôn ngữ</p> <p><b>3.2. Hình thức phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b></p> <p>3.2.1. Hình thức phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</p> <p>3.2.2. Giờ học phát triển lời nói</p> <p>3.2.3. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các hoạt động khác</p> <p><b>3.3. Phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non</b></p> <p>3.3.1. Phương pháp dùng lời</p> <p>3.3.2. Phương pháp trực quan</p> <p>3.3.3. Phương pháp thực hành</p> <p>3.3.4. Phương pháp trò chơi</p>		(Tr.44)	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần thứ 2: DẠY TRẺ NHẬN BIẾT- TẬP NÓI BA NĂM ĐẦU</b>	4			
Lý thuyết	<p><b>2.1. Một số lưu ý trong việc dạy trẻ nhận biết – tập nói trong ba năm đầu</b></p> <p><b>2.2. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm đầu tiên</b></p> <p>2.2.1. Đặc điểm phát triển</p> <p>2.2.2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong ba năm đầu tiên</p> <p>2.2.3. Các hình thức và biện</p>	3	Học học liệu số 1: Phần thứ 2 các mục I-IV (Tr.55)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm đầu tiên</p> <p><b>2.3. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm thứ hai</b></p> <p>2.3.1. Đặc điểm phát triển</p> <p>2.3.2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ hai</p> <p>2.3.3. Các hình thức và biện pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ hai</p> <p><b>2.4. Dạy trẻ nhận biết – tập nói trong năm thứ ba</b></p> <p>2.3.1. Đặc điểm phát triển</p> <p>2.3.2. Nhiệm vụ và nội dung dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ ba</p> <p>2.3.3. Các hình thức và biện pháp dạy trẻ nhận biết- tập nói trong năm thứ ba</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 2 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phần phụ lục1, phụ lục 2, phụ lục 3.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Phần thứ 3: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TUỔI MẪU</b> <b>GIÁO Chương I: Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<p><b>1.1 Khái quát về giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b></p> <p>1.1.1. Bộ máy phát âm- Cơ quan sinh sản âm thanh ngôn ngữ</p> <p>1.1.2. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm là gì?</p> <p><b>1.2. Nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b></p> <p>1.2.1. Hoàn thiện cơ quan phát âm</p> <p>1.2.2. Rèn luyện khả năng nghe lời nói</p>	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 3, chương 1 các mục I-IV (Tr.89)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.2.3. Rèn luyện khả năng phát âm</p> <p>1.2.4. Hoàn thiện chuẩn mực chính âm</p> <p>1.2.5. Rèn luyện ngữ điệu của giọng nói</p> <p>1.2.6. Sửa các lỗi phát âm của trẻ</p> <p><b>1.3. Nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm</b></p> <p>1.3.1. Giai đoạn 1: Trẻ từ 1,5 đến 3 tuổi</p> <p>1.3.2. Giai đoạn 2: Trẻ từ 3 đến 5 tuổi</p> <p>1.3.3. Trẻ từ 5 đến 6 tuổi</p> <p><b>1.4. Hình thức giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ ở trường mầm non</b></p> <p>1.4.1. Tiết học rèn luyện ngữ âm</p> <p>1.4.2. Đưa việc rèn luyện ngữ âm vào nội dung các tiết học phát triển lời nói</p> <p>1.4.3. Đưa các phần rèn luyện ngữ âm vào tiết học âm nhạc</p> <p>1.4.4. Công việc ngoài tiết học</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 3 chương 1 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phần phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương II . Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b>	<b>5</b>			
	<p><b>2.1. Đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo</b></p> <p>2.1.1. Vốn từ xét về mặt số lượng</p> <p>2.1.2. Vốn từ xét về mặt cơ cấu từ loại</p> <p>2.1.3. Khả năng hiểu nghĩa</p>	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 3, chương 2 các mục I-IV (Tr.102)		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>từ của trẻ mẫu giáo</p> <p>2.1.4. Vốn từ tích cực và thụ động</p> <p>2.1.5. Đặc trưng lĩnh hội vốn từ của trẻ mẫu giáo</p> <p><b>2.2.Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b></p> <p>2.2.1. Cần phải tích lũy số lượng từ cần thiết cho giao tiếp ngôn ngữ của trẻ</p> <p>2.2.2. Cần phải chú ý đến cơ cấu từ loại hợp lý trong vốn từ của trẻ</p> <p>2.2.3. Giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ</p> <p>2.2.4. Tích cực hóa vốn từ cho trẻ</p> <p><b>2.3.Nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b></p> <p>2.3.1. Những từ ngữ về cuộc sống riêng</p> <p>2.3.2. Những từ ngữ về cuộc sống xã hội</p> <p>2.3.3. Những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên</p> <p><b>2.4. Một số biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo</b></p> <p>2.4.1. Hướng dẫn trẻ quan sát</p> <p>2.4.2. Cho trẻ xem tranh</p> <p>2.4.3. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ</p> <p>2.4.4. Sử dụng các trò chơi học tập</p> <p>2.4.5. Một số biện pháp dùng lời</p>			Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 3 chương 2 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phần phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương III. Dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt</b>	<b>5</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p><b>3.1. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt</b></p> <p>3.1.1. Dạy ngữ pháp tiếng Việt là dạy các mô hình câu</p> <p>3.1.2. Cần dạy trẻ các mô hình câu từ đơn giản đến phức tạp</p> <p>3.1.3. Dạy ngữ pháp cho trẻ mẫu giáo là dạy thực hành</p> <p>3.1.4. Dạy mẫu câu cho trẻ tích hợp trong các giờ học</p> <p><b>3.2. Đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ mẫu giáo</b></p> <p>3.2.1. Lời nói của trẻ 3-4 tuổi</p> <p>3.2.2. Lời nói của trẻ 5-6 tuổi</p> <p><b>3.3. Nội dung dạy trẻ đặt câu</b></p> <p>3.3.1. Nội dung dạy đặt câu cho trẻ 3-4 tuổi</p> <p>3.3.2. Nội dung dạy đặt câu cho trẻ 5-6 tuổi</p> <p><b>3.4. Một số biện pháp dạy trẻ đặt câu</b></p> <p>3.4.1. Cô sử dụng lời nói mẫu</p> <p>3.4.2. Đàm thoại</p> <p>3.4.3. Sử dụng hệ thống câu hỏi</p> <p>3.4.4. Có thể sử dụng biện pháp soạn lại văn bản</p> <p>3.4.5. Cho trẻ được thực hành giao tiếp, kể chuyện</p> <p>3.4.6. Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi cho trẻ</p>	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 3, chương 3 các mục I-IV (Tr.120)	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 3 chương 3 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương IV. Phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<b>4.1. Khái niệm ngôn ngữ mạch lạc</b> <b>4.2. Đặc trưng ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mẫu giáo</b> <b>4.3. Hình thức và biện pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc</b> 4.3.1. Dạy trẻ kể chuyện theo tranh 4.3.2. Dạy trẻ kể chuyện với đồ chơi 4.3.3. Dạy trẻ kể lại truyện văn học 4.3.4. Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm 4.3.5. Dạy trẻ kể chuyện sáng tạo	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 3, chương 4 các mục I-IV (Tr.127)	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 3 chương 4 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương V. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo qua thơ và truyện</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	5.1. Vai trò của các tác phẩm văn chương đối với việc giáo dục ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo 5.2. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo bé 5.3. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo nhỡ 5.4. Phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ mẫu giáo lớn	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 3, chương 5 các mục I-IV (Tr.160)	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần	1	Nắm vững lý	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	thứ 3 chương 5 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong phần phụ lục1, phụ lục 2, phụ lục 3.		thuyết đề vận dụng giải bài tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần thứ 4: Chuẩn bị khả năng tiền đọc- viết tuổi mầm non</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<p><b>4.1. Khái niệm khả năng tiền đọc – viết tuổi mầm non</b></p> <p><b>4.2. Một số biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc – viết tuổi mầm non</b></p> <p>4.2.1. Cho trẻ “ đọc” truyện tranh</p> <p>4.2.2. Cho trẻ vẽ mô tả và tạo ra câu chuyện từ các bức vẽ</p> <p>4.2.3. Tạo môi trường chữ viết</p> <p>4.2.4. Tạo góc thư viện</p> <p>4.2.5. Tạo góc viết</p> <p><b>4.3. Cho trẻ làm quen với một số biểu tượng đơn vị ngôn ngữ</b></p> <p>4.3.1. Biểu tượng về từ và nghĩa của từ</p> <p>4.3.2. Làm quen với cấu trúc tiếng</p> <p>4.3.3. Làm quen với cấu trúc âm thanh của từ</p> <p>4.3.4. Hình thành biểu tượng về câu</p> <p><b>4.4. Cho trẻ làm quen với chữ viết</b></p> <p>4.4.1. Nội dung</p> <p>4.4.2. Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết</p> <p>4.4.3. Hướng dẫn soạn giáo án cho trẻ làm quen với chữ cái</p>	4	Học học liệu số 1: Phần thứ 4, các mục I-IV (Tr.169)	Trên lớp	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Phần thứ 4 trong học liệu số 1, tham khảo các bài tập trong	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	phần phụ lục1, phụ lục 2, phụ lục 3.		tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Hồng Thái(2013), *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thu Hương (2007), *Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Xuân Khoa (2004), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3	2		1		3	3	9
4	3				3	3	9
5	2		1		3	3	9
6	3				3	3	9
7	2		1		3	3	9
8	2	1			3	3	9
9	2		1		3	3	9



Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
10	3				3	3	9
11	2		1		3	3	9
12	3				3	3	9
13	1		2		3	3	9
14	3				3	3	9
15	3				3	3	9
<b>Tổng cộng</b>	37	1	7	0	45	45	135

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học rộng để thực hành, có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, Phần thứ I (chương 1, chương 2, chương 3), phần thứ II : (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc	120'	15	

	<p>tín chỉ 2, Phần thứ III (chương 1, chương 2, chương 3) : (3 điểm)</p> <p>Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 4, chương 5, phần thứ IV): (3 điểm)</p>			
--	---	--	--	--

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Như Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ – giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non, Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 01687373085; Email: [nguyennhumaicdtq@gmail.com](mailto:nguyennhumaicdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Đinh Thị Lương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ – giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non, Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 01687373085; Email: [dinhthiluong83@gmail.com](mailto:dinhthiluong83@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
- Mã học phần: MN2.1.012.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mỹ thuật cơ bản; Tâm lý học trẻ em 1; Tâm lý học trẻ em 2; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
  - + Bài tập thực hành trên lớp: 06 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

**Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình. Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.**

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế giáo án, tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.

**Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, phương pháp làm việc khoa học, tích cực tìm tòi và sáng tạo.**

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về: sự hình thành và vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non
CĐR 2	Hiểu được mục đích, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non
CĐR 3	Hiểu được các hình thức và một số yêu cầu về lập kế hoạch ,tổ chức,đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non
CĐR 4	Hiểu được cách tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ theo các thể loại ở trường mầm non
<b>Về kĩ năng</b>	
CĐR 5	Hình thành kĩ năng học tập, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu những kiến thức có liên quan đến môn học.
CĐR 6	Hình thành kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát những kiến thức đã học để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong những nội dung tiếp theo.
CĐR 7	Hình thành kĩ năng liên hệ thực tiễn, kĩ năng khai thác, vận dụng những kiến thức đã học vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm

	non theo đúng độ tuổi và quy luật phát triển tâm lý.
<b>Về thái độ</b>	
CĐR 8	Có động tích cực trong học tập, chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu.
CĐR 9	Có thói quen, có thái độ tích cực trong làm việc theo nhóm
CĐR 10	Có lòng yêu nghề, mẫn trẽ, tích cực vận dụng kiến thức đã học được vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
<b>Chương 1. Những vấn đề lý luận về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em.</b>	Nguồn gốc và bản chất hoạt động tạo hình của trẻ em	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2
	Sơ lược về quá trình hình thành phát triển hoạt động vẽ của trẻ em	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Một số đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình trong tranh trẻ em	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 2. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với</b>	Vai trò của hoạt động tạo hình đối với	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2

<b>tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em</b>	sự phát triển trí tuệ, nhận thức										
	Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục tình cảm, đạo đức, kỹ năng giao tiếp xã hội	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	Vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển thể chất của trẻ	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 3. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</b>	Mục đích của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Các nhiệm vụ của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2
	Nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

	non										
<b>Chương 4. Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	Phân loại các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	3	2	3	2	2	3	2	2	2
	Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2
<b>Chương 5. Các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	Phân loại các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Phối hợp các hình thức hoạt động tạo hình	2	3	2	3	2	2	3	2	2	2
<b>Chương 6. Một số yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	Lập kế hoạch cho chương trình hoạt động tạo hình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức giờ hoạt động tạo hình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức môi trường cho hoạt động tạo hình	3	3	3	3	2	3	3	2	2	2
	Đánh giá hoạt động tạo hình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>Chương 7. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</b>	Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

<b>theo các thể loại</b>	Tổ chức hoạt động xếp dán tranh cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức hoạt động chấp ghép cho trẻ mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Thực hành: Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ các độ tuổi mầm non.	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

*Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2- Có đóng góp; 3- Đóng góp nhiều*

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình; Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1. Những vấn đề lý luận về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em.</b>	3			
Lý thuyết	1.1. Nguồn gốc và bản chất hoạt động tạo hình của trẻ em 1.2. Sơ lược về quá trình hình thành phát triển hoạt động vẽ của trẻ em 1.3. Một số đặc điểm cơ bản của hoạt động tạo hình ở tuổi mầm non		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.4); học liệu số 2: chương 1, mục 1.2; học liệu số 5: chương 1, mục 1.1.	Trên lớp	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình trong tranh trẻ em				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, thực hiện nội dung các câu hỏi từ 1-5, trang 34-35.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 2. Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em</b>	3(LT:03)			
Lý thuyết	<p>2.1. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trí tuệ, nhận thức</p> <p>2.2. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục tình cảm, đạo đức, kỹ năng giao tiếp xã hội</p> <p>2.3. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ</p> <p>2.4. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển thể chất của trẻ</p> <p>2.5. Vai trò của hoạt động tạo hình đối với việc chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông</p>		Học học liệu số 1: chương 2 (các mục 2.1-2.5); học liệu số 2: chương 1, mục 1.1.3. học liệu số 5: chương 1, mục 1.3	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, thực hiện nội dung các câu hỏi từ 1-5, trang 46.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập và bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc kỹ lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	câu hỏi ôn tập.		ra những vấn đề trong nội dung bài học.		
	<b>Chương 3. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</b>	4			
Lý thuyết	<p>3.1. Mục đích của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</p> <p>3.2. Các nhiệm vụ của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</p> <p>3.3. Nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</p> <p>3.3.1. Các nguyên tắc lựa chọn, sắp xếp nội dung của hoạt động tạo hình</p> <p>3.3.2. Các nội dung của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</p>		Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1-3.3), học liệu số 2: chương 5, mục 5.5. học liệu số 5: chương 1, mục 1.4	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 1, Thực hiện nội dung câu hỏi và bài tập trang 76.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập và làm bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	3			
	<p>4.1. Phân loại các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</p> <p>4.2. Các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình</p> <p>4.2.1. Nhóm phương pháp thông tin – tiếp nhận</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp thực hành – ôn luyện</p>		Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1-4.4), học liệu số 5: chương 1, mục 1.5		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.2.3. Nhóm phương pháp tìm tòi – sáng tạo 4.2.4. Nhóm các biện pháp mang tính vui chơi				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 1, Thực hiện nội dung câu hỏi và bài tập trang 94.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập và bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc kỹ lý thuyết và chuẩn bị các tài liệu liên quan; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi và làm các bài tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	2			
Lý thuyết	5.1. Phân loại các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 5.1.1. Phân loại theo loại hình của hoạt động tạo hình 5.1.2. Phân loại theo tính chất của biểu tượng – hình tượng 5.1.3. Phân loại theo quy mô tổ chức lớp học 5.1.4. Phân loại theo môi trường hoạt động 5.2. Phối hợp các hình thức hoạt động tạo hình 5.2.1. Ý nghĩa của sự phối hợp 5.2.2. Cách thức phối hợp các hình thức hoạt động tạo hình		Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.2), học liệu số 5: chương 1, mục 1.5.3.	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 5 trong học liệu số 1, thực hiện nội dung câu hỏi và bài tập trang 106, tham khảo các học liệu khác.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng thực hiện tốt nội dung câu hỏi và bài tập	Lớp học	
Tự học, tự	Đọc các phần lý thuyết trước		Làm bài tập sau khi	Thư	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
nghe giảng	khí nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.		nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	viện, ở nhà	
	<b>Chương 6. Một số yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</b>	3			
	<p>6.1. Lập kế hoạch cho chương trình hoạt động tạo hình</p> <p>6.1.1. Những yêu cầu chung của chương trình hoạt động tạo hình</p> <p>6.1.2. Một số nguyên tắc của việc sắp xếp các bài học, các hoạt động trong chương trình hoạt động tạo hình</p> <p>6.1.3. Gợi ý về việc lập kế hoạch chương trình hoạt động tạo hình</p> <p>6.1.4. Lập kế hoạch cho một giờ hoạt động tạo hình</p> <p>6.2. Tổ chức giờ hoạt động tạo hình</p> <p>6.2.1. Chuẩn bị cho hoạt động tạo hình</p> <p>6.2.2. Tổ chức hoạt động</p> <p>6.3. Tổ chức môi trường cho hoạt động tạo hình</p> <p>6.4. Đánh giá hoạt động tạo hình</p> <p>6.4.1. Quan sát, theo dõi giờ hoạt động tạo hình</p> <p>6.4.2. Lập bản phân tích, nhận xét hoạt động</p>		Học học liệu số 1: Chương 6 (các mục 6.1-6.4), tham khảo học liệu 2,3,4,5		
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 6 trong học liệu số 1, trang 127.		Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và vận dụng lập kế hoạch chi tiết và kế hoạch khung.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và lập kế hoạch.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 7. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại</b>	12			
	<p>7.1. Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ mầm non</p> <p>7.1.1. Nội dung giáo dục của chương trình hoạt động vẽ</p> <p>7.1.1.1. Đối với trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.1.1.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.1.1.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.1.1.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.1.2. Điều kiện vật chất cho hoạt động vẽ</p> <p>7.1.3. Tổ chức hoạt động vẽ</p> <p>7.1.3.1. Tạo động cơ cho hoạt động vẽ</p> <p>7.1.3.2. Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.1.3.3. Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.1.3.4. Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.1.3.5. Tổ chức hoạt động vẽ cho trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.1.4. Các dạng giáo án tham khảo</p> <p>7.2. Tổ chức hoạt động nặn cho trẻ mầm non</p> <p>7.2.1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình hoạt động nặn</p> <p>7.2.1.1. Đối với trẻ dưới 3 tuổi</p>		Học học liệu số 1: Chương 7,8,9,10; học liệu số 4: chương 2; tham khảo tài liệu số 3, 4.		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>7.2.1.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.2.1.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.2.1.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.2.2. Điều kiện vật chất cho hoạt động nặn</p> <p>7.2.3. Tổ chức hoạt động nặn</p> <p>7.2.3.1. Tạo động cơ cho hoạt động nặn</p> <p>7.2.3.2. Tổ chức hoạt động cho trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.2.3.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.2.3.4. Tổ chức hoạt động cho trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.2.3.5. Tổ chức hoạt động cho trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.2.4. Các dạng giáo án tham khảo</p> <p>7.3. Tổ chức hoạt động xếp dán tranh cho trẻ mầm non</p> <p>7.3.1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình hoạt động xếp dán tranh</p> <p>7.3.1.1. Đối với trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.3.1.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.3.1.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.3.1.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.3.2. Điều kiện vật chất cho hoạt động xếp dán tranh</p> <p>7.3.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ</p> <p>7.3.3.1. Tạo động cơ cho hoạt động xếp dán</p> <p>7.3.3.2. Tổ chức hoạt động cho trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.3.3.3. Tổ chức hoạt động cho</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.3.3.4. Tổ chức hoạt động cho trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.3.3.5. Tổ chức hoạt động cho trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.3.4. Các dạng giáo án tham khảo</p> <p>7.4. Tổ chức hoạt động chấp ghép cho trẻ mầm non</p> <p>7.4.1. Nội dung giáo dục và phát triển của chương trình hoạt động chấp ghép</p> <p>7.4.1.1. Đối với trẻ dưới 3 tuổi</p> <p>7.4.1.2. Đối với trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.4.1.3. Đối với trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.4.1.4. Đối với trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.4.2. Điều kiện vật chất cho hoạt động chấp ghép</p> <p>7.4.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ</p> <p>7.4.3.1. Tạo động cơ cho hoạt động xếp dán</p> <p>7.4.3.2. Tổ chức hoạt động cho trẻ 24-36 tháng và trẻ 3-4 tuổi</p> <p>7.4.3.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ 4-5 tuổi</p> <p>7.4.3.4. Tổ chức hoạt động cho trẻ 5-6 tuổi</p> <p>7.4.4. Các dạng giáo án tham khảo</p> <p>7.5. Tổ chức cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình</p> <p>7.5.1. Các tác phẩm nghệ thuật tạo hình và việc giáo dục trẻ mầm non</p> <p>7.5.2. Một số yêu cầu về việc</p>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>cho trẻ làm quen với nghệ thuật tạo hình</p> <p>7.5.2.1. Các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình</p> <p>7.5.2.2. Một số yêu cầu khi lựa chọn các tác phẩm cần giới thiệu với trẻ</p> <p>7.5.2.3. Một số điểm cần lưu ý khi lựa chọn và sử dụng các phương pháp cho trẻ làm quen với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình.</p> <p>7.6. Thực hành: Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ các độ tuổi mầm non.</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 7 trong học liệu số 1, Thực hiện nội dung câu hỏi và bài tập trang 203, 228, 257.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc kỹ lý thuyết và chuẩn bị các tài liệu liên quan; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Lê Thanh Thủy (2004), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Đình Bình (2008), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ, tập 1*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[3] Đặng Hồng Nhật (2008), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ, tập 2*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[4] Lê Hồng Vân (2008), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, quyển 3*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.



## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				3	1	6
3	2				3	1	6
4	2				3	1	6
5	2				3	1	6
6	2				3	1	6
7	2				3	1	6
8	2				3	1	6
9	1		1		2	2	6
10	2				3	1	6
11	2				3	1	6
12	2				3	1	6
13	1		1		2	2	6
14	0		2		2	2	6
15	0		2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	24		6		42	18	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3. Thi hết môn học : 60%**

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 4&5: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 6,7: (4 điểm)	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đinh Thị Lương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 01687373085; Email: [dinhthiluong83@gmail.com](mailto:dinhthiluong83@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kiều Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0915.395.113; Email: [baotrangvk@gmail.com](mailto:baotrangvk@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Tâm lí học

### 2. Thông tin về học phần

- Tên môn học: Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
- Mã môn học: MN2.1.013.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc: Có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 27 tiết

+ Bài tập trên lớp: 17 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Sinh viên nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc đối với sự phát triển nhân cách trẻ. Đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ theo nhóm tuổi. Các dạng hoạt động âm nhạc ở trường mầm non, các bước dạy học và cấu trúc giáo án. Một số vấn đề đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy âm nhạc.

Có kỹ năng soạn giáo án và dạy các loại tiết ở các độ tuổi. Biết tổ chức các hoạt động ngoại khoá về âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non

Sinh viên tự tin, say mê khi tổ chức các hoạt động âm nhạc, thích tìm tòi, khám phá những bài hát mới, có thái độ yêu thích môn học, tích cực vận dụng kiến thức âm nhạc đã học để dạy trẻ mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được vai trò, đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non. Phân tích được nhiệm vụ, phương hướng tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
CDR 2	Hiểu được ý nghĩa, cách sưu tầm, lựa chọn bài hát và cách tổ chức một số hoạt động âm nhạc ở trường mầm non như: Dạy trẻ hát, hát cho trẻ nghe, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.
CDR 3	Vận dụng kiến thức đã được trang bị để giải quyết nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 4	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu, liên hệ thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non
CDR 5	Kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, đánh giá, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CDR 6	Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để thiết kế và tổ chức hoạt động

	âm nhạc theo chủ đề và theo độ tuổi tại các trường mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục âm nhạc tại trường mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					KN cứng		KN M			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1: Một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non	Vai trò của giáo dục âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non	2	2	3	2	2	3	3	3	3
	Những đặc điểm tâm lí của trẻ mẫu giáo có liên quan đến sự tiếp nhận âm nhạc	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Nhiệm vụ và phương hướng giáo dục âm nhạc	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 2: Phương	Ca hát.	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Nghe nhạc	3	3	3	3	3	3	3	3	3

pháp dạy các hoạt động âm nhạc	Vận động theo nhạc	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Trò chơi âm nhạc.	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Chương 3: Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc	Dạy các hoạt động âm nhạc.	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Hoạt động âm nhạc trong ngày lễ, ngày hội	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Chương 4: Soạn giáo án và tập dạy.	Phân phối chương trình.	2	3	3	3	3	3	3	3	3
	Soạn giáo án và tập dạy	2	3	3	3	3	3	3	3	3

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về những vấn đề lý luận chung về giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non. Phương pháp, các hình thức và cách thức soạn giảng tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1, 2</b>		30			
	<b>Chương một. Một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non</b>	08			
Lý thuyết	I. Vai trò giáo dục của âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em. 1. Âm nhạc là phương tiện giáo dục thẩm mỹ. 2. Âm nhạc là phương tiện giáo dục đạo đức. 3. Âm nhạc góp phần phát triển trí tuệ. 4. Âm nhạc tác động đến sự phát triển sinh lí của trẻ. II. Đặc điểm khả năng âm	08	Học học liệu số 1: chương một (các mục I. - IV.); học học liệu số 2: các mục I đến IV.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>nhạc của trẻ mầm non.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trẻ dưới 1 tuổi.</li> <li>2. Trẻ từ 1 - 2 tuổi.</li> <li>3. Trẻ từ 2 - 3 tuổi</li> <li>4. Trẻ 3 - 4 tuổi.</li> <li>5. Trẻ 4 - 5 tuổi.</li> <li>6. Trẻ 5 - 6 tuổi.</li> </ol> <p>III. Những đặc điểm tâm lí của trẻ mẫu giáo có liên quan đến sự tiếp nhận âm nhạc.</p> <p>IV. Nhiệm vụ và phương hướng giáo dục âm nhạc.</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, tham khảo các câu hỏi ôn tập trong trang 21 của học liệu 1		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.	16	Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương hai. Phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc</b>	22			
Lý thuyết	<p>I. Ca hát.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ý nghĩa giáo dục của ca hát.</li> <li>2. Đặc điểm cơ quan phát âm của trẻ.</li> <li>3. Yêu cầu cần đạt khi dạy trẻ hát.</li> <li>4. Suu tầm, lựa chọn bài dạy trẻ hát.</li> <li>5. Phương pháp dạy trẻ hát.</li> <li>6. Chuẩn bị dạy hát.</li> </ol> <p>II. Nghe nhạc.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vai trò, ý nghĩa của việc nghe nhạc.</li> <li>2. Khả năng nghe nhạc của trẻ.</li> <li>3. Nội dung nghe.</li> <li>4. Một số thể loại bài hát cho trẻ nghe.</li> <li>5. Hướng lựa chọn bài hát cho trẻ nghe.</li> <li>6. Phương pháp dạy trẻ nghe.</li> <li>7. Các hình thức tổ chức</li> </ol>	13	Học học liệu số 1: chương hai (các mục I. - IV) Học học liệu số 2: chương hai (các mục I. - IV)	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>nghe.</p> <p>8. Các bước tiến hành.</p> <p>9. Chuẩn bị dạy trẻ nghe nhạc.</p> <p>III. Vận động theo nhạc.</p> <p>1. Ý nghĩa của vận động theo nhạc.</p> <p>2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ.</p> <p>3. Các dạng vận động theo nhạc.</p> <p>4. Phương pháp hướng dẫn trẻ vận động theo nhạc.</p> <p>IV. Trò chơi âm nhạc.</p> <p>1. Vai trò, ý nghĩa giáo dục của trò chơi âm nhạc.</p> <p>2. Các dạng trò chơi âm nhạc.</p> <p>3. Cách dạy trẻ chơi.</p>				
Bài tập, thực hành Kiểm tra	<p>Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động theo chủ đề, độ tuổi:</li> <li>+ Dạy hát</li> <li>+ Nghe nhạc</li> <li>+ Vận động theo nhạc</li> <li>+ Trò chơi âm nhạc.</li> <li>- Kiểm tra 1 tiết</li> </ul>	08  01	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành và kiểm tra.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.	44	Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 3</b>		15			
<b>Chương ba. Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc</b>		5			
	<p>I. Dạy các hoạt động âm nhạc.</p> <p>1. Chương trình cải cách.</p> <p>2. Đổi mới hình thức giáo dục âm nhạc.</p> <p>II. Hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày ở trường mầm non.</p> <p>1. Trước giờ học buổi sáng.</p> <p>2. Gợi làm quen với văn học.</p> <p>3. Gợi tổ chức cho trẻ hoạt động tạo hình.</p>	03	Học học liệu số 1: Chương ba (các mục I đến III), Học học liệu số 2: Chương ba (các mục I đến III).	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4. Giờ làm quen với môi trường xung quanh. 5. Giờ làm quen chữ cái. 6. Sử dụng âm nhạc sau giờ học buổi sáng. III. Hoạt động âm nhạc trong ngày lễ, ngày hội. 1. Ý nghĩa hoạt động âm nhạc trong ngày hội, ngày lễ. 2. Tổ chức văn nghệ trong ngày hội, ngày lễ.				
Bài tập, thực hành	Thực hành: - Tổ chức văn nghệ trong ngày hội, lễ tại trường mầm non	02	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương bốn. Soạn giáo án và tập dạy.</b>	10			
Lý thuyết	I. Phân phối chương trình. II. Soạn giáo án và tập dạy. 1. Soạn giáo án	03	Học học liệu số 1: Chương bốn (các mục I, II).	Lớp học	
Bài tập thực hành	2. Tập dạy - Lập kế hoạch một tiết học âm nhạc theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non - Tổ chức tiết dạy các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non	07	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào bài tập thực hành	Lớp học	Bài tập thực hành
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Thị Hòa (2013), *Giáo dục âm nhạc*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thị Hòa (2010), *Giáo trình Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Bộ GD và đào tạo (2011), *Chương trình GDMN*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[4] Nguyễn Thị Hòa (2013), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*; NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3	3				3	3	9
4	3				3	3	9
5	3				3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				3	3	9
8			3		3	3	9
9	3		3		3	3	9
10		1	2		3	3	9
11	3				3	3	9
12	1		2		3	3	9
13	2		1		3	3	9
14			3		3	3	9
15			3		3	3	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>	<b>1</b>	<b>17</b>		<b>45</b>	<b>45</b>	<b>135</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 11, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, 2 chương một, hai: (3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương ba: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương bốn: (4 điểm)	90 p	15 (45 câu)	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Giáo dục hòa nhập

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Bùi Khánh Ly
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0987012615; Email: [buikhanhlytq@gmail.com](mailto:buikhanhlytq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0916844333; Email: [lansp@gmail.com](mailto:lansp@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục hòa nhập
- Mã học phần: MN2.1.014.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30
  - + Bài tập trên lớp: 8 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60
- Đơn vị phụ trách
  - + Bộ môn: GD Mầm non.
  - + Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên hiểu được việc can thiệp sớm là khâu đầu tiên, quan trọng để giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật. Nắm vững các kiến thức cơ bản về giáo dục hoà nhập: khái niệm, ý nghĩa, các nguyên tắc can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật; tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập cho trẻ khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, khó khăn về vận động và ngôn ngữ.

- Mục tiêu về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế một số hoạt động dạy học, phục hồi chức năng phù hợp nhu cầu, khả năng và sở thích của từng loại trẻ khuyết tật. Có khả năng ứng dụng phương pháp dạy học tích cực dưới nhiều hình thức khác nhau trong giáo dục hoà nhập.

- Các mục tiêu khác: Nhận thức rõ tầm quan trọng của can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập đối với sự phát triển của trẻ có nhu cầu đặc biệt, từ đó có nhận thức đúng đắn về mô hình giáo dục hoà nhập.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Trẻ khuyết tật; các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật; giáo dục hòa nhập trên thế giới và ở Việt Nam
CDR 2	Hiểu được một số nội dung về tổ chức giáo dục hòa nhập: Xác định nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân; tổ chức môi trường học tập; điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ; áp dụng các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật ở trường mầm non; phối hợp các lực lượng giáo dục.
CDR 3	Hiểu được một số nội dung về hỗ trợ trẻ khiếm thính trong trường mầm non hòa nhập: Khái niệm, nguyên nhân và phân loại tật khiếm thính; ảnh hưởng của tật đến sự phát triển của trẻ khiếm thính; các phương pháp tiếp cận trong giao tiếp với trẻ khiếm thính; một số dụng cụ trợ thính cho trẻ khiếm thính; những hỗ trợ chung cho trẻ khiếm thính khi tổ chức hoạt động ở trường mầm non hòa nhập; tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ khiếm thính ở trường mầm non.
CDR 4	Hiểu được một số nội dung về hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong trường mầm non hòa nhập: Khái niệm về khuyết tật trí tuệ; một số hội chứng và rối loạn

	thường đi kèm với khuyết tật trí tuệ; ảnh hưởng của khuyết tật trí tuệ đối với sự phát triển của trẻ; một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong lớp mầm non hòa nhập.
CĐR 5	Hiểu được một số nội dung về hỗ trợ trẻ khiếm thị trong trường mầm non hòa nhập: Khái niệm về trẻ khiếm thị; nguyên nhân gây khiếm thị; ảnh hưởng của tật khiếm thị đến học tập và phát triển của trẻ khiếm thị; các biện pháp giáo dục cho trẻ khiếm thị tuổi mầm non; tổ chức một số hoạt động trong lớp hòa nhập cho trẻ khiếm thị; tổ chức hoạt động có chủ đích hỗ trợ cá nhân trong lớp hòa nhập.
CĐR 6	Hiểu được một số nội dung về hỗ trợ các nhóm khuyết tật khác trong trường mầm non hòa nhập: Hỗ trợ trẻ khó khăn về ngôn ngữ; hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi cảm xúc; hỗ trợ trẻ khó khăn về học; hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động.
<b>Về kỹ năng</b>	
CĐR 7	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu, liên hệ thực tiễn giáo dục hòa nhập ở trường mầm non hoặc các trung tâm hỗ trợ trẻ đặc biệt.
CĐR 8	Kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, đánh giá, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CĐR 9	Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để thiết kế các hoạt động hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập ở trường mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 10	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 11	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 12	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục hòa nhập ở trường mầm non.

## 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức						Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		KNC		KN M									
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
Chương 1: Những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập	Trẻ khuyết tật	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Giáo dục hòa nhập trên thế giới và ở Việt Nam	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
Chương 2: tổ chức giáo dục hòa nhập	Xác định nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ	2	3	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3
	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân	2	3	2	2	2	3	2	3	3	2	3	3
	Tổ chức môi trường học tập	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3

	Điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ	2	3	2	2	2	3	2	3	3	2	3	3
	Áp dụng các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật ở trường mầm non	3	2	3	2	2	3	2	3	3	3	3	3
	Phối hợp các lực lượng giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
Chương 3: hỗ trợ trẻ khiếm thính trong trường mầm non hòa nhập	Khái niệm, nguyên nhân và phân loại tật khiếm thính	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Ảnh hưởng của tật đến sự phát triển của trẻ khiếm thính	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Các phương pháp tiếp cận trong giao tiếp với trẻ khiếm thính	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Một số dụng cụ trợ thính cho trẻ khiếm thính	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
	Những hỗ trợ chung cho trẻ khiếm thính khi tổ chức hoạt động ở trường mầm non hòa nhập	1	2	2	2	3	2	2	3	2	3	3	3
	Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ khiếm thính ở trường mầm non	2	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	3
Chương 4: Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong trường mầm non hòa nhập	Khái niệm về khuyết tật trí tuệ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Một số hội chứng và rối loạn thường đi kèm với khuyết tật trí tuệ	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Ảnh hưởng của khuyết tật trí tuệ đối với sự phát triển của trẻ	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3
	Một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong lớp mầm non hòa nhập	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3
Chương 5: Hỗ trợ trẻ khiếm thị trong trường mầm non hòa nhập	Khái niệm về trẻ khiếm thị	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Nguyên nhân gây khiếm thị	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3
	Ảnh hưởng của tật khiếm thị đến học tập và phát triển của trẻ khiếm thị	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3

	Các biện pháp giáo dục cho trẻ khiếm thị tuổi mầm non	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3
	Tổ chức một số hoạt động trong lớp hòa nhập cho trẻ khiếm thị	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
	Tổ chức hoạt động có chủ đích hỗ trợ cá nhân trong lớp hòa nhập.	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 6: Hỗ trợ các nhóm khuyết tật khác trong trường mầm non hòa nhập	Hỗ trợ trẻ khó khăn về ngôn ngữ	1	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3
	Hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi cảm xúc	1	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3
	Hỗ trợ trẻ khó khăn về học	1	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3
	Hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động	1	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp 2 – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về những vấn đề lý luận chung về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Khái niệm, đặc điểm từng nhóm trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ các nhóm trẻ này khi tổ chức môi trường và hoạt động trong lớp hòa nhập ở trường mầm non

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>Chương 1: Những vấn đề cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập</b>	2			
Lý thuyết	1.1 Trẻ khuyết tật 1.1.2. Phân loại khuyết tật 1.2. Các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật 1.2.1. Giáo dục chuyên biệt 1.2.2. Giáo dục bán hòa nhập 1.2.3. Giáo dục hòa nhập 1.3. Giáo dục hòa nhập trên thế giới và ở Việt Nam 1.3.1. Tình hình giáo dục hòa nhập trên thế giới 1.3.2. Tình hình giáo dục hòa nhập ở Việt Nam		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.3); [ Tr 5 - 23]	Trên lớp	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Tổ chức giáo dục hòa nhập</b>	4			
Lý thuyết	<p>2.1. Xác định nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ</p> <p>2.1.1. Nhu cầu</p> <p>2.1.2. Khả năng</p> <p>2.1.3. Nội dung, phương pháp tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật</p> <p>2.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân</p> <p>2.2.1. Khái niệm về kế hoạch giáo dục cá nhân</p> <p>2.2.2. Nội dung và bản kế hoạch giáo dục cá nhân</p> <p>2.2.3. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân</p> <p>2.3. Tổ chức môi trường học tập</p> <p>2.3.1. Những yêu cầu đối với môi trường học tập cho trẻ khuyết tật</p> <p>2.3.2. Thiết kế và sắp xếp môi trường học tập cho trẻ khuyết tật</p> <p>2.4. Điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ</p> <p>2.4.1. Khái niệm điều chỉnh chương trình trong tổ chức hoạt động cho trẻ khuyết tật</p> <p>2.4.2. Nội dung điều chỉnh</p> <p>2.4.3. Phương pháp điều chỉnh</p> <p>2.5. Áp dụng các phương thức hỗ trợ trẻ khuyết tật ở trường Mầm non</p> <p>2.5.1. Phương thức hỗ trợ dựa vào giáo viên</p> <p>2.5.2. Phương thức hỗ trợ dựa vào bạn cùng lớp</p> <p>2.5.3. Phương thức hỗ trợ dựa vào các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày</p> <p>2.5.4. Phương thức hỗ trợ dựa vào hoàn cảnh cụ thể</p>		Học học liệu số 1: chương 2 (các mục 2.1-2.6); [Tr 24 - 52]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.6. Phối hợp các lực lượng giáo dục 2.6.1. Phối hợp với gia đình trẻ 2.6.2. Phối hợp với giáo viên hỗ trợ 2.6.3. Phối hợp với các lực lượng khác				
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2, trong học liệu số 1,		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3: Hỗ trợ trẻ khiếm thính trong trường Mầm non hòa nhập</b>	6 (4;2)			
Lý thuyết	3.1. Khái niệm, nguyên nhân và phân loại tật khiếm thính 3.1.1. Cấu tạo tai 3.1.2. Khái niệm về tật điếc, khiếm thính 3.1.3. Các loại điếc 3.1.4. Mức độ khiếm thính 3.1.5. Những nguyên nhân gây khiếm thính ở trẻ em 3.2. Ảnh hưởng của tật đến sự phát triển của trẻ khiếm thính 3.3. Các phương pháp tiếp cận trong giao tiếp với trẻ khiếm thính 3.4. Một số dụng cụ trợ thính cho trẻ khiếm thính 3.4.1. Máy trợ thính 3.4.2. Ốc tai điện tử 3.4.3. Hệ thống FM 3.5. Những hỗ trợ chung cho trẻ khiếm thính khi tổ chức hoạt động ở trường Mầm non hòa nhập 3.5.1. Giúp trẻ đọc hình miệng 3.5.2. Sắp xếp vị trí trẻ khiếm thính trong lớp 3.5.3. Cung cấp các hỗ trợ thị giác cho trẻ khiếm thính 3.5.4. Điều chỉnh việc sử dụng		Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1- 3.6 ; [Tr53 - 85)	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>phương pháp dạy học dung lời của giáo viên</p> <p>3.5.5. Tạo môi trường nghe thích hợp cho trẻ khiếm thính</p> <p>3.6. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ khiếm thính ở trường Mầm non</p> <p>3.6.1. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ khiếm thính ở trường mầm non</p> <p>3.6.2. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ khiếm thính</p> <p>3.6.3. Tổ chức hoạt động học có chủ đích hỗ trợ cá nhân cho trẻ khiếm thính</p>				
Bài tập	Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 4, 5 (các mục 3.1-3.6), Học học liệu số 2: Chương 1, 2 (các mục 1.1-1.3; 2.1 -2.6)		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong trường mầm non hòa nhập</b>	6 (4;2)			
Lý thuyết	<p>4.1. Khái niệm về khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.1.1. Thế nào là khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.1.2. Phân loại mức độ khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.1.3. Nguyên nhân gây khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.2. Một số hội chứng rối loạn thường đi kèm với khuyết tật trí tuệ</p> <p>4.2.1. Hội chứng Down</p> <p>4.2.2. Hội chứng gây nhiễm sắc thể X</p> <p>4.2.3. Hội chứng Rett</p> <p>4.2.4. Hội chứng tăng động giảm tập trung ADHD</p> <p>4.2.5. Trẻ có rối loạn phổ tự kỉ</p> <p>4.3. Ảnh hưởng của khuyết tật trí tuệ đối với sự phát triển của</p>		Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1- 4.4); [Tr 86 – 119]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trẻ 4.3.1. Đối với trẻ khuyết tật trí tuệ nhẹ 4.3.2. Trẻ khuyết tật trí tuệ mức độ trung bình 4.3.3. Trẻ khuyết tật trí tuệ mức độ nặng và rất nặng				
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
Lý thuyết	4.4. Một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong lớp Mầm non hòa nhập 4.4.1. Lập kế hoạch giáo dục trẻ 4.4.2. Sắp xếp môi trường lớp học 4.4.3. Điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động trong lớp hòa nhập có trẻ khuyết tật trí tuệ				
Bài tập	Câu hỏi ôn tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 1		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5: Hỗ trợ trẻ khiếm thị trong trường mầm non hòa nhập</b>	6 (4;2)			
Lý thuyết	5.1. Khái niệm trẻ khiếm thị 5.2. Nguyên nhân gây khiếm thị 5.3. Ảnh hưởng của tật khiếm thị đến học tập và phát triển của trẻ khiếm thị 5.2.2. Phát hiện sớm trẻ khó khăn về vận động 5.2.3. Những hỗ trợ đối với trẻ khó khăn về vận động 5.2.4. Các hoạt động nhằm luyện tập, phục hồi chức năng cho trẻ 5.3. Thực hành thiết kế một số hoạt động phục hồi chức năng ngôn ngữ, vận động cho trẻ khó khăn về ngôn ngữ và vận động. 5.3.1. Sự phát triển nhận thức 5.3.2. Sự phát triển khả năng giao tiếp xã hội		Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.6), [Tr 120 – 137]	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Ý thuyết	<p>5.3.3. Sự phát triển ngôn ngữ</p> <p>5.3.4. Sự phát triển vận động</p> <p>5.4. Các biện pháp giáo dục cho trẻ khiếm thị tuổi mầm non</p> <p>5.4.1. Điều chỉnh và sắp xếp môi trường phù hợp với tật thị giác</p> <p>5.4.2. Xây dựng bầu không khí tích cực ở trường học, giúp trẻ khiếm thị có tâm lí an toàn tự tin thoải mái.</p> <p>5.4.3. Tiếp cận giáo dục cá biệt dựa trên giáo dục cá nhân</p> <p>5.4.4. Sử dụng các công cụ hỗ trợ</p> <p>5.4.5. Tận dụng tối đa các giác quan còn lại của trẻ khiếm thị</p> <p>5.5. Tổ chức một số hoạt động trong lớp hòa nhập cho trẻ khiếm thị</p> <p>5.5.1. Làm quen với biểu tượng toán học</p> <p>5.5.2. Làm quen với môi trường xung quanh</p> <p>5.5.3. Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ khiếm thị</p> <p>5.5.4. Phát triển kỹ năng vận động</p> <p>5.5.5. Hướng dẫn trò chơi</p> <p>5.6. Tổ chức hoạt động có chủ đích hỗ trợ cá nhân trong lớp hòa nhập</p> <p>5.6.1. Thế nào là hoạt động có chủ đích hỗ trợ cá nhân cho trẻ khiếm thị</p> <p>5.6.2. Phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị thông qua hoạt động chủ đích hỗ trợ cá nhân</p>				
Bài tập	Bài tập tương ứng của học liệu số 1: Chương 5.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 6: Hỗ trợ trẻ các</b>	6			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>nhóm khuyết tật khác trong trường mầm non hòa nhập</b>	(4;2)			
Lý thuyết	<p><b>6.1. Hỗ trợ trẻ khó khăn về ngôn ngữ</b></p> <p>6.1.1. Khái niệm về trẻ khó khăn ngôn ngữ</p> <p>6.1.2. Nguyên nhân gây khó khăn về ngôn ngữ ở trẻ</p> <p>6.1.3. Các dạng khó khăn ngôn ngữ thường gặp ở trẻ độ tuổi mầm non</p> <p>6.1.4. Một số dấu hiệu nhận biết trẻ có khả năng về ngôn ngữ</p> <p>6.1.5. Những hỗ trợ cho trẻ khó khăn về ngôn ngữ trong lớp học hòa nhập</p> <p><b>6.2. Hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi và cảm xúc trong lớp mầm non hòa nhập</b></p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Biểu hiện của trẻ rối loạn hành vi, cảm xúc và những ảnh hưởng của nó đến học tập và phát triển của trẻ</p> <p>6.2.3. Hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi và cảm xúc trong lớp mầm non hòa nhập</p> <p><b>6.3. Hỗ trợ trẻ khó khăn về học trong trường mầm non hòa nhập</b></p> <p>6.3.1. Khái niệm khó khăn về học và nguyên nhân</p> <p>6.3.2. Ảnh hưởng của khó khăn về học đến học tập và phát triển của trẻ mầm non</p> <p>6.3.3. Một số biện pháp hỗ trợ trẻ khó khăn về học trong trường mầm non hòa nhập</p> <p><b>6.4. Hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động trong trường mầm non hòa nhập</b></p> <p>6.4.1. Những vấn đề chung về trẻ khó khăn vận động</p> <p>6.4.2. Một số dấu hiệu nhận biết trẻ có khó khăn về vận động</p> <p>6.4.3. Những hỗ trợ đối với trẻ có khó khăn về vận động</p> <p>6.4.4. Một số hoạt động nhằm</p>		Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.6), [Tr 138 – 181]	Lớp học	
Lý thuyết					

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	luyện tập, phục hồi chức năng cho trẻ khó khăn vận động				
Bài tập	Bài tập tương ứng của học liệu số 1: Chương 6.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Ở thư viện. ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2012), *Giáo trình Giáo dục hòa nhập*; NXB Giáo dục Việt Nam.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Thị Minh Thành (Chủ biên), Nguyễn Nữ Tâm An (2014), *Giáo trình quản lý hành vi của trẻ khuyết tật trí tuệ*, NXB ĐHSPT

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5			2			4	6
6	2				4		6
7	2				4		6
8		1	1		2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	2				4		6
11	2				4		6
12			2			4	6
13	2				4		6
14	2				4		6
15			2			4	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>21</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>16</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có máy chiếu...

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi + đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2,3: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4,5,6: (5 điểm)	60 p	15	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Khánh Trình
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Phòng Đào tạo
- Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo, trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0978.090.017; Email: trinhvtk.dhtt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học máy tính.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Ma Thị Hồng Thu.
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, phòng Quản lý sinh viên.
- Địa chỉ liên hệ: phòng Quản lý sinh viên, trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0978.066.984; Email: [thutq7@gmail.com](mailto:thutq7@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học máy tính.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ứng dụng CNTT trong Giáo dục Mầm non.
- Mã học phần: TN2.1.504.2.
- Số tín chỉ: 02.
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết:
    - Tin học đại cương;

- Phương pháp dạy học các môn học ở Mầm non

- Tiết t<sub>in</sub> chỉ đ<sub>oi</sub> với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 14

+ Bài tập trên lớp và kiểm tra: 16

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60.

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Toán - Tin

+ Khoa: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật và Công nghệ

### 3. Mục tiêu chung

Giải thích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong Giáo dục Mầm non. Nắm được cách thức vận dụng, khai thác một số phần mềm công cụ và phần mềm giáo dục để xây dựng các hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên ở tất cả các môn học của Mầm non. Xây dựng được các kịch bản và thiết kế được bài dạy có ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên. Tích cực và tự giác ứng dụng CNTT trong dạy học nhằm góp phần đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng giáo dục Mầm non hiện nay. Có ý thức tìm hiểu cập nhật ứng dụng những phần mềm mới vào dạy học cũng như hỗ trợ học tập và hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Biết được tình hình ứng dụng CNTT trong dạy học ở Việt Nam và thế giới, thấy được xu hướng phát triển của CNTT và tác động của CNTT trong giáo dục và đào tạo.</li><li>- Biết được các chức năng chính của phần mềm công cụ và khả năng ứng dụng trong thiết kế bài giảng ở Mầm non.</li></ul>
CĐR 2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xác định được một số yêu cầu cơ bản của việc ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.</li><li>- Xác định rõ quy trình thiết kế bài giảng có UDCNTT ở Mầm non.</li></ul>
CĐR 3	Hệ thống được mục tiêu, nội dung chính và một số lưu ý trong UDCNTT để thể hiện các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực trong môn học ở Mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	

Kỹ năng cứng	
CĐR 5	- Có khả năng vận dụng các kiến thức về tin học để giải các bài toán chuyên môn nghiệp vụ. - Thiết kế và sử dụng được các bài giảng có ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.
CĐR 6	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá bài toán chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.
Kỹ năng mềm	
CĐR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CĐR 11	Từ những hiểu biết trên, người học có thể vận dụng phương pháp dạy học có sử dụng CNTT phù hợp với môi trường công tác của mình, xác định được những điểm phù hợp của mỗi loại phần mềm, từ đó chuẩn bị những ý tưởng cũng như thiết kế bài giảng cụ thể nhằm UDCNTT trong dạy học ở Mầm non

### 5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
						Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
Chương I: Những vấn đề chung về ứng	1. Xu hướng phát triển CNTT.	1										

dụng CNTT trong giáo dục Mầm non	2. Tác động của CNTT trong Giáo dục và Đào tạo.	1					1		1	1		
	3. Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.		1		1		2		1	1		2
Chương II: Sử dụng một số phần mềm công cụ thông dụng	1. Một số kỹ thuật xử lý văn bản nâng cao với phần mềm Microsoft Word.	1				2	2	1		1	1	
	2. Một số kỹ thuật tính toán nâng cao trong phần mềm Microsoft Excel.	1				2	2	1		1	1	1
	3. Khai thác và ứng dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong dạy học Mầm non.				1	2		2				2
	4. Một số thao tác nâng cao với trình		1			2		1			1	2

	duyet web.											
Chương III: Sử dụng một số phần mềm giáo dục trong dạy học ở Mầm non	1. Khai thác và ứng dụng phần mềm Violet trong dạy học Mầm non.			1		2		2			1	
	2.Sử dụng một số phần mềm công cụ khác.	1				2		2		1		
Chương IV Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non	1. Một số yêu cầu cơ bản về ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.	1	1	1						2		2
	2. Xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.		2	2		2		2			2	
	3. Cấu trúc một bài giảng trên máy tính.		1			2			2		2	1
	4. Tập thiết kế bài giảng có		2			2		2		2		2

ứng dụng CNTT ở Mầm non.												
--------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Có đóng góp; 2 - Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này bao gồm 4 chương:

**Chương I:** Trang bị cho Người học một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học cơ sở; xu hướng phát triển CNTT và tác động của CNTT trong Giáo dục và Đào tạo; phân tích và đánh giá được tính hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong giáo dục.

**Chương II:** Người học tiếp tục làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, sử dụng phần mềm bảng tính MS Excel để tính toán nâng cao; những kiến thức nâng cao để khai thác và ứng dụng phần mềm Microsoft Powerpoint trong dạy học Mầm non. Ngoài ra có thể thao tác nâng cao với trình duyệt web.

**Chương III:** Người học khai thác và ứng dụng được phần mềm violet và sử dụng được một số phần mềm công cụ khác.

**Chương IV:** Người học được trang bị kiến thức cơ bản về ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non; xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non; cấu trúc một bài giảng trên máy tính; khai thác được các phần mềm giáo dục, vận dụng được quy trình thiết kế để tiến hành thiết kế được bài giảng có ứng dụng CNTT.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>				
	<b>Chương I Những vấn đề chung về ứng dụng CNTT trong giáo dục Mầm non</b>	2			
Lý thuyết	1. Xu hướng phát triển CNTT. 2. Tác động của CNTT trong Giáo dục và Đào tạo. 3. Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non.	2	Học liệu số 1	Lớp học.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng để: biết vai trò và hiểu được tại sao CNTT lại có vai trò to lớn đối với giáo	4	Học liệu số 1	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	đọc nói riêng và cuộc sống nói chung; phân tích được xu hướng của ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đánh giá được hiệu quả của chúng				
	<b>Chương II Sử dụng một số phần mềm công cụ thông dụng</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	1. Một số kỹ thuật xử lý văn bản nâng cao với Microsoft Word. 2. Một số kỹ thuật nâng cao với Microsoft Excel. 3. Khai thác và ứng dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong dạy học Mầm non. 4. Một số thao tác nâng cao với trình duyệt Web.	5	Học liệu số 2.	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v)	Sinh viên làm các bài tập thành thạo theo yêu cầu của giảng viên.	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Phòng máy tính.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;	20	Sinh viên phải thực hành thành thạo theo các yêu cầu, bài tập của giảng viên.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương III Sử dụng một số phần mềm giáo dục trong dạy học ở Mầm non</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	1. Khai thác và ứng dụng phần mềm Violet trong dạy học Mầm non. 2. Sử dụng một số phần mềm công cụ khác.	3	Học liệu số 3, 4, 5.	Phòng máy tính.	
	<b>Tín chỉ 2</b>				
	<b>Chương III</b>	<b>8</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Sử dụng một số phần mềm giáo dục trong dạy học ở Mầm non</b>				
Lý thuyết	2. Sử dụng một số phần mềm công cụ khác (tiếp) Kiểm tra giữa kỳ	1	Học liệu số 5.	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v)	Sinh viên sử dụng được một số phần mềm giáo dục như Microsoft PowerPoint, Violet, ... khai thác và ứng dụng được chức năng của các phần mềm giáo dục trong thiết kế và tổ chức dạy học ở Mầm non	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Phòng máy tính	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương IV: Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	1. Một số yêu cầu cơ bản về ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non. 2. Xây dựng quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT trong dạy học ở Mầm non. 3. Cấu trúc một bài giảng trên máy tính. 4. Tập thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT ở Mầm non. 5. Tìm hiểu hoạt động trên lớp với bảng giảng có ứng dụng CNTT.	3	Học liệu số 1, 2, 3	Phòng máy tính.	
Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v)	Sinh viên phải biết cách thiết kế một bài giảng có ứng dụng CNTT; phân tích được quy trình thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT; khai thác được các phần mềm giáo dục, vận dụng được quy trình thiết kế để tiến hành thiết kế được bài	7	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Phòng máy tính.	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	giảng có ứng dụng CNTT				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức để thiết kế các trang trình diễn.	20	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đào Thái Lai (2006), *Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở Tiểu học*, Nxb Giáo dục.

[2] Bộ môn Tin học - Trường Đại học Tân Trào (2013), *Giáo trình Microsoft Office 2010*, Lưu hành nội bộ.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] <http://thcsdongkhoidq1.hcm.edu.vn/tin-hoc/huong-dan-su-dung-phan-mem-violet-c44588-63717.aspx>

[4] [http://daklak.violet.vn/present/show/entry\\_id/9805270](http://daklak.violet.vn/present/show/entry_id/9805270)

[5] <http://thuthuat.taimienphi.vn/tao-video-bang-proshow-producer-2265n.aspx>

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	1		1		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	1		1		2	2	6
10			2		2	2	6
11	2				2	2	6
12	1		1		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>24</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có projector, phòng máy tính, máy tính có cài đặt các phần mềm học tập MS Office, có kết nối Internet.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần:

11.1. Điểm thành phần 1: Một điểm chuyên cần: 10%;

11.2. Điểm thành phần 2: Có một điểm kiểm tra thường xuyên: 30%;

11.3. Điểm thành phần 3: Một điểm thi kết thúc học phần: 60%;

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Thực hành	Số lượng câu hỏi: 02; Nội dung câu hỏi tương ứng: - Tỉn chỉ 1: 1 câu, 4 điểm; - Tỉn chỉ 2: 1 câu, 6 điểm;	60 phút	(Theo yêu cầu của phòng Khảo thí)

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0942.155.698; [haiyentq1978@gmail.com](mailto:haiyentq1978@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Đinh Thị Lương
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0168.7373.085 (Email: [dingthiluong83@gmail.com](mailto:dingthiluong83@gmail.com))
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học
- Mã học phần: MN2.1.016.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần văn học dân gian Việt Nam
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập, thảo luận trên lớp: 5 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non.

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu chung của học phần

+ Giúp sinh viên nắm được những vấn đề lý luận chung về phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

+ Hiểu rõ các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non.

+ Có kỹ năng vận dụng các hình thức và phương pháp cơ bản khi tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non.

+ Rèn cho sinh viên kỹ năng thiết kế hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện.

+ Sinh viên tích cực học tập có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Nắm vững nội dung và kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ.
CĐR 2	Nắm vững nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em. Các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.
CĐR 3	Nắm vững cách tổ chức hoạt động kể truyện, đọc truyện cho trẻ nghe, cách tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện, cách tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe, dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm, cách tổ chức hoạt động dạy trẻ học thuộc tục ngữ, ca dao, đồng dao, cách tổ chức trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học.
<b>Về kỹ năng</b>	

CĐR 4	Có khả năng vận dụng kiến thức đã học trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.  Có khả năng tìm hiểu, liên hệ với thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non.
CĐR 5	Có kỹ năng soạn giáo án cho trẻ làm quen với văn học.
CĐR 6	Có kỹ năng thực hành dạy trẻ mầm non làm quen với thơ và truyện.
<b>VỀ THÁI ĐỘ, NĂNG LỰC TỰ CHỦ</b>	
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học. Có thái độ nghiêm túc, tự giác, ham học hỏi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của môn học.
CĐR 8	Tích cực, chủ động trong học tập và làm việc theo nhóm.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

#### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng	Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
Chương 1: Những vấn đề lý luận chung	<b>1. Khoa học về phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b> 1.1. Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà Nước đối với ngành giáo dục mầm non 1.2. Xây dựng chương trình, quan niệm của các nhà giáo dục về văn học dành cho trẻ em 1.3. Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là một khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>2. Khái niệm làm quen với tác phẩm văn học</b>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>3. Ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b> 3.1. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần mở rộng nhận	3	3	3	3	3	3	3	3	3

	<p>thức, phát triển trí tuệ cho trẻ</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục đạo đức</p> <p>3.3. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục thẩm mỹ</p> <p>3.4. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần phát triển ngôn ngữ</p> <p>3.5. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học phát triển ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm</p>									
	<p><b>4. Nội dung và kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b></p> <p>4.1. Nội dung chương trình làm quen với văn học ở trường mầm non</p> <p>4.2. Kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với văn học</p>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<p><b>5. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em</b></p> <p>5.1. Đặc trưng của tiếp nhận văn học nghệ thuật</p> <p>5.2. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ em</p>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
<p><b>Chương 2:</b> Các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</p>	<p><b>1. Nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em</b></p> <p>1.1. Bản chất và đặc trưng của tác phẩm văn học</p> <p>1.2. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em</p>	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<p><b>2. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.1. Phát huy tính tích cực sáng tạo của chủ thể trẻ em trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.2. Đảm bảo tính vừa sức</p> <p>2.3. Đảm bảo tính sư phạm, hệ thống trong kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với tác</p>	3	3	3	2	2	2	2	2	2

	<p>phẩm văn học</p> <p>2.4. Phải đảm bảo sự gợi cảm thâm mỹ, hứng thú</p> <p>2.5. Hướng trẻ vào cảm nhận giá trị nội dung, hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>2.6. Tích hợp nội dung hướng vào mục tiêu giáo dục, đặc biệt văn học và ngôn ngữ trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.7. Thống nhất các nguyên tắc, phối hợp các phương pháp, biện pháp</p>									
	<p><b>3. Các hình thức tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>3.1. Quan niệm về các hình thức dạy học</p> <p>3.2. Các hình thức tổ chức làm quen với tác phẩm văn học theo truyền thống và đổi mới</p>	3	3	3	2	2	2	2	2	2
	<p><b>4. Các phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>4.1. Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật</p> <p>4.2. Trao đổi gợi mở- trò chuyện với trẻ về tác phẩm văn học</p> <p>4.3. Sử dụng các phương tiện trực quan</p> <p>4.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật</p>	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<p><b>Chương 3: Phương pháp tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b></p>	<p><b>1. Tổ chức hoạt động kể cho trẻ nghe truyện</b></p> <p>1.1. Hoạt động kể cho trẻ nghe truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>1.2. Cách thức thực hiện</p>	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	<p><b>2. Tổ chức hoạt động đọc truyện cho trẻ nghe</b></p> <p>2.1. Hoạt động đọc truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>2.2. Cách thức thực hiện</p>	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	<p><b>3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</b></p> <p>3.1. Hoạt động dạy trẻ kể lại truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>3.2. Cách thức thực hiện</p>	3	3	3	3	3	3	3	3	3

<b>4. Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</b> 4.1. Hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe với giáo dục trẻ em 4.2. Cách thức thực hiện	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>5. Tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm</b> 5.1. Hoạt động đọc thuộc thơ diễn cảm với giáo dục trẻ em 5.2. Cách thức thực hiện	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>6. Tổ chức hoạt động dạy trẻ học thuộc tục ngữ, ca dao, đồng dao</b> 6.1. Tục ngữ, ca dao, đồng dao với giáo dục trẻ em 6.2. Cách thức thực hiện	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>7. Tổ chức trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học</b> 7.1. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học 7.2. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học với giáo dục trẻ em 7.3. Quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1- Không đóng góp 2- Có đóng góp 3- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

a) Những vấn đề lý luận chung về phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

b) Các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non.

## 7. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1: Những vấn đề lý luận chung</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	<b>1.1. Khoa học về phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b> 1.1.1. Sự quan tâm chỉ đạo của	4	Học liệu số 1: chương 1 các mục từ mục I đến mục V		



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>Đảng và Nhà Nước đối với ngành giáo dục mầm non</p> <p>1.1.2. Xây dựng chương trình, quan niệm của các nhà giáo dục về văn học dành cho trẻ em</p> <p>1.1.3. Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là một khoa học</p> <p><b>1.2. Khái niệm làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p><b>1.3. Ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b></p> <p>1.3.1. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần mở rộng nhận thức, phát triển trí tuệ cho trẻ</p> <p>1.3.2. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục đạo đức</p> <p>1.3.3. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần giáo dục thẩm mỹ</p> <p>1.3.4. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học góp phần phát triển ngôn ngữ</p> <p>1.3.5. Tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học phát triển ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm</p> <p><b>1.4. Nội dung và kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b></p> <p>1.4.1. Nội dung chương trình làm quen với văn học ở trường mầm non</p> <p>1.4.2. Kết cấu của tổ chức hoạt động làm quen với văn học</p> <p><b>1.5. Đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ em</b></p> <p>1.5.1. Đặc trưng của tiếp nhận văn học nghệ thuật</p> <p>1.5.2. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ em</p>			Trên lớp	
Xêmina,	Tên chuyên đề xêmina, thảo	1	Nắm vững lý	Lớp học,	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
thảo luận	luận theo nội dung chương 1.		thuyết chương 1.	nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	10	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	<p><b>2.1. Nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em</b></p> <p>2.1.1. Bản chất và đặc trưng của tác phẩm văn học</p> <p>2.1.2. Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em</p> <p><b>2.2. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.2.1. Phát huy tính tích cực sáng tạo của chủ thể trẻ em trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.2.2. Đảm bảo tính vừa sức</p> <p>2.2.3. Đảm bảo tính sư phạm, hệ thống trong kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.2.4. Phải đảm bảo sự gợi cảm thẩm mỹ, hứng thú</p> <p>2.2.5. Hướng trẻ vào cảm nhận giá trị nội dung, hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>2.2.6. Tích hợp nội dung hướng vào mục tiêu giáo dục, đặc biệt văn học và ngôn ngữ trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.2.7. Thống nhất các nguyên tắc, phối hợp các phương pháp, biện pháp</p> <p><b>2.3. Các hình thức tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.3.1. Quan niệm về các hình</p>	8	Học liệu số 1: chương 2 các mục từ mục I đến mục IV.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>thức dạy học</p> <p>2.3.2. Các hình thức tổ chức làm quen với tác phẩm văn học theo truyền thống và đổi mới</p> <p><b>2.4. Các phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</b></p> <p>2.4.1. Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật</p> <p>2.4.2. Trao đổi gợi mở- trò chuyện với trẻ về tác phẩm văn học</p> <p>2.4.3. Sử dụng các phương tiện trực quan</p> <p>2.4.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật</p>				
Xêmina, thảo luận	Tên chuyên đề xêmina, thảo luận theo nội dung chương 2.	2	Nắm vững lý thuyết chương 2.	Lớp học, nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	20	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Phương pháp tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	<p><b>3.1. Tổ chức hoạt động kể cho trẻ nghe truyện</b></p> <p>3.1.1. Hoạt động kể cho trẻ nghe truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>3.1.2. Cách thức thực hiện</p> <p><b>3.2. Tổ chức hoạt động đọc truyện cho trẻ nghe</b></p> <p>3.2.1. Hoạt động đọc truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>3.2.2. Cách thức thực hiện</p> <p><b>3.3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</b></p> <p>3.3.1. Hoạt động dạy trẻ kể lại truyện với giáo dục trẻ em</p> <p>3.3.2. Cách thức thực hiện</p> <p><b>3.4. Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</b></p>	13	Học liệu số 1: chương 3 các mục từ mục I đến mục VII.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.4.1. Hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe với giáo dục trẻ em 3.4.2. Cách thức thực hiện <b>3.5. Tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm</b> 3.5.1. Hoạt động đọc thuộc thơ diễn cảm với giáo dục trẻ em 3.5.2. Cách thức thực hiện <b>3.6. Tổ chức hoạt động dạy trẻ học thuộc tục ngữ, ca dao, đồng dao</b> 3.6.1. Tục ngữ, ca dao, đồng dao với giáo dục trẻ em 3.6.2. Cách thức thực hiện <b>3.7. Tổ chức trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học</b> 3.7.1. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học 3.7.2. Trò chơi đóng kịch dựa theo tác phẩm văn học với giáo dục trẻ em 3.7.3. Quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch				
Thực hành	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 1. Tham khảo các bài tập trong chương 3 và chương 4 của học liệu số 2.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng thực hành.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào thực hành.	30	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Hà Nguyễn Kim Giang (2011), *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thu Hương (2011) “*Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề*” (3 độ tuổi), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2011), *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Lã Thị Bắc Lý (2013), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2004), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	1		1		2	2	6
10	2				2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	2				2	2	6
13	1		1		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	2				2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	24	1	5	0	30	30	90

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học rộng để thực hành, có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 1(3 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 2 ( 3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 3(4 điểm)	90'	10	

**Trọng số:** Mục 11.1 chiếm 1/10; Mục 11.2 chiếm 2/10; Mục 11.3 chiếm 7/10.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

Phương pháp biên đạo múa

### **1. Thông tin về giảng viên**

#### **Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Hà Thị Thuý Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 01666677723; Email: [halinh@gmail.com](mailto:halinh@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết nhạc lý cơ bản và Phương pháp dạy học âm nhạc, kỹ năng thực hành Múa.

#### **Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 0973102377; [nguyenthithanhthao77@gmail.com](mailto:nguyenthithanhthao77@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa học, Nhạc lý, Lịch sử âm nhạc, Kỹ xướng âm, Học hát, Phương pháp dạy học âm nhạc.

### **2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp biên đạo múa
- Mã học phần: NT 2.1.023.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Múa cơ bản
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết

- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 15 tiết
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Âm nhạc.
  - + Khoa: Văn hóa – Du lịch

### 3. Mục tiêu của học phần

- + Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa biên đạo
- + Sinh viên hiểu được phương pháp biên dạy múa cho trẻ ở trường mầm non.
- + Sinh viên hiểu cách xây dựng hình thức biểu diễn, nội dung tác phẩm (thể loại các hình thức múa) trong chương trình mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa biên đạo
CDR 2	Sinh viên hiểu được phương pháp biên dạy múa cho trẻ ở trường mầm non. Xây dựng được hình thức biểu diễn, nội dung tác phẩm (thể loại các hình thức múa) trong chương trình mầm non.
CDR 3	Sinh viên hiểu cách xây dựng hình thức biểu diễn, nội dung tác phẩm (thể loại các hình thức múa) trong chương trình mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biên dạy múa trong tiết học cho trẻ ở trường mầm non và dàn dựng các tác phẩm múa, về hình thức biểu diễn, nội dung tác phẩm.
CDR 5	Có kỹ năng thực hiện và truyền đạt những ý tưởng ngôn ngữ múa trong quá trình tư duy sáng tạo của mình
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 6	Có kỹ năng ứng dụng kiến thức môn học vào hoạt động âm nhạc ngoại khóa, hoạt động nghiệp vụ, hoặc các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	



CĐR 7	Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, phương pháp học tập khoa học,
CĐR 8	giáo dục đức tính kiên trì, chăm chỉ luyện tập cho sinh viên
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kỹ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	Cứng		Mềm	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
					C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6				
Chương 1: Nghệ thuật múa biên đạo	1.1. Khái quát về nghệ thuật múa biên đạo	2	1	1	2	2	1	2	2	1	1
	1.2. Phương pháp biên đạo múa	2	1	1	2	2	1	2	2	1	1
	1.3. Thành phần cấu tạo tác phẩm múa	2	1	1	2	2	1	2	2	1	1
Chương 2: Phương pháp biên dạy múa cho trẻ	2.1. Vai trò của múa trong công tác giáo dục trẻ	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	2.2. Đặc điểm tâm lý, sinh lý của trẻ đối với môn múa	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	2.3. Một số dạng múa trong trường Mầm non	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	2.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ	1	2	2	2	2	1	2	2	1	1
Chương 3: Biên soạn và biên đạo một số bài múa dạy trẻ	3.1. Biên soạn một số bài múa minh họa	1	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	3.2. Biên soạn một số bài múa biểu diễn	1	2	2	2	2	1	2	2	1	1

## 6. Tóm tắt nội dung học phần. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

a) Nghệ thuật múa biên đạo

b) Phương pháp biên dạy múa cho trẻ

c) Biên soạn một số bài múa dạy trẻ

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	Chương 1. Nghệ thuật múa biên đạo	5			
Lý thuyết	<p>1.1. Khái quát về nghệ thuật múa biên đạo</p> <p>1.1.1. Khái niệm, mục đích, yêu cầu của nghệ thuật múa biên đạo</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của công tác múa biên đạo</p> <p>1.2. Phương pháp biên đạo múa</p> <p>1.2.1. Khai thác đề tài</p> <p>1.2.2. Lựa chọn tác phẩm</p> <p>1.2.3. Xây dựng kịch bản</p> <p>1.2.4. Xây dựng đội hình</p> <p>1.3. Thành phần cấu tạo tác phẩm múa</p> <p>1.3.1. Động tác múa</p> <p>1.3.2. Hình tượng múa</p> <p>1.3.3. Tổ hợp động tác múa</p>		Học học liệu số 1: chương 2 (mục 1,2). Học liệu số 3: chương 2 (mục 1,2)		
	Chương 2: Phương pháp biên dạy múa cho trẻ	10		Trên lớp	
Lý thuyết	<p>2.1. Vai trò của múa trong công tác giáo dục trẻ</p> <p>2.2.1. Nghệ thuật múa với vai trò góp phần giáo dục thẩm mỹ và định hướng thẩm mỹ cho trẻ</p> <p>2.2.2. Nghệ thuật múa là phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ.</p> <p>2.2.3. Nghệ thuật múa là một phương tiện đóng vai trò phát triển thể chất</p> <p>2.2.4. Nghệ thuật múa là phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ</p> <p>2.2. Đặc điểm tâm lí, sinh lí của trẻ đối với môn múa</p>		Học học liệu số 1: chương 2 (mục 1, 2, 3, 4)		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.2.1. Đặc điểm tâm lí 2.2.2. Đặc điểm sinh lí 2.3. Một số dạng múa trong trường Mầm non 2.3.1. Múa biểu diễn 2.3.2. Múa minh họa 2.3.3. Múa sinh hoạt lễ hội 2.3.4. Múa- hoạt cảnh múa 2.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ 2.4.1. Lựa chọn chủ đề 2.4.2. Lựa chọn tác phẩm 2.4.3. Xây dựng động tác 2.4.4. Xây dựng đội hình 2.4.5. Dạy trẻ múa		Học liệu số 3 chương II		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào các bài múa cho trẻ	30	Yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào biên soạn các bài múa	Thư viện, ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>					
	Chương 3. Biên soạn và biên đạo một số bài múa dạy trẻ	15			
Bài tập	3.1. Một số bài múa minh họa - Cờ lá - Dân ca Đồng bằng Bắc bộ - Múa với bạn tây nguyên: Âm nhạc: Phạm Tuyên - Đội kèn tỳ hon – Âm nhạc: Phan Huỳnh Điểu - Làm chú bộ đội – Âm nhạc: Hoàng long - Nhớ ơn Bác – Phan Huỳnh Điểu - Bông hoa mừng cô – Âm nhạc: Trần Thị Duyên 3.2. Một số bài múa biểu diễn - Trống cơm - Dân ca quan họ Bắc Ninh - Cái bóng – Âm nhạc: Phan Huỳnh Bàng - Ngày đầu tiên đi học – Nguyễn Ngọc Thiệp- - Ba bà đi bán lợn con – Âm nhạc: Lê Cao Phan - Đi học – Âm nhạc: Bùi Đình		Học học liệu số 1, 3		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Thảo - Niềm vui của em – Âm nhạc Nguyễn Huy Hùng				
Tự học, tự nghiên cứu	Nghiên cứu cách biên đạo và làm việc nhóm hiệu quả.	30	Tăng cường làm việc nhóm, tập luyện thêm ngoài giờ học trên lớp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

[1] Lê Trọng Quang (2004), *Múa và phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non* (Tài liệu tham khảo), Hà Nội 2004.

[2] Viện khoa học giáo dục trung tâm nghiên cứu giáo dục mầm non - Chi hội tâm lý giáo dục mầm non (1996), *Một số điệu múa cho trẻ mẫu giáo*, Hà Nội.

[3] Trần Minh Trí ( ) *Múa (Giáo trình cao đẳng sư phạm)*, NXB Đại học sư phạm

[4] Trần Đức Viên, Hồng Quý (1996), *Giáo trình múa dân gian*, Trường múa Việt Nam, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8		1	1		2	2	6
9			2		2	2	6
10			2		2	2	6
11			2		2	2	6
12			2		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	8	1	21		30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần**

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>
Tự luận	Câu 1: Tỉn chỉ 1 (4 điểm) Câu 2: Tỉn chỉ 2 (6 điểm)	60 phút	10

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuykmn@gmail.com](mailto:thuykmn@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Tâm lý học mầm non.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nông Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0944710887; Email: [nonghuyencdtq@gmail.com](mailto:nonghuyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN
- Mã môn học: MN2.1020.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại môn học:
  - + Bắt buộc:
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần: Tâm lý học MN 1,2, Giáo dục MN 1,2, Chương trình giáo dục mầm non.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: **20** giờ
  - + Bài tập trên lớp: **25** giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 40 giờ
- Đơn vị phụ trách môn học:
  - + Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của môn học

Sinh viên nắm được hệ thống tri thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc của việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình, cách đánh giá việc sử dụng môi trường giáo dục mầm non. Khái niệm, ý nghĩa, nội dung của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập các loại kế hoạch để thực hiện chương trình. Thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Biết các tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động. Kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non...

- Các mục tiêu khác: Có tình cảm chân thành, yêu nghề, mến trẻ. Có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được học để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên hệ thống được tri thức cơ bản khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc của việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình, cách đánh giá việc sử dụng môi trường giáo dục mầm non. Khái niệm, ý nghĩa, nội dung của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
CDR 2	Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản liên quan đến khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc của việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình, cách đánh giá việc sử dụng môi trường giáo dục mầm non. Khái niệm, ý nghĩa, nội dung của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
CDR 3	Vận dụng được các vấn đề cơ bản liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có kỹ năng lập các loại kế hoạch để thực hiện chương trình. Thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề.
CDR 5	Có kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề.

CĐR 6	Có kỹ năng tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động
CĐR 7	Có kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 8	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
CĐR9	Có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được học để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 10	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 11	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 12	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non Có kỹ năng nghề nghiệp: Có tình cảm chân thành, yêu nghề, mến trẻ.

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng			Mềm				
		C Đ R1	C Đ R2	C Đ R3	C Đ R4	C Đ R5	C Đ R6	CĐ R7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R11	CĐR 12
<b>Chương 1. Phát triển chương trình GDMN</b>	I. Khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
	II. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
	III. Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non	2	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2
<b>Chương 2. Lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN</b>	I. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch	2	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2
	II. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	III. Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung của từng loại kế	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3



	hoạch													
<b>Chương 3</b> <b>Tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề.</b>	I. Quan điểm tích hợp	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	III. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

<b>Chương 4.</b> <b>Xây dựng MTGD trong trường MN</b>	I. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	2	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2
	II. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	III. Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	IV. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	V. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>Chương 5.</b> <b>Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN</b>	I. Khái niệm, ý nghĩa của việc đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	II. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về

Những hiểu biết chung về kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Cách xây dựng môi trường giáo dục.

Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục ở trường mầm non.

### 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		15			
	<b>Chương 1. Phát triển chương trình GDMN</b>	5			
Lý thuyết	I. Khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non II. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 1. Cơ sở lý luận 1.1. Các học thuyết cơ bản về sự phát triển trẻ em 1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non 1.3. Một số cách tiếp cận cơ bản và hình thức thiết kế chương trình 2. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non III. Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.3); Học liệu số 2,3	Trên lớp	
Bài tập	1.4. Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, tham khảo các vấn đề trong các học liệu 2, 3, 4	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		
	<b>Chương 2. Lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN</b>	15			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p>I. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm kế hoạch</li> <li>2. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non</li> </ol> <p>II. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng kế hoạch phải quán triệt mục tiêu giáo dục</li> <li>2. Xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn</li> <li>3. Xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tính phát triển</li> <li>4. Xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tính toàn diện</li> <li>5. Đảm bảo tính pháp lệnh của kế hoạch</li> </ol> <p>III. Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung của từng loại kế hoạch</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học cho từng độ tuổi</li> <li>2. Lập kế hoạch thực hiện chương trình theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ</li> <li>3. Lập kế hoạch thực hiện theo chủ đề</li> <li>4. Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục trong một ngày</li> <li>5. Kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ</li> </ol>		Học học liệu số 1: chương 2,3 (các mục 2.1-2.2; 3.1-3.2);	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2, trong học liệu số 1,	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
<b>Tín chỉ 2</b>		15			
Bài tập	Bài tập tương ứng của Chương 2, trong học liệu số 1,	5	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			Tham khảo học liệu số 2,3,4		
	<b>Chương 3. Tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề.</b>	14			
	I. Quan điểm tích hợp II. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề 1. Khái niệm về chủ đề 2. Yêu cầu đối với việc lựa chọn chủ đề 3. Các cách lựa chọn chủ đề 4. Tổ chức thực hiện chủ đề 5. Một số điểm cần lưu ý khi thực hiện cách tiếp cận tích hợp theo chủ đề III. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh 1. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chủ đề 2. Chương trình phát sinh	6	Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1 - 3.3) Học học liệu số 2,3,4	Lớp học	
Bài tập	Bài tập: Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 3	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập Tham khảo học liệu số 2,3,4	Lớp học	
<b>Tóm chỉ 3</b>		15			
Bài tập	Bài tập: Câu hỏi tương ứng trong học học liệu số 1: Chương 3	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập Tham khảo học liệu số 2,3,4	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Xây dựng MTGD trong trường MN</b>	7			
Lý thuyết	I. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN 1. Khái niệm 2. Ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm	3	Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1- 4.5). Tham khảo học liệu số 2,3,4	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>non</p> <p>II. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>III. Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng nội dung và lập sơ đồ</li> <li>Mua sắm, sưu tầm trang thiết bị, tranh ảnh, nguyên vật liệu...</li> <li>Sắp xếp, trang trí</li> <li>Sử dụng môi trường giáo dục</li> </ol> <p>IV. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho một giờ học</li> <li>Hướng dẫn cách thiết kế môi trường hoạt động ngoài trời</li> <li>Hướng dẫn cách thiết kế môi trường hoạt động chơi ở các góc</li> </ol> <p>V. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục</p>				
Bài tập	Câu hỏi ôn tập tương ứng của Chương 5 trong học liệu số 1	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.</li> <li>Tham khảo học liệu số 2,3,4</li> </ul>	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5. Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN</b>	4			
	<p>I. Khái niệm, ý nghĩa của việc đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khái niệm về đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non</li> <li>Mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình GDMN.</li> </ol> <p>II. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Các nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình</li> </ol>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.2),</li> <li>Học liệu số 2,3,4</li> </ul>		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ 1.2. Đánh giá việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của giáo viên 1.3. Đánh giá hoạt động quản lý trường 1.4. Đánh giá cơ sở vật chất của trường mầm non 2. Phương pháp đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3. Hình thức kiểm tra đánh giá				
Bài tập	Bài tập tương ứng của học liệu số 1: Chương 5 .	2	- Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi ôn tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi ôn tập.		Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.		

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thị Thu Hiền (2009), *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ GD & DT (2011), *Chương trình GD mầm non*, NXB GD VN.

[3] Lê Thu Hương (2010), *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường MN theo chủ đề cho trẻ 3-36 tháng, trẻ 3 – 6 tuổi*, NXB GD VN.

[4] Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP.

## 8. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				6		9
2	1		2		2		9
3	3				6		9

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
4	2		1		4		7
5			3				3
6			3				3
7	1		2		2		5
8	3				6		9
9	2		1		4		7
10			3				3
11			3				3
12	2		1		4		7
13	1		2		2		5
14	1		2		2		5
15	1		2		2		5
<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>		<b>25</b>		<b>40</b>		<b>87</b>

### 9. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 10. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 6, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2: (2 điểm)			

	<p>Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 2&amp;3: (3 điểm)</p> <p>Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 3,4,: (3 điểm)</p> <p>Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 3, chương 4,5 (2 điểm)</p>	120p	15 (60 câu)	
--	--	------	----------------	--

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Quản lý trong giáo dục mầm non

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Bùi Khánh Ly
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0987012615; Email: [buikhanhlytq@gmail.com](mailto:buikhanhlytq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0942.155.698; Email: [haiyentq1978@gmail.com](mailto:haiyentq1978@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quản lý trong giáo dục mầm non
- Mã học phần: MN2.1.019.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 8 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
  - + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về khoa học quản lý giáo dục Mầm non và nghiệp vụ quản lý trường Mầm non.
- Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng tri thức để giải quyết một số tình huống quản lý, kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng đánh giá thực trạng quản lý ở trường Mầm non.
- Các mục tiêu khác:
  - + Tích cực trong học tập, có ý thức tìm tòi và nghiên cứu tài liệu.
  - + Giáo dục sinh viên ý thức phấn đấu, rèn luyện phẩm chất, năng lực để trở thành người cán bộ quản lý trường Mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Người học hiểu được hệ thống những vấn đề lý luận chung về quản lý giáo dục
CDR 2	Người học hiểu được khái quát chung về trường mầm non, vai trò nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ quản lý, qua đó nắm vững nghiệp vụ quản lý trường mầm non
CDR 3	Hiểu được đặc điểm lao động sư phạm và công tác quản lý nhóm lớp của người giáo viên trong trường mầm non
CDR 4	Giúp sinh viên hiểu về những kiến thức cơ bản về quản lý phát triển năng lực giáo viên mầm non theo cách tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 5	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu, liên hệ thực tiễn quản lý giáo dục ở trường mầm non.
CDR 6	Kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, đánh giá, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong công tác quản lý nhóm lớp ở trường mầm non.
CDR 7	Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để thiết kế các hoạt động quản lý trong nhóm lớp, trường mầm non.

Về thái độ, năng lực tự chủ	
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						KNC		KN M			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10
Chương 1: Những vấn đề chung về quản lí giáo dục	Một số khái niệm cơ bản về quản lí và quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
	Mục tiêu quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Chức năng quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Nguyên tắc quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Quá trình quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Hình thức quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Thông tin quản lí giáo dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2: Quản lí trường mầm non	Khái quát chung về trường mầm non	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2
	Cán bộ quản lí trường mầm non	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2
	Nhiệm vụ quản lí	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3

	trường mầm non										
Chương 3: Giáo viên mầm non và công tác quản lí nhóm lớp trong trường mầm non	Người giáo viên mầm non	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Công tác quản lí nhóm lớp của giáo viên mầm non	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3
Chương 4: Quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non	Một số khái niệm cơ bản	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2
	Năng lực	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Phát triển năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Quản lý phát triển năng lực giáo viên mầm non theo cách tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- a) Những vấn đề chung về quản lý giáo dục
- b) Quản lý trường mầm non
- c) Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non
- d) Quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1: Những vấn đề chung về quản lý giáo dục</b>	<b>7</b>			
Lý thuyết	<b>1.1. Một số khái niệm cơ bản về quản lý</b>		Học liệu số 1:		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p><b>và quản lý giáo dục</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm chung về quản lý</p> <p>1.1.2. Khái niệm quản lý giáo dục</p> <p><b>1.2. Mục tiêu quản lý giáo dục</b></p> <p>1.2.1. Khái niệm mục tiêu quản lý giáo dục</p> <p>1.2.2. Hệ thống mục tiêu quản lý giáo dục</p> <p><b>1.3. Chức năng quản lý giáo dục</b></p> <p>1.3.1. Khái niệm chức năng quản lý</p> <p>1.3.2. Phân loại chức năng quản lý giáo dục</p> <p><b>1.4. Nguyên tắc quản lý giáo dục</b></p> <p>1.4.1. Khái niệm nguyên tắc quản lý</p> <p>1.4.2. Hệ thống các nguyên tắc quản lý giáo dục</p> <p><b>1.5. Phương pháp quản lý giáo dục</b></p> <p>1.5.1. Khái niệm phương pháp quản lý giáo dục</p> <p>1.5.2. Các phương pháp quản lý giáo dục</p> <p><b>1.6. Quá trình quản lý giáo dục</b></p> <p>1.6.1. Khái niệm quá trình quản lý</p> <p>1.6.2. Các giai đoạn của quá trình quản lý giáo dục</p> <p><b>1.7. Hình thức quản lý giáo dục</b></p> <p>1.7.1. Ban hành các mệnh lệnh, quyết định quản lý</p> <p>1.7.2. Hình thức hội nghị</p> <p>1.7.3. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật để điều hành bộ máy</p> <p><b>1.8. Thông tin trong quản lý giáo dục</b></p> <p>1.8.1. Khái niệm chung về thông tin và thông tin quản lý</p> <p>1.8.2. Các hình thức thông tin trong quản lý giáo dục</p> <p>1.8.3. Các yêu cầu của thông tin trong quản lý giáo dục</p> <p>1.8.4. Các bước khai thác, xử lý thông tin trong quản lý giáo dục</p> <p>1.8.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng thông tin trong quản lý giáo dục</p>		chương 1 các mục từ mục I đến mục VIII.	Trên lớp	
Xêmina, thảo luận	Tên chuyên đề xêmina, thảo luận theo nội dung chương 1.	2	Nắm vững lý thuyết chương 1.	Lớp học, nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	15	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Quản lý trường mầm non</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	<b>2.1. Khái quát chung về trường mầm non</b>		Học liệu số 1: chương 2 các mục		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1.1. Vị trí của trường mầm non 2.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường mầm non 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường mầm non 2.1.4. Các loại hình trường lớp mầm non <b>2.2. Cán bộ quản lý trường mầm non</b> 2.2.1. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng 2.2.2. Yêu cầu đối với cán bộ quản lý trường mầm non <b>2.3. Nghiệp vụ quản lý trường mầm non</b> 2.3.1. Lập kế hoạch trong trường mầm non 2.3.2. Quản lý số lượng trẻ trong trường mầm non 2.3.3. Quản lý các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ 2.3.4. Quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên 2.3.5. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong trường mầm non 2.3.6. Quản lý công tác hành chính trong trường mầm non 2.3.7. Trường mầm non với công tác xã hội hóa giáo dục 2.3.8. Kiểm tra nội bộ trường mầm non 2.3.9. Tổ chức khoa học lao động quản lý trong trường mầm non		từ mục I đến mục III.	Trên lớp	
Xêmina, thảo luận	Tên chuyên đề xêmina, thảo luận theo nội dung chương 2.	2	Nắm vững lý thuyết chương 2.	Lớp học, nhóm hoạt động	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng.	15	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm, lớp trong trường mầm non</b>	<b>7</b>			
Lý thuyết	<b>3.1. Người giáo viên mầm non</b> 3.1.1. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non 3.1.2. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non 3.1.3. Yêu cầu đối với giáo viên mầm non <b>3.2. Công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non</b> 3.2.1. Tìm hiểu, nắm vững đặc điểm của		Học liệu số 1: chương 3 các mục từ mục I đến mục II.	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trẻ 3.2.2. Xây dựng kế hoạch của nhóm lớp 3.2.3. Quản lý trẻ trong nhóm lớp 3.2.4. Đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ 3.2.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ 3.2.6. Quản lý cơ sở vật chất của nhóm-lớp 3.2.7. Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa giáo viên với gia đình trẻ				
Thực hành	Bài tập tương ứng của Chương 3 trong học liệu số 1.	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng thực hành.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào thực hành.	15	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4: Quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non</b>	<b>8</b>			
Lý thuyết	<b>4.1. Một số khái niệm cơ bản</b> 4.1.1. Kỹ năng 4.1.2. Kỹ năng nghề 4.1.3. Kỹ năng nghề giáo viên mầm non <b>4.2. Năng lực</b> <b>4.3. Phát triển năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề</b> <b>4.4. Quản lý phát triển năng lực giáo viên mầm non theo cách tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non</b> 4.4.1. Năng lực của giáo viên mẫu giáo trước yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non 4.4.2. Kỹ năng nghề giáo viên mẫu giáo 4.4.3. Quản lý phát triển năng lực giáo viên mẫu giáo theo cách tiếp cận kỹ năng nghề trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mẫu giáo				
Thực hành	Bài tập tương ứng của Chương 4 trong học liệu số 4 [57-62]	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng thực hành.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng vào thực hành.	15	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Thị Châu (2009), Giáo trình *Quản lý giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thị Loan (2014), Giáo trình *Quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1			1	2	2	6
3	2				2	2	6
4	1			1	2	2	6
5	2				2	2	6
6	1			1	2	2	6
7	2				2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	1			1	2	2	6
10	2				2	2	6
11	1			1	2	2	6
12	2				2	2	6
13	1			1	2	2	6
14	1			1	2	2	6
15	1			1	2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	21	1	0	8	30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%



**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi + đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: chương 1, chương 2 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 3 (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: chương 4 (3 điểm)	60'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Đánh giá trong giáo dục mầm non

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đinh Thị Lương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 01687373085; Email: [dinhthiluong83@gmail.com](mailto:dinhthiluong83@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0942155698; Email: [haiyencdtq@gmail.com](mailto:haiyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đánh giá trong giáo dục mầm non
- Mã học phần: MN2.1.020.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 19 tiết
- + Bài tập trên lớp: 10 tiết
- + Kiểm tra: 1 tiết
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về một số khái niệm, mục tiêu, nội dung về đánh giá trong giáo dục mầm non; đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non.

Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng xây dựng và sử dụng các tiêu chí và phương pháp đánh giá để đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, các hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non và sự phát triển tâm lý của trẻ. Kỹ năng thiết kế và sử dụng các công cụ đo lường và kỹ thuật đánh giá để đánh giá sự phát triển của trẻ; kỹ năng xử lý số liệu, phân tích và đưa ra nhận định từ những số liệu thu thập được.

Sinh viên yêu thích môn học; có ý thức thực hiện công tác theo dõi đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục và sự tiến bộ của trẻ trong trường mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản, tầm quan trọng của mục tiêu giáo dục đối với việc đánh giá trong giáo dục mầm non. Hiểu được nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non.
CĐR 2	Hiểu được một số khái niệm liên quan và những công việc cần tiến hành khi đánh giá cơ sở giáo dục mầm non.
CĐR 3	Hiểu được nội dung chương trình giáo dục mầm non và cách tổ chức đánh giá chương trình phù hợp.
CĐR 4	Hiểu được cấu trúc chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và các tiêu chí, minh chứng để đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
CĐR 5	Phân tích được xu thế đổi mới về đánh giá trẻ mầm non hiện nay, hiểu được nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ, biết thiết kế các công cụ đo lường phù hợp và phân tích kết quả đo.

<b>Về kỹ năng</b>	
CĐR 6	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu, liên hệ thực tiễn giáo dục ở các trường mầm non
CĐR 7	Kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, đánh giá, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CĐR 8	Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để thiết kế các tiêu chí, công cụ đánh giá thực tiễn chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
							KNC		KNM			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
Chương 1: Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non	Những vấn đề cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Mục tiêu giáo dục- cơ sở của đánh giá trong giáo dục mầm non	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	Nội dung và phương pháp đánh giá trong	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3

	giáo dục mầm non											
Chương 2: Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.	Một số khái niệm liên quan	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3
	Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3
Chương 3: Đánh giá chương trình giáo dục mầm non	Đánh giá chương trình giáo dục	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
	Chương trình Giáo dục mầm non	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
	Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình Giáo dục mầm non	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
Chương 4: Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	3
	Nguồn cung cấp minh chứng trong đánh giá giáo viên	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	3
	Nội dung các chỉ báo và minh chứng hướng dẫn đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	3
Chương 5: Đánh giá sự phát triển	Xu hướng đổi mới về đánh giá trẻ mầm non.	2	1	2	2	3	3	3	3	2	3	3

của trẻ mầm non	Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ	2	1	2	2	3	3	3	3	2	3	3
	Quy trình và kỹ thuật thiết kế công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ	2	1	1	2	3	3	3	3	2	3	3
	Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.	2	1	1	2	3	3	3	3	2	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp 2 – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá; Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm đánh giá các vấn đề cơ bản trong giáo dục mầm non như: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ mầm non.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non</b>	04			
Lý thuyết	1.1. Những vấn đề cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.2. Vị trí và vai trò của đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.3. Chức năng của đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.4. Những yêu cầu đối với	03	Học học liệu số 1: chương I (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>việc đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <p>1.2. Mục tiêu giáo dục- cơ sở của đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <p>1.2.1. Phân biệt định hướng, mục đích và mục tiêu giáo dục</p> <p>1.2.2. Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học phục vụ cho đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục</p> <p>1.3. Nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non</p> <p>1.3.1. Những nội dung đánh giá cơ bản trong giáo dục mầm non</p> <p>1.3.2. Một số phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non</p>				
Bài tập thực hành	Lựa chọn một nội dung bất kỳ trong chương trình giáo dục trẻ mầm non, vận dụng xây dựng quy trình xây dựng mục tiêu bài dạy. Đánh giá mục tiêu theo các thông số.	01	Học học liệu số 1: chương I (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	08	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.</b>	06			
Lý thuyết	<p>2.1. Một số khái niệm liên quan</p> <p>2.1.1. Cơ sở giáo dục mầm non</p>	04	Học học liệu số 1: chương II (Các mục I-II), và tham khảo một số tài liệu	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.1.2. Chất lượng – Chất lượng giáo dục – Chất lượng giáo dục mầm non</p> <p>2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>2.2.1. Chất lượng cơ sở giáo dục theo UNESCO</p> <p>2.2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>		thuộc học liệu 2,3,4,5,6		
Bài tập thực hành	Mô tả hiện trạng cơ sở giáo dục mầm non. Sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non để đưa ra nhận xét về cơ sở giáo dục mầm non này.	2	Học học liệu số 1: chương II (Các mục I-II), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	12	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3: Đánh giá chương trình giáo dục mầm non</b>	05			
Lý thuyết	<p>3.1. Đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.1. Chương trình giáo dục và đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.3. Các loại đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.4. Người đánh giá chương trình</p> <p>3.2. Chương trình Giáo dục mầm non</p>	03	Học học liệu số 1: chương III (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6	Trên lớp	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>3.2.1. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3.2.2. Nội dung chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3.3. Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</p> <p>3.3.1. Hình thức tổ chức đánh giá chương trình</p> <p>3.3.2. Những công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình giáo dục</p>				
Bài tập thực hành	Sử dụng các tiêu chí đánh giá chương trình để đánh giá chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam hiện nay (Đánh giá theo từng độ tuổi)	02	Học học liệu số 1: chương III (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập của chương.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 4: Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non</b>	07			
Lý thuyết	<p>4.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>4.1.1. Khái niệm “Chuẩn” và “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non”</p> <p>4.1.2. Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p> <p>4.2 Nguồn cung cấp minh</p>	04	Học học liệu số 1: Chương VI (các mục I-III) và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,3,5,6	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>chứng trong đánh giá giáo viên</p> <p>4.2.1. Nguồn cung cấp minh chứng về công việc ở trường của giáo viên</p> <p>4.2.2. Nguồn cung cấp minh chứng về các hoạt động khác của giáo viên</p> <p>4.3. Nội dung các chỉ báo và minh chứng hướng dẫn đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non</p>				
Bài tập thực hành Kiểm tra	Hãy tìm và viết thêm các minh chứng cho các tiêu chí chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non.	02 01	Học học liệu số 1:Chương VI (các mục I-IV) và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,5,6	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5: Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</b>	08			
Lí thuyết	<p>5.1. Xu hướng đổi mới về đánh giá trẻ mầm non.</p> <p>5.1.1. Một số vấn đề cơ bản về đánh giá trẻ mầm non</p> <p>5.1.2. Xu hướng đổi mới về đánh giá trẻ mầm non</p> <p>5.2. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>5.2.1. Các mốc phát triển kì vọng cho mỗi giai đoạn lứa tuổi của trẻ</p> <p>5.2.2. Chỉ số đánh giá sự phát</p>	05	Học học liệu số 1: chương V, VI (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,4,6,7	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>triển của trẻ mầm non</p> <p>5.3. Quy trình và kỹ thuật thiết kế công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>5.3.1. Quy trình đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</p> <p>5.3.2. Thiết kế các công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non</p> <p>5.4. Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.</p> <p>5.5. Xử lý kết quả và phân tích sự phát triển của trẻ mầm non.</p>				
Bài tập thực hành	Thu thập minh chứng cho sự phát triển của cá nhân trẻ trong lĩnh vực phát triển nhận thức. Xử lý kết quả và phân tích sự phát triển nhận thức của trẻ.	03	Học học liệu số 1: chương V (Các mục I-III), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,4,6,7	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập.	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, NXBGD Việt Nam, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ GD và Đào tạo (2011), *Chương trình GDMN*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non vào đánh giá giáo viên*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4]. Hoàng Chúng (2007), *Thống kê toán học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Hồ Lam Hồng (2008), *Nghề giáo viên mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	1		1		2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5			2		2	2	6
6	2				2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	2				2	2	6
10	1		1		2	2	6
11		1	1		2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14	1		1		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	19	1	10	0	32	28	90

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 11, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2 hoặc 3 (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4 hoặc 5 (5 điểm)	60 p	15 câu	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Đàn phím điện tử

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Đồng Thị Bích Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng môn Nghệ thuật
- Địa chỉ liên hệ: Môn Nghệ thuật Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0986589743; Email: dongbichlantq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Nhạc lý cơ bản, Phương pháp dạy học âm nhạc.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Bùi Quang Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Cử nhân
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng môn Nghệ thuật
- Địa chỉ liên hệ: Môn Nghệ thuật Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0972186102; Email: quangcanh26@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Nhạc lý cơ bản.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đàn phím điện tử
- Mã học phần: NT2.1.010.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc cơ bản
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 4 tiết
  - + Bài tập trên lớp, kiểm tra: 26 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Môn : Âm nhạc

+ Bộ môn: Nghệ thuật

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên hiểu cách sử dụng các chức năng của đàn phím điện tử; hiểu cách đàn một bản nhạc hay bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non.

- Về kỹ năng: Thực hành luyện ngón, luyện gam và thị tấu các bài hát đơn giản trong chương trình giáo dục Mầm non.

- Về thái độ: Chuyên cần, có ý thức học tập và thực hành bài tập trên lớp cũng như tự học ở nhà.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên hiểu cách sử dụng các chức năng của đàn phím điện tử
CDR 2	Sinh viên hiểu cách đàn một bản nhạc hay bài hát trong chương trình giáo dục Mầm non.
CDR 3	Sinh viên hiểu những kỹ thuật cơ bản khi đàn
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Rèn kỹ thuật đàn và các thao tác khi sử dụng đàn phím điện tử
CDR 5	Biết luyện ngón và đàn thành thạo một số bản nhạc đơn giản hoặc bài hát mầm non
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Có kỹ năng ứng dụng kiến thức môn học vào hoạt động âm nhạc ngoại khóa, hoạt động nghiệp vụ, hoặc các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân
CDR 8	Có tính kiên trì, bền bỉ trong việc luyện tập đàn

CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kỹ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
					Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10
Chương 1: Tìm hiểu về đàn phím điện tử	1.1. Giới thiệu nguồn gốc, cấu tạo đàn phím điện tử, cách sử dụng và bảo quản	2	1	1	2	2	1	2	2	1	1
	1.2. Làm quen với kỹ thuật cơ bản của tay trái và tay phải	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	1.3. Giới thiệu nốt nhạc trên phím đàn	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	1.4. Các bài luyện ngón	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
Chương 2: Các kỹ thuật cơ bản của điệu trưởng và phần đệm tự động	2.1. Tập phần giai điệu tay phải	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1
	2.2. Luyện tập kết hợp phần đệm tự động	2	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	2.3. Cách đệm hợp âm tay trái	2	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	2.4. Bài tập ứng dụng	2	2	2	2	2	1	2	2	1	1

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp cho người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất định về đàn phím điện tử và cách sử dụng đàn. Áp dụng kỹ năng cần thiết để thị tấu và đàn được các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>					
	<b>Chương 1: Tìm hiểu về đàn phím điện tử.</b>	<b>15</b>			



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	1.1. Giới thiệu nguồn gốc, cấu tạo đàn phím điện tử, cách sử dụng và bảo quản 1.2. Làm quen với kỹ thuật cơ bản của tay trái và tay phải 1.3. Giới thiệu nốt nhạc trên phím đàn 1.4. Các bài thực hành luyện ngón	2	Đọc học liệu số 1: chương 1, ( Các mục 1.1 đến 1.2 ) tham khảo các học liệu khác	Lớp học	
Bài tập	Bài tập tương ứng của chương 1 trong học liệu số 1	12	Nắm vững lý thuyết để vận dụng luyện tập	Lớp học.	
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	1		Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn lại nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên.	30	Vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1 để trả bài	Ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>				
	<b>Chương 2 Các kỹ thuật cơ bản của điệu trưởng và phần đệm tự động</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	2.1. Tập phân giai điệu tay phải 2.2. Luyện tập kết hợp phần đệm tự động 2.3. Cách đệm hợp âm tay trái 2.4. Bài tập ứng dụng	2	Học liệu số 1: chương 2, (Các mục 2.1 đến 2.5) tham khảo học liệu khác	Lớp học.	
Bài tập	Bài tập tương ứng của chương 2 trong học liệu số 1	13	Nắm vững lý thuyết để vận dụng luyện tập	Lớp học. Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức vào tập các bài thực hành.	30	Luyện tập thực hành sau khi nghe giảng lý thuyết.	Ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Tứ (2002), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử*, Nxb Đại học Sư phạm;

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Đồng Thị Bích Lan- Bùi Quang Cảnh, *Phương pháp thực hành đàn phím điện tử Yamaha 343* (Tài liệu sử dụng nội bộ), Trường Đại học Tân Trào;

[4] Phạm Thị Hoà, Ngô Thị Nam, *Giáo dục Âm nhạc tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, 2006;

[5] Trịnh Hoài Thu, *Phương pháp dạy học Ký xướng âm*, NXB Âm nhạc, Hà nội, 2011;

[6] Lê Thu Hương (2011), *Tuyển trò chơi, bài hát ,thơ ca truyện, câu đố mẫu giáo lứa tuổi trẻ 3-4-* NXB giáo dục Hà Nội;

[7] Lê Thu Hương (2011), *Tuyển trò chơi, bài hát ,thơ ca truyện, câu đố mẫu giáo lứa tuổi trẻ 4-5-*NXB giáo dục Hà Nội;

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	1		1		2	2	6
2	1		1		2	2	6
3	0		2		2	2	6
4	0		2		2	2	6
5	0		2		2	2	6
6	0		2		2	2	6
7	0		2		2	2	6
8	0	1	1		2	2	6
9	1		2		2	2	6
10	1		2		2	2	6
11	0		2		2	2	6
12	0		2		2	2	6
13	0		2		2	2	6
14	0		2		2	2	6
15	0		2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy: Phòng học có cách âm, có đàn. Phần lý thuyết và thực hành đan xen với nhau không tách rời, yêu cầu khi học giáo viên thị phạm, nghe và sửa cho từng sinh viên.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 85% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### **11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học**

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Số lượng đề</b>
Vấn đáp- Thực hành	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1: ( 3 điểm) Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2: (7 điểm)	Mỗi sinh viên từ 3-5 phút	5

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Mĩ thuật cơ bản

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Lê Thị Quỳnh Hoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Văn hóa - Du lịch.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Văn hóa - Du lịch. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0915.474.907; Email: [hoacaphe68@gmail.com](mailto:hoacaphe68@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Mỹ thuật và phương pháp dạy học; Thủ công – Kỹ thuật và phương pháp dạy học; Văn hóa học.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Hà Thu Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa Văn hóa - Du lịch.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Văn hóa - Du lịch. Trường Đại học Tân Trào.
- Điện thoại: 0975.856.399; Email: [huyenkan@gmail.com](mailto:huyenkan@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Mỹ thuật và phương pháp dạy học; Thủ công – Kỹ thuật và phương pháp dạy học; Văn hóa học.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Mỹ thuật cơ bản
- Mã học phần: NT2.1.011.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
  - + Bài tập trên lớp, kiểm tra: 28 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Môn: Mĩ thuật
  - + Khoa: Khoa Văn hóa - Du lịch.

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản của nghệ thuật tạo hình về màu sắc và trang trí; Nắm được kiến thức cơ bản về tỉ lệ cơ thể người; Phóng tranh; Vẽ tranh minh họa; Nắm được một số hình thức tạo hình và kỹ thuật xé, cắt, dán; Nặn khối cơ bản; Nặn bằng cách ghép khối; nặn từ một khối đất.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Nắm được kiến thức cơ bản của nghệ thuật tạo hình
CDR 2	Nắm được kiến thức cơ bản về màu sắc và trang trí
CDR 3	Nắm được kiến thức cơ bản về tỉ lệ cơ thể người; phóng tranh; vẽ tranh minh họa
CDR 4	Nắm được một số hình thức tạo hình và kỹ thuật xé, cắt, dán; Nặn khối cơ bản Nặn bằng cách ghép khối; nặn từ một khối đất
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 5	Rèn luyện các kỹ năng sử dụng màu, vẽ họa tiết, vẽ trang trí cơ bản; vẽ được một số bài trang trí trong chương trình.
CDR 6	Vẽ được tranh minh họa đơn giản; Rèn luyện các kỹ năng tạo hình và xé, cắt, dán; nặn tạo ra một số sản phẩm theo yêu cầu của chương trình.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Có kỹ năng ứng dụng kiến thức vẽ trang trí, phóng tranh, vẽ tranh minh họa; xé, cắt, dán; nặn vào các hoạt động giáo dục, hoạt động nghiệp vụ, các tình huống trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn, biết cảm thụ cái đẹp của nghệ thuật tạo hình, yêu thích môn học.
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng

	kế hoạch học tập và nghiên cứu phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kỹ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10
Chương 1. Những kiến thức chung	Khái niệm chung về nghệ thuật tạo hình	2						2	2	2	2
	Ngôn ngữ và đặc trưng truyền cảm của mỗi loại hình tạo hình	2	1	1	1			2	2	2	2
	Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong cuộc sống	2	1	1	1			2	2	2	2
	Luật xa gần	2	1	1	1			2	2	2	2
	Hình họa	2	1	1	1			2	2	2	2
	Vẽ khối cơ bản, vẽ tĩnh vật đơn giản.	2	1	1	1			2	2	2	2
Chương 2. Vẽ trang trí	Khái niệm về màu sắc	1	2			2		2	2	2	2
	Màu cơ bản và cách pha màu.	1	2			2		2	2	2	2
	Cách sử dụng màu và một số định luật về màu sắc.	1	2			2		2	2	2	2
	Khái niệm về trang trí, Họa tiết trang trí, Bố cục trang trí, Một số thể loại trang trí tiêu biểu.	1	2			2		2	2	2	2
	Bài tập: Thực hành cách pha màu, trang trí hình vuông (tròn hoặc đường điềm)	1	2			2		2	2	2	2
Chương 3. Phóng tranh,	Sơ lược tỉ lệ thân thể người	1		2				2	2	2	2

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức				Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10
vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa	Phóng tranh	1	1	2			2	2	2	2	2
	Vẽ tranh theo đề tài	1	1	2			2	2	2	2	2
	Vẽ tranh minh họa	1	1	2			2	2	2	2	2
	Thực hành: Phóng tranh, vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa	1	1	2			2	2	2	2	2
Chương 4. Tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé - cắt - dán;	Khái niệm	1	1		2			2	2	2	2
Trang trí bảng bé ngoan	Một số hình thức tạo hình và kỹ thuật xé, cắt, dán	1	1	1	2		2	2	2	2	2
	Ý nghĩa, tác dụng, Phương pháp trang trí bảng bé ngoan	1	1	1	2		2	2			
Chương 5. Nặn	Nặn khối cơ bản; Nặn bằng cách ghép khối; nặn từ một khối đất	1	1	1	2		2	2			
	Bài tập: Nặn các hình khối cơ bản, quả, nặn con vật, người	1	1	1	2		2	2			

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về những kiến thức chung của nghệ thuật tạo hình ; kiến thức về hình họa, trang trí ; Phóng tranh, vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa ; tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé - cắt - dán; trang trí bảng bé ngoan ; Nặn.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	Tín chỉ 1	15			
	Chương 1: Những kiến thức chung; Hình họa	8			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lý thuyết	<p><b>1.1. Những kiến thức chung</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm chung về nghệ thuật tạo hình</p> <p>1.1.2. Ngôn ngữ và đặc trưng truyền cảm của mỗi loại hình tạo hình</p> <p>1.1.3. Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong cuộc sống</p> <p><b>1.2. Hình họa</b></p> <p>1.2.1. Luật xa gần</p> <p>1.2.2. Hình họa</p> <p>1.2.2.1. Khái niệm chung về hình họa</p> <p>1.2.2.2. Khái niệm về nét, mảng, hình, khối - đậm nhạt.</p> <p>1.2.2.3. Đồ dùng học tập</p> <p>1.2.2.4. Phương pháp vẽ hình họa theo một hay một nhóm hiện vật</p>	4	<p>Học học liệu số 1: chương 1 (mục 1.1, các tiêu chủ đề 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3); Tham khảo học liệu số 2: Chương 3</p> <p>Học học liệu số 1: chương 2, phần I, II (mục 1.2, các tiêu chủ đề 1.2.1- 1.2.2),</p>	Lớp học	
Bài tập	Thực hành: Vẽ khối cơ bản, vẽ tĩnh vật đơn giản.	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.</p> <p>Làm bài tập trang trí đường diềm, trang trí hình tròn.</p>	16	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Trang trí</b>	<b>7</b>			
Lý thuyết	<p><b>2.1. Màu sắc và cách pha màu</b></p> <p>2.1.1. Khái niệm về màu sắc</p> <p>2.1.2. Màu cơ bản và cách pha màu.</p> <p>2.1.3. Cách sử dụng màu và một số định luật về màu sắc.</p> <p><b>2. 2. Trang trí</b></p>	3	<p>Học học liệu số 1: Chương 3 phần I (mục 2.1, các tiêu chủ đề 2.1.1 - 2.1.3 );</p> <p>Chương 3 phần II (mục 2.2, các tiêu chủ đề 2. 2.1 - 2. 2.4</p> <p>Tham khảo học liệu</p>	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2. 2.1. Khái niệm về trang trí 2. 2.2. Họạ tiết trang trí 2.2.3. Bố cục trang trí 2.2.4. Một số thể loại trang trí tiêu biểu		số 2: Chương 5 phần III.		
Bài tập	Thực hành: - Cách pha màu - Trang trí hình vuông	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	- Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập. - Làm bài tập trang trí đường diềm, trang trí hình tròn.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Phóng tranh, vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa</b>	<b>15</b>			
Lý thuyết	<b>3.1. Sơ lược tỷ lệ thân thể người</b> <b>3.2. Phóng tranh</b> 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Phương pháp phóng tranh <b>3.3. Vẽ tranh theo đề tài</b> 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Phương pháp vẽ tranh theo đề tài <b>3.4. Vẽ tranh minh họa</b> 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Phương pháp vẽ tranh minh họa	5	Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 3.1-3.4)	Lớp học	
Bài tập	Thực hành: - Phóng tranh. - Vẽ tranh minh họa theo chuyện cổ tích, hoặc chuyện giành cho đối tượng mầm non	9	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	- Vẽ tranh có chủ đề vui chơi hoặc học tập ở trường Mầm non.				
	Kiểm tra giữa kỳ	1			Lớp học
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn lại nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 và tín chỉ 2 theo yêu cầu của giảng viên.	30	Vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1 và tín chỉ 2 để làm bài kiểm tra	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 4: Tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé - cắt - dán; Trang trí bảng bé ngoan</b>	<b>11</b>			
Lý thuyết	<b>4.1. Tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé, cắt, dán</b> 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Một số hình thức tạo hình và kỹ thuật xé, cắt, dán <b>4.2. Trang trí bảng bé ngoan</b> 4.2.1. Ý nghĩa, tác dụng 4.2.2. Phương pháp trang trí bảng bé ngoan	4	Học học liệu số 1: chương 5 (các mục 4.1, 4.2).	Lớp học	
Bài tập	Thực hành: - Xé, cắt, dán tranh đề tài tự do - Trang trí bảng bé ngoan	7	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập	22	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5: Nặn</b>	<b>4</b>			
Lý thuyết	<b>5.1. Nặn khối cơ bản, nặn bằng cách ghép khối, nặn từ một khối đất</b> 5.1.1. Nặn khối cơ bản 5.1.2. Nặn bằng cách ghép khối	1	Học học liệu số 1: chương VI (mục 5.1); Tham khảo học liệu số 2: Chương VIII, phần I.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	5.1.3. Nặng từ một khối đất				
Bài tập	Nặng các hình khối cơ bản, quả, nặng con vật, người	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập	8	Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để làm các bài tập.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình bắt buộc

[1] Lê Đình Bình (2005), *Hoạt động tạo hình*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2] Nguyễn Quốc Toàn (2009), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

### 8.2 Tài liệu tham khảo

[3] Tạ Phương Thảo (2003), *Giáo trình Trang trí*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	1		2		3	3	9
3	1		2		3	3	9
4	2		1		3	3	9
5			3		3	3	9
6	2		1		3	3	9
7	3				3	3	9
8			3		3	3	9
9			3		3	3	9
10		1	2		3	3	9
11	2		1		3	3	9
12	2		1		3	3	9
13			3		3	3	9
14	1		2		3	3	9
15			3		3	3	9
<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>1</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>135</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Thực hành	Tín chỉ 3, chương 4: 10 điểm	120 phút	3

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Âm nhạc cơ bản**

**1. Thông tin về giảng viên:**

**Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 0973102377; nguyenthithanhthao77@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa học, Nhạc lý, Lịch sử âm nhạc, Kỹ xướng âm, Học hát, Phương pháp dạy học âm nhạc.

**Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Hà Thị Thuý Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tổ bộ môn Nghệ thuật trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang
- Điện thoại, email: 01666677723; Email: [halinh@gmail.com](mailto:halinh@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý thuyết nhạc lý cơ bản và Phương pháp dạy học âm nhạc, Múa.

**2. Thông tin học phần:**

- Tên học phần: Âm nhạc cơ bản
- Mã học phần: NT 2.1.004.2
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
  - Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập
    - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
    - + Bài tập trên lớp, kiểm tra: 21 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Môn: Âm nhạc

+ Bộ môn : Nghệ thuật

### 3. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên hiểu những kiến thức về nhạc lí phổ thông như cao độ, trường độ, tiết tấu, quãng, điệu thức, giọng, hợp âm và các khái niệm khác về âm nhạc; Biết ứng dụng lý thuyết đã học để đọc được những bản nhạc đơn giản, học hát một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Sinh viên hiểu những kiến thức về nhạc lí phổ thông như cao độ, trường độ, tiết tấu, quãng, điệu thức, giọng, hợp âm và các khái niệm khác về âm nhạc
CĐR 2	Hiểu cách ứng dụng lý thuyết âm nhạc đã học để đọc được những bản nhạc đơn giản, học hát một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.
<b>Về kĩ năng</b>	
Kĩ năng cứng	
CĐR 3	Biết nhận biết về cao độ, trường độ, các loại quãng, giọng, hợp âm... và những yếu tố cơ bản khác về âm nhạc; Biết ký hiệu cao độ, trường độ; biết đảo các quãng, đảo hợp âm trên giấy
CĐR 4	Biết đọc nhạc và hát một số bài hát Mầm non kết hợp gõ đệm thuần thục
Kĩ năng mềm	
CĐR 5	Có kĩ năng ứng dụng kiến thức của môn học vào các hoạt động giáo dục, hoạt động nghiệp vụ, các tình huống trong cuộc sống.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 6	Có tính bền bỉ, sáng tạo trong học tập
CĐR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

### 5. Ma trận kĩ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra								
Chương	Kiến thức	Kiến thức		Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
				Cứng		Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Phần 1: Nhạc lí cơ bản	Chương 1: cao độ của âm thanh	2	1	2	1	1	1	1	1	1
	Chương 2: Trường độ của âm thanh	2	1	2	1	1	1	1	1	1
	Chương 3: Quãng	2	1	2	1	1	1	1	1	1
	Chương 4: Điệu thức – Giọng	2	1	2	1	1	1	1	1	1
	Chương 5: Hợp âm	2	1	2	1	1	1	1	1	1
Phần 2: Xướng âm	Giọng Đô trưởng	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	Giọng Son trưởng	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	Giọng Pha trưởng	2	2	2	2	1	2	2	1	1
	Giọng La thứ	1	2	2	2	1	2	2	1	1
Phần 3: Kỹ thuật ca hát	Một số kỹ thuật hát	1	2	1	2	1	2	2	1	1
	Một số bài hát mầm non ở các lứa tuổi 3-4 tuổi theo chủ đề.	1	2	1	2	1	2	2	1	1
	Một số bài hát mầm non ở các lứa tuổi 4-5 tuổi theo chủ đề.	1	2	1	2	1	2	2	1	1
	Một số bài hát mầm non ở các lứa tuổi 5-6 tuổi theo chủ đề.	1	2	1	2	1	2	2	1	1

**6. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần bao gồm các kiến thức về Nhạc lí cơ bản, như Cao độ, trường độ, tiết tấu, quãng, điệu thức, giọng, hợp âm.... Ứng dụng nhạc lý để đọc các bài tập đọc nhạc và học hát một số kỹ thuật hát.

### 7. Nội dung chi tiết học phần:

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>					
<b>Phần 1: Nhạc lí cơ bản</b>					
Lý thuyết	Chương 1: Cao độ của âm thanh 1.1. Khái niệm về âm thanh và âm nhạc. 1.2. Hệ thống âm thanh trong âm nhạc – Tên gọi các bậc 1.3. Các ký hiệu nốt nhạc, khuông nhạc, các dòng kẻ phụ, khóa nhạc	10	Học liệu số 1: Các chương 1, 2, 3, 4, 5.	Lớp học	

	<p>1.4. Hệ thống bình quân - Nửa cung, nguyên cung, các bậc chuyển hóa, dấu hóa.</p> <p>Chương 2: Trường độ của âm thanh.</p> <p>2.1. Kí hiệu trường độ</p> <p>2.2. Tiết tấu</p> <p>2.3. các loại nhịp</p> <p>2.4. Đảo phách, nghịch phách</p> <p>2.5. Các dấu nhắc lại</p> <p>Chương 3: Quãng</p> <p>3.1. Khái niệm chung về quãng</p> <p>3.2. Các quãng cơ bản-quãng diatonic.</p> <p>3.3. Quãng tăng - quãng giảm-quãng chromatic.</p> <p>3.4. Đảo quãng.</p> <p>Chương 4: Điệu thức – Giọng</p> <p>4.1. Điệu thức – âm ổn định và âm không ổn định</p> <p>4.2. Điệu thức trưởng - gam trưởng</p> <p>4.3. Điệu thức thứ - gam thứ.</p> <p>4.4. Quan hệ họ hàng giữa các giọng- cách xác định giọng điệu của bản nhạc- dịch giọng.</p> <p>Chương 5: Hợp âm</p> <p>5.1. Hợp âm ba – các thể đảo hợp âm ba</p> <p>5.2. Hợp âm bảy- hợp âm bảy át – các thể đảo của hợp âm bảy át.</p>				
Bài tập	Làm các bài tập ở cuối các chương; Tham khảo các bài tập trong học liệu 2.	5	Đọc lý thuyết để vận dụng làm bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc kĩ lý thuyết, vận dụng kiến thức trước khi làm bài tập	30	Làm các bài tập sau khi nghe giảng .	Thư viện-ở nhà	
<b>Tín chỉ 2</b>					
<b>Phần 2. Xướng âm</b>					
Lý thuyết	<p>2.1. Giọng Đô trưởng</p> <p>2.1.1. Gam Đô trưởng</p> <p>2.1.2. Hợp âm dải</p> <p>2.2. Giọng Son trưởng</p> <p>1.2.1. Gam Son trưởng</p> <p>2.2.2. Hợp âm dải</p> <p>2.3.. Giọng Pha trưởng</p> <p>2.3.1. Gam Pha trưởng</p> <p>2.3.2. Hợp âm dải</p> <p>2.4. Giọng La thứ</p> <p>2.4.1. Gam La thứ</p> <p>2.4.2. Hợp âm dải</p>	4	Học liệu số 2 và 3.	Lớp học	



Bài tập	1.1.2. Luyện tập một số bài xướng âm giọng Đô trưởng ở các loại nhịp 2/4; 3/4; 4/4; 3/8; 6/8. 1.2.2. Luyện tập một số bài xướng âm giọng Son trưởng ở các loại nhịp 2/4; 3/4; 4/4. 3.1.2. Luyện tập một số bài xướng âm giọng Pha trưởng ở các loại nhịp 2/4; 3/4; 4/4 4.1.2. Luyện tập một số bài xướng âm giọng La thứ ở các loại nhịp 2/4; 3/4; 3/8.	10			
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn lại nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên.	30	Đọc lí thuyết, biết vận dụng kiến thức thuộc tín chỉ 1, 2 để làm bài kiểm tra	Thư viện- ở nhà	
	Kiểm tra giữa kỳ	1			
<b>TÍN CHỈ 3</b>					
	<b>Phần 3: Kỹ thuật ca hát</b>				
Lý thuyết	1.1. Một số vấn đề về ca hát. 1.1.1. Một số kỹ thuật hát 1.1.2. Sử dụng hơi thở trong ca hát 1.1.3. Hướng dẫn luyện thanh 1.2. Một số bài hát mầm non ở các lứa tuổi 3-4; 4-5 và 5-6 tuổi theo chủ đề. 1.2.1. Chủ đề trường Mầm non 1.2.2. Chủ đề bản thân 1.2.3. Chủ đề gia đình 1.2.4. Chủ đề thế giới thực vật 1.2.5. Chủ đề thế giới động vật 1.2.6. Chủ đề nghề nghiệp 1.2.7. Chủ đề giao thông 1.2.8. Chủ đề quê hương- đất nước 1.2.9. Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiên.	10	Học liệu số 4, số 5, số 6.	Lớp học	
Bài tập	Ứng dụng một số kỹ thuật hát để học các bài hát trong học liệu số 4, số 5, số 6.	5	Luyện tập kỹ thuật hát.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc kĩ lý thuyết, vận dụng kiến thức trước khi thực hành	30	Luyện tập kỹ thuật hát.các bài hát đã học	Thư viện- ở nhà	

### 8. Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Tú Hương, Giáo trình *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.1997;

[2] Phạm Thị Hoà, Ngô Thị Nam, *Giáo dục Âm nhạc tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, 2006;

[3] Trịnh Hoài Thu, *Phương pháp dạy học Ký xướng âm*, NXB Âm nhạc, Hà nội, 2011;

[4] Lê Thu Hương (2011), *Tuyển trò chơi, bài hát, thơ ca truyền, câu đố mẫu giáo lứa tuổi trẻ 3-4-* NXB giáo dục Hà Nội;

[5] Lê Thu Hương (2011), *Tuyển trò chơi, bài hát, thơ ca truyền, câu đố mẫu giáo lứa tuổi trẻ 4-5-*NXB giáo dục Hà Nội;

[6] Lê Thu Hương (2011), *Tuyển trò chơi, bài hát, thơ ca truyền, câu đố mẫu giáo lứa tuổi trẻ 5-6-*NXB giáo dục Hà Nội;

### 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể:

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		1		3	3	9
2	2		1		3	3	9
3	2		1		3	3	9
4	2		1		3	3	9
5	2		1		3	3	9
6	2		1		3	3	9
7	2		1		3	3	9
8	1		2		3	3	9
9	1		2		3	3	9
10	1	1	1		3	3	9
11	2		1		3	3	9
12	2		1		3	3	9
13	1		2		3	3	9
14	1		2		3	3	9
15	1		2		3	3	9
Tổng cộng	24	1	20	0	45	45	135

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên. Phần lý thuyết và thực hành đan xen với nhau không tách rời, yêu cầu khi học giáo viên hướng dẫn, thị phạm, nghe và sửa cho từng sinh viên.

- Phòng học cần có cách âm, có đàn

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Vấn đáp- Thực hành	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm). Câu 2: Nội dung thuộc tín chỉ 2, 3 (5 điểm).	3 phút/1Gs	5

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Phương pháp đọc, kể diễn cảm

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Bùi Thị Mai Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại : 0914786258.                      - Email: maianhcdtq@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận văn học, Phương pháp dạy học Ngữ văn, các học phần Tiếng Việt.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa KHXH NV
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089                      Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: văn học Việt Nam; văn hóa Tuyên Quang, văn học Tuyên Quang; văn hóa Việt Nam.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp đọc, kể diễn cảm
- Mã học phần: XH2.1.049.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc.
  - + Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em
- Tiết tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết

+ Bài tập trên lớp: 15 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Ngữ văn.

+ Khoa: Khoa học Xã hội và Nhân văn.

**3. Mục tiêu chung của học phần:** Sinh viên hiểu khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học, luyện kỹ năng đọc diễn cảm, luyện kỹ năng kể chuyện.

ược những kiến thức cơ bản về việc sử dụng tiếng Việt khi đọc, kể diễn cảm cho trẻ Mầm non: khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học, rèn kỹ năng đọc diễn cảm, kể chuyện diễn cảm.

- Về kỹ năng: Sinh viên có các kỹ năng đọc, kể diễn cảm trong dạy học cho trẻ Mầm non và trong giao tiếp.

- Về thái độ: Sinh viên có ý thức rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt cơ bản: đọc, kể diễn cảm trong giao tiếp, học tập và công tác tại trường Mầm non sau này.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học
CDR 2	Hiểu được mục đích, yêu cầu, phương pháp rèn kỹ năng đọc diễn cảm; mục đích, yêu cầu, phương pháp rèn kỹ năng kể chuyện.
CDR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị đọc, kể diễn cảm cho trẻ Mầm non
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Vận dụng được các kỹ năng đọc diễn cảm trong dạy học cho trẻ Mầm non
CDR 5	Vận dụng được các kỹ năng kể diễn cảm trong dạy học cho trẻ Mầm non
CDR 6	Phân tích đặc điểm của các bước trong kỹ năng đọc, kể diễn cảm.
Kỹ năng mềm	
CDR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có ý thức rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt cơ bản: đọc, kể diễn cảm trong giao tiếp, học tập và công tác tại trường Mầm non sau này.

CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
-------	---

### 5. Ma trận kiến thức học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA								
Phần	CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ	
						Cứng			Mềm		
			C Đ R1	C Đ R2	C Đ R3	C Đ R4	C Đ R5	C Đ R6	C Đ R7	C Đ R8	C Đ R9
<b>Phần 1: Khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học</b>		1.1. Khái quát về đọc - hiểu văn	2	1	1	1	1	1	2	1	1
		1.2. Văn bản văn học	2		1	2		2	2	1	1
<b>Phần 2: Luyện kỹ năng đọc diễn cảm</b>	<b>Chương 1: Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng đọc</b>	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng đọc	1	2	1	2		2	2	1	1
		1.2. Các hình thức đọc	1	2	1	2		2	2	1	1
		1.3. Các loại văn bản đọc trong trường Mầm non	1	2	1	2		2	2	1	1
	<b>Chương 2: Phương pháp đọc diễn cảm</b>	2.1. Các kỹ năng đọc diễn cảm	1	2	1	2		2	2	1	1
		2.2. Phương pháp đọc diễn cảm	1	2	1	2		2	1	1	1
		2.3. Đọc sáng tạo	1	2	1	2		2	1	1	1
	<b>Chương 3: Thực hành đọc diễn cảm</b>	3.1. Luyện đọc văn bản thơ	1	2	1	2		2	1	1	1
		3.2. Luyện đọc văn bản truyện	1	2	1	2		2	1	1	1
		3.3. Luyện đọc sáng tạo	1	2	1	2					
<b>Phần 3: Luyện kỹ năng kể chuyện</b>	<b>Chương 1: Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng kể chuyện</b>	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng kể chuyện	1	2	1		2	2	2	1	1
		1.2. Các loại truyện kể trong nhà trường Mầm non	1	2	1		2	2	2	1	1

<b>Chương 2: Phương pháp kể chuyện</b>	2.1. Các hình thức kể chuyện	1	2	1		2	2	2	1	1
	2.2. Phương pháp kể chuyện	1	2	1		2	2	2	1	1
<b>Chương 3: Luyện tập kể chuyện trong chương trình Mẫu giáo</b>	3.1. Kể chuyện cá nhân	1	2	2		2	2	1	1	1
	3.2. Kể chuyện phân vai	1	2	2		2	2	1	1	1
	3.3. Kể chuyện sân khấu hoá	1	2	2		2	2	1	1	1
	3.4. Kể chuyện với rối.	1	2	2		2	2	1	1	1

**6. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học, rèn kỹ năng đọc diễn cảm, rèn kỹ năng kể chuyện làm cơ sở cho việc dạy trẻ ở trường Mẫu non sau này.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Phần 1</b> <b>Khái quát về đọc - hiểu văn bản văn học</b>	<b>03</b>			
Lí thuyết	1.1. Khái quát về đọc - hiểu văn 1.1.1. Khái niệm đọc - hiểu. 1.1.1.1. Các cấp độ: đọc tái hiện, đọc giải thích, đọc sáng tạo, đọc đánh giá, đọc nghiên cứu. 1.1.1.2. Đọc thực dụng, đọc thẩm mỹ (thường thức). 1.1.2. Điều kiện đọc - hiểu 1.1. 2.1. Văn bản, tài liệu, sách công cụ, tri thức. 1.1.2.2. Ý thức chủ thể của người đọc. 1.1.3. Thái độ và các phương pháp chung 1.1.3.1. Đọc rộng, đọc chuyên, đọc lướt, đọc nhanh, đọc kĩ. 1.1.3.2. Những thái độ cần tránh: đại khái, cắt xén, suy diễn tùy tiện. 1.1.4. Ý nghĩa của việc đọc - hiểu 1.1.4.1. Bồi dưỡng năng lực đọc (cấu trúc cảm nhận của nhân cách). 1.1. 4.2. Tạo năng lực tự học mới đầu. 1.1. 4.3. Đọc để dạy học trong nhà trường. 1.2. Văn bản văn học 1.2.1. Khái niệm văn bản văn học: 1.2.1.1. Văn bản văn học và phi văn học.	03	Học học liệu số 1 (Phần 1, chương 1, từ mục 1.1-1.2); tham khảo học liệu số 2,3,4,5	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.2.1.2. Đặc trưng của văn bản văn học. 1.2.2. Những con đường tìm nghĩa của văn bản văn học: 1.2.2.1. Tìm nghĩa từ phía tác giả. 1.2.2.2. Tìm nghĩa trong bản thân văn bản. 1.2.2.3. Tìm nghĩa từ phía người đọc. 1.2.2.4. Quan niệm biện chứng và tính đa nghĩa của văn bản văn học. 1.2.3. Ngữ cảnh và nghĩa của văn bản: ngữ cảnh văn hoá, ngữ cảnh xã hội lịch sử.				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	06	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần 2</b> <b>Luyện kĩ năng đọc diễn cảm</b>	<b>12</b>			
	<b>Chương 1</b> <b>Mục đích, yêu cầu rèn kĩ năng đọc</b>	<b>02</b>			
Lí thuyết	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kĩ năng đọc 1.2. Các hình thức đọc 1.2.1. Đọc thành tiếng: 1.2.1.1. Khái niệm "đọc thành tiếng". 1.2.1.2. Hai mức độ của đọc thành tiếng: Đọc đúng và đọc diễn cảm. 1.2.2. Đọc thầm. 1.3. Các loại văn bản đọc trong trường Mầm non 1.3.1. Văn bản thơ 1.3.2. Văn bản truyện 1.3.3. Truyện cổ tích 1.3.4. Truyện thơ 1.2.3. Truyện nước ngoài	02	Học học liệu số 1 (Phần 2, chương 1, từ mục 1.1-1.5); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	04	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà.	
	<b>Chương 2</b> <b>Phương pháp đọc diễn cảm</b>	<b>03</b>			
Lí thuyết	2.1. Các kỹ năng đọc diễn cảm 2.1.1. Luyện kĩ năng đọc thành tiếng 2.1.2. Luyện kĩ năng đọc thầm	03	Học học liệu số 1 (Phần 2, chương 2,	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	2.1.3. Luyện kỹ năng đọc diễn cảm 2.2. Phương pháp đọc diễn cảm 2.2.1. Đọc văn bản thơ 2.2.2. Đọc văn bản truyện 2.2.2.1. Đọc truyện cổ tích 2.2.2.2. Đọc truyện thơ 2.2.2.3. Đọc truyện nước ngoài 2.3. Đọc sáng tạo		từ mục 2.1-2.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	06	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3 Thực hành đọc diễn cảm</b>	<b>07</b>			
Bài tập hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v.v	Sinh viên luyện tập đọc văn bản theo yêu cầu của giảng viên 3.1. Luyện đọc văn bản thơ 3.2. Luyện đọc văn bản truyện 3.3. Luyện đọc truyện cổ tích 3.2.2. Luyện đọc truyện thơ 3.2.3. Luyện đọc truyện nước ngoài 3.3. Luyện đọc sáng tạo	07	Nắm vững lí thuyết để vận dụng hoàn thành bài tập.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập luyện đọc.	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>01</b>			
Tự học, tự nghiên cứu	Ôn tập nội dung kiến thức thuộc tín chỉ 1 theo yêu cầu của giảng viên	02	Đọc lí thuyết trước khi kiểm tra; vận dụng được các kiến thức thuộc tín chỉ 1 để giải các nội dung kiểm tra.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Phần 3 Luyện kỹ năng kể chuyện</b>	<b>14</b>			
	<b>Chương 1</b>	<b>03</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/ giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng kể chuyện</b>				
Lí thuyết	<p>1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kỹ năng kể chuyện</p> <p>1.1.1. Kể chuyện là gì?</p> <p>1.1.2. Mục đích của việc rèn kỹ năng kể chuyện.</p> <p>1.1.3. Yêu cầu của việc rèn kỹ năng kể chuyện trong nhà trường.</p> <p>1.2. Các loại truyện kể trong nhà trường Mầm non.</p> <p>1.2.1. Truyền cổ tích</p> <p>1.2.2. Truyện sáng tạo</p> <p>1.2.3. Truyện nước ngoài.</p>	03	Học học liệu số 1 (Phần 3, chương 1, từ mục 1.1-1.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	06	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2 Phương pháp kể chuyện</b>	<b>04</b>			
Lí thuyết	<p>2.1. Các hình thức kể chuyện</p> <p>2.1.1. Kể chuyện cá nhân</p> <p>2.1.2. Kể chuyện phân vai</p> <p>2.1.3. Kể chuyện sân khấu hoá</p> <p>2.1.4. Kể chuyện với rối.</p> <p>2.2. Phương pháp kể chuyện</p> <p>2.2.1. Đọc và cảm thụ câu chuyện</p> <p>2.2.2. Lời kể</p> <p>2.2.3. Ngữ điệu kể</p> <p>2.2.4. Ngữ điệu kể</p> <p>2.2.5. Cử chỉ, điệu bộ của người kể</p> <p>2.2.6. Các phương tiện hỗ trợ cho kể chuyện</p>	04	Học học liệu số 1 (Phần 3, chương 2, từ mục 2.1-2.2); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	08	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3 Luyện tập kể chuyện trong chương trình Mẫu giáo</b>	<b>07</b>			
Bài tập hoặc thảo luận, thực	Sinh viên luyện tập kể chuyện theo yêu cầu của giảng viên	07	Nắm vững lí thuyết để vận dụng	Lớp học	
	3.1. Kể chuyện cá nhân				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
hành, thực tế..v.v	3.2. Kể chuyện phân vai 3.3. Kể chuyện sân khấu hoá 3.4. Kể chuyện với rối.		hoàn thành bài tập.		
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài luyện tập kể chuyện	14	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thanh Hùng (2002), *Đọc và tiếp nhận văn chương*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[2] Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2008), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ Giáo dục - Đào tạo (2001), *Tiếng Việt (SGK) các lớp 1,2,3,4,5*, Nxb GD, Hà Nội.

[4] Bộ Giáo dục - Đào tạo (2007), *Tiếng Việt thực hành*, Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[5] Lê Thị Thu Hương (2001), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện mẫu giáo (ba tập)*, Nxb GD, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	1		1		2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
12	1		1		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**11.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**11.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (5 điểm)	60 phút	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Chương trình giáo dục mầm non

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Vui
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ – Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0982.091.642; Email: [nguyenvuisp@gmail.com](mailto:nguyenvuisp@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0915 905 499; [huongkienctdq@gmail.com](mailto:huongkienctdq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Chương trình giáo dục mầm non
- Mã học phần: **MN2.1.021.2**
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết

+ Bài tập, thảo luận trên lớp: 6 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Kiểm tra: 01 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non.

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học cơ bản về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ. Về mục tiêu, kế hoạch, nội dung, các hoạt động, phương pháp giáo dục và các hình thức tổ chức trong chương trình giáo dục cho trẻ nhà trẻ 0-3 tuổi và trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi. Từ đó đánh giá sự phát triển của trẻ ở các độ tuổi này.

Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để xác định mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn nội dung và phương pháp hướng dẫn trẻ ở các độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Có kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ.

Bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ có thái độ nghiêm túc trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong lớp mình phụ trách.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ.
CDR 2	Hiểu và nắm vững mục tiêu, kế hoạch thực hiện chương trình, nội dung, các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ.
CDR 3	Hiểu và nắm vững mục tiêu, kế hoạch thực hiện chương trình, nội dung, các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mẫu giáo.
CDR 4	Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng lập kế hoạch giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo trong chế độ sinh hoạt hàng ngày. Từ đó đánh giá sự phát triển của trẻ ở các độ tuổi.
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 5	Có kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho trẻ lứa tuổi nhà

	trẻ và mẫu giáo theo các chủ giáo dục.
CĐR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá sự phát triển của trẻ; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.
CĐR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CĐR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
CĐR 11	Có thái độ thân thiện, biết yêu thương, tôn trọng trẻ.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
						Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
Chương 1: Những vấn đề chung	Mục tiêu giáo dục mầm non	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2
	Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2

Chương 2: Chương trình giáo dục nhà trẻ	Mục tiêu	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2
	Kế hoạch thực hiện chương trình	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Nội dung chăm sóc, giáo dục.	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Các hoạt động, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục.	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2
	Đánh giá sự phát triển của trẻ	3	3	2	3	3	3	2	2	2	2	2
Chương 3: Chương trình giáo dục mẫu giáo	Mục tiêu	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2
	Kế hoạch thực hiện chương trình	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Nội dung chăm	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3



	sóc, giáo dục.											
	Các hoạt động, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục.	2	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2
	Đánh giá sự phát triển của trẻ	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2

Ghi chú: 1 – Không đóng góp 2 – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

Mục tiêu giáo dục mầm non, một số yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ.

Chương trình giáo dục trẻ nhà trẻ, chương trình giáo dục mẫu giáo: mục tiêu, kế hoạch thực hiện chương trình, nội dung, các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ ở từng độ tuổi.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1: Những vấn đề chung</b>	<b>3</b>			
Lý thuyết	1.1. Mục tiêu giáo dục mầm non 1.2. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ 1.2.1. Yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non 1.2.2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non 1.2.3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ		Học học liệu số 1: chương 1( các mục 1.1, 1.2) [Tr 93,94];	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng	6	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Chương trình giáo dục nhà trẻ</b>	<b>9</b>			
Lý thuyết	<p>2.1. Mục tiêu</p> <p>2.1.1. Phát triển thể chất</p> <p>2.1.2. Phát triển nhận thức</p> <p>2.1.3. Phát triển ngôn ngữ</p> <p>2.1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</p> <p>2.2. Kế hoạch thực hiện</p> <p>2.2.1. Phân phối thời gian</p> <p>2.2.2. Chế độ sinh hoạt</p> <p>2.2.2.1. Trẻ 3 - 12 tháng tuổi</p> <p>2.2.2.2. Trẻ 12 - 24 tháng tuổi</p> <p>2.2.2.3. Trẻ 24 - 36 tháng tuổi</p> <p>2.3. Nội dung</p> <p>2.3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</p> <p>2.3.1.1. Tổ chức ăn</p> <p>2.3.1.2. Tổ chức ngủ</p> <p>2.3.1.3. Vệ sinh</p> <p>2.3.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn</p> <p>2.3.2. Giáo dục</p> <p>2.3.2.1. Giáo dục phát triển thể chất</p> <p>2.3.2.2. Giáo dục phát triển nhận thức</p> <p>2.3.2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p> <p>2.3.2.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</p> <p>2.4. Kết quả mong đợi</p> <p>2.4.1. Giáo dục phát triển thể chất</p> <p>2.4.2. Giáo dục phát triển nhận thức</p> <p>2.4.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p> <p>2.4.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</p> <p>2.5. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục</p> <p>2.5.1. Các hoạt động giáo dục</p> <p>2.5.1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc</p> <p>2.5.1.2. Hoạt động với đồ vật</p> <p>2.5.1.3. Hoạt động chơi</p> <p>2.5.1.4. Hoạt động chơi - tập có chủ định</p> <p>2.5.1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân</p>		Học học liệu số 1: Chương 2(các mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6). [Tr 95 – 118]	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>2.5.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục</p> <p>2.5.2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục</p> <p>2.5.2.2. Theo vị trí không gian</p> <p>2.5.2.3. Theo số lượng trẻ</p> <p>2.5.3. Phương pháp giáo dục</p> <p>2.5.3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm</p> <p>2.5.3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa</p> <p>2.5.3.3. Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>2.5.3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)</p> <p>2.5.3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương</p> <p>2.5.4. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động</p> <p>2.5.4.1. Môi trường vật chất</p> <p>2.5.4.2. Môi trường xã hội</p> <p>2.6. Đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>2.6.1. Đánh giá trẻ hàng ngày</p> <p>2.6.1.1. Mục đích đánh giá</p> <p>2.6.1.2. Nội dung đánh giá</p> <p>2.6.1.3. Phương pháp đánh giá</p> <p>2.6.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn</p> <p>2.6.2.1. Mục đích đánh giá</p> <p>2.6.2.2. Nội dung đánh giá</p> <p>2.6.2.3. Phương pháp đánh giá</p> <p>2.6.2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá</p>				
Bài tập thực hành	<p>1. Xây dựng môi trường học tập cho trẻ hoạt động theo hướng tích hợp.</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho trẻ 12- 24 tháng theo chủ đề thực vật.</p> <p>3. Anh hoặc chị hãy thiết kế chương trình giáo dục nhà trẻ theo quan điểm tích hợp.</p> <p>4. Dựa vào sự hiểu biết của mình hãy đánh giá sự phát triển của trẻ ở nhà trẻ.</p>	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào thực hành	Thư viện, ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Tự học, tự đọc các tài liệu có liên quan tới môn học trước khi tới lớp. Đọc các phần: (Nội dung giáo dục trẻ theo độ tuổi ở chương trình giáo dục nhà trẻ)	24	Biết vận dụng lí thuyết vào thực hành, thực tiễn		
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 3: Chương trình giáo dục mẫu giáo</b>	<b>12</b>			
Lý thuyết	<p>3.1. Mục tiêu</p> <p>3.1.1. Phát triển thể chất</p> <p>3.1.2. Phát triển nhận thức</p> <p>3.1.3. Phát triển ngôn ngữ</p> <p>3.1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội</p> <p>3.1.5. Phát triển thẩm mỹ</p> <p>3.2. Kế hoạch thực hiện chương trình</p> <p>3.2.1. Phân phối thời gian</p> <p>3.2.2. Chế độ sinh hoạt</p> <p>3.3. Nội dung</p> <p>3.3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</p> <p>3.3.1.1. Tổ chức ăn</p> <p>3.3.1.2. Tổ chức ngủ</p> <p>3.3.1.3. Vệ sinh</p> <p>3.3.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn</p> <p>3.3.2. Giáo dục</p> <p>3.3.2.1. Giáo dục phát triển thể chất</p> <p>3.3.2.2. Giáo dục phát triển nhận thức</p> <p>3.3.2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p> <p>3.3.2.4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</p> <p>3.3.2.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</p> <p>3.4. Kết quả mong đợi</p> <p>3.4.1. Giáo dục phát triển thể chất</p> <p>3.4.2. Giáo dục phát triển nhận thức</p> <p>3.4.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p> <p>3.4.4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</p> <p>3.4.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</p> <p>3.5. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục</p> <p>3.5.1. Các hoạt động giáo dục</p> <p>3.5.1.1. Hoạt động chơi</p> <p>3.5.1.2. Hoạt động học</p> <p>3.5.1.3. Hoạt động lao động</p> <p>3.5.1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân</p> <p>3.5.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục</p> <p>3.5.2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục</p> <p>3.5.2.2. Theo vị trí không gian</p> <p>3.5.2.3. Theo số lượng trẻ</p> <p>3.5.3. Phương pháp giáo dục</p>		<p>Đọc học liệu số 1 chương 3 (các mục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6).</p> <p>[Tr 119-156]</p>	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	3.5.3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm 3.5.3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa 3.5.3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói 3.5.3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ 3.5.3.5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá 3.5.4. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động 3.5.4.1. Môi trường vật chất 3.5.4.2. Môi trường xã hội 3.6. Đánh giá sự phát triển của trẻ 3.6.1. Đánh giá trẻ hàng ngày 3.6.1.1. Mục đích đánh giá 3.6.1.2. Nội dung đánh giá 3.6.1.3. Phương pháp đánh giá 3.6.2. Đánh giá trẻ cuối chủ đề và theo giai đoạn 3.6.2.1. Mục đích đánh giá 3.6.2.2. Nội dung đánh giá 3.6.2.3. Phương pháp đánh giá 3.6.2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá				
Bài tập thực hành	1. Lập kế hoạch thể hiện nội dung giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mẫu giáo 2. Lập kế hoạch thể hiện nội dung giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo. 3. Lập kế hoạch thể hiện nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo. 4. Thảo luận nhóm để đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non trong việc thực hiện các nội dung giáo dục	3	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào bài	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để vận dụng	30	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Hòa (2010), Giáo trình Giáo dục học mầm non; NXB ĐHSP.

## 8.2 Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Hòa (2010), Giáo trình Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non; NXB ĐHSP.

[3]. Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010). Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[4]. Trần Ngọc Trâm (2011), Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[5]. Luật Giáo dục 2005.

[6]. Điều lệ trường mầm non;

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7			2		2	2	6
8		1	1		2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	2				2	2	6
14			2		2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	23	1	6		30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học nên có máy chiếu.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương một, hai: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 2, 3: (6 điểm)	60 p	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Tâm bệnh học

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Chính
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0974.144.259; - Email: nguyenchinh84@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học giao tiếp, Tâm lý học tham vấn, Tâm lý lâm sàng, Kỹ năng sống.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Bộ môn Tâm lý – Giáo dục
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0902.099.029; Email: nguyenhangtq1989@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tâm bệnh học
- Mã học phần: TL2.1.014.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết



+ Bài tập, thảo luận trên lớp: 15 tiết (trong quỹ thời gian học lí thuyết)

+ Kiểm tra: 01 tiết (trong quỹ thời gian học lí thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

### 3. Mục tiêu của học phần

- Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em. Sự phân loại, những lí thuyết cơ bản và phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ em.

+ Cung cho sinh viên những kiến thức về những rối loạn triệu chứng và chức năng, các hội chứng ở trẻ em. Việc phòng ngừa rối loạn tâm lí và cách xử trí rối nhiễu tâm lí ở trẻ mầm non

- Mục tiêu về kĩ năng:

+ Bước đầu hình thành cho sinh viên các kĩ năng quan sát, đánh giá, phát hiện, xử trí các rối loạn và các hội chứng tâm bệnh của trẻ em.

- Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc, cầu thị trong học tập, cẩn trọng khi đánh giá vấn đề của trẻ và biết cảm thông chia sẻ với những vấn đề khó khăn về tâm lí mà trẻ gặp phải trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

### 4. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về tâm bệnh học, bao gồm: khái niệm, đối tượng của tâm bệnh học, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em, lịch sử hình thành, cách phân loại bệnh, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lí của trẻ em; Các rối loạn tâm lí của trẻ em lứa tuổi mầm non; Cách phòng ngừa rối loạn tâm lí và cách can thiệp rối loạn tâm lí cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>VỀ KIẾN THỨC</b>	
CĐR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về tâm bệnh, trị liệu tâm lý, các bệnh tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non. Sự phân loại, những lí thuyết cơ bản và phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ em.
CĐR 2	Hiểu được các mối liên hệ cơ bản của tâm bệnh với việc phòng

	<p>ngừa, chăm chữa tâm bệnh cho trẻ em; ý nghĩa và vai trò của giáo viên mầm non và người lớn đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non có rối loạn tâm lý.</p> <p>Hiểu được các biểu hiện, nguyên nhân và cách chữa trị những rối loạn triệu chứng, rối nhiễu tâm lý cho trẻ em lứa tuổi mầm non.</p>
CĐR 3	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết một số tình huống, nhận thức được những biểu hiện trẻ có rối nhiễu tâm lý trong trường mầm non. Nắm vững các bước để tư vấn cho phụ huynh của trẻ có rối nhiễu tâm lý.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có các kỹ năng quan sát, đánh giá, phát hiện các rối loạn và các hội chứng tâm bệnh của trẻ em. Có khả năng thực hiện một số phương pháp trị liệu cơ bản nhằm giải quyết tình huống liên quan đến các rối nhiễu tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non.
CĐR 5	Có kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và xử trí những biểu hiện rối nhiễu tâm lý ở trẻ.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 6	Hình thành được phương pháp tự học chủ động, có tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập. Có thể ứng dụng các kiến thức đã học vào giải quyết một số bệnh tâm lý đơn giản trong cuộc sống mà bản thân gặp phải. Có thể tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục để phòng ngừa các rối nhiễu tâm lý của trẻ trong trường mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có thái độ tích cực, chủ động, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 8	Có thói quen cầu thị làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động hợp tác, tìm hiểu kiến thức đa ngành trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 9	Có thái độ nghiêm túc, có thói quen tự học, luôn tìm tòi, tích lũy kiến thức, rút ra những bài học đối với bản thân để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

## 6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra								
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CD R3	CD R4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9
Chương 1: Khái quát về tâm bệnh học trẻ em	Khái niệm về tâm bệnh học trẻ em	2	1	1	1		1	2	1	
	Lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ em	2	1	1	2	1		1	1	1
	Thế nào là trẻ bình thường và bệnh lí?	2	1		2	1	1	1	1	
	Phân loại bệnh trong tâm bệnh học trẻ em	2	1	1	1	1		1	1	
	Những lí thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em	2	1		1	1		1	1	1
	Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ em									
Chương 2: Các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non	Các hội chứng	2	1		2	1		1		
	Rối loạn triệu chứng và chức năng	2	1		2				1	
Chương 3: Phòng ngừa và can thiệp rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non	Phòng ngừa rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non	2	1	2	2	1	1	2	1	2
	Can thiệp rối loạn tâm lí ở trẻ em	1			2	1	1	1	1	
	Một số cách xử trí rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non dùng cho giáo viên mầm non.	2	1	2	2	1	1	2		2
	Thực hành xử trí các rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non	2	1	2	2	1	1	1	1	2

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1: Khái quát về tâm bệnh học trẻ em</b>	7			
Lí thuyết	1.1. Khái niệm về tâm bệnh học trẻ em 1.1.1. Tâm bệnh học trẻ em là gì? 1.1.2. Đối tượng của tâm bệnh học trẻ em 1.1.3. Nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ em 1.2.1. Thời kỳ trước thế kỉ XX 1.2.2. Từ thế kỉ XX đến nay 1.3. Thế nào là trẻ bình thường và bệnh lí? 1.4. Phân loại bệnh trong tâm bệnh học trẻ em 1.5. Những lí thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em 1.5.1. Sinh lí học thần kinh 1.5.2. Vai trò của yếu tố di truyền 1.5.3. Những lí thuyết tâm lí học 1.6. Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lí của trẻ em 1.6.1. Kiểm tra y tế 1.6.2. Quan sát 1.6.3. Trò chuyện lâm sàng 1.6.4. Trắc nghiệm tâm lí 1.6.5. Thực nghiệm 1.6.6. Phân tích sản phẩm của hoạt động 1.6.7. Phân tích tiểu sử	4	Học học liệu số 1: chương 1.	Trên lớp	
Bài tập	Thảo luận, bài tập giải quyết các vấn đề lí thuyết theo yêu cầu của giảng viên	3			
Tự học, tự nghiên cứu	Nghiên cứu tài liệu; Vận dụng, liên hệ thực tế.	14	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2: Các rối loạn tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	8			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lí thuyết	2.1. Các hội chứng 2.1.1. Chậm phát triển trí tuệ 2.1.2. Những biểu hiện nhiễu tâm 2.1.3. Trầm cảm ở trẻ em 2.1.4. Tự kỷ 2.1.5. Loạn tâm cộng sinh 2.1.6. Bệnh ranh giới	4	Học học liệu số 1: chương 2 –mục 2.2.	Lớp học	
Bài tập	Thảo luận và làm bài tập vận dụng lí thuyết theo yêu cầu của giảng viên	3			
<b>Kiểm tra</b>	<b>Tín chỉ 1 (Chương 1)</b>	1			
Tự học, tự nghiên cứu	Tìm và đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài học. Quan sát thực tế hoặc tìm dẫn chứng trong thực tế hoặc tài liệu.	16	Nghe giảng, ghi chép khi GV giảng giải thuyết trình một số vấn đề trên lớp đã xong.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
Lí thuyết	2.2. Rối loạn triệu chứng và chức năng 2.2.1. Rối loạn tâm vận động 2.2.2. Rối loạn ngôn ngữ 2.2.3. Rối loạn nhận thức 2.2.4. Rối loạn hành vi 2.2.5. Rối loạn cơ thắt 2.2.6. Rối loạn giấc ngủ 2.2.7. Rối loạn chức năng tiêu hóa – ăn uống 2.2.8. Rối loạn chức năng thở 2.2.9. Rối loạn biểu hiện ở da 2.2.10. Chậm lớn do vấn đề tâm lí	5	Học học liệu số 1: chương 2 - mục 2.1.	Lớp học	
Bài tập	Thảo luận, làm bài tập để giải quyết các vấn đề lí thuyết theo yêu cầu của giảng viên	3			
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc tài liệu; Quan sát thực tế. Tìm hiểu về các trường hợp trẻ em có tâm bệnh trong tài liệu hoặc thực tế.	16	Đọc tài liệu sau khi nghe giảng lý thuyết.	Thư viện, ở nhà, trường mầm non.	
	<b>Chương 3: Phòng ngừa và can thiệp rối loạn tâm lí trẻ em lứa</b>	7			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>tuổi mầm non</b>				
Lí thuyết	<p>3.1. Phòng ngừa rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>3.1.1. Các yếu tố nguy cơ dẫn đến rối loạn tâm lí ở trẻ em</p> <p>3.1.2. Cách phòng ngừa rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>3.2. Can thiệp rối loạn tâm lí ở trẻ em</p> <p>3.2.1. Can thiệp rối loạn tâm lí ở trẻ em cần kết hợp với lĩnh vực nhi khoa, thai nhi và người mẹ</p> <p>3.2.2. Quy trình can thiệp tâm bệnh trẻ em</p> <p>3.2.3. Các cạc can thiệp rối loạn tâm lí ở trẻ em</p> <p>3.3. Một số cách xử trí rối nhiễu tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non dùng cho giáo viên mầm non.</p> <p>3.4. Thực hành xử trí các rối nhiễu tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non</p>	4	Học học liệu số 1: chương 3.	Lớp học	
Bài tập	Các câu hỏi và bài tập tương ứng với nội dung đã học do giảng viên chọn lọc, biên soạn.	3	Đọc lại lí thuyết, đọc lại tài liệu tham khảo để áp dụng vào làm bài tập	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc tài liệu, tìm hiểu về can thiệp cho trẻ có rối loạn (video clip, sách, thực tế,...), từ đó rút ra bài học cho bản thân.	14	Nghe giảng, ghi chép khi GV giảng giải thuyết trình một số vấn đề trên lớp đã xong để vận dụng vào làm bài tập thực hành.	Thư viện, ở nhà, trường mầm non.	

## 8. Tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Thị Như Mai (2012), *Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (CB) (2005), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP.

[3]. Lại Kim Thúy (2001), *Tâm bệnh học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3			2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	2				2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11			2		2	2	6
12	1		1		2	2	6
13	2				2	2	6
14	1		1		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	17	1	12		30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học sạch sẽ thoáng mát, có đủ ánh sáng

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015 của hiệu trưởng trường đại học tân trào)

11.1. Đánh giá thường xuyên: Kiểm tra những nội dung đã học của buổi học.

11.2. Đánh giá định kì: Là kiểm tra thực hành những nội dung đã học.

11.3 Điểm học phần gồm 3 điểm đánh giá bộ phận:

+ Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

+ Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

+ Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần =  $0,1 \times$  điểm thành phần 1 +  $0,3 \times$  điểm thành phần 2 +  $0,6 \times$  điểm thành phần 3.

11.4. Lịch thi và kiểm tra: Theo kế hoạch chung của nhà trường

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Nội dung thuộc tín chỉ 1 (5 điểm). Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2 (5 điểm).	60 phút		

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: ; [huongkienctdq@gmail.com](mailto:huongkienctdq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Vui
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0916 844 253; Email: [nguyenvui@gmail.com](mailto:nguyenvui@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian
- Mã học phần: MN 2. 1. 023.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Toán cơ bản
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 9 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
  - + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Thông qua nội dung của học phần giúp sinh viên hiểu được:

- Một số khái niệm, vai trò của phương pháp hình thành biểu tượng định hướng thời gian cho trẻ mẫu giáo
- Hiểu được các nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian của trẻ mẫu giáo
- Nắm vững cấu trúc tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian
- Kỹ năng soạn giảng các tiết dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian
- Kỹ năng tổ chức các biểu tượng thời gian cho trẻ

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được một số khái niệm; vai trò; ý nghĩa của việc hình thành các biểu tượng thời gian cho trẻ mẫu giáo và những khoa học có liên quan
CĐR 2	Hiểu được đặc điểm; đặc trưng và các nguyên tắc hình thành các biểu tượng thời gian cho trẻ
CĐR 3	Hiểu được nội dung, phương pháp và tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian ở các độ tuổi (bé – nhỡ - lớn)
CĐR4	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp và các hình thức, phương tiện giáo dục để lập kế hoạch hình thành các biểu tượng thời gian của trẻ ở trường mầm non
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	

CDR 5	Có kỹ năng lập kế hoạch hình thành biểu tượng các chuẩn đo thời gian cho trẻ mẫu giáo: Ngày, tuần lễ, tháng, mùa trong năm
CDR 6	Có kỹ năng lựa chọn các phương pháp, biện pháp, phương tiện để tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng thời gian cho trẻ mẫu giáo (ngày, tuần lễ, tháng, mùa, năm)
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CDR 7	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập bộ môn
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và bộ môn.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng sáng tạo tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

#### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10
Chương 1: Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non	1.1. Khái niệm	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1.2. Vai trò của việc dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian trong sự phát triển và giáo dục trẻ	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1.3. Những khoa học có liên quan	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	1.4. Đặc điểm phát triển biểu tượng thời gian và sự định hướng thời gian của trẻ mầm non	2	3	3	3		3	3	3	3	3
Chương 2:	2.1. Đặc trưng của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2.2. Những nguyên tắc xây dựng phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	2.3. Nội dung dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	2.4. Các nhóm phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Chương 3: Tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	3.1. Cấu trúc tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2		3	3	3	3	3	3	3	3
	3.2. Tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp      2 – Có đóng góp      3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

- Cơ sở lí luận của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian
- Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian
- Tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Cơ sở lí luận của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</b>	2			
Lý thuyết	1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò của việc dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian trong sự phát triển và giáo dục trẻ 1.3. Những khoa học có liên quan 1.4. Đặc điểm phát triển biểu tượng thời gian và sự định hướng thời gian của trẻ mầm non	2	Học học liệu số 1. Chương 1: (mục 1, 2, 3, 4, 5) - Tr 5 - 28	Trên lớp	
	<b>Chương 2: Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng</b>	13			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>thời gian</b>				
Lý thuyết	<p>2.1. Đặc trưng của phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>2.2. Những nguyên tắc xây dựng phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>2.2.1. Việc xây dựng phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian cần góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non nói chung và nâng cao mức độ định hướng thời gian cho trẻ nói riêng</p> <p>2.2.2. Việc xây dựng phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian cần tuân theo quy luật phát triển nhận thức của lứa tuổi</p> <p>2.2.3. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian cần xây dựng phù hợp với những quy luật hình thành sự định hướng thời gian của lứa tuổi</p> <p>2.2.4. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian cần hướng tới việc phát triển khả năng độc lập, tích cực của trẻ trong quá trình học, đảm bảo được nguyên tắc cá biệt hóa trong dạy trẻ</p> <p>2.3. Nội dung dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>2.4. Các nhóm phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>2.4.1. Các phương pháp trực quan hóa thời gian</p> <p>2.4.2. Phương pháp dùng lời</p> <p>2.4.3. Phương pháp thực hành trải nghiệm và định hướng thời gian</p>	5	Học học liệu số 1. Chương 2: (các mục 1, 2, 3, 4) – Tr 29 – 80.	Lớp học	
Bài tập thực hành	<p>- Thiết kế mô hình hóa dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian: mô hình ngày, tuần lễ...</p> <p>- Vận dụng lí thuyết đã học</p>		Đọc tài liệu, giáo trình, vận dụng lí luận đã học để thực hiện, thực hành theo	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	hãy sử dụng các câu chuyện: truyện cổ tích, kể chuyện theo tranh, kể chuyện sáng tạo... để dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	7	nội dung đã đưa ra		
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung trong phần câu hỏi ôn tập chương 2; học liệu 1.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các nội dung ở các chương sau	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
	<b>Chương 3: Tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</b>				
Lý thuyết	<p>3.1. Cấu trúc tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>3.2. Tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian</p> <p>3.3. Tiến trình hình thành biểu tượng về các đơn vị đo thời gian là cơ sở của lịch</p> <p>3.4. Tiến trình hình thành biểu tượng về độ dài khoảng thời gian nhấn diễn ra các sự kiện.</p> <p>3.4. Hướng dẫn soạn giáo án hình thành biểu tượng định hướng thời gian cho trẻ ở trường mầm non về các chuẩn đo thời gian như: Ngày, tuần lễ, tháng, mùa, năm.</p>	7	Học học liệu số 1: Chương 3 (các mục 1, 2) – Tr 81 – 115.	Lớp học	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung trong phần câu hỏi ôn tập chương 3; học liệu 1.	1	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Bài tập thực hành	Lập kế hoạch và thực hành tập giảng trên nhóm giáo sinh nội dung dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian cho trẻ mẫu giáo	7	Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào bài tập thực hành	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng vào giờ tập giảng	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

## 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đỗ Thị Minh Liên, *Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian*, NXB ĐHSP, 2013

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đỗ Thị Minh Liên, *Phương pháp hình thành biểu tượng thời gian cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường ĐHSP Hà Nội.

[3] Lê Thu Hương, *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, NXB GD;2008

[4] Lê Thu Hương, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*, NXB GD;2010

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	2				2	2	6
4	1			1	2	2	6
5			2		2	2	6
6			2		2	2	6
7			2		2	2	6
8			2		2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	1			1	2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	14	1	14	1	30	30	90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**12.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**13.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 2: (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3: (4 điểm)	90 phút	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Vũ Thị Lan
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 0916.844.333; [lansptq@gmail.com](mailto:lansptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Như Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ – Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng khoa GDMN
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0913.194.899; Email: [Nguyennhumai@gmail.com](mailto:Nguyennhumai@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

### 2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: **Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.**

- Mã môn học: MN2.1.024.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học:

+ Bắt buộc: có

+ Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần Giáo dục thể chất và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
- + Bài tập trên lớp: 7 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học:

- + Bộ môn: Giáo dục mầm non
- + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu chung của môn học :

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ sở liên quan đến việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Những lý thuyết cơ bản về dạy học và quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Hệ thống các phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và đánh giá việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Kỹ năng soạn giảng các tiết thể dục nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức liên quan đến lịch sử nghiên cứu, những khái niệm cơ bản và cơ sở khoa học của việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non. Những lý thuyết cơ bản về dạy học và quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non
CĐR 2	Hiểu và phân tích được những lý thuyết cơ bản về dạy học và quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non
CĐR 3	Vận dụng hệ thống các phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non ở các độ tuổi.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 4	Có khả năng nghiên cứu tài liệu, tổng hợp kiến thức một cách khái quát. Có kỹ năng xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và đánh giá việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ

	mầm non.
CĐR 5	Có Kỹ năng soạn giảng các tiết thể dục nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.
	<b>Kỹ năng mềm</b>
CĐR 6	Có kỹ năng phân tích và đánh giá thực trạng việc hình thành kỹ năng vận động cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng của hoạt động này.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 7	Có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực. Có khả năng tự tích lũy kiến thức
CĐR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CĐR 9	Có ý thức sáng tạo trong soạn giảng, đầu tư xây dựng và lựa chọn các phương pháp giảng dạy tốt nhất để hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ

#### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9
<b>Chương 1. Cơ sở lý luận của phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.</b>	1.1. Lịch sử nghiên cứu phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	1.2. Một số khái niệm cơ bản									
	1.3. Cơ sở triết học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	1.4. Cơ sở sinh lý học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm									

	<p>non</p> <p>1.5. Cơ sở tâm lý học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>1.6. Cơ sở giáo dục học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ</p>									
<b>Chương 2. Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</b>	2. 1. Một số lý thuyết về quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	2. 2. Quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
<b>Chương 3: Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</b>	3.1. Những quan điểm định hướng việc xây dựng hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	3.2. Những yêu cầu xây dựng hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	3.3. Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>

	cho trẻ mầm non									
	Vận dụng hệ thống các phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng vận động thô và vận động tinh cho trẻ ở các độ tuổi.	2	2	2	2	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1- Không đóng góp 2- Có đóng góp 3- Đóng góp nhiều

### 6. Tóm tắt nội dung môn học.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về

a) Cơ sở lý luận của phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

b) Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

c) Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

### 7. Nội dung chi tiết môn học

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	15			
	<b>Chương 1. Cơ sở lý luận của phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.</b>	10			
Lý thuyết	1.1. Lịch sử nghiên cứu phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 1.2. Một số khái niệm cơ bản 1.2.1. Vận động 1.2.2. Phát triển 1.2.3. Sự phát triển vận động 1.2.4. Tính tích cực vận động 1.2.5. Phát triển tính tích cực vận động 1.2.6. Bài tập vận động 1.2.7. Kỹ năng vận động 1.2.8. Kỹ xảo vận động 1.2.9. Phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.- 6)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<p>1.3. Cơ sở triết học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>1.4. Cơ sở sinh lý học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>1.4.1. Đặc điểm phát triển sinh lý của trẻ mầm non</p> <p>1.4.2. Các giai đoạn hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>1.5. Cơ sở tâm lý học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>1.5.1. Đặc điểm phát triển tâm lý vận động</p> <p>1.5.2. Các giai đoạn hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>1.6. Cơ sở giáo dục học của phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p>				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; trả lời câu hỏi của giáo viên giao.	20	Đọc tài liệu số 1: chương 3 ( các mục 1-6),	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.</b>	5			
Lý thuyết	<p>2. 1. Một số lý thuyết về quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>2. 1.1. Sơ lược về quá trình dạy học</p> <p>2. 1.2. Bản chất của quá trình dạy học</p> <p>2. 2. Quá trình dạy học nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>2. 2.1. Mục đích dạy học</p> <p>2. 2.2. Nội dung dạy học</p> <p>2. 2.3. Phương pháp dạy học</p>		Học học liệu số 1: chương 3 ( các mục 1-3) tham khảo tài liệu số 2: chương 4( mục 4.1), tài liệu số 5.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.trả lời câu hỏi của giáo viên giao.	10	Đọc tài liệu số 1: chương 3 ( các mục 4-6),	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 2</b>	15			
	<b>Chương 2. Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.</b>	6			
Lý thuyết	2. 2.4. Hình thức dạy học 2. 2.5. Phương tiện dạy học 2. 2.6. Đánh giá chất lượng và hiệu quả của việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	2	Học học liệu số 1: chương 3 ( các mục 4-6) học liệu số 2: chương 4( mục 4.1)	Lớp học	
Bài tập	Trên cơ sở nội dung hình thành kỹ năng vận động . Sinh viên xây dựng mục đích yêu cầu hình thành kỹ năng vận động cho trẻ ở từng độ tuổi.	4	Sử dụng tài liệu số 1: chương 3 (các mục 1-6), tham khảo tài liệu số 3 và số 4.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Tiếp tục chỉnh sửa phần bài tập trên lớp. Đọc lý thuyết trước khi lên lớp.	6	Đọc tài liệu số 1: chương 2 ( các mục 1-5)	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3: Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</b>	9			
Lý thuyết	3.1. Những quan điểm định hướng việc xây dựng hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 3.2. Những yêu cầu xây dựng hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 3.2.1. Đảm bảo kỹ thuật của bài tập 3.2.2. Phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động phải gắn liền với đặc trưng của tiết học thể dục 3.2.3. Phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ, chú ý đến khả năng vận động của từng cá nhân, khả năng hợp tác giữa giáo viên với cá nhân trẻ, giữa trẻ với nhau 3.2.4. Đánh giá hiệu quả của phương pháp hình thành kỹ	4	Học học liệu số 1: chương 2 ( các mục 1-5)		

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 3.3. Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non 3.3.1. Nhóm phương pháp hình thành kỹ năng vận động mới 3.3.2. Nhóm phương pháp dạy học nhằm ôn luyện kỹ năng vận động cũ 3.3.3. Nhóm phương pháp dạy học nhằm hoàn thiện kỹ năng vận động 3.3.4. Nhóm phương pháp dạy học nhằm kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận động				
Bài tập	Vận dụng các phương pháp và biện pháp đã học để tiến hành tổ chức hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non.	5	Đọc tài liệu số 1: chương 2 ( các mục 1-5), tài liệu số 2 và tài liệu số 5 và tham khảo một số tài liệu khác.	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Xem lại toàn bộ các phần lý thuyết và trả lời các câu hỏi giáo viên giao	10	Vận dụng được các kiến thức để trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết. Chuẩn bị một số câu hỏi đặt ra cho giáo viên về những vấn đề thắc mắc liên quan đến nội dung học.	Ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Đặng Hồng Phương, *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSPT, 2013.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đặng Hồng Phương, *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSPT, 2014.



[3] Nguyễn Thị Hòa, *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP, 20105. Lê Thu Hương, *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, NXB GD;2008

[4] Lê Thu Hương, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*, NXB GD;2010

[5] Bộ giáo dục và đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB GD;2009.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	1	1			4		6
9			2		4		6
10			2		4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	2				4		6
14			2		4		6
15			2		4		6
<b>Tổng cộng</b>	21	1	8		60		90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học và sân bãi phù hợp với số lượng sinh viên.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá môn học

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8 , do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trù kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1,2: (5 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 2,3: (5 điểm)	60 phút	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Bùi Khánh Ly
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ – Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0916.844.253; Email: [buikhanhlytq@gmail.com](mailto:buikhanhlytq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học (Giáo dục MN).

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Vũ Thị Kiều Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0915.395.113; Email: [baotrangvk@gmail.com](mailto:baotrangvk@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN, Tâm lý học

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN
- Mã học phần: MN2.1.025.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giao tiếp sư phạm; Tâm lý trẻ em 1; Tâm lý trẻ em 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
  - + Bài tập trên lớp: 7 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Kiểm tra: 01 tiết (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu chung của học phần

Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, chức năng về ứng xử và giao tiếp. Quá trình xã hội hóa trẻ em và sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ em lứa tuổi mầm non. Những nguyên tắc và phương thức ứng xử của cô giáo mầm non đối với trẻ và vai trò của giao tiếp và ứng xử với việc hình thành nhân cách trẻ em.

Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Một số kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

Sinh viên yêu thích môn học; có thái độ thân thiện, biết yêu thương, tôn trọng trẻ. Là tấm gương tốt cho trẻ noi theo trong cuộc sống hàng ngày ở trường mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về giao tiếp và ứng xử; ứng xử hình thành những đặc trưng con người; các chức năng ứng xử và giao tiếp; cách phân loại giao tiếp.
CDR 2	Hiểu được một số khái niệm cơ bản về xã hội hóa; các cơ chế và phương thức xã hội hóa trẻ em; những thành tựu đạt được trong quá trình xã hội hóa trẻ em từ lọt lòng đến 6 tuổi.
CDR 3	Hiểu và phân tích được đặc điểm, vai trò của nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ; sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 0-3 tuổi và sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ từ 3-6 tuổi.
CDR 4	Hiểu được những nguyên tắc và phương thức ứng xử giữa cô giáo và trẻ; vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát triển tình cảm và nhân cách trẻ.
CDR 5	Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để giải quyết các bài tập thực

	hành giao tiếp, xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.
<b>Về kỹ năng</b>	
CDR 6	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo.
CDR 7	Có kỹ năng giải quyết vấn đề và xử lý các tình huống giao tiếp, ứng xử trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.
CDR 8	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo
CDR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 11	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng tri thức đã học vào thực tiễn giáo dục mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
							Cứng		Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11
Chương 1: Giao tiếp và ứng xử	Giao tiếp và ứng xử.	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3
	Ứng xử hình thành những đặc trưng con người.	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3	3
	Các chức năng ứng xử và giao tiếp.	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3
	Các loại giao tiếp.	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2

Chương 2: Quá trình xã hội hóa trẻ em	Một số khái niệm cơ bản về xã hội hóa.	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3
	Các cơ chế và phương thức xã hội hóa trẻ em.	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3
	Những thành tựu đạt được trong quá trình xã hội hóa trẻ em từ lọt lòng đến 6 tuổi.	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3: Sự phát triển nhu cầu giao tiếp ở trẻ tuổi mầm non	Khái niệm chung về nhu cầu giao tiếp.	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
	Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ tuổi nhà trẻ.	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
	Sự phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ tuổi mẫu giáo.	2	1	3	1	2	2	2	2	2	3	3
Chương 4: Những nguyên tắc và phương thức ứng xử giữa cô giáo và trẻ em	Những nguyên tắc ứng xử.	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	3
	Những phương thức giao tiếp và ứng xử giữa cô giáo và trẻ em.	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	3
Chương 5: Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát	Một số quan điểm khác nhau về xúc cảm.	2	1	2	2	3	3	3	3	2	3	3
	Sự phát triển xúc cảm ở trẻ	2	1	2	2	3	3	3	3	2	3	3

triển tình cảm và nhân cách trẻ	mầm non.											
	Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong phát triển xúc cảm và tình cảm ở trẻ.	2	1	1	2	3	3	3	3	2	3	3
	Vai trò của giao tiếp và ứng xử trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ.	2	1	1	2	3	3	3	3	2	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp 2 – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức chung về giao tiếp và ứng xử, về nhu cầu giao tiếp của trẻ, những nguyên tắc và phương thức ứng xử giữa cô giáo và trẻ em lứa tuổi mầm non, vai trò của giao tiếp và ứng xử trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm
<b>Tín chỉ 1</b>		15		
	<b>Phần thứ I. Khái niệm chung về giao tiếp, ứng xử</b>	5		
Lý thuyết	<b>Chương 1: Giao tiếp và ứng xử</b> I. Giao tiếp và ứng xử II. Ứng xử hình thành những đặc trưng con người. III. Các chức năng ứng xử và giao tiếp. IV. Các loại giao tiếp.	04	Học học liệu số 1: chương một (các mục I. - IV.); học liệu số 2: các mục I đến IV.	Trên lớp
Bài tập thực hành	Bài tập tương ứng của Chương 1 trong học liệu số 1, tham khảo các câu hỏi ôn tập trong trang 31 của học liệu 1	01	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời các câu hỏi ôn tập.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập.	10	Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	
	<b>Phần thứ II. Quá trình xã hội hóa trẻ em và những đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ lứa tuổi mầm non.</b>	10		





[1] Ngô Công Hoàn (1997), *Giao tiếp và ứng xử sư phạm (dùng cho giáo viên mầm non)*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Hòa (2013), *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP.

[3] Nguyễn Ánh Tuyết (CB) (2008), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP Hà Nội

[4] Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	2				2	2	6
3	1		1		2	2	6
4	2				2	2	6
5	2				2	2	6
6	2				2	2	6
7	1		1		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11	2				2	2	6
12	2				2	2	6
13	1		1		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>22</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương một, hai, ba: (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương bốn, năm: (6 điểm)	60 p	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP  
TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 01698 474905; [xuandungcdsptq@gmail.com](mailto:xuandungcdsptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

#### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thu\\_thuy@gmail.com](mailto:thu_thuy@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non
- Mã học phần: MN2.1.026.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Môi trường và con người
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 25 giờ

+ Bài tập, thảo luận trên lớp: 5 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Giáo dục mầm non.

+ Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về khái niệm môi trường và “giáo dục môi trường”. Tầm quan trọng của giáo dục môi trường. Ý nghĩa, mục tiêu của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Nắm bắt được những phương pháp, hình thức giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên một số kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục môi trường và vận dụng vào việc tổ chức các hình thức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường, kỹ năng thiết kế và triển khai các hình thức giáo dục phù hợp ở trường mầm non. Tích cực đúng đắn và nghiêm túc trong việc giáo dục môi trường cho trẻ, là tấm gương tích cực trong việc bảo vệ môi trường cho trẻ noi theo.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm môi trường và giáo dục môi trường; sự phát triển bền vững và giáo dục môi trường; các hoạt động giáo dục môi trường và sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay; sự cần thiết phải giáo dục môi trường; tổng quan được lịch sử quá trình triển khai công tác giáo dục môi trường trên thế giới và trong nước.
CDR 2	Phân tích được khái niệm, mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; ý nghĩa của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ mầm non; cơ sở khoa học của quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; bản chất của việc giáo dục môi trường, đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non.
CDR 3	Hiểu và phân tích được mục đích, nhiệm vụ, cơ sở xác định nội dung giáo dục môi trường. Xác định được các nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non nói chung và theo lứa tuổi nói riêng.
CDR 4	Vận dụng được các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	

CĐR 5	Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
CĐR 6	Có kỹ năng thiết kế và triển khai các hình thức giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non. Biết lựa chọn các điều kiện giáo dục môi trường phù hợp với từng hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
CĐR7	Có năng lực giải quyết vấn đề và xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 8	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 9	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 10	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 11	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non Có kỹ năng nghề nghiệp: Yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ, là tấm gương tích cực trong việc bảo vệ môi trường cho trẻ noi theo.

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
Chương I Một số vấn đề chung về giáo dục môi trường	1. Tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường hiện nay	3	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2
	2. Các khái niệm cơ bản trong giáo dục mầm non	3	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2
	3. Phát triển bền vững và giáo dục môi trường	3	1	2	1	1	1	2	1	2	2	2

	4. Các hoạt động giáo dục môi trường	3	2	2	1	2	2	2	1	2	2	2
	5. Module giáo dục môi trường. Sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay	3	1	1	1	1	2	2	1	2	2	2
Chương II Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	1. Khái niệm “Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non”	2	3	2	1	1	1	2	2	2	2	2
	2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường với sự phát triển của trẻ mầm non	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	3. Bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	4. Đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	5. Quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hiện nay	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương III Quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non	1. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2
	2. Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2
	3. Phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	2
	4. Các hình thức và điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2

5. Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2
--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: 1 – Không đóng góp – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về .

- a, Một số vấn đề chung về giáo dục môi trường.
- b, Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.
- c, Các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương I</b> <b>Một số vấn đề chung về giáo dục môi trường</b>				
Lý thuyết	1. Tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường hiện nay 2. Khái niệm “ giáo dục môi trường” 3. Phát triển bền vững và giáo dục môi trường 4. Các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường 5. Các hoạt động giáo dục môi trường 6. Module giáo dục môi trường 7. Sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay	5	Học học liệu số 1: chương I (Các mục 1- 7), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,3,4.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở chương.	20	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương II</b> <b>Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</b>				

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Lí thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm “ Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non”</li> <li>2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường với sự phát triển của trẻ mầm non</li> <li>3. Bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>4. Đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non</li> <li>5. Quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hiện nay</li> </ol>	10	Học học liệu số 1:Chương II (các mục 1-5) và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,3,4,5,6,7.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở chương.	20	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương III</b> <b>Quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non</b>				
Lí thuyết	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>2. Nhiệm vụ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>3. Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>4. Phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>5. Các hình thức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>6. Điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> <li>7. Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ mầm non</li> </ol>	10	Học học liệu số 1:Chương II (các mục 1-5) và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,3,4,5,6,7.	Trên lớp	
Thực hành	Tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	5	Học học liệu số 1: chương III (Các mục 1-7), và tham khảo một số tài liệu thuộc học liệu 2,3,4,5,6,7	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở chương.	20	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	



## 8. Tài liệu học tập

### 8.1 Tài liệu bắt buộc

[1] Hoàng Thị Phương, (2011), *Giáo trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP

### 8.2 Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Thị Thu Hương, Trần Thị Thu Hòa, Trần Thị Thanh, (2010) *Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non*, NXB giáo dục Việt Nam.

[3] Lê Thu Hương, (2008), *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*, NXB GD

[4] Lê Thu Hương, (2010), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*, NXB GD

[5] Nguyễn Thị Hòa, (2010) *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP

[6] Hoàng Thị Phương, (2008), *Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, NXB ĐHSP

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13			2		4		6
14			2		4		6
15	1		1		4		6
<b>Tổng cộng</b>	25		5		60		90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trừ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương I, chương II, (4 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương III, (6 điểm)	90'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Đồ chơi trẻ em

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Như Mai
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 01687373085; Email: [nguyennhumaicdtq@gmail.com](mailto:nguyennhumaicdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GD Mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD Mầm non Trường ĐH Tân Trào.
- Điện thoại: 0942155698; Email: [haiyencdtq@gmail.com](mailto:haiyencdtq@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học MN

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đồ chơi trẻ em
- Mã học phần: **MN2.1.027.2**
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mỹ thuật cơ bản; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 12 giờ

+ Bài tập thực hành trên lớp: 18 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: GD Mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về cách làm đồ chơi và đồ dùng dạy học cho trẻ ở trường mầm non

**Rèn luyện cho sinh viên cách làm, cách sử dụng một số đồ chơi cho trẻ mầm non như: đồ chơi xếp hình; đồ chơi có chủ đề và đồ chơi học tập.**

Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, phương pháp làm việc sáng tạo, khoa học, giáo dục đức tính kiên trì, tỉ mỉ, chăm chỉ.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung CĐR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về: cách làm đồ chơi và đồ dùng dạy học cho trẻ ở trường Mầm non
CĐR 2	Hiểu được tác dụng và ý nghĩa của đồ chơi đối với sự phát triển toàn diện của trẻ Mầm non
CĐR 3	Hiểu được sức ảnh hưởng của đồ chơi đối với sự phát triển tâm lý trẻ em mầm non theo từng giai đoạn.
CĐR 4	Hiểu và phân tích được cách áp dụng đồ chơi vào quá trình dạy học ở trường Mầm non
<b>Về kỹ năng</b>	
CĐR 5	Hình thành kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu những kiến thức có liên quan đến môn học.
CĐR 6	Hình thành kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát những kiến thức đã học để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong những nội dung tiếp theo.
CĐR 7	Hình thành kỹ năng liên hệ thực tiễn, kỹ năng khai thác, vận dụng những kiến thức đã học vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo đúng độ tuổi và quy luật phát triển tâm lý.
<b>Về thái độ</b>	
CĐR 8	Có động tích cực trong học tập, chủ động trong việc tự học, tự

	nghiên cứu.
CDR 9	Có thói quen, có thái độ tích cực trong làm việc theo nhóm
CDR 10	Có lòng yêu nghề, mهن trẻ, tích cực vận dụng kiến thức đã học được vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phân với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA									
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng		Mềm			
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR7	CDR 8	CDR 9	CDR 10
Chương 1 Đồ chơi cho trẻ mầm non	1.1. Đồ chơi là gì?	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1.2. Tác dụng của đồ chơi đối với trẻ 0 - 6 tuổi										
	1.3. Nguyên tắc làm đồ chơi	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3
Chương 2. Đồ chơi xếp hình.	2.1 Đồ chơi xếp hình ở trường MN	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	2.2. Cách làm một số đồ chơi xếp hình.	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	2.3. Thực hành làm đồ chơi xếp hình.em	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Đồ chơi học tập	3.1. Đồ chơi học tập ở trường mầm non	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	3.2. Thực hành làm một số loại đồ chơi học tập	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
Chương 4. Làm đồ chơi sáng	4.1. Hướng dẫn cách làm một số loại đồ chơi theo chủ đề	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3

theo chủ đề tại trường MN	4.2. Thực hành làm các loại đồ chơi có chủ đề	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
---------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2- Có đóng góp; 3- Đóng góp nhiều

## 6. Tóm tắt nội dung học phần.

Học phần giới thiệu khái quát những vấn đề chung về đồ chơi: tác dụng, nguyên tắc làm đồ chơi. Kỹ thuật làm một số đồ chơi cho trẻ mầm non: đồ chơi xếp hình; đồ chơi theo chủ đề và đồ chơi học tập.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1 Đồ chơi cho trẻ mầm non</b>	02(LT:02)			
Lý thuyết	1.1. Đồ chơi là gì? 1.2. Tác dụng của đồ chơi đối với trẻ 0 - 6 tuổi 1.2.1. Đồ chơi cho trẻ 0-2 tuổi 1.2.2. Đồ chơi cho trẻ 2- 3 tuổi 1.2.3. Đồ chơi cho trẻ 3-4 tuổi 1.2.4. Đồ chơi cho trẻ 4-5 tuổi 1.2.5. Đồ chơi cho trẻ 5-6 tuổi 1.3. Nguyên tắc làm đồ chơi 1.3.1. Đồ chơi phải đảm bảo tính giáo dục 1.3.2. Đồ chơi phải đảm bảo vệ sinh an toàn 1.3.3. Đồ chơi phải đảm bảo tính thẩm mỹ 1.3.4. Đồ chơi phải đảm bảo tính khoa học, tính dân tộc, tính thực tiễn		Học học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1; 1.5; 1.6); tham khảo học liệu số 6.	Trên lớp	
Bài tập	Sưu tầm một số đồ chơi của trẻ em và đánh giá về tác dụng của đồ chơi cũng như nguyên tắc làm đồ chơi.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập.	Ở nhà, thảo luận trên lớp.	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi và thực hiện bài tập.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cơ bản về khái niệm, tác dụng của đồ chơi, nguyên tắc làm đồ chơi.	Tự học, tự nghiên cứu	
	<b>Chương 2. Đồ chơi xếp hình</b>	08(LT:03, TH:05)			
Lý thuyết	2.1. Đồ chơi xếp hình ở trường mầm non 2.1.1. Ý nghĩa tác dụng của đồ chơi xếp hình với trẻ 0-6 tuổi 2.1.2. Các loại đồ chơi xếp hình 2.1.3. Nguyên vật liệu để làm đồ chơi xếp hình 2.1.4. Cách sử dụng đồ chơi xếp hình. 2.2. Cách làm một số đồ chơi xếp hình. 2.3. Thực hành làm đồ chơi xếp hình.		Học liệu số 1: chương 2 (mục 1.6); Tham khảo thêm học liệu số 5 (Phần A)	Lớp học	
Bài tập	Thực hiện nội dung các bài tập thực hành làm đồ chơi xếp hình từ các nguyên vật liệu khác nhau.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng một cách sáng tạo trong việc lựa chọn nguyên vật liệu, cách làm đồ chơi xếp hình.	Thu gom nguyên vật liệu ngoài giờ học và thực hành trên lớp.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và làm các đồ chơi.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, sáng tạo ra cách làm đồ chơi.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3. Đồ chơi học tập</b>	05(LT:02, TH:03)			
Lý thuyết	3.1. Đồ chơi học tập ở trường mầm non 3.1.1. Phân loại đồ chơi học tập 3.1.2. Cách làm một số đồ chơi học tập 3.2. Thực hành làm một số		Học liệu số 1: Chương 2 (mục 1.1); học liệu số 5, Phần C.	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	loại đồ chơi học tập				
Bài tập	Thực hiện nội dung các bài tập thực hành làm đồ chơi học tập từ các nguyên vật liệu khác nhau.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng vào lựa chọn nguyên vật liệu, cách làm đồ chơi học tập một cách sáng tạo.	Thu gom nguyên vật liệu ngoài giờ học và thực hành trên lớp.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và làm các đồ chơi.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, làm được nhiều đồ chơi học tập phù hợp với tuổi mầm non.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4. Làm đồ chơi sáng tạo theo chủ đề tại trường MN</b>	15(LT:05, TH:10)			
	<p>4.1. Hướng dẫn cách làm một số loại đồ chơi theo chủ đề</p> <p>4.1.1. Chủ đề bản thân</p> <p>4.1.1.1. Các loại con rối hình người</p> <p>4.1.1.2. Mũ giấy</p> <p>4.1.2. Chủ đề phương tiện giao thông</p> <p>4.1.3. Chủ đề thế giới thực vật</p> <p>4.1.3.1. Các loại cây</p> <p>4.1.3.2. Các loại hoa</p> <p>4.1.3.3. Các loại quả</p> <p>4.1.4. Chủ đề thế giới động vật</p> <p>4.1.4.1. Các con vật nuôi trong gia đình</p> <p>4.1.4.2. Các con vật sống dưới nước</p> <p>4.1.4.3. Các con vật sống ở rừng</p> <p>4.1.4. Chủ đề giao thông</p> <p>4.1.4.1. Các loại phương tiện đường bộ</p> <p>4.1.4.2. Các loại phương tiện đường không</p> <p>4.1.4.3. Các loại phương</p>		Học liệu số 1: Chương 2; Tham khảo học liệu số 3,4,5.		



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	tên đường thủy 4.2. Thực hành làm các loại đồ chơi có chủ đề				
Bài tập	Thực hiện nội dung các bài tập thực hành làm đồ chơi theo chủ đề từ các nguyên vật liệu khác nhau.		Nắm vững lý thuyết để vận dụng lựa chọn nguyên vật liệu làm đồ chơi theo chủ đề một cách sáng tạo.	Thu gom nguyên vật liệu ngoài giờ học và thực hành trên lớp.	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; Tìm hiểu các chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và làm các đồ chơi theo chủ đề.		Trả lời các câu hỏi ôn tập sau khi nghe giảng lý thuyết, sáng tạo ra cách làm đồ chơi, cách phối hợp và tận dụng nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Thị yến (chủ biên) – Nguyễn Như Mai (2014), *tài liệu tham khảo hỗ trợ chuyên đề hoạt động tạo hình*.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đặng Hồng Nhật (2008), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ, tập 2*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[3] Lê Đình Bình (2008), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ, tập 1*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[4] Lê Thanh Thủy (2004), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				3	1	6

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
2	2				3	1	6
3	1		1		2	2	6
4			2		2	2	6
5			2		2	2	6
6	2				2	2	6
7			2		2	2	6
8	1		1		2	2	6
9	2				2	2	6
10	2				2	2	6
11			2		2	2	6
12			2		2	2	6
13			2		2	2	6
14			2		2	2	6
15			2		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	12		18	0	32	28	90

### 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 7, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học : 60%

<b>Hình thức thi</b>	<b>Cấu trúc đề thi</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Yêu cầu số đề</b>	<b>Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án</b>
Thực hành	Câu 1: Với nội dung thực hành làm đồ chơi thuộc chương 2,3 (10 điểm)	90'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Thực tập 1

### 1. Thông tin về giảng viên

#### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Phạm Thị Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính, văn phòng khoa GD mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD mầm non, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang.
- Điện thoại, email: 0398474905; Email: [xuandungcdsptq@gmail.com](mailto:xuandungcdsptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non

#### Giảng viên thứ hai

Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - Giảng viên chính
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính, văn phòng khoa GD mầm non.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GD mầm non, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuykmn@gmail.com](mailto:thuykmn@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non, tâm lý học mầm non

### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thực tập 1
- Mã học phần: MN2.1.030.3
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần thuộc kỳ 1,2,3,4,5
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 10 tiết

+ Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 35 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: Phòng Đào tạo và Khoa Giáo dục mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

Người học được thực tập các hoạt động về tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường Mầm non hiện nay. Thực tập các môn học, quan sát giờ dạy mẫu của giáo viên mầm non, quan sát việc chuẩn bị giờ dạy, cách thiết kế giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; thực tập dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm.

Có kỹ năng soạn giáo án, giảng dạy các môn học ở mầm non; kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục học sinh mầm non; kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp;

Có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở mầm non; yêu ngành, yêu nghề dạy học.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (có ghi chép sổ thực tập); nắm vững các vấn đề cơ bản về hồ sơ chuyên môn của giáo viên mầm non.
CDR 2	Hiểu cách tổ chức chế độ sinh hoạt của nhóm lớp ở trường mầm non
CDR 3	Hiểu cách thiết kế và xây dựng giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; thực tập dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có khả năng tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường Mầm non hiện nay;
CDR 5	Có kỹ năng quan sát giờ dạy mẫu của giáo viên mầm non, quan sát việc chuẩn bị giờ dạy, cách thiết kế giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

	Kỹ năng mềm
CDR 6	Có kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp để thực tập: dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành đào tạo.
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Hình thành kỹ năng nghề nghiệp sau này.

#### 5.MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHỦ ĐỀ	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	Cứng		Mềm	CDR 7	CD R8	CD R9
					CDR 4	CD R5	CDR6			
<b>Chủ đề 1 Tìm hiểu thực tế giáo dục</b>	1.1. Tìm hiểu thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (nơi thực tập):	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	1.2. Tìm hiểu nội dung công việc của người giáo viên, của tổ nhà trẻ và mẫu giáo ở trường học. 1.3. Tìm hiểu các loại hồ sơ học sinh, sổ sách lớp học, cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục đối với cấp học, bậc học mà giáo sinh được đào tạo.	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	2.1. Dự các buổi tổ chức chế độ sinh hoạt của nhóm	2	3	2	2	3	2	3	3	3

<b>Chủ đề 2 Thực tập công tác chủ nhiệm</b>	lớp do giáo viên chủ nhiệm chủ trì.Sau mỗi buổi có tổ chức rút kinh nghiệm. 2.2. Trực tiếp tham gia làm chủ nhiệm ở một lớp: Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm cho cả đợt và từng tuần, theo dõi tình hình về chăm sóc nuôi dưỡng và dạy trẻ trong nhóm lớp, có ghi chép nhận xét và tổ chức rút kinh nghiệm. 2.3. Tham gia hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ trong nhóm lớp: đón trẻ,thể dục sáng, hoạt động ăn, ngủ và hoạt động dạo chơi, tham quan, hoạt động ngoài trời, hoạt động theo đặc trưng của trường mầm non									
	Phân tích các nội dung liên quan đến công tác chủ nhiệm ở nhóm, lớp trường mầm non.	2	3	2	2	3	2	3	3	3
	Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm nhóm lớp ở trường mầm non (nơi thực tập)	2	3	2	2	3	2	3	3	3
<b>Chủ đề 3 Thực tập giảng dạy</b>	3.1. Chia nhóm chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo (ngành mầm non chia mỗi nhóm gồm 4 - 5 giáo sinh). Mỗi nhóm có một Nhóm trưởng là giáo sinh có năng lực tổ chức, quản lý và học lực khá hơn trong nhóm. 3.2. Dự giờ : 06 tiết/nhóm 3.3. Tập giảng (nội dung có trong chương trình và tại thời điểm thực tập). 3.4. Nghe báo cáo và tìm hiểu quá trình rèn luyện phấn đấu của một giáo viên khá, giỏi ở tổ hay nhóm chuyên môn	2	2	2	2	3	3	3	3	3
<b>Chủ đề 4 Viết báo cáo thu hoạch</b>	4.1. Báo cáo thu hoạch rút kinh nghiệm về 03 nội dung thực tập (tìm hiểu	2	2	2	2	3	3	3	3	3

	hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường mầm non (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy) 4.2. Viết bài tập nghiên cứu Tâm lý - Giáo dục học								
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: *1- Không đóng góp nhiều*      *2- Có đóng góp*      *3- Đóng góp*

### 5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập các môn học (dự giờ dạy mẫu của giáo viên mầm non, soạn giáo án/kế hoạch bài dạy, thực tập dạy một số tiết và xây dựng hồ sơ chuyên môn); làm công tác chủ nhiệm lớp.

### 6. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1,2</b>	<b>30</b>			
	<b>Chủ đề 1</b> <b>Tìm hiểu thực tế giáo dục</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	1.1. Tìm hiểu thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (nơi thực tập): nghe 03 báo cáo với các nội dung: + Báo cáo của lãnh đạo trường mầm non về cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của nhà trường; + Báo cáo của Lãnh đạo xã, phường về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội và đặc biệt là phong trào giáo dục ở địa phương; + Báo cáo của Ban chấp hành Đoàn về hoạt động của Đoàn	2	Nắm được thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (có ghi chép sổ thực tập); nắm vững các vấn đề cơ bản về hồ sơ chuyên môn của giáo viên mầm non.	Trên lớp	



	<p>Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.</p> <p>1.2. Tìm hiểu nội dung công việc của người giáo viên, của tổ nhà trẻ và mẫu giáo ở trường học.</p> <p>1.3. Tìm hiểu các loại hồ sơ học sinh, sổ sách lớp học, cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục đối với cấp học, bậc học mà giáo sinh được đào tạo.</p>				
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Ghi chép và phân tích và nhận thức các nội dung về tìm hiểu trường mầm non và địa phương (nơi thực tập)	3	Hiểu trường mầm non và địa phương (nơi thực tập)	Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Tìm hiểu về trường mầm non và địa phương (nơi thực tập)	15	Nắm bắt những vấn đề cơ bản ở trường mầm non và địa phương (nơi thực tập)	Thư viên, ở nhà	
	<b>Chủ đề 2</b> <b>Thực tập công tác chủ nhiệm</b>	<b>25</b>			
Lý thuyết	<p>2.1. Dự các buổi tổ chức chế độ sinh hoạt của nhóm lớp do giáo viên chủ nhiệm chủ trì. Sau mỗi buổi có tổ chức rút kinh nghiệm.</p> <p>2.2. Trực tiếp tham gia làm chủ nhiệm ở một lớp: Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm cho cả đợt và từng tuần, theo dõi tình hình về chăm sóc nuôi dưỡng và dạy trẻ trong nhóm lớp, có ghi chép nhận xét và tổ chức rút kinh nghiệm.</p> <p>2.3. Tham gia hướng dẫn thực</p>	5	Nắm vững kiến thức về cách tổ chức chế độ sinh hoạt của nhóm lớp ở trường mầm non .	Trên lớp	

	hiện chế độ sinh hoạt của trẻ trong nhóm lớp: đón trẻ, thể dục sáng, hoạt động ăn, ngủ và hoạt động dạo chơi, tham quan, hoạt động ngoài trời, hoạt động theo đặc trưng của trường mầm non				
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Phân tích các nội dung liên quan đến công tác chủ nhiệm ở nhóm, lớp trường mầm non.	20	Nắm vững những vấn đề cơ bản về công tác chủ nhiệm nhóm lớp ở trường mầm non.	Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm nhóm lớp ở trường mầm non (nơi thực tập)	15	Nghiên cứu về công tác chủ nhiệm lớp ở trường mầm non.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chủ đề 3</b> <b>Thực tập giảng dạy</b>	<b>10</b>			
Lý thuyết	<p>3.1. Chia nhóm chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo (ngành mầm non chia mỗi nhóm gồm 4 - 5 giáo sinh). Mỗi nhóm có một Nhóm trưởng là giáo sinh có năng lực tổ chức, quản lý và học lực khá hơn trong nhóm.</p> <p>3.2. Dự giờ : 06 tiết/nhóm (giáo sinh phải soạn giáo án trước ít nhất 01 ngày và phải có chữ ký xác nhận của trưởng đoàn thực tập sư phạm trước khi tiến hành dự giờ).</p> <p>3.3. Tập giảng (nội dung có trong chương trình và tại thời điểm thực tập). Việc soạn bài và tập giảng dưới sự chỉ đạo của giáo viên hướng dẫn, sau mỗi giờ tập giảng có rút kinh nghiệm. Giáo sinh lên lớp dạy</p>	2	Được soạn giáo án, tập giảng và thi giảng có đánh giá	Trên lớp	

	ít nhất 1 trong 4 tiết đã tập giảng và đã được giáo viên hướng dẫn góp ý. Giáo án lên lớp phải được giáo viên hướng dẫn duyệt trước ít nhất 03 ngày.  3.4. Nghe báo cáo và tìm hiểu quá trình rèn luyện phần đầu của một giáo viên khá, giỏi ở tổ hay nhóm chuyên môn				
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Soạn giáo án, tập giảng và thi giảng	8	Thực tập giảng dạy theo hướng dẫn của giáo viên mầm non.	Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Thực hành giảng dạy các môn học ở mầm non.	15	Soạn giáo án, tập giảng các môn học ở mầm non.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chủ đề 4</b> <b>Viết báo cáo thu hoạch</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	4.1. Báo cáo thu hoạch rút kinh nghiệm về 03 nội dung thực tập (tìm hiểu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường mầm non (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy)  <i>(chú ý: viết theo mẫu, trên khổ giấy A4, đóng bìa. Giáo viên hướng dẫn hoạt động Thực tập chủ nhiệm trực tiếp nộp báo cáo thu hoạch của giáo sinh cho Trưởng ban chỉ đạo thực tập cấp trường trước khi kết thúc đợt thực tập 2 ngày)</i>  4.2. Viết bài tập nghiên cứu Tâm lý - Giáo dục học  <i>(chú ý: Cuối đợt thực tập, mỗi giáo sinh phải hoàn thiện bài tập nghiên cứu Tâm lý - Giáo dục học, có xác nhận của trưởng ban chỉ đạo thực tập cấp trường và sinh viên phải tự</i>	1	Nắm vững kiến thức và kỹ năng của thực hành nghề nghiệp vận dụng viết báo cáo theo quy định	Trên lớp	

	<i>nộp bài tập này cho bộ môn Tâm lý - Giáo dục thuộc cơ sở đào tạo giáo viên sau khi kết thúc đợt thực tập).</i>				
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thảo luận các nội dung về tìm hiểu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường mầm non (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy, nội dung bài tập Tâm lí-GD	4	Nắm vững các nội dung thực tập theo quy định.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Thực hành các nội dung thực tập	15	Thực hiện các nội dung thực tập	Thư viện, ở nhà	

## 7. Tài liệu học tập

### 7.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên), Vũ Thị Lan Anh... (2009), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

### 7.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Bộ GD và đào tạo (2011), *Chương trình giáo dục mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

## 8. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		6		10		18
2	2		6		10		18
3	2		6		10		18
4	1		6		10		17
5	2		6		10		18
6	1		5		10		16



- Kế hoạch chi tiết của toàn đợt thực tập 1;
- Các bài soạn dự giờ và giáo án lên lớp của giáo sinh;
- Báo cáo thu hoạch đợt thực tập 1 của giáo sinh;
- Phiếu thực tập 1 trong đó có đánh giá điểm kết quả thực tập giảng dạy, báo cáo thu hoạch, chủ nhiệm lớp và ý thức tổ chức kỷ luật.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**  
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



+ Bài tập, kiểm tra và thảo luận trên lớp: 48 tiết

+ Tự học, tự nghiên cứu: 180 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Khoa: Phòng Đào tạo và Khoa Giáo dục mầm non.

### 3. Mục tiêu của học phần

Người học được thực tập các hoạt động về tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường Mầm non hiện nay; thực tập các môn học, quan sát giờ dạy mẫu của giáo viên mầm non, quan sát việc chuẩn bị giờ dạy, cách thiết kế giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; thực tập dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm. Có kỹ năng soạn giáo án, giảng dạy các môn học ở mầm non; kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục học sinh mầm non; kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp; Có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở mầm non; yêu ngành, yêu nghề dạy học.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu được thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (có ghi chép sổ thực tập); nắm vững các vấn đề cơ bản về hồ sơ chuyên môn của giáo viên mầm non.
CDR 2	Hiểu cách tổ chức chế độ sinh hoạt của nhóm lớp ở trường mầm non
CDR 3	Hiểu cách thiết kế và xây dựng giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; thực tập dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CDR 4	Có khả năng tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường Mầm non hiện nay;
CDR 5	Có kỹ năng quan sát giờ dạy mẫu của giáo viên mầm non, quan sát việc chuẩn bị giờ dạy, cách thiết kế giáo án/kế hoạch bài dạy, xây dựng hồ sơ chuyên môn; quan sát các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.
<b>Kỹ năng mềm</b>	



CDR 6	Có kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp để thực tập: dạy một số tiết và làm công tác chủ nhiệm lớp, biết viết bài thu hoạch và tổng kết đánh giá kết quả thực tập sư phạm.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CDR 7	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên ngành đào tạo.
CDR 8	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu
CDR 9	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để chủ động, sáng tạo trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Hình thành kỹ năng nghề nghiệp sau này.

#### 5. MA TRẬN KIẾN THỨC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA								
CHỦ ĐỀ	KIẾN THỨC	Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
					Cứng		Mềm			
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
<b>Chủ đề 1</b> <b>Tìm hiểu thực tế giáo dục</b>	1.1. Tìm hiểu thực tế trường mầm non và phong trào giáo dục ở địa phương (nơi thực tập):	3	2	2	2	2	2	3	3	3
	1.2. Tìm hiểu nội dung công việc của người giáo viên, của tổ nhà trẻ và mẫu giáo ở trường học.  1.3. Tìm hiểu các loại hồ sơ học sinh, sổ sách lớp học, cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các	3	2	2	2	2	2	3	3	3

	cấp quản lý giáo dục đối với cấp học, bậc học mà giáo sinh được đào tạo.									
<b>Chủ đề 2</b> <b>Thực tập công tác chủ nhiệm</b>	2.1. Tình hình chung về học tập, sức khỏe, đạo đức của học sinh trong lớp, của riêng các học sinh cá biệt, cũng như các hoạt động khác của lớp học trong suốt thời gian thực tập, có ghi chép, nhận xét và đánh giá;	2	3	2	2	3	2	3	3	3
	2.2. Tổ chức các buổi sinh hoạt lớp, Tổ chức các hoạt động giáo dục: Lao động, vui chơi, văn nghệ, thể dục, thể thao, dạo chơi, thăm quan...và kỷ niệm các ngày lễ truyền thống;									
	2.3. Phối hợp với phụ huynh học sinh, Hội phụ huynh để làm tốt công tác giáo dục học sinh.  (Chú ý: Chia nhóm CN: 3 giáo sinh, nhóm)									
	Phân tích các nội dung liên quan đến công tác chủ nhiệm ở nhóm, lớp trường mầm non.	2	3	2	2	3	2	3	3	3
	Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm nhóm lớp ở trường mầm non	2	3	2	2	3	2	3	3	3

	(nơi thực tập)									
<b>Chủ đề 3 Thực tập giảng dạy</b>	<p>3.1. Chia nhóm: 4 - 5 giáo sinh/ nhóm. Mỗi nhóm có một Nhóm trưởng là giáo sinh có năng lực tổ chức, quản lý và học lực khá hơn trong nhóm.</p> <p>3.2. Dự giờ mẫu: Ban chỉ đạo thực tập 2 của cơ sở xây dựng kế hoạch cho các nhóm chuyên môn dự 2 tiết dạy mẫu và soạn bài, làm đồ dùng giảng dạy, giảng tập, có giáo viên hướng dẫn tham dự, có rút kinh nghiệm để giáo sinh hoàn thiện bài giảng.</p> <p>3.3. Thi giảng: Mỗi giáo sinh soạn và lên lớp giảng dạy 8 tiết. Sau giờ dạy có rút kinh nghiệm, đánh giá, cho điểm.</p>	2	2	2	2	3	3	3	3	3
<b>Chủ đề 4 Viết báo cáo thu hoạch</b>	Báo cáo thu hoạch rút kinh nghiệm về 03 nội dung thực tập (tìm hiểu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường MN (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy)	2	2	2	2	3	3	3	3	3

Ghi chú:

1- Không đóng góp

2- Có đóng góp

3- Đóng góp nhiều

## 5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường Mầm non hiện nay; thực tập các môn học (dự giờ dạy mẫu của giáo viên phổ thông, soạn giáo án/kế hoạch bài dạy, thực tập dạy một số tiết và xây dựng hồ sơ chuyên môn); làm công tác chủ nhiệm lớp.

## 6. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1,2</b>	<b>30</b>			
	<b>Chủ đề 1</b> <b>Tìm hiểu thực tế giáo dục</b>	5			
Lý thuyết	<p>1.1. Tìm hiểu thực tế trường MN và phong trào giáo dục ở địa phương (nơi thực tập): nghe 04 báo cáo với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu về tình hình giáo dục của nhà trường (Ban giám hiệu báo cáo)</li> <li>+ Tìm hiểu về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào giáo dục địa phương (Lãnh đạo xã phường báo cáo)</li> <li>+ Tìm hiểu về công tác Đoàn (Đoàn trường MN báo cáo);</li> <li>+ Tìm hiểu kinh nghiệm giáo viên chủ nhiệm giỏi (giáo viên chủ nhiệm giỏi hay một giáo viên giỏi báo cáo).</li> </ul> <p><i>(Tìm hiểu có ghi chép các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của giáo viên, tài liệu, sổ sách lớp, hồ sơ, học bạ học sinh, các văn bản hướng dẫn chuyên môn)</i></p> <p>1.2. Tìm hiểu nội dung công việc của người giáo viên, của tổ bộ môn ở mầm non.</p> <p>1.3. Tìm hiểu các loại hồ sơ học sinh, sổ sách lớp học, cách đánh giá và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục đối với cấp học, bậc học mà giáo sinh được đào tạo.</p>	2	Nắm được thực tế trường phổ thông và phong trào giáo dục ở địa phương (có ghi chép sổ thực tập); nắm vững các vấn đề cơ bản về hồ sơ chuyên môn của giáo viên tiểu học.	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Ghi chép và phân tích và nhận thức các nội dung về tìm hiểu trường MN và địa phương (nơi thực tập)	3	Hiểu trường phổ thông và địa phương (nơi thực tập)	Ở nhà	
Tự học, tự	Tìm hiểu về trường phổ thông	10	Nắm bắt những vấn	Thư viện, ở	

nghiên cứu	và địa phương (nơi thực tập)		đề cơ bản ở trường phổ thông và địa phương (nơi thực tập)	nhà	
	<b>Chủ đề 2</b> <b>Thực tập công tác chủ nhiệm</b>	<b>25</b>			
Lý thuyết	2.1. Tình hình chung về học tập, sức khỏe, đạo đức của trẻ trong lớp, của riêng các trẻ đặc biệt, cũng như các hoạt động khác của lớp học trong suốt thời gian thực tập, có ghi chép, nhận xét và đánh giá; 2.2. Tổ chức các buổi sinh hoạt lớp. Tổ chức các hoạt động giáo dục: Lao động, vui chơi, văn nghệ, thể dục, thể thao, dạo chơi, tham quan và kỷ niệm các ngày lễ truyền thống; 2.3. Phối hợp với phụ huynh học sinh, Hội phụ huynh, Đoàn thanh niên để làm tốt công tác giáo dục học sinh. (Chú ý: Chia nhóm CN: 3 giáo sinh, nhóm)	5	Nắm vững kiến thức về các vấn đề bên	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Phân tích các nội dung liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp ở mn	20	Nắm vững những vấn đề cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp	Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm lớp ở mn (nơi thực tập)	50	Nghiên cứu về công tác chủ nhiệm lớp ở mn	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3,4</b>	<b>30</b>			
	<b>Chủ đề 3</b> <b>Thực tập giảng dạy</b>	<b>25</b>			
Lý thuyết	3.1. Chia nhóm: 4 - 5 giáo sinh/nhóm. Mỗi nhóm có một Nhóm trưởng là giáo sinh có năng lực tổ chức, quản lý và học lực khá hơn trong nhóm. 3.2. Dự giờ mẫu: Ban chỉ đạo thực tập 2 của cơ sở xây dựng kế hoạch cho các nhóm chuyên môn dự 2 tiết dạy mẫu và soạn bài, làm đồ dùng giảng dạy, giảng tập, có giáo viên hướng dẫn tham dự, có rút kinh nghiệm để giáo sinh hoàn thiện bài giảng. 3.3. Thi giảng: Mỗi giáo sinh soạn và lên lớp giảng dạy 8 tiết.	5	Được soạn giáo án, tập giảng và thi giảng có đánh giá	Trên lớp	

	Sau giờ dạy có rút kinh nghiệm, đánh giá, cho điểm.				
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Soạn giáo án, tập giảng và thi giảng	20	Thực tập giảng dạy theo hướng dẫn của giáo viên phổ thông	Ở nhà	
Tự học, tự nghiên cứu	Thực hành giảng dạy các môn học ở Mầm non.	50	Soạn giáo án, tập giảng	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chủ đề 4</b> <b>Viết báo cáo thu hoạch</b>	<b>5</b>			
Lý thuyết	Báo cáo thu hoạch rút kinh nghiệm về 03 nội dung thực tập (tìm hiểu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường MN (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy) (chú ý: viết theo mẫu, trên khổ giấy A4, đóng bìa. Giáo viên hướng dẫn hoạt động Thực tập chủ nhiệm trực tiếp nộp báo cáo thu hoạch của giáo sinh cho Trưởng ban chỉ đạo thực tập cấp trường trước khi kết thúc đợt thực tập 2 ngày)	1	Nắm vững kiến thức và kỹ năng của thực hành nghề nghiệp vận dụng viết báo cáo theo quy định	Trên lớp	
Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thảo luận các nội dung về tìm hiểu hoạt động giảng dạy và giáo dục ở trường tiểu học (nơi thực tập), công tác chủ nhiệm lớp và thực tập giảng dạy, nội dung bài tập Tâm lý- GD	4	Nắm vững các nội dung thực tập theo quy định.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Thực hành các nội dung thực tập	10	Thực hiện các nội dung thực tập	Thư viện, ở nhà	

## 7. Tài liệu học tập

### 7.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên), Vũ Thị Lan Anh... (2009), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non*, Nxb ĐHSPT Hà Nội.

### 7.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thu Hương (Chủ biên) (2010). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề cho trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Bộ GD và đào tạo (2011), *Chương trình giáo dục mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

## 8. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2		8		10	10	30
2	2		8		10	10	30
3	2		8		10	10	30
4	2		8		10	10	30
5	2		8		10	10	30
6	2		8		10	10	30
<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>		<b>48</b>		<b>60</b>	<b>60</b>	<b>180</b>

### 9. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

- Hoạt động thực tập 2 của giáo sinh được đánh giá theo thang điểm 10 và xếp loại như sau:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/Không đạt	Xếp loại
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 đến 8,4	B <sup>+</sup>	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 đến 6,9	C <sup>+</sup>	2,5	Đạt	Trung Bình - Khá
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 đến 5,4	D <sup>+</sup>	1,5	Đạt	Trung bình
7	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình yếu
8	Từ 2,5 đến 3,9	F	0,5	Không đạt	Kém

Giáo viên hướng dẫn hoạt động thực tập giảng dạy chịu trách nhiệm tổng hợp và quyết định Điểm thực tập giảng dạy.

- Giáo viên hướng dẫn hoạt động thực tập chủ nhiệm chịu trách nhiệm tổng hợp, quyết định Điểm thực tập chủ nhiệm, chấm và cho Điểm báo cáo thu hoạch.

- Điểm ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện nội quy trong đợt thực tập do nhóm giáo sinh bình xét, giáo viên hướng dẫn hoạt động thực tập chủ nhiệm phối hợp với giảng viên là trưởng đoàn căn cứ quyết định cho điểm.

- Điểm tổng hợp thực tập 2 (TT2) là điểm trung bình cộng các nội dung thực tập: Báo cáo thu hoạch (BCTH) hệ số 1, Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL) hệ số 1, Thực tập làm chủ nhiệm lớp (CNL) hệ số 2, Thực tập giảng dạy (GD) hệ số 3.

$$[(BCTH \times 1) + (TCKL \times 1) + (CNL \times 2) + (GD \times 3)]$$

Điểm TT2 = \_\_\_\_\_

- Giáo sinh vắng mặt quá 20% thời gian quy định của đợt thực tập 2, sẽ không được xét đánh giá kết quả thực tập 2. Những giáo sinh này phải thực tập lại theo kế hoạch thực tập 2 của khoá học tiếp theo vào năm sau.

\* Chú ý:

1) Điểm thực tập làm chủ nhiệm lớp là điểm trung bình cộng các điểm thực tập làm chủ nhiệm lớp của mỗi tuần thực tập.

2) Điểm thực tập giảng dạy là điểm trung bình cộng của điểm của 8 tiết giảng.

### **10. Hồ sơ thực tập**

- Trưởng đoàn thực tập nộp Hồ sơ thực tập 2 về phòng Đào tạo sau 02 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thực tập 2, bao gồm:

+ Báo cáo tổng kết đợt thực tập 2 (*Do trưởng đoàn viết, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo tại trường thực tập*).

+ Tổng hợp kết quả thực tập 2 (*Do trưởng đoàn Thực tập lập, ký, ghi rõ họ tên và phải có chữ ký đóng dấu xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo Thực tập tại trường thực tập*).

+ Kế hoạch chi tiết của toàn đợt thực tập 2.

+ Các bài soạn dự giờ và giáo án lên lớp của giáo sinh.

+ Báo cáo thu hoạch đã chấm điểm.

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

**1. Thông tin về giảng viên**

**Giảng viên thứ nhất**

- Họ và tên: Phạm Thị Xuân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại, email: 01698 474905; [xuandungcdsptq@gmail.com](mailto:xuandungcdsptq@gmail.com)
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

**Giảng viên thứ hai**

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ - Giảng viên.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Văn phòng khoa GDMN.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN Trường ĐH Tân Trào
- Điện thoại: 0914786357; Email: [thuthuy@gmail.com](mailto:thuthuy@gmail.com).
- Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

**2. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
- Mã học phần: MN2.1.028.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc: có
  - + Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục mầm non 1; Giáo dục mầm non 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 28 giờ
  - + Bài tập, thảo luận trên lớp: 2 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
  - + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về khái niệm, quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hoá; nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi và giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt. Định hướng cho sinh viên kỹ năng học tập, nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu kiến thức có liên quan đến môn học. Phát huy tính tích cực trong việc tự học, tự tìm hiểu, tự nghiên cứu. Giáo dục sinh viên có thái độ ứng xử văn minh, có hành vi mẫu mực trong giao tiếp; tích cực trong việc vận dụng những kiến thức của học phần vào việc chăm sóc, giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Hiểu được một số vấn đề chung gồm: khái niệm về hành vi; khái niệm về hành vi văn hóa và các loại hành vi văn hóa.
CĐR 2	Hiểu biết về quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa: Sự hình thành và phát triển hành vi trong bậc thang tiến hóa; các trình độ hành vi của người; tự ý thức và sự xuất hiện hành vi văn hóa; đặc điểm phát triển hành vi của trẻ mẫu giáo.
CĐR 3	Hiểu và phân tích được các nguyên tắc và nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi
CĐR 4	Hiểu và vận dụng được các phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi gồm: Phương pháp dùng tình cảm; phương pháp dùng tác phẩm nghệ thuật; phương pháp dùng trò chơi; phương pháp luyện tập thường xuyên; phương pháp tạo dựng môi trường; phương pháp làm gương cho trẻ noi theo; hương pháp khen chê; phương pháp thống nhất tác động; phương pháp lấy trẻ làm trung tâm.

CĐR 5	Hiểu và biết cách giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt như: trẻ khuyết tật; trẻ có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ có hành vi lệch lạc; trẻ phát triển sớm.
<b>Về kĩ năng</b>	
CĐR 6	Hình thành kĩ năng học tập, nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu những kiến thức có liên quan đến môn học.
CĐR 7	Hình thành kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát những kiến thức đã học để làm cơ sở cho việc nghiên cứu trong những nội dung tiếp theo.
CĐR 8	Hình thành kĩ năng liên hệ thực tiễn, kĩ năng khai thác, vận dụng những kiến thức đã học vào việc chăm sóc và giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
<b>Về thái độ</b>	
CĐR 9	Có động tích cực trong học tập, chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu.
CĐR 10	Có thói quen, có thái độ tích cực trong làm việc theo nhóm
CĐR 11	Có có thái độ ứng xử văn minh, có hành vi mẫu mực trong giao tiếp; tích cực vận dụng kiến thức đã học được vào quá trình chăm sóc và giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

### 5. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức					Kỹ năng			Thái độ, năng lực tự chủ		
							Cứng		Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
Chương 1 Khái niệm chung về hành vi văn hóa	Khái niệm về hành vi	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Khái niệm về hành vi văn hóa	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3
	Các loại hành vi văn hóa	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3

Chương 2 Quá trình hình thành và phát triển hành vi trong văn hóa	Sự hình thành và phát triển hành vi trong bậc thang tiến hóa.	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Các trình độ hành vi của người	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Tự ý thức và sự xuất hiện hành vi văn hóa	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	Đặc điểm phát triển hành vi của trẻ mẫu giáo.	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3 Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi	Nguyên tắc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi.	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
	Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	3
Chương 4 Phương pháp giáo dục hành vi văn hóa	Phương pháp dùng tình cảm để	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3

cho trẻ dưới 6 tuổi	giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ											
	Phương pháp dùng tác phẩm nghệ thuật	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp dùng trò chơi	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp luyện tập thường xuyên	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp tạo dựng môi trường	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp làm gương cho trẻ noi theo	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp khen chê	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp thống nhất tác động	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3
	Chương 5	Đối với	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2

Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt	trẻ khuyết tật											
	Đối với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Đối với trẻ có hành vi lệch lạc	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3
	Đối với trẻ phát triển sớm											

*Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2- Có đóng góp; 3- Đóng góp nhiều*

**6. Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về:

- a, Khái niệm chung về hành vi văn hóa
- b, Quá trình giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non.
- c, Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi
- d, Phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi.
- đ, Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt

**7. Nội dung chi tiết học phần**

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với Sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Chương 1</b> <b>Khái niệm chung về hành vi văn hóa</b>				
Lý thuyết	1.1, Khái niệm về hành vi 1.2, Khái niệm về hành vi văn hóa 1.3, Các loại hành vi văn hóa	<b>4</b>	Học học liệu số 1: Chương 1 (các mục 1.1- 1.3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4,5.	Trên lớp	

Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 2</b>					
<b>Quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa</b>					
Lý thuyết	2.1, Sự hình thành và phát triển hành vi trong bậc thang tiến hóa. 2.2, Các trình độ hành vi của người. 2.3 Tự ý thức và sự xuất hiện hành vi văn hóa. 2.4 Đặc điểm phát triển hành vi của trẻ mẫu giáo.	6	Học học liệu số 1: Chương 2 (các mục 2.1- 2.4) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4,5.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 3</b>					
<b>Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi</b>					
Lý thuyết	3.1 Nguyên tắc giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi. 3.2 Nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi	05	Học học liệu số 1: Chương III (các mục 3.1- 3.2) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4,5.	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
<b>Chương 4</b>					
<b>Phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi</b>					
	4.1 Phương pháp dùng tình cảm để giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ	10	Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1- 4.9) và	Trên lớp	

Lý thuyết	<p>4.2 Phương pháp dùng tác phẩm nghệ thuật</p> <p>4.3 Phương pháp dùng trò chơi</p> <p>4.4 Phương pháp luyện tập thường xuyên</p> <p>4.5 Phương pháp tạo dựng môi trường</p> <p>4.6 Phương pháp làm gương cho trẻ noi theo</p> <p>4.7 Phương pháp khen chê</p> <p>4.8 Phương pháp thống nhất tác động</p> <p>4.9 Phương pháp lấy trẻ làm trung tâm</p>		tham khảo các tài liệu số 2,3,4,5.		
Thực hành	Sử dụng các phương pháp để hình thành một loại hành vi văn hóa của trẻ cho một trẻ mẫu giáo ( Tùy chọn) . Ghi chép lại cách làm và kết quả đạt được, nêu rõ mặt được và chưa được, tìm ra nguyên nhân.	2	Học học liệu số 1: Chương 4 (các mục 1- 3) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4,5	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	15	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 5</b> <b>Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt</b>				
Lý thuyết	<p>5.1 Đối với trẻ khuyết tật</p> <p>5.2 Đối với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>5.3 Đối với trẻ có hành vi lệch lạc</p> <p>5.4 Đối với trẻ phát triển sớm</p>	3	Học học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1- 5.4) và tham khảo các tài liệu số 2,3,4	Trên lớp	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau.	10	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập



### 8.1 Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Ánh Tuyết; (2008), *Giáo trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em*; NXB ĐHSP

### 8.2 Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Thị Phương; (2004), *Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non*; NXB ĐHSP

[3] Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*; NXB ĐHSP.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				4		6
2	2				4		6
3	2				4		6
4	2				4		6
5	2				4		6
6	2				4		6
7	2				4		6
8	2				4		6
9	2				4		6
10	2				4		6
11	2				4		6
12	2				4		6
13	1		1		4		6
14	1		1		4		6
15	2				4		6
<b>Tổng cộng</b>	28		2		60		90

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1, chương 2, chương 3 (4 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 4, 5 (6 điểm)	90'	10	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**



- + Bài tập, thảo luận trên lớp: 10 giờ (trong quỹ thời gian học lý thuyết)
- + Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần:
- + Bộ môn: Giáo dục mầm non.
- + Khoa: Giáo dục mầm non

### 3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản về khái niệm giáo dục tích hợp; những nét đặc trưng và cơ sở tiếp cận của giáo dục tích hợp. Các quan điểm và cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non. Cung cấp các khái niệm, vai trò, yêu cầu, phương pháp, hình thức, các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Hình thành một số kỹ năng nghiên cứu, thiết kế các chủ đề dạy học ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Có kỹ năng vận dụng các phương pháp, hình thức giáo dục tích hợp theo chủ đề để tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non. Giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ, tích cực tìm tòi, sáng tạo vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm giúp trẻ dễ dàng tìm hiểu và khám phá những chủ đề hấp dẫn ở trường mầm non.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần:

#### **TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THEO HƯỚNG TÍCH HỢP**

**Mã học phần: MN2.1.018.3**

<b>Mã CĐR</b>	<b>Nội dung CĐR</b>
<b>Về kiến thức</b>	
CĐR 1	Sinh viên hệ thống được tri thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc của việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non;
CĐR 2	Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản liên quan đến Ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình, cách đánh giá việc sử dụng môi trường giáo dục mầm non.
CĐR 3	Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, nội dung của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
CĐR 4	Vận dụng được các vấn đề cơ bản liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	

CĐR 5	Có kỹ năng lập các loại kế hoạch để thực hiện chương trình. Thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề.
CĐR 6	Có kỹ năng thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Biết các tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động.
CĐR 7	Có kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 9	Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.
CĐR10	Có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được học để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 11	Có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CĐR 12	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CĐR 13	Có khả năng tự học và thái độ tích cực trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non  Có kỹ năng nghề nghiệp: Có tình cảm chân thành, yêu nghề, mến trẻ.

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần:

NỘI DUNG HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
CHƯƠNG	KIẾN THỨC	Kiến thức				Kỹ năng					Thái độ, năng lực tự chủ		
						Cứng			Mềm				
		CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	CĐ R12
<b>Chương 1. Giáo dục tích hợp</b>	I. Sự cần thiết phải tiếp cận với giáo dục tích hợp	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2

	II. Khái niệm về giáo dục tích hợp và những nét đặc trưng của nó	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
	III. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục tích hợp	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
	IV. Những cơ sở tiếp cận giáo dục tích hợp	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
	V. Một số cách tích hợp các môn học	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
<b>Chương 2. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</b>	I. Ý nghĩa và mục tiêu của việc tích hợp trong giáo dục mầm non	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
	II. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	III. Cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở bậc mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	IV. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
<b>Chương 3 Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</b>	I. Sự cần thiết của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	II. Khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	III. Một số yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

IV. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
V. Một số hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
VI. Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 – Không đóng góp – Có đóng góp 3 – Đóng góp nhiều

**Tóm tắt nội dung học phần.** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về

a) Giáo dục tích hợp

b) Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non

## 6. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1</b>		<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Giáo dục tích hợp</b>	9			
Lý thuyết	1.1. Sự cần thiết phải tiếp cận với giáo dục tích hợp 1.2. Khái niệm về giáo dục tích hợp và những nét đặc trưng của nó 1.2.1. Khái niệm về giáo dục tích hợp 1.2.2. Những đặc trưng của giáo dục tích hợp 1.3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục tích hợp 1.3.1. Nội dung 1.3.2. Kỹ năng 1.3.3. Mục tiêu 1.3.4. Năng lực 1.4. Những cơ sở tiếp cận giáo dục tích hợp		Học học liệu số 1: chương I(các mục I-V); học liệu số 3 (phần I)	Trên lớp	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.4.1. Một số lý thuyết về quá trình học tập 1.4.2. Một số trào lưu sư phạm và những đóng góp của nó đối với giáo dục tích hợp 1.5. Một số cách tích hợp các môn học 1.5.1. Một số quan niệm về môn học và cách tiếp cận giáo dục tích hợp 1.5.2. Các cách tích hợp ứng dụng chung cho nhiều môn học				
	<b>Chương 2. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</b>	4			
	2.1. Ý nghĩa và mục tiêu của việc tích hợp trong giáo dục mầm non 2.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non		Học học liệu số 1: chương II(các mục I;II); học liệu số 2: Phần II, chương I.	Trên lớp	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 1;2;3;4 trong phần câu hỏi ôn tập chương I; học liệu 1. Tham khảo trong các học liệu khác	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 2: Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non</b>	8			
Lý thuyết	2.3. Cơ sở khoa học của giáo dục tích hợp ở bậc mầm non 2.3.1. Cơ sở xã hội 2.3.2. Cơ sở tâm – sinh lí của trẻ mầm non 2.3.3. Dựa trên một số quan điểm giáo dục trẻ em 2.4. Chương trình giáo dục mầm non theo hướng tích hợp 2.4.1. Khái niệm về chương trình giáo dục mầm non 2.4.2. Cấu trúc của chương trình giáo dục mầm non 2.4.3. Thiết kế chương trình giáo dục mầm non theo quan		Học học liệu số 1: chương II(các mục III;IV); học liệu số 2: Phần II, chương I.	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	điểm tích hợp 2.4.4. Vài nét khái quát về chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non của một số nước trên thế giới, trong khu vực và ở trong nước				
	<b>Chương 3: Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</b>	5			
	3.1. Sự cần thiết của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non 3.2. Khái niệm về tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non 3.3. Một số yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non 3.4. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non 3.4.1. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề 3.4.2. Các nhóm phương pháp thường sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non		Học học liệu số 1: chương III(các mục I;II;III;IV); học liệu số 2: Phần II, chương I.	Trên lớp	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 3;4;5;6;7 trong phần câu hỏi ôn tập chương II; học liệu 1. Tham khảo trong các học liệu khác	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Tín chỉ 3</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 3: Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo</b>	9			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>chủ đề cho trẻ ở trường mầm non</b>				
Lý thuyết	<p>3.5. Một số hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non</p> <p>3.5.1. Tổ chức cho trẻ được hoạt động theo chủ đề có sự hướng dẫn của giáo viên dưới nhiều hình thức khác nhau: cá nhân, theo nhóm</p> <p>3.5.2. Trẻ tự tổ chức các hoạt động mà trẻ thích dưới nhiều hình thức khác nhau theo nhóm nhỏ, nhóm vừa, cả tập thể lớp...</p> <p>3.6. Các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non</p> <p>3.6.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>3.6.2. Giai đoạn triển khai thực hiện hoạt động giáo dục theo chủ đề</p> <p>3.6.3. Đánh giá kết quả hoạt động của trẻ theo chủ đề</p> <p>3.7. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề</p> <p>3.8. Tổ chức một số hoạt động giáo dục cụ thể cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp</p> <p>3.8.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.8.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em lứa tuổi ấu nhi</p> <p>3.8.3. Tổ chức hoạt động cho trẻ học</p> <p>3.8.4. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo</p>		Học học liệu số 1: chương III (các mục V;VI;VII;VIII). Học học liệu số 3: phần 3;4;5.	Lớp học	
Thảo luận	Thảo luận về các nội dung tại mục 1;2;3;4 trong phần câu hỏi ôn tập chương III; học liệu 1. Tham khảo trong các học liệu khác	2	Nắm vững lý thuyết để vận dụng trong hoạt động thảo luận	Lớp học	
Bài tập	-Làm bài tập tại mục 5;6;7 trong phần câu hỏi ôn tập chương III; học liệu 1. -Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở	4	Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	trường mầm non				
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phân lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập ở các chương sau	30	Trả lời các câu hỏi sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Hòa (2013), *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB ĐHSP.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Hòa (2013), *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP.

[3]. Phạm Thị Mai Chi (2008), *Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo theo hướng tích hợp chủ đề*, NXB GD.

## 9. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (tiết)		Tổng
	Lý thuyết cơ bản	Minh họa, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmin, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	3				3	3	9
2	3				3	3	9
3	3				3	3	9
4	1			2	3	3	9
5	3				3	3	9
6	3				3	3	9
7	3				3	3	9
8	3	1			3	3	9
9	1			2	3	3	9
10	3				3	3	9
11	3				3	3	9
12	1			2	3	3	9
13	1		2		3	3	9
14	3				3	3	9
15	1		2		3	3	9
<b>Tổng cộng</b>	35	1	4	6	45	45	135

## 10. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

### 11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá học phần

**11.1.** Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành; chuyên cần: 10%

**11.2.** Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết, vào tuần 8, do giảng viên tổ chức): 30%

**11.3.** Thi hết môn học: 60%

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Yêu cầu số đề	Dự trữ kinh phí/bộ đề thi+đáp án
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 1: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1, chương 2: (2 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3: (3 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 2, chương 3: (3 điểm)	90'	15	

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### Tiếng Việt và Văn học

#### 1. Thông tin về giảng viên

##### Giảng viên thứ nhất

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính; Văn phòng Khoa Khoa học Cơ bản
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa Khoa học Cơ bản - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0969239863. - Email: huongthu688@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn học, Tiếng Việt, Lí luận và phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt, các học phần Ngữ văn nói chung.

##### Giảng viên thứ hai

- Họ và tên: Trần Thị Lâm Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính, Khoa Văn hóa - Du lịch
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Văn hóa - Du lịch - Trường Đại học Tân Trào
- Điện thoại: 0974582089 - Email: lamhuyen.hungthanh@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn học Việt Nam; Văn hóa Tuyên Quang, Văn học Tuyên Quang; Văn hóa Việt Nam; Phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên ngành Ngữ văn

#### 2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt và Văn học
- Mã học phần: XH2.1.051.2
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần:
  - + Bắt buộc (thi tốt nghiệp)
  - + Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành; Văn học trẻ em

- Tiết tin chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 14 tiết
  - + Kiểm tra trên lớp: 01 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 15 tiết
  - + Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
  - + Bộ môn: Ngữ văn.
  - + Khoa: Khoa học Xã hội và Nhân văn.

### 3. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về việc sử dụng tiếng Việt khi nghe, nói, đọc, kể, tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu cho trẻ Mầm non; Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về văn học viết cho trẻ em, thơ do trẻ em viết, văn học trẻ em nước ngoài và vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Về kỹ năng: Sinh viên có các kỹ năng sử dụng tiếng Việt cơ bản: nghe, nói, đọc, kể, tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu trong dạy học cho trẻ Mầm non và trong giao tiếp; Sinh viên có kỹ năng cảm thụ, đọc, kể và phân tích tác phẩm văn học trẻ em theo thể loại.

- Về thái độ: Sinh viên có ý thức rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt cơ bản: nghe, nói, đọc, kể, tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu trong giao tiếp, học tập và công tác tại trường Mầm non sau này; Sinh viên biết trân trọng văn học trẻ em và có ý thức tìm hiểu văn học trẻ em.

### 4. Chuẩn đầu ra

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Hiểu những kiến thức cơ bản về việc sử dụng tiếng Việt khi nghe, nói, đọc, kể;
CDR 2	Hiểu cách tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu cho trẻ Mầm non;
CDR 3	Hiểu những kiến thức cơ bản về văn học viết cho trẻ em, thơ do trẻ em viết, văn học trẻ em nước ngoài và vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non..
<b>Về kỹ năng</b>	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, kể
CDR 5	Biết cách tạo lập văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, đặt câu cho trẻ mầm non

Kĩ năng mềm	
CDR 6	Biết ứng dụng kiến thức văn học viết cho trẻ em, thơ do trẻ em viết, văn học nước ngoài vào học tập và giảng dạy sau này; vận dụng vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc GD trẻ dân gian vào các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non.
Về thái độ, năng lực tự chủ	
CDR 7	Biết trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; sưu tầm và tìm hiểu văn học trẻ em Việt Nam và nước ngoài.
CDR 8	Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
CDR 9	Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.
CDR 10	Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.

## 5. Ma trận kĩ năng

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	Cứng		Mềm	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
					C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6				
Chương 1. Luyện kĩ năng nghe - nói	Mục đích, yêu cầu rèn kĩ năng nghe - nói	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Một số hình thức nghe nói	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Luyện kĩ năng nói	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
	Luyện kĩ năng nghe	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1
Chương 2. Rèn luyện kĩ năng dùng từ	Vài nét về từ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Chữa các lỗi thông thường về dùng từ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 3. Rèn luyện kĩ năng đặt câu	Những yêu cầu chung về câu trong văn bản.	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Chữa các lỗi thông thường về câu	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 4. Luyện kĩ năng xây dựng văn bản nói	Mục đích yêu cầu của việc rèn kĩ năng xây dựng văn bản nói đối với giáo viên mầm non	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Văn bản miêu tả	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Văn bản tường thuật	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Văn bản kể chuyện	1	2	2	2	1	1	2	1	1	1
Chương 5. Văn học viết cho trẻ em	Khái quát tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam Giới thiệu một số tác giả: Võ Quảng; Tô Hoài; Phạm Hồ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1

Nội dung học phần		Chuẩn đầu ra									
Chương	Kiến thức	Kiến thức			Kĩ năng			Thái độ, năng lực tự chủ			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	Cứng		Mềm	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10
					C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6				
	5.3. Phân tích một số tác phẩm văn học cụ thể của 3 tác giả đã chọn giới thiệu	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 6. Thơ do trẻ em viết	Trẻ em với thơ ca	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Thơ của trẻ em những năm chống Mỹ	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Trần Đăng Khoa	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Phân tích một số bài thơ do trẻ em sáng tác	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
Chương 7. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho lứa tuổi mầm non	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện.	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1
	Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	1	2	1	2	1	1	2	1	1	1

**6. Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: rèn kỹ năng đọc diễn cảm, rèn kỹ năng nghe - nói; rèn kỹ năng kể chuyện, rèn kỹ năng tạo lập các văn bản nói, chữa lỗi dùng từ, câu; trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học viết cho trẻ em, thơ do trẻ em viết, văn học trẻ em nước ngoài và vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; kỹ năng cảm thụ, đọc, kể và phân tích tác phẩm văn học trẻ em theo thể loại.

### 7. Nội dung chi tiết học phần

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1</b> <b>Luyện kĩ năng nghe - nói</b>	<b>03</b>			
Lí thuyết	1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kĩ năng nghe - nói 1.1.1. Đối với giáo viên 1.1.2. Đối với trẻ trong độ tuổi mầm non. 1.2. Một số hình thức nghe nói 1.2.1. Đơn thoại 1.2.2. Hội thoại 1.3. Luyện kĩ năng nói 1.3.1. Những điều kiện để nói có kết quả	02	Học học liệu số 1 (chương 1, từ mục 1.1-1.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	



Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	1.3.2. Chuẩn bị bài nói 1.3.3. Thực hiện bài nói (giao tiếp) 1.4. Luyện kỹ năng nghe 1.4.1. Các hình thức nghe 1.4.1.1. Nghe trong đơn thoại 1.4.1.2.. Nghe trong hội thoại 1.4.2. Những điều kiện để nghe có kết quả 1.4.3. Cách nghe 1.4.4. Một số kỹ năng cần luyện trong khi nghe				
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về nghe - nói có hiệu quả để thực hiện bài tại lớp tập nghe, nói theo yêu cầu của GV	01	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được lí thuyết về nghe - nói	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	5	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2</b> <b>Rèn luyện kỹ năng dùng từ</b>	<b>03</b>			
Lí thuyết	3.1. Vài nét về từ 3.1.1. Cấu tạo từ tiếng Việt 3.1.2. Nghĩa của từ 3.1.3. Các loại trường nghĩa 3.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ 3.2.1. Lập từ. 3.2.2. Dùng từ sai hình thức ngữ âm 3.2.3. Dùng từ sai phong cách 3.2.4. Dùng sai nghĩa từ.	01	Học học liệu số 1 (chương 3, từ mục 3.1-3.2); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về từ, chữa lỗi thông thường về từ để thực hiện bài tại lớp chữa các lỗi dùng từ theo yêu cầu của GV	02	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được lí thuyết về từ	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	5	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 3</b> <b>Rèn luyện kỹ năng đặt câu</b>	<b>03</b>			
Lí thuyết	4.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản. 4.1.1. Câu cần cấu tạo đúng quy tắc ngữ pháp tiếng việt.	01	Học học liệu số 1 (chương 4, từ mục 4.1-4.4); tham khảo học	Lớp học	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	4.1.2. Câu cần đúng về nội dung ý nghĩa. 4.1.3. Câu phải được đánh dấu câu thích hợp. 4.2. Chữa các lỗi thông thường về câu		liệu số 2,3,4,5,6.		
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về câu để thực hiện bài tại lớp tập đặt câu, chữa lỗi câu theo yêu cầu của GV	02	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được lí thuyết về câu	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để hoàn thành bài tập.	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 4</b> <b>Luyện kĩ năng xây dựng văn bản nói</b>	<b>05</b>			
Lý thuyết	5.1. Mục đích yêu cầu của việc rèn kĩ năng xây dựng văn bản nói đối với giáo viên mầm non 5.1.1. Mục đích 5.1.2. Yêu cầu 5.2. Văn bản miêu tả 5.2.1. Khái niệm văn bản miêu tả. 5.2.2. Đặc điểm chung của văn miêu tả. 5.2.3. Một số kiểu bài văn miêu tả 5.2.4. Luyện kĩ năng xây dựng văn bản miêu tả. 5.3. Văn bản tường thuật 5.3.1. Khái niệm văn tường thuật 5.3.2. Luyện kĩ năng xây dựng văn bản tường thuật. 5.4. Văn bản kể chuyện 5.4.1. Khái niệm văn kể chuyện 5.4.2. Luyện kĩ năng xây dựng văn bản kể chuyện	02	Học học liệu số 1 (chương 5, từ mục 5.1-5.4); tham khảo học liệu số 2,3,4,5,6.	Lớp học	
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về kĩ năng xây dựng văn bản nói để thực hiện bài tại lớp tập xây dựng văn bản thuộc thể loại theo yêu cầu của GV	03	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được lí thuyết về xây dựng văn bản	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần lí thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng hoàn thành bài tập	10	Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.	Thư viện, ở nhà	
Kiểm tra	<b>Kiểm tra giữa kì</b>	<b>01</b>			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 2</b>	<b>15</b>			
	<b>Chương 1. Văn học viết cho trẻ em</b>	<b>06</b>			
	<p>1.1. Khái quát tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời kì trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li> <li>- Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975.</li> <li>- Từ sau 1975 đến nay.</li> </ul> <p>1.2. Giới thiệu một số tác giả: Võ Quảng; Tô Hoài; Phạm Hồ (Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, nội dung và đặc sắc nghệ thuật trong thơ văn viết cho thiếu nhi)</p> <p>1.3. Phân tích một số tác phẩm văn học cụ thể của 3 tác giả đã chọn giới thiệu</p>	03			
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về văn học viết cho trẻ em để thực hiện bài tại lớp tập phân tích một số tác phẩm viết cho thiếu nhi theo yêu cầu của GV	03	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được kiến thức về văn học viết cho thiếu nhi	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6.	10	Hiểu tình hình sáng tác văn học cho trẻ em ở Việt Nam qua các thời kì, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu.	Thư viện, ở nhà	
	<b>Chương 2. Thơ do trẻ em viết</b>	<b>06</b>			
	<p>2.1. Trẻ em với thơ ca</p> <p>2.2. Thơ của trẻ em những năm chống Mỹ</p> <p>2.3. Trần Đăng Khoa</p> <p>2.4. Phân tích một số bài thơ do trẻ em sáng tác: <i>Chú giải phóng quân</i>, (<i>Cầm Thơ</i>). <i>Tết đang vào nhà</i> (Nguyễn Hồng Kiên), <i>Mưa</i>, <i>Hạt gạo làng ta</i>, <i>Trăng ơi từ đâu đến</i> (Trần Đăng Khoa).</p>	03			
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về thơ do trẻ em viết để thực hiện bài tại lớp tập phân tích một số tác phẩm do thiếu nhi sáng tác theo yêu cầu của GV	03	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được kiến thức về thơ do trẻ em viết	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 2, 3, 4, 5.	10	Hiểu tình hình sáng tác trẻ em Việt Nam sáng tác thơ; một số	Thư viện, ở nhà	

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết/giờ	Yêu cầu đối với sinh viên	Thời gian, địa điểm	Ghi chú
			tác giả nhỏ tuổi và những tác phẩm tiêu biểu.		
	<b>Chương 3. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</b>	<b>03</b>			
	<b>4.1. Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho lứa tuổi mầm non</b> <b>4.2. Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện.</b> 4.3. Vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	02			
Bài tập	Vận dụng lí thuyết về vai trò của văn học thiếu nhi để thực hiện bài tại lớp tập phân tích vai trò của văn học thiếu nhi tác động đến việc giáo dục thiếu nhi, lứa tuổi mầm non theo yêu cầu của GV	01	Bài tập vận dụng lí thuyết; SV cần nắm được kiến thức về vai trò của văn học thiếu nhi	Lớp học	
Tự học, tự nghiên cứu	Đọc các phần nội dung tương ứng với kiến thức của chương trong học liệu số 1, 6.	10	Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho trẻ mầm non; vai trò của văn học thiếu nhi đối với trẻ lứa tuổi mầm non.	Thư viện, ở nhà	

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2008), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[2] Lã Thị Bắc Lý (2005), *Giáo trình văn học trẻ em*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ giáo dục và Đào tạo (2007), *Tiếng Việt thực hành*, Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[3] Lê Thị Thu Hương(2001), *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện mẫu giáo* (ba tập), Nxb GD, Hà Nội.

[5] Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh (2001), *Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt và mở rộng vốn từ Hán Việt*, Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ CĐSP và 12 + 2 - Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6] Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2001), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[7] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 3 - 4 tuổi*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[8] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 4 - 5 tuổi*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[9] Lê Thu Hương (chủ biên) (2010), *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề, Trẻ 5 - 6 tuổi*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[10] Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2001), *Đại cương văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11] Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Kế hoạch giảng dạy cụ thể

Tuần	Giảng viên lên lớp (tiết)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)		Tổng
	Lí thuyết cơ bản	Minh hoạ, ôn tập, kiểm tra	Thực hành, bài tập	Xêmina, thảo luận	Chuẩn bị tự đọc	Bài tập ở nhà, bài tập lớn	
1	2				2	2	6
2	1		1		2	2	6
3			2		2	2	6
4	1		1		2	2	6
5	1		1		2	2	6
6	1		1		2	2	6
7			2		2	2	6
8	1	1			2	2	6
9	2				2	2	6
10			2		2	2	6
11	1		1		2	2	6
12	2				2	2	6
13			2		2	2	6
14	1		1		2	2	6
15	1		1		2	2	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

## 8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần: Phòng học có projector.

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Đọc trước các phần lý thuyết trước khi đến lớp, tham gia học tập trên lớp ít nhất 80% thời gian học, chuẩn bị tốt bài ở nhà theo quy định và yêu cầu của giảng viên.

## 9. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

**9.1.** Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

**9.2.** Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận (xemina), điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

**9.3.** Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Hình thức thi	Cấu trúc đề thi	Thời gian làm bài	Số lượng đề
Tự luận	Câu 1: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (2 điểm) Câu 2: Với nội dung thuộc tín chỉ 1: (3 điểm) Câu 3: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (2 điểm) Câu 4: Với nội dung thuộc tín chỉ 2: (3 điểm)	60 phút	Theo yêu cầu của phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 09 năm 2016*

**KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**TỔ SOẠN THẢO ĐCCTHP**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**TỔ TRƯỞNG**

**Th.s. Vũ Thị Kiều Trang**

**Th.s. Phạm Thị Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Khải Hoàn**